ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

PGS.TS. NGUYỄN TẤN HÙNG - NGƯT. PGS.TS. LÊ HỮU ÁI
(Đồng chủ biên)

GIÁO TRÌNH

CÁC TÁC PHẨM KINH ĐIỂN TRIẾT HỌC CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN VÀ V.I. LÊNIN

(DÙNG CHO ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH TRIẾT HỌC)

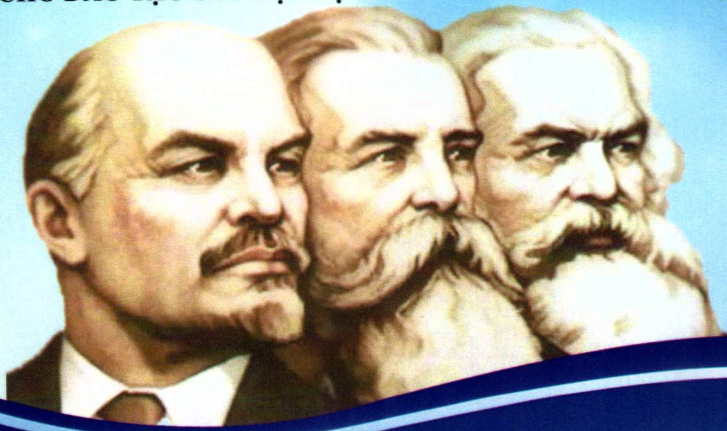

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

PGS.TS. NGUYỄN TẤN HÙNG - NGƯT. PGS.TS. LÊ HỮU ÁI
(Đồng chủ biên)

GIÁO TRÌNH
CÁC TÁC PHẨM KINH ĐIỂN TRIẾT HỌC CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN VÀ V.I. LÊNIN

(DÙNG CHO ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CHUYÊN NGÀNH TRIẾT HỌC)

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ

- **Nguyễn Tấn Hùng**, Phó Giáo sư, tiến sĩ triết học, sinh năm 1946 tại Thăng Bình, Quảng Nam, nguyên là Chủ nhiệm Khoa Mác - Lênin (nay là Khoa Lý luận chính trị) Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng.

ĐTDĐ: 0914030678. Email: ngthung46@gmaicom

- **Lê Hữu Ái**, Phó Giáo sư, tiến sĩ triết học, Nhà giáo ưu tú, sinh năm 1960 tại Hưng Nguyên, Nghệ An, hiện là Chủ nhiệm Khoa Lý luận chính trị Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, số 71 Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

ĐTDĐ: 0903533123. Email: lehuuaidhdn@gmaicom

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 1

PHẦN MỞ ĐẦU

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN, MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN VÀ V.I. LÊNIN QUA CÁC TÁC PHẨM

I- KHÁI LƯỢC TIỂU SỬ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN 4

II- KHÁI LƯỢC VỀ TIỂU SỬ VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA LÊNIN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC 13

III- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC 17

PHẦN A

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN

CHƯƠNG 1

CÁC TÁC PHẨM CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN TRONG THỜI GIAN 1842-1844

1.1. TÁC PHẨM "GÓP PHẦN PHÊ PHÁN TRIẾT HỌC PHÁP QUYỀN CỦA HÊGHEN" 24

1.2. TÁC PHẨM BẢN THẢO KINH TẾ - TRIẾT HỌC NĂM 1844 35

CHƯƠNG 2
CÁC TÁC PHẨM TRIẾT HỌC CỦA MÁC VÀ ĂNGGHEN TRONG THỜI GIAN 1845-1848
2.1. TÁC PHẨM "LUẬN CƯƠNG VỀ PHOIƠBAC" 46
2.2. TÁC PHẨM "HỆ TƯ TƯỞNG ĐỨC" 50
2.3. TÁC PHẨM "NHỮNG NGUIYÊN LÝ CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN" 64
2.4. TÁC PHẨM "TUYÊN NGÔN ĐẢNG CỦA CỘNG SẢN" 71
CHƯƠNG 3
CÁC TÁC PHẨM CỦA MÁC VÀ ĂNGGHEN THỜI GIAN SAU NĂM 1848
3.1. TÁC PHẨM "TƯ BẢN. PHÊ PHÁN KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ" 90
3.2. TÁC PHẨM "CHỐNG ĐUYRINH" 115
3.3. TÁC PHẨM "BIỆN CHỨNG CỦA TỰ NHIÊN" 136
3.4. TÁC PHẨM "NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC" 150
3.5. TÁC PHẨM "LÚTVÍCH PHOIƠBAC VÀ SỰ CÁO CHUNG CỦA TRIẾT HỌC CỔ ĐIỂN ĐỨC" 159
PHẦN B
TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA V.I.LÊNIN
CHƯƠNG 4
CÁC TÁC PHẨM CỦA V.I. LÊNIN TRƯỚC CÁCH MẠNG 1905-1907

4.1. TÁC PHẨM "NHỮNG 'NGƯỜI BẠN DÂN' LÀ THẾ NÀO VÀ HỌ ĐẤU TRANH CHỐNG NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI RA SAO?" 178
4.2. TÁC PHẨM "LÀM GÌ?" (NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH TRONG PHONG TRÀO CỦA CHÚNG TA)..... 184
CHƯƠNG 5
CÁC TÁC PHẨM CỦA V.I LÊNIN TRONG THỜI GIAN 1907-1917
5.1. TÁC PHẨM "CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM PHÊ PHÁN" 189
5.2. TÁC PHẨM "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC – 209
5.3. TÁC PHẨM "BÚT KÝ TRIẾT HỌC" 222
CHƯƠNG 6
CÁC TÁC PHẨM CỦA LÊNIN SAU CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI 1917
6.1. TÁC PHẨM "VỀ BỆNH ẤU TRĨ TẢ KHUYNH VÀ TÍNH TIỂU TƯ SẢN" 250
6.2. TÁC PHẨM "NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN" 259
6.3. TÁC PHẨM "BÀN VỀ THUẾ LƯƠNG THỰC"..... 269
KẾT LUẬN..... 279
TÀI LIỆU THAM KHẢO 283

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo trình *Các tác phẩm kinh điển triết học của Mác, Ăngghen và Lênin* ra đời trên cơ sở chỉnh lý, bổ sung Bài giảng *"Phân tích tư tưởng triết học của Mác, Ăngghen và Lênin qua các tác phẩm"* do PGS.TS. Nguyễn Tấn Hùng và PGS.TS. NGƯT Lê Hữu Ái biên soạn theo chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Triết học tại Đại học Đà Nẵng và đã giảng dạy hơn 12 khóa học cho đối tượng này trong thời gian 8 năm vừa qua.

Giáo trình có mục đích cung cấp cho người nghiên cứu *những kiến thức căn bản về triết học Mác - Lênin qua việc phân tích các tác phẩm kinh điển* nhằm nắm được những thành tựu đỉnh cao của bước ngoặt cách mạng trong triết học do Mác, Ăngghen thực hiện, Lênin phát triển, rút ra những tư tưởng có giá trị lâu dài cần được quán triệt, kế thừa và vận dụng sáng tạo trong điều kiện hiện nay; đồng thời cũng chỉ ra những tư tưởng mà hiện nay cần phải được hiểu theo tinh thần đổi mới. Cuốn sách cũng có nhiệm vụ hướng dẫn *cách phân tích, hệ thống hóa* các tư tưởng triết học trong từng tác phẩm cũng như trong một loạt tác phẩm, *khai thác nguồn tài liệu* phong phú trên mạng internet và *sử dụng kiến thức ngoại ngữ* vào việc tìm hiểu chính xác hơn tư tưởng của các tác giả kinh điển.

Việc nghiên cứu, phân tích tư tưởng của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin qua các tác phẩm đã được một số tác giả tiến hành dưới nhiều hình thức: một số công trình giới thiệu chuyên sâu về một tác phẩm cụ thể; một số công trình giới thiệu một cách khái quát những tác phẩm quan trọng; tuy đảm bảo được tính hệ thống

nhưng lại thiếu sự phân tích cụ thể. Trên cơ sở kế thừa những kết quả đã đạt được ở một số sách đã xuất bản, khắc phục những hạn chế và cập nhật thêm kiến thức, Giáo trình này có một số điểm mới như sau:

Trong khuôn khổ ngắn gọn, Giáo trình giới thiệu, phân tích *một cách có chọn lọc, có hệ thống và cô đọng* tư tưởng triết học của Mác, Ăngghen và Lênin về các vấn đề *bản thể luận, nhận thức luận, chính trị - xã hội, đạo đức, tôn giáo* và một số vấn đề lý luận chung về *kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội của các ông.*

Trích dẫn và phân tích *tương đối đầy đủ, chi tiết hơn* những đoạn văn, câu viết quan trọng trong các tác phẩm *dựa trên những nguồn tài liệu xuất bản gần đây nhất* để người đọc nhiều khi không có tác phẩm kinh điển trong tay cũng có thể bao quát được những nội dung chủ yếu của tác phẩm, không chỉ về tư tưởng chung mà cả những đoạn trích, câu trích cụ thể nữa.

Ở một số chỗ cần thiết, Giáo trình *có đối chiếu với các tác phẩm gốc* của Mác, Ăngghen bằng tiếng Đức và các tác phẩm của Lênin bằng tiếng Nga, *so sánh với các bản dịch tiếng Anh, tiếng Pháp để làm sáng tỏ hơn, chuẩn xác hơn*, khắc phục một số hiểu lầm đáng tiếc đối với các thuật ngữ và tư tưởng quan trọng của các nhà kinh điển do các cách hiểu và dịch không chuẩn từ văn bản gốc ra tiếng Việt.

Hướng dẫn xuất xứ các tài liệu có liên quan và cách thức giúp bạn đọc có thể *truy cập để đọc và tải về máy tính của mình* các tác phẩm kinh điển bằng tiếng Việt, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Anh *từ mạng internet.*

Giáo trình này không chỉ dành cho học viên chuyên ngành triết học, mà còn có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho học viên, sinh viên các ngành khác và tất cả mọi người có quan tâm đến những vấn đề triết học. Với mục đích như vậy, những vấn đề trong giáo trình được trình bày và giải thích một cách dễ hiểu với văn phong và ngôn từ chân phương, sáng sủa.

Tháng 2 năm 2019

Nhóm tác giả

PHẦN MỞ ĐẦU

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN, MỤC ĐÍCH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN VÀ V.I. LÊNIN QUA CÁC TÁC PHẨM

I- KHÁI LƯỢC TIỂU SỬ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN

1. Sơ lược về tiểu sử của C. Mác

Các Mác (tiếng Đức: *Karl Marx*) sinh ngày 5-5-1818 ở thành phố Tơriơ (Trier), tỉnh Ranh, nước Phổ, vương quốc lớn nhất ở Đức lúc bấy giờ, nay thuộc tiểu bang Rheinland Pfalz của Cộng hòa Liên bang Đức. Các Mác là con của ông Henrich Marx[1], một luật sư người gốc Do Thái và bà Henrietta Marx. Sau khi tốt nghiệp phổ thông năm 1835, Mác vào học Trường Đại học Bonn. Năm 1836, Mác chuyển sang Trường Đại học để học ngành luật. Lúc bấy giờ, nhà nước Phổ lấy triết học của Hêghen (Hegel) làm triết học chính thống để giảng dạy trong các trường đại học, do đó Mác

[1]. Trong Giáo trình này, chúng tôi viết các tên riêng (người, địa danh) bằng ngôn ngữ gốc hoặc phiên âm Latinh, ngoài một số tên đã quá quen thuộc. Một số tên đã được phiên âm ra tiếng Việt trong Toàn tập, chúng tôi vừa dùng phiên âm tiếng Việt, vừa ghi chú thêm từ gốc để bạn đọc vừa có thể tra cứu trong kinh điển tiếng Việt, vừa có thể tra cứu trong kinh điển tiếng nước ngoài và trên mạng internet.

có điều kiện tiếp xúc với các tác phẩm của Hêghen và rất tâm đắc với tư tưởng biện chứng của nhà triết học này. Những người nghiên cứu triết học Hêghen lúc bấy giờ được chia thành hai phái (nhóm): *phái hữu* (còn được gọi là *phái già*) có lập trường bảo thủ và *phái tả* (*phái trẻ*) có lập trường cấp tiến. Mác và Ăngghen tham gia phái (nhóm) Hêghen trẻ[1].

Sau khi tốt nghiệp Đại học , Mác tiếp tục làm luận án tiến sĩ và nhận học vị tiến sĩ triết học tại Trường Đại học Jena năm 1841 với đề tài: "Về sự khác nhau giữa triết học tự nhiên của Đêmôcrít (Democritus) và triết học tự nhiên của Êpiquya (Epicurus)".

Trong thời gian này, chính phủ Phổ thi hành một chính sách phản động, cách chức giáo sư của Lútvích Phoiơbac (Ludwig Feuerbach), từ chối không nhận những người thuộc nhóm Hêghen trẻ làm giảng viên đại học. Với nhiệt tình cách mạng sẵn có, Mác nhận lời mời làm cộng tác viên cho tờ *Rheinische Zeitung (Nhật báo Sông Ranh*), một tờ báo cấp tiến ở *Côlônhơ* (*Cologne)*, thành phố lớn thứ tư ở Đức nằm hai bên bờ sông Ranh (Rhine), và đến tháng 10-1842, Mác trở thành chủ bút tờ báo này. Moses Hess, một phóng viên của tờ báo trong một bức thư gửi bạn có lời nhận xét về Mác như sau: Anh là nhà triết học vĩ đại, có lẽ là một nhà triết học chân chính hiện đang sống và chẳng bao lâu sẽ thu hút được sự chú ý của toàn thể nước Đức. Tiến sĩ Mác còn rất trẻ (nhiều lắm

[1]. Nhóm Hêghen trẻ được biết đến với các thành viên như Đavít Xtrauxơ (David Strauss), Brunô Bauơ (Bruno Bauer), Lutvích Phoiơbac (Ludwig Feuerbach), Ácnôn Rugơ (Arnold Ruge), Máxơ Xtiécnơ (Max Stirner), Étga Bauơ (Edgar Bauer), C. Mác, Ph. Ăngghen, v.v..

là 25 tuổi) và sẽ giáng cho tôn giáo và chính trị học trung cổ một đòn chí mạng. Anh kết hợp được tính nghiêm túc triết học sâu sắc nhất với tài dí dỏm chua cay nhất. Hãy hình dung Rútxô (Rousseau), Vônte (Voltaire), Hônbách (Holbach), Létxinh (Lessing), Hainơ (Heine) và Hêghen hòa thành một con người - tôi nói hòa thành chứ không phải ném vào thành một đống - người đó là Tiến sĩ Mác[1].

Vì lập trường cấp tiến, tờ *Rheinische Zeitung* bị kiểm duyệt gắt gao và đến tháng 3-1843 thì bị đình bản hẳn. Cũng trong năm 1843, Mác kết hôn với Gienny (Gienny von Westphalen) ở Salzwede Gienny tuy xuất thân từ một gia đình quý tộc nhưng bà sẵn sàng chấp nhận cuộc sống gian khổ cùng với chồng. Bà không chỉ là người vợ mà còn là người cộng sự đắc lực của Mác trong suốt con đường làm khoa học và cách mạng.

Bị trục xuất khỏi nước Phổ, Mác và Gienny di cư sang Paris và cư trú ở đó từ năm 1843 đến năm 1845. Ở Paris, Mác tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng và phong trào xã hội chủ nghĩa Pháp. Mác cùng với Arnold Ruge, một người thuộc phái Hêghen trẻ, ra tạp chí *Niên giám Pháp - Đức (Deutsch - Französische Jahrbücher)*. Tạp chí ra được một số thì bị đình bản.

Theo yêu cầu của Chính phủ Phổ, Mác bị Chính phủ Pháp trục xuất khỏi Pari năm 1845. Ông đến Brussels (Bỉ) và cư trú ở đó trong thời gian 1845 - 1848. Năm 1848, sau khi bị Chính phủ Bỉ

---

[1]. Trích theo Douglas J. Soccio: *Archetypes of Wisdom: An Introdiction to Philosophy,* Wadsworth Cengage Learning, Boston, USA, 2012, p.372.

trục xuất, ông trở lại Paris rồi trở về Cologne cùng với Ăngghen thành lập tờ *Rheinische Zeitung mới*, nhưng chẳng bao lâu tờ báo lại bị đình bản. Năm 1849, Mác lại bị trục xuất. Từ đó, Mác sang cư trú lâu dài ở London cho đến cuối đời.

Mác qua đời ngày 14-3-1883 và được mai táng ở Nghĩa trang Highgate, London. Trên bia mộ của Mác có khắc dòng chữ tiếng Anh: "Workers of all lands, Unite!" (Công nhân tất cả các nước hãy đoàn kết lại!). Đây là dòng cuối cùng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, bản tiếng Anh.

2. Sơ lược tiểu sử của Ăngghen

Phriđrích Ăngghen[1] (Friedrich Engels, 1820 - 1895) sinh ngày 28-11-1820 ở Bácmen (Barmen), Vương quốc Phổ (nay là Wuppertal, nước Đức). Bố của Ăngghen là một chủ xưởng dệt lớn ở Phổ.

Năm 1837, theo yêu cầu của bố, Ăngghen phải thôi học trung học và làm thư ký cho một hãng buôn ở Bremen (một thành phố ở tây bắc nước Đức). Trong thời gian ở Bremen, Ăngghen tự học các ngành sử học, triết học, văn học, ngôn ngữ và thơ ca, bắt tay vào nghiên cứu các tác phẩm của Hêghen. Tháng 9-1841, Ăngghen gia nhập binh đoàn pháo binh ngự lâm đóng ở Berlin nên có điều kiện lui tới Trường Đại học Berlin tham gia thảo luận về triết học, tôn giáo và tiếp xúc với nhóm Hêghen trẻ. Năm 1842, Ăngghen được

[1]. Thật ra, *Engels* (tiếng Đức) được phiên âm thành *Ăngghen* là không chính xác. Đây là cách phát âm theo tiếng Pháp; nếu đọc theo âm tiếng Đức phải là *Enghenxơ*.

gia đình đưa sang Manchester (nước Anh) để làm việc trong một xưởng sản xuất sợi.

Ở Manchester, Ăngghen bắt đầu viết các bài báo gửi đăng trên tờ *Nhật báo Sông Ranh* và sau đó là tờ *Niên giám Pháp - Đức* vạch rõ tình cảnh khổ cực của công nhân Anh. Ngày 28-8-1844, trên đường từ Anh về Đức, Ăngghen ghé lại Pari và gặp lại Mác. Hai người rất tâm đầu ý hợp, bắt đầu cộng tác chặt chẽ với nhau và trở thành đôi bạn thân thiết. Tình bạn của hai ông đã thực sự trở thành một "huyền thoại" như nhận xét của Lênin và của T.Z. Lavine, tác giả một giáo trình triết học ở Mỹ[1].

3. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng triết học của Mác và Ăngghen qua các tác phẩm

a) Quá trình chuyển biến của Mác và Ăngghen từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật và từ chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa cộng sản

Trước năm 1842, Mác và Ăngghen là những thanh niên đầy nhiệt tình và lòng nhân đạo, say mê nghiên cứu triết học, nhưng chưa thoát khỏi ảnh hưởng của tư tưởng triết học duy tâm Đức và lập trường dân chủ cách mạng của các nhà khai sáng Pháp.

Lập trường xã hội chủ nghĩa của Mác và Ăngghen bắt đầu được thể hiện từ khi các ông làm việc với tờ *Nhật báo Sông Ranh*

---

[1]. T.Z. Lavine: *From Socrates to Sartre*: *The Philosophic Quest*, Bantam Books, New York, 1989, p.284. Tác giả đã coi tình bạn của Mác và Ăngghen là "một trong những tình bạn huyền thoại của thời hiện đại" (one of the legendary frienships of recent times).

năm 1842 cùng với nhóm cấp tiến của tờ báo này. Lập trường duy vật của Mác thể hiện rõ nét trong việc phê phán chủ nghĩa duy tâm của Hêghen và phê phán tôn giáo. Năm 1843, sau khi tờ *Nhật báo Sông Ranh* bị đóng cửa, Mác bắt tay vào viết tác phẩm *Phê phán triết học pháp quyền của Hêghen.* Lời nói đầu của tác phẩm này được công bố trên *Niên giám Pháp – Đức* vào tháng 2-1844.

Từ tháng 4 đến tháng 8-1844, Mác viết *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*. Đây là những phác thảo tư tưởng kinh tế chính trị đầu tiên của Mác; đồng thời trong tác phẩm này, Mác phân tích những biểu hiện và nguyên nhân sự tha hóa của lao động.

Trong những năm 1842 - 1844, Ăngghen viết "Đề cương phê phán Kinh tế chính trị" cùng nhiều bài báo về tình cảnh của người lao động Anh. Các bài báo này sau đó được tập hợp lại thành tác phẩm *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh* được công bố năm 1845, trong đó Ăngghen đi sâu nghiên cứu đời sống của công nhân và đưa ra những tiên đoán về vai trò lịch sử của họ.

b) Quá trình Mác và Ăngghen đề xuất hệ thống những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa cộng sản

Từ năm 1844, Mác và Ăngghen bắt đầu cộng tác chặt chẽ với nhau, từng bước xây dựng hệ thống triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và lý luận về chủ nghĩa cộng sản.

Cuối năm 1844, hai ông hoàn thành tác phẩm *Gia đình thần thánh* để phê phán thế giới quan duy tâm và phương pháp tư biện của các đại biểu nhóm Hêghen trẻ, trình bày quan điểm duy vật

lịch sử về vai trò của quần chúng nhân dân. Đây là kết quả đầu tiên của sự cộng tác khoa học của hai ông.

Năm 1845, Mác viết *Luận cương về Phoiơbac*, vạch ra những hạn chế của Phoiơbac[1] trong quan niệm về con người và làm rõ vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.

Trong hai năm 1845 - 1846, hai ông viết tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, tiếp tục phê phán Hêghen và chủ nghĩa duy tâm nói chung, vạch ra những hạn chế của chủ nghĩa duy vật trước Mác, đặc biệt là quan điểm duy tâm về lịch sử của Phoiơbac. Đồng thời, trong tác phẩm này, hai ông cũng trình bày một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử và tính tất yếu của chủ nghĩa cộng sản.

Đầu năm 1847, hai ông viết tác phẩm *Sự khốn cùng của triết học*, phê phán tính chất duy tâm, siêu hình trong quan niệm về các phạm trù kinh tế của Pruđông (Pierre-Joseph Proudhon), phát triển phương pháp biện chứng duy vật, những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học và kinh tế chính trị học.

Mác và Ăngghen là người sáng lập "Ủy ban liên lạc những người cộng sản" đầu năm 1846 ở Brussels. Ủy ban tiến hành tiếp xúc với những tổ chức và cá nhân trong phong trào xã hội chủ nghĩa ở Đức, Pháp, Anh, Bỉ. Ủy ban này có vai trò quan trọng trong việc đấu tranh chống những khuynh hướng tư tưởng sai lầm trong

---

[1]. *Feuerbach* theo tiếng Đức là *Phoi-ơ-ba-khơ*. Theo cách phiên âm của Nxb Chính trị quốc gia hiện nay là *Phoiơbăc*. Còn cách phiên âm *Phơ-bach* như trước đây là theo cách phát âm tiếng Pháp.

phong trào xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ, đồng thời bắt liên lạc với tổ chức "Liên đoàn những người chính nghĩa" (tổ chức do một nhóm người Đức sống lưu vong ở Pháp thành lập năm 1834).

Tháng 6-1847, hai tổ chức này hợp nhất lại và đổi tên thành "Liên đoàn những người cộng sản". Liên đoàn được coi là *đảng cộng sản mácxít đầu tiên* của thế giới. Mác và Ăngghen được Liên đoàn giao soạn một dự thảo cương lĩnh có tên là "Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản". Tại Đại hội lần thứ hai của Liên đoàn họp từ ngày 29-11 đến ngày 8-12-1847 ở London, Mác và Ăngghen được giao nhiệm vụ soạn thảo bản cương lĩnh chính thức của Liên đoàn, đó là *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.*

c) Giai đoạn Mác và Ăngghen bổ sung và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác

Từ năm 1848 đến Công xã Pari năm 1871, hai ông viết nhiều tác phẩm để tổng kết phong trào đấu tranh giai cấp, như: *Đấu tranh giai cấp ở Pháp* (1848 - 1850), *Ngày 18 tháng Sương mù của Lui Bônapáctơ* (1851 - 1852), *Cách mạng và phản cách mạng ở Đức* (1851 - 1852). Trong hai năm 1857 - 1858, Mác viết bản thảo *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*, tác phẩm được xuất bản năm 1859 được coi là kết quả bước đầu của việc nghiên cứu về phương thức sản xuất tư bản một cách có hệ thống.

Trong những năm 1861 - 1863, Mác tiếp tục thực hiện công trình nghiên cứu về *Tư bản*. Năm 1867, tập I của bộ *Tư bản - Phê phán khoa Kinh tế chính trị* (gọi tắt là *Tư bản*), tác phẩm chủ yếu

của Mác ra đời.

Mác là người tổ chức và lãnh đạo *Hội Liên hiệp lao động quốc tế* (còn gọi là *Quốc tế I*) thành lập ngày 28-9-1864 ở London.

Từ năm 1871 trở đi, Mác và Ăngghen có thêm kinh nghiệm của Công xã Pari. Những tác phẩm mà hai ông viết trong thời kỳ này tiếp tục khái quát kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân, phát triển ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác và làm phong phú thêm những nguyên lý của chủ nghĩa Mác.

Từ năm 1876, sau khi Quốc tế I giải tán là thời kỳ thành lập nhiều đảng vô sản trong từng quốc gia, dân tộc.

Mác tiếp tục hoàn chỉnh tác phẩm *Tư bản,* còn Ăngghen viết các tác phẩm *Chống Đuyrinh* (1876 - 1878), *Biện chứng của tự nhiên* (1873 - 1883). Sau khi Mác qua đời năm 1883, Ăngghen hoàn thành việc xuất bản tập II và tập III bộ *Tư bản* của Mác, đồng thời tiếp tục lãnh đạo phong trào công nhân và viết một số tác phẩm khác như: *Nguồn gốc của gia đình, sở hữu tư nhân và nhà nước* (1884), *Lútvích Phoiơbac và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức* (1886).

II- KHÁI LƯỢC VỀ TIỂU SỬ VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA LÊNIN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC

1. Sơ lược về tiểu sử V.I Lênin

Vlađimia Ilích Lênin (tiếng Nga: Владимир Ильич Ленин) (1870 - 1924), lúc đầu có tên Vladimir Ilych Ulyanov (Ульянов) sinh ngày 22-4-1870 tại làng Gorki ở Simbirsk (nay là Ulyanovsk, thành phố nằm trên bờ sông Vônga, cách Mátxcơva 893 km về phía đông).Tốt nghiệp xuất sắc bậc trung học, Lênin vào học Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Kazan. Tháng 5-1887, anh cả của Lênin bị treo cổ vì tham gia vào một âm mưu ám sát Nga hoàng. Sự kiện này góp phần nung nấu tư tưởng cách mạng của Lênin. Tại Kazan, Lênin tham gia nhóm cách mạng trong sinh viên nên đến cuối năm 1887 thì bị đuổi học. Nhờ tự học, sau hai năm Lênin đã thi đỗ tất cả các môn học của chương trình bốn năm Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Kazan. Sau khi tốt nghiệp, Lênin làm trợ lý luật sư ở Samara, đến năm 1893 chuyển tới kinh đô *Xanh Pêtécbua*. Năm 1895, *Hội liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân* do Lênin thành lập ở Pêtécbua bị phát giác, ông bị nhà chức trách bắt giam 14 tháng, sau đó bị lưu đày tới một làng tại Shushenskoye ở Siberia. Người đồng chí của Lênin - bà Nadezhda Krupskaya cùng đi đến Shushenskoye và hai người kết hôn với nhau vào tháng 7-1898.

Năm 1900, sau khi thời gian lưu đày chấm dứt, Lênin cùng Krupskaya đi sang nhiều nước Tây Âu. Trước hết, Lênin đến Thụy Sĩ, cùng với Plekhanov và một số người khác thuộc phong trào giải

phóng lao động lập ra tờ báo *Tia lửa* (Искра). Năm 1903, tại Đại hội Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga lần thứ II được tổ chức tại London, Lênin đưa ra nguyên tắc xây dựng đảng vô sản kiểu mới có kỷ luật nghiêm minh đủ sức tổ chức, lãnh đạo quần chúng. Nhóm đa số ủng hộ Lênin gọi là "Bônsêvích", về sau trở thành Đảng Cộng sản (Bônsêvích) Nga. Nhóm thiểu số chủ trương đấu tranh theo kiểu nghị trường gọi là "Mensêvích" .

Tháng 4-1905, tại Đại hội Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga lần thứ III ở London, Lênin được bầu làm Chủ tịch Đại hội. Đại hội này bầu ra Ủy ban Trung ương do Lênin đứng đầu. Tháng 11-1905, Lênin bí mật trở về Pêtécbua để lãnh đạo cách mạng Nga. Sau thất bại của cách mạng 1905 - 1907, từ tháng Chạp năm 1907, Lênin sống ở nước ngoài và tiếp tục đấu tranh bảo vệ, củng cố Đảng hoạt động bí mật. Cuối tháng 7-1914, Lênin bị cảnh sát Áo bắt nhưng sau đó ít lâu được trả lại tự do và sang Thụy Sĩ.

Đầu tháng 10-1917, Lênin từ Phần Lan bí mật trở về Pêtorôgrát, vạch kế hoạch khởi nghĩa vũ trang và được Ủy ban Trung ương Đảng thông qua. Tối ngày 6-11-1917, Lênin đến Cung điện Smolny trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa. Ngày 7-11-1917, Cách mạng Tháng Mười Nga toàn thắng. Tại Đại hội các xôviết toàn Nga lần thứ II, Lênin được bầu là Chủ tịch Hội đồng Dân ủy.

Lênin tiếp tục lãnh đạo chống sự can thiệp của nước ngoài và lực lượng phản cách mạng trong nước. Sau khi đập tan sự can thiệp của chủ nghĩa đế quốc, Lênin thi hành chính sách đối ngoại với nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình giữa các quốc gia có chế độ xã hội khác nhau.

Lênin là người sáng lập Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) năm 1919. Ông soạn thảo kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội, sáng lập ra *Kế hoạch điện khí hóa toàn Nga* (GOELRO), đề ra *Chính sách kinh tế mới* (NEP). Năm 1921, Chính sách kinh tế mới của Lênin được thông qua tại Đại hội Đảng Cộng sản Nga lần thứ X.

Ngày 21-1-1924, Lênin qua đời do bị ốm nặng ở làng Gorki (Mátxcơva) ở tuổi 54.

3. Quá trình và những đóng góp của Lênin trong sự phát triển của triết học Mác

Trước năm 1907, Lênin đấu tranh chống phái dân túy và bảo vệ chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác. Lênin viết các tác phẩm: *Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao* (1894); *Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Storuvê về nội dung đó* (1894) ; *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga* (1896 - 1899).

Những nguyên tắc tổ chức đảng kiểu mới được Lênin trình bày trong tác phẩm *Làm gì* (1902) và *Một bước tiến hai bước lùi* (1904). Lênin phát triển tư tưởng độc quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản trong tác phẩm *Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ* (1905).

Sau thất bại của cuộc cách mạng 1905 - 1907, Lênin viết tác phẩm triết học quan trọng *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* (1908) nhằm phê phán chủ nghĩa duy tâm chủ quan, phát triển những vấn đề cốt lõi của chủ nghĩa duy vật và lý

luận nhận thức duy vật biện chứng.

Tác phẩm *Ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác* (1913) và tác phẩm *Các Mác* (1914) phân tích và trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác trên tất cả các mặt.

Tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn cao nhất của chủ nghĩa tư bản* (1916) phân tích những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, giai đoạn cao nhất của chủ nghĩa tư bản và tính tất yếu của sự thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội.

Với tác phẩm *Bút ký triết học*, Lênin tổng kết và phát triển nhiều vấn đề quan trọng của phép biện chứng duy vật.

Trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng* (1917), Lênin trình bày và phân tích một cách có hệ thống những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác về vấn đề nhà nước và cách mạng, vấn đề chuyên chính vô sản.

Sau Cách mạng Tháng Mười, Lênin nghiên cứu giải quyết các vấn đề của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nghiên cứu cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ, vấn đề xây dựng đảng và nhà nước, vấn đề chuyên chính vô sản, vấn đề liên minh công nông, vấn đề các thành phần kinh tế và chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những tư tưởng của Lênin về Chính sách kinh tế mới đã thực sự đem lại những hiệu quả bước đầu cho sự tăng trưởng nông nghiệp và công nghiệp ở nước Nga, nhưng rất tiếc do Lênin mất sớm và những chính sách này về sau không được những người kế tục ông tiếp tục thực hiện. Tuy nhiên,

nó có ý nghĩa rất lớn đối với sự nghiệp đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay.

III- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA MÁC, ĂNGGHEN VÀ LÊNIN QUA CÁC TÁC PHẨM

Triết học Mác - Lênin là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. *Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử* là phương pháp phổ biến đã được Mác, Ăngghen và Lênin sử dụng trong nghiên cứu và trình bày các tác phẩm của mình, trong việc đấu tranh chống lại các quan điểm duy tâm, siêu hình. Do đó, người nghiên cứu *khi phân tích các tác phẩm kinh điển trước hết cần phải quán triệt phương pháp phổ biến này.*

Tư tưởng triết học Mác - Lênin có quá trình phát triển từ thấp đến cao trong một hệ thống nhất quán. Do đó, để nghiên cứu một cách có hiệu quả tư tưởng của các tác giả kinh điển cần phải *sử dụng kết hợp giữa phương pháp lịch sử và phương pháp lôgíc.*

Phương pháp lịch sử giúp người nghiên cứu nắm các vấn đề được các tác giả đưa ra và cách giải quyết chúng gắn liền với hoàn cảnh lịch sử nhất định và với trình độ phát triển của tư duy từ thấp đến cao để phân biệt được những tư tưởng sơ khai, mầm mống với những tư tưởng đã thực sự chín muồi.

Phương pháp lôgíc giúp người nghiên cứu nắm vững được tư tưởng của một tác giả kinh điển trong một hệ thống tư tưởng nhất quán, thấy được tính quy luật của quá trình phát triển của tư tưởng, gạt bỏ những tư tưởng ngẫu nhiên để nắm lấy những tư tưởng *tất nhiên*, chọn lọc những giá trị, tinh hoa trong vô số những tư tưởng đã

được các nhà kinh điển đưa ra. Phương pháp lôgíc còn giúp cho người nghiên cứu *phân chia, xếp loại* các tư tưởng của một tác giả kinh điển thành từng mục, từng vấn đề để nghiên cứu, dễ nắm, dễ nhớ.

Phân tích một tư tưởng của một tác giả kinh điển không dừng lại ở một câu nói, một câu viết, một đoạn văn trong một tác phẩm riêng biệt, mà phải biết *kết nối nhiều tác phẩm lại với nhau để hiểu được tư tưởng đó một cách đầy đủ trong chỉnh thể* gồm nhiều khía cạnh khác nhau, mà tác giả của nó khi thì nhấn mạnh khía cạnh này, khi thì nhấn mạnh khía cạnh khác, đồng thời phải thấy được sự phát triển cao nhất của tư tưởng đó để căn cứ vào đó mà đánh giá.

Các tác phẩm của Mác, Ăngghen và Lênin thường được trình bày dưới hình thức *bút chiến* chống lại các đối thủ tư tưởng của mình. Trong bút chiến, người ta phải chỉ ra những thiếu sót trong quan điểm và lập luận của đối thủ và trình bày quan điểm ngược lại của mình. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là các nhà kinh điển Mác - Lênin phủ nhận hoàn toàn quan điểm của đối thủ và lại càng không có nghĩa là trong các luận chiến đó, các ông có ý định nêu ra một cách đầy đủ và có hệ thống quan điểm của mình. Không thấy điều này có thể và thực sự đã dẫn đến những sự hiểu lầm như cường điệu, quá nhấn mạnh một khía cạnh nào đó, ví dụ cho rằng kinh tế là yếu tố duy nhất quyết định đối với toàn bộ xã hội. Chính Ăngghen đã nói điều này trong thư gửi Joseph Bloch năm1890: "Mác và tôi phần nào có lỗi trong việc là giới trẻ đôi khi coi trọng mặt kinh tế nhiều hơn mức cần thiết. Trong khi phản bác những người chống chúng tôi, chúng tôi đã phải nhấn mạnh nguyên lý chủ

yếu mà họ bác bỏ, và không phải lúc nào cũng tìm được thời gian, địa điểm và khả năng để đánh giá đúng những nhân tố còn lại tham gia vào sự tác động qua lại. Nhưng khi phải phân tích một thời kỳ lịch sử nào đó, nghĩa là khi phải vận dụng vào thực tiễn, thì sự việc lại khác hẳn, và ở đây không thể có một sai lầm nào"[1].

Trong *Luận cương về Phoiơbac*, Mác nhấn mạnh vai trò quyết định của quan hệ xã hội đối với bản chất của con người là nhằm khắc phục thiếu sót của Phoiơbac trong việc xem xét con người chỉ ở khía cạnh sinh học và cá nhân một cách trừu tượng. Điều này có thể gây ra sự hiểu lầm là coi câu nói của Mác: "Trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là tổng hòa những quan hệ xã hội"[2] như là *định nghĩa* của Mác về bản chất của con người.

Việc phát hiện ra "bóc lột giá trị thặng dư" là một đóng góp rất to lớn của Mác trong công trình nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, do không hiểu hết ý nghĩa của vấn đề này nên đã có một thời gian dài, việc căm ghét và sợ bóc lột làm chúng ta mắc phải sai lầm là có ác cảm với các thành phần kinh tế tư nhân dẫn đến xóa bỏ kinh tế tư nhân tư bản và kinh tế thị trường nói chung. Thật ra, đối với kinh tế tư nhân tư bản, Mác không chỉ thấy mặt bóc lột mà còn chỉ ra vai trò động lực to lớn của nó: "Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại"[3].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t.37, tr.644.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.11.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.603.

Tư tưởng triết học Mác - Lênin là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ tư tưởng triết học của nhân loại, được hình thành trên cơ sở kế thừa những yếu tố hợp lý, khắc phục những hạn chế, đề xuất những tư tưởng mới, do đó việc nghiên cứu tư tưởng triết học Mác - Lênin cần phải *đối chiếu, so sánh với tư tưởng của các nhà triết học khác trong lịch sử* để thấy được những mặt kế thừa và những đóng góp vĩ đại có tính bước ngoặt của Mác, Ăngghen và Lênin cho sự phát triển tư tưởng triết học của nhân loại.

Tuy nhiên, triết học Mác - Lênin *không phải là tất cả*. Ngoài triết học Mác - Lênin còn có nhiều hệ thống triết học khác từ cổ đại đến đương đại đã đề cập đến và đưa ra những cách giải quyết khác nhau đối với những vấn đề được nêu ra trong triết học Mác - Lênin, thậm chí có những vấn đề và những khía cạnh mà triết học Mác - Lênin do khuôn khổ có hạn của mình không đề cập đến. Do đó, *cần phải liên hệ, kết hợp quan điểm triết học Mác - Lênin với các quan điểm triết học khác* để nắm vấn đề một cách toàn diện hơn, sâu sắc hơn, đầy đủ hơn.

Vì những lý do trên mà việc áp dụng một tư tưởng, một nguyên lý triết học, kể cả triết học Mác - Lênin vào thực tiễn, như trong việc phát triển kinh tế, xây dựng nhà nước, văn hóa, giáo dục con người, v.v., là việc làm không đơn giản chút nào; nó đòi hỏi chúng ta cần phải *am hiểu vấn đề một cách sâu sắc, toàn diện trên cơ sở vận dụng tổng hợp tất cả những yếu tố hợp lý trong lịch sử triết học, trong đó có triết học Mác - Lênin* trước khi có thể áp dụng nó vào trong thực tiễn.

Phân tích tư tưởng Mác - Lênin *cần phải gắn với điều kiện cụ thể hiện nay và đường lối đổi mới của Đảng ta và các đảng xã hội chủ nghĩa khác trên thế giới.* Ví dụ, vấn đề giá trị thặng dư trong điều kiện khoa học công nghệ và kinh tế tri thức hiện nay, vấn đề xóa bỏ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu, vấn đề xây dựng nhà nước, v.v., phải được hiểu một cách mềm dẻo hơn trên cơ sở đối chiếu với tư tưởng và tình hình thực tế của công cuộc đổi mới. Mặt khác, việc phân tích tư tưởng triết học của các nhà sáng lập triết học Mác - Lênin không chỉ để có được sự hiểu biết đúng đắn mà còn *có* mục đích *góp phần làm cho đường lối đổi mới của Đảng càng ngày càng tiếp cận được thực chất khoa học và cách mạng của nó*, khắc phục được cách hiểu cứng nhắc, giáo điều đã từng có trước đây, phân biệt đâu là những tư tưởng có giá trị chân lý cần phải bảo vệ, đâu là những tư tưởng chỉ có giá trị cục bộ, gắn liền với những điều kiện lịch sử nhất định cần phải vượt qua trong điều kiện lịch sử mới.

- Mác, Ăngghen và Lênin không có một tác phẩm nào được coi là hoàn chỉnh trong việc trình bày toàn bộ hệ thống quan điểm triết học của mình. Ở mỗi tác phẩm, các ông chỉ trình bày một số vấn đề nào đó, hoặc một số khía cạnh của vấn đề, có thể không đầy đủ và được bổ sung ở những tác phẩm khác. Do đó, chúng ta *cần phải đọc tất cả các tác phẩm, xâu chuỗi các vấn đề và khía cạnh vấn đề lại để nắm chúng một cách toàn vẹn và có hệ thống.* Tuy nhiên, điều này cũng tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể của việc nghiên cứu đối với mỗi người.

Nhiều khi các bản dịch tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin từ tiếng Đức, tiếng Nga ra tiếng Việt chứa đựng nhiều chỗ sai sót xuyên tạc ý nghĩa tư tưởng triết học của các tác giả kinh điển. Ví dụ, những thuật ngữ trong tiếng Việt như "chủ nghĩa cộng sản", "giai cấp vô sản", "giai đoạn tột cùng", "chủ nghĩa tư bản giãy chết", v.v., do dịch không chính xác thuật ngữ gốc của nguyên bản đã thật sự làm cho chúng ta hiểu không đúng thực chất tư tưởng Mác - Lênin. Do vậy, việc *đối chiếu với ngôn ngữ gốc* trong nguyên bản và các bản dịch trong các thứ tiếng khác là rất cần thiết để hiểu một cách chuẩn xác các vấn đề.

PHẦN A

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN

CHƯƠNG 1

CÁC TÁC PHẨM CỦA C. MÁC VÀ PH. ĂNGGHEN TRONG THỜI GIAN 1842-1844

Những tác phẩm của Mác và Ăngghen trong thời gian 1842 - 1848 là những tác phẩm đầu tay. Hai ông tuy đã cùng tham gia nhóm Hêghen trẻ, nhưng chưa có sự cộng tác chặt chẽ với nhau. Mặc dù các tác phẩm của hai ông trong thời gian này đã đề cập đến nhiều mặt, như bản thể luận, chính trị, xã hội, con người, nhưng tư tưởng triết học của hai ông vẫn còn ít nhiều chịu ảnh hưởng của phương pháp duy tâm, tư biện của Hêghen và về mặt chính trị, hai ông vẫn chưa ra khỏi khuôn khổ của tư tưởng dân chủ cách mạng của các nhà triết học khai sáng thế kỷ XVIII.

1.1. TÁC PHẨM "GÓP PHẦN PHÊ PHÁN TRIẾT HỌC PHÁP QUYỀN CỦA HÊGHEN"[1]

1.1.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tác phẩm được viết chủ yếu vào mùa hè năm 1843. Trong tác phẩm này, Mác phân tích, phê phán quan điểm của Hêghen trong tác phẩm *Những nguyên lý triết học pháp quyền*[2] của Hêghen, trên cơ sở đó đưa ra những quan điểm riêng của mình đối lập với Hêghen.

Mặc dù tác phẩm được hoàn thành năm 1843, nhưng chỉ có *Lời nói đầu* của tác phẩm (viết vào tháng 12-1843) được công bố trên tờ *Niên giám Pháp - Đức* ngày 7 và 10-2-1844. Toàn bộ nội dung tác phẩm được công bố lần đầu tiên bằng nguyên bản tiếng Đức năm 1927.

1.1.2. Những nội dung tư tưởng triết học cơ bản của tác phẩm

Nội dung của tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen* trong nguyên bản tiếng Đức được Mác trình bày bằng phương pháp sau: sau khi trích dẫn một đoạn trong *Những nguyên lý triết học pháp quyền* (Phần III: Về nhà nước) của

---

[1]. Nguyên bản tiếng Đức: *Zur Kritik der Hegelschen Rechtsphilosophie*. Bản dịch tiếng Việt in trong C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.307-506.

[2]. Nguyên bản tiếng Đức: *Grundlinien der Philosophie des Recht*. Tuy nhiên trong một số bản dịch tiếng Anh, thường có tiêu đề là *Philosophy of Right (Triết học pháp quyền)*. Xem: G.W.F. Hegel: *Philosophy of Right*, translated by S.W. Dide, Batoche Books, Kitchener, Ontario, Canada, 2001.

Hêghen, Mác bình luận, phê phán và đưa ra quan niệm riêng của mình đối lập với Hêghen về đoạn đó, hết đoạn này đến đoạn khác, không phân ra thành các phần hay chương. Tuy nhiên, trong bản dịch tiếng Anh, nội dung tác phẩm được chia thành sáu phần: Phần I: Nhà nước, Phần II: Hiến pháp, Phần III: Hành pháp, Phần IV: Tư pháp, Phần V: Đẳng cấp, Phần VI: Xã hội công dân và các đẳng cấp[1].

Sau đây là những nội dung triết học cơ bản của tác phẩm:

- Mác phê phán quan điểm duy tâm của Hêghen về nhà nước và pháp quyền và trình bày quan điểm duy vật của mình

Theo Hêghen, nhà nước là hiện thân của một *ý niệm,* một chủ thể hiện thực đã tồn tại ở đâu đó, có trước giới tự nhiên và xã hội. Trên thực tế, theo Mác, "gia đình và xã hội công dân là những tiền đề của nhà nước, chính chúng mới là những yếu tố thực sự tích cực; nhưng trong tư duy tư biện thì tất cả điều đó đều bị đặt lộn ngược"[2] . Cũng theo Mác, "Gia đình và xã hội công dân là những bộ phận hiện thực của nhà nước, *tự chúng* cấu thành nhà nước. Chúng chính là động lực . Còn theo Hêghen thì ngược lại, chúng được *sản sinh* ra từ ý niệm hiện thực". Chúng là điều kiện của nhà nước, nhưng ở Hê-ghen, "điều kiện biến thành cái chịu điều kiện, cái quy định biến thành cái bị quy định, cái sản sinh biến thành sản

---

[1]. K. Marx, *A contribution to the critique of Hegel's philosophy of right, MECW,* Progress publishers, Vo 3, Moscow, 1975, p.3-129.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.313. Trong tác phẩm này, Mác dùng thuật ngữ "xã hội công dân" của Hêghen. Trong những tác phẩm về sau, Mác mới dùng đến khái niệm "quan hệ sản xuất" được coi là "cơ sở hạ tầng kinh tế" của xã hội, còn lĩnh vực nhà nước và pháp quyền thuộc "kiến trúc thượng tầng" của xã hội.

phẩm của sản phẩm của nó"[1].

Hêghen đã *thần bí hóa mục đích và quyền lực của nhà nước* khi tuyên bố rằng chúng là "những phương thức tồn tại" nhất định của *thực thể*, của một "tinh thần *hiện thực* đang nhận thức bản thân và mong muốn bản thân", của "tinh thần được đào luyện"[2]

Trong tác phẩm *Những nguyên lý triết học pháp quyền* của Hêghen, Phần III, đoạn 257 và 258 (rất tiếc phần bình luận của Mác về những đoạn này đã bị thất lạc), Hêghen khẳng định nguồn gốc lý tính, siêu tự nhiên của nhà nước. Ở đoạn 257, Hêghen viết: "Nhà nước là ý niệm đạo đức hay tinh thần đạo đức đã được hiện thực hóa"[3]. Ở đoạn 258, Hêghen giải thích thêm: "Nhà nước tự nó và chính nó là cái chỉnh thể đạo đức, là sự hiện thực hóa tự do; và nhà nước là mục đích tuyệt đối cuối cùng của lý tính là tự do phải được hiện thực hóa. Nhà nước là tinh thần trên trái đất và được thực hiện một cách có ý thức ở nơi đó"... "Sự vận hành của Thượng đế trong thế giới, và đó chính là nhà nước. Cơ sở của nhà nước là sức mạnh lý tính đã tự mình hiện thực hóa thành ý chí"[4].

Thần thánh hóa nhà nước, gắn nhà nước với Thượng đế, Hêghen đã *bào chữa, bảo vệ chế độ quân chủ thối nát của vua Phổ Friedrich Wilhem*, vì vậy triết học Hêghen được Nhà nước Phổ đưa lên vị trí *triết học chính thống* của Nhà nước Phổ.

Hêghen tuyệt đối hóa quyền lực của nhà vua bằng cách tuyên

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.314-315.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.328.
[3]. G.W.F. Hegel: *Philosophy of Right*, *Ibid*, p.194.
[4]. G.W.F. Hegel: *Philosophy of Right*, *Ibid*, p.197.

bố rằng nhà vua là "nhân cách của nhà nước, là sự tự tin của nhà nước vào bản thân", là "chủ quyền biến thành người", là ý thức nhà nước được hiện thân, do đó tất cả những người khác đều bị loại ra khỏi chủ quyền đó, khỏi nhân cách nhà nước và ý thức nhà nước[1].

Vì tuyệt đối hóa quyền lực của nhà vua nên Hêghen coi *chủ quyền của nhà vua mới là chủ quyền chân chính*, còn quan niệm về chủ quyền của nhân dân "thuộc vào loại những tư tưởng hỗn độn mà cơ sở là quan niệm *kỳ quái* về nhân dân". Theo Hêghen, "nhân dân mà *không có* nhà vua của mình... thì chỉ là một đám đông không có hình thù, không còn là nhà nước nữa và không có *bất cứ* một trong những tính quy định nào... tức là một đám đông không có chủ quyền, không có chính phủ, không có tòa án, không có cấp chỉ huy, không có đẳng cấp, không có gì cả"[2].

- Mác đứng trên lập trường dân chủ cấp tiến để phê phán lập trường bảo thủ của Hêghen:

Hêghen tuyệt đối hóa chế độ quân chủ, coi chế độ quân chủ là hình thức cao nhất của nhà nước. Trong tác phẩm *Triết học tinh thần* (đoạn 542), Hêghen cho rằng, chính thể quân chủ là *hình thức hoàn thiện nhất* của nhà nước. Hêghen chủ trương *một chính thể quân chủ lập hiến rất hạn chế*, phản ánh tình hình chính trị thực tế ở nước Phổ lúc bấy giờ: nhà vua lập ra quốc hội, quốc hội làm ra hiến pháp, như thế hiến pháp thực chất là ý chí của nhà vua. Nhưng đối với Hêghen: "Hiến pháp quân chủ vì thế là một hiến pháp của

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.344.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.348.

lý tính đã phát triển cao nhất, còn tất cả các hiến pháp khác thuộc về các cấp độ thấp hơn của sự phát triển và của sự tự nhận thức của lý tính"[1].

Theo Mác, "Chủ quyền của nhân dân không phải là cái phát sinh từ chủ quyền của nhà vua, mà ngược lại, chủ quyền của nhà vua dựa trên chủ quyền của nhân dân"[2]. Mác nêu lên sự phân biệt về bản chất của hai chế độ: trong chế độ quân chủ, nhân dân là đối tượng của chế độ chính trị, của luật pháp; còn trong chế độ dân chủ, nhân dân là chủ thể của chế độ chính trị, của luật pháp. Mác viết: "Trong chế độ quân chủ, chúng ta có nhân dân của chế độ nhà nước; trong chế độ dân chủ, chúng ta có chế độ nhà nước của nhân dân"[3].

Mác nói tiếp: "Cũng giống như tôn giáo không tạo ra con người mà con người tạo ra tôn giáo, ở đây cũng vậy: không phải chế độ nhà nước tạo ra nhân dân mà nhân dân tạo ra chế độ nhà nước... Dưới chế độ dân chủ, không phải con người tồn tại vì luật pháp, mà luật pháp tồn tại vì con người"[4].

Là tác phẩm lớn đầu tiên, Mác tuy còn rất trẻ nhưng đã thể hiện đầy đủ lập trường dân chủ cấp tiến. Theo tư tưởng dân chủ cách mạng của các nhà khai sáng thế kỷ XVIII, nhất là thuyết "phân quyền"[5].

---

[1]. G.W.F. Hegel: *Philosophy of Mind*, translated by William Wallace, Oxford Clarendon Press, 1894, paragraph §542, released by The Project Gutenberg, http://www.gutenberg.org/ebooks/39064, p.295.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.347.

[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.349.

[4]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.350.

[5]. Theo thuyết phân quyền (tiếng Pháp: séparation des pouvoirs; tiếng Anh: separation of powers, thường được dịch là thuyết "tam quyền phân lập")

- Mác vạch ra những bất cập của phương pháp biện chứng duy tâm Hêghen khi phân tích mâu thuẫn trong lĩnh vực nhà nước.

Theo Mác, mặc dù Hêghen đã phát hiện ra hiện tượng *mâu thuẫn* giữa nhà nước và xã hội công dân, nhưng ông không có ý định đi sâu hơn nữa trong việc vạch ra *bản chất thật sự* của mâu thuẫn đó. Mác viết: "Điều sâu sắc hơn ở Hêghen là ông đã coi sự tách rời của xã hội công dân với xã hội chính trị là một *mâu thuẫn.* Nhưng điều sai lầm là ông thỏa mãn với *cái vẻ bề ngoài* của việc giải quyết mâu thuẫn đó và coi cái bề ngoài ấy là bản chất của sự việc"[1].

Một khuyết điểm khác của Hêghen là Hêghen *xác định các mặt đối lập một cách tùy tiện*; lúc thì ông coi nhà vua, quyền lập pháp, quyền hành chính, đẳng cấp và xã hội công dân là những "cực", lúc thì ông coi nhà vua, quyền hành chính và đẳng cấp là khâu trung gian, môi giới của những yếu tố còn lại.

Một hạn chế khác nữa của Hêghen được Mác chỉ ra là: *Hêghen xuất phát từ ý niệm, khái niệm mâu thuẫn để phân tích mâu thuẫn.* Nếu xuất phát từ ý niệm, khái niệm thì mọi cái đối lập đều thống nhất với nhau trong bản chất của chúng; như vậy thì không có mâu thuẫn bản chất; mâu thuẫn chỉ thể hiện gay gắt ở cấp độ hiện tượng mà thôi. Theo Mác, phải xem xét mâu thuẫn ở cấp độ bản chất,

---

do Montesquieu đề xướng; J.J. Rousseau phát triển), thì quyền lực của một quốc gia trước hết được chia thành *hai* quyền: *chủ quyền* (thuộc về nhân dân) và *quyền quản trị* (thuộc về nhà nước), sau đó quyền quản trị lại được chia ra thành *ba* quyền: *lập pháp, hành pháp và tư pháp*. Ngoài ra, còn có sự phân quyền giữa trung ương và địa phương. Nhân dân nắm chủ quyền của đất nước và là người quyết định cao nhất. Tư tưởng của Mác về *chủ quyền tối cao của nhân dân* là hoàn toàn phù hợp với chế độ chính trị tiên tiến hiện nay trên thế giới.

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.422.

mâu thuẫn *xuất phát từ ngay bản chất* của các mặt đối lập. Mác viết: "Sai lầm chủ yếu của Hêghen là ở chỗ ông hiểu *mâu thuẫn của hiện tượng* là *sự thống nhất trong bản chất, trong ý niệm*, kỳ thực bản chất của mâu thuẫn ấy cố nhiên là một cái gì đó sâu sắc hơn, cụ thể là *mâu thuẫn bản chất*"[1].

Theo Mác, phân tích mâu thuẫn không chỉ là vạch ra mâu thuẫn, mà còn phải *giải thích nguyên nhân, tính tất yếu và quá trình phát triển* của mâu thuẫn ấy. Mác viết: "Sự phê phán thật sự triết học đối với chế độ nhà nước hiện đại không chỉ vạch ra những mâu thuẫn của chế độ ấy, coi như là những mâu thuẫn tồn tại một cách hiện thực; nó còn *giải thích* những mâu thuẫn ấy; nó hiểu được quá trình phát sinh và tính tất yếu của những mâu thuẫn ấy. Nó hiểu chúng theo nghĩa *đặc thù* của chúng. Tuy nhiên, *sự hiểu biết* này không phải là ở chỗ, như Hêghen hình dung, đâu đâu cũng tìm ra những tính quy định của khái niệm lôgíc, mà là ở chỗ hiểu được lôgíc đặc thù của đối tượng đặc thù"[2].

1.1.3. Sự phê phán tôn giáo trong "Lời nói đầu" của tác phẩm.

Trước hết, Mác nêu lên tiền đề của sự phê phán tôn giáo xuất phát từ quan điểm duy vật là: "Căn cứ của sự phê phán chống tôn giáo là: con người sáng tạo ra tôn giáo, chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người"[3].

Sự khác nhau giữa quan điểm của Mác về tôn giáo với quan

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.447-448.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.448.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.559.

điểm của Phoiơbac là ở chỗ: Phoiơbac cho rằng, tôn giáo xuất phát từ sự tha hóa của con người nhưng ông lại đi tìm nguyên nhân của sự tha hóa đó trong "sự tự ý thức" của con người về bản chất của mình. Mác đi sâu hơn nữa trong việc *tìm nguyên nhân xã hội, vật chất của sự tha hóa đó*. Con người nằm trong một thế giới nhất định, một xã hội nhất định, một nhà nước nhất định. Thế giới quan tôn giáo là phản ánh những điều kiện sinh sống hiện thực đó của con người, nhưng *không phải là sự phản ánh trung thực* mà là *sự phản ánh hư ảo* về thế giới hiện thực, vì vậy, Mác gọi đó là *thế giới quan lộn ngược*. Mác viết: "Con người chính là *thế giới con người*, là nhà nước, là xã hội. Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo, tức *thế giới quan lộn ngược*, vì bản thân chúng là *thế giới quan lộn ngược*"[1].

Theo Mác, "Sự nghèo nàn của *tôn giáo* vừa là *biểu hiện* của sự nghèo nàn *hiện thực*, vừa là *sự phản kháng* chống sự nghèo nàn hiện thực ấy"[2]. Ý thức tôn giáo là sự *phản ánh hiện thực*, nhưng phản ánh hiện thực *một cách ảo tưởng*, cho nên một mặt, nó chỉ phản ánh được những cái đã có trong hiện thực; ý thức tôn giáo không thể sáng tạo ra cái gì mới về chất so với hiện thực, vì vậy *thế giới hiện thực nghèo nàn ở mức nào thì ý thức tôn giáo cũng nghèo nàn như thế*. Tuy nhiên, những con người nghèo đói, đau khổ trong cuộc sống hiện thực đầy rẫy cảnh áp bức, bất công phản kháng chống lại hiện thực ấy bằng cách *tưởng tượng ra và phấn đấu tu luyện để đạt được sự giàu có, hạnh phúc ở thế giới bên kia*,

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.569.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.570.

một thế giới đầy vàng ngọc châu báu, đầy tình thương, công bằng và bác ái.

Mác nêu lên *tính hai mặt của tôn giáo*. Tôn giáo có *mặt tích cực* của nó. Tôn giáo nào cũng nói lên cái khổ của chúng sinh. Tôn giáo *đề cao đời sống tinh thần* trong một xã hội người ta chạy theo vật chất tầm thường. Tôn giáo *kêu gọi tình yêu thương giữa người với người* trong một xã hội con người áp bức, bóc lột, chém giết lẫn nhau. Mác viết: "Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần"[1].

Một tư tưởng của Mác về tôn giáo đã gây ra sự tranh cãi nhiều nhất, đó là tư tưởng coi "Tôn giáo là *thuốc phiện* của nhân dân"[2]. Xét về nghĩa đen, "thuốc phiện" có tác dụng hai mặt: *một mặt,* thuốc phiện là *thuốc giảm đau* về thể xác và tinh thần. Nhưng thuốc phiện chỉ làm giảm đau tinh thần một cách *ảo tưởng* mà thôi. Người dùng thuốc phiện tuy có lẩn tránh được sự đau khổ hiện tại nhưng rốt cuộc cũng nhận lấy một hậu quả tệ hại hơn. So sánh tôn giáo với thuốc phiện, Mác tiếp cận tôn giáo ở hai phương diện: phương diện tích cực: *làm giảm bớt sự đau khổ của con người bằng sự đền bù hư ảo* và phương diện tiêu cực: *tạo ra ảo tưởng có hại.*

Theo Mác, *xóa bỏ tôn giáo là xóa bỏ ảo tưởng của nhân dân.* Để từ bỏ ảo tưởng, trước hết phải xóa bỏ "tình cảnh đang cần có ảo tưởng". Do đó, *phê phán tôn giáo phải gắn liền với sự phê phán*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.570

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.570.

tình trạng bất công, đau khổ trong xã hội, chính tình trạng đó là nguồn gốc của sự phản ánh hư ảo của tôn giáo. Mác viết: "Xóa bỏ tôn giáo, với tính cách là xóa bỏ hạnh phúc *ảo tưởng* của nhân dân, là yêu cầu thực hiện hạnh phúc *thực sự* của nhân dân. Yêu cầu từ bỏ những ảo tưởng về tình cảnh của mình cũng là *yêu cầu từ bỏ cái tình cảnh đang cần có ảo tưởng*. Do đó, việc phê phán tôn giáo là *hình thức manh nha của sự phê phán cuộc sống khổ ải* mà tôn giáo là *vòng hào quang thần thánh* của nó"[1].

Theo Mác, tác dụng của sự phê phán tôn giáo là giúp con người *vứt bỏ xiềng xích* của "những bông hoa giả" để giơ tay hái lấy "những bông hoa thật", *thoát khỏi ảo tưởng* để bắt đầu suy nghĩ, hành động, xây dựng tính hiện thực của mình.

Mác cũng chỉ ra mục đích của việc phê phán tôn giáo nhằm "*lật đổ tất cả những quan hệ*, trong đó con người là một sinh vật bị làm nhục, bị nô dịch, bất lực, bị khinh rẻ"[2].

Như vậy, việc phê phán tôn giáo chỉ là tiền đề của sự phê phán toàn bộ chế độ xã hội. Tuy nhiên, theo Mác, sự phê phán xã hội bằng lý luận là chưa đủ để làm thay đổi xã hội. Tư tưởng của Mác về *cách mạng bạo lực* đã thể hiện trong tác phẩm này. Mác viết: "Vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế được sự phê phán của vũ khí, lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất,

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.570.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.580-581.

một khi nó thâm nhập vào quần chúng"[1].

1.1.4. Một số nhận xét về tư tưởng triết học trong tác phẩm

Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen là tác phẩm lớn đầu tiên của Mác trong quá trình chuyển biến từ lập trường duy tâm sang duy vật, từ lập trường dân chủ cấp tiến sang lập trường cách mạng vô sản.

Trong tác phẩm này, Mác đã nêu lên *quan điểm duy vật về cơ sở của nhà nước và pháp quyền*, đó là cá nhân, gia đình và xã hội công dân cũng như những mâu thuẫn hiện thực trong xã hội công dân, chứ không phải là ý niệm tuyệt đối có trước thế giới hay thượng đế như quan điểm của Hêghen. Mác đứng trên lập trường dân chủ cấp tiến để phê phán lập trường quân chủ bảo thủ của Hêghen. Quan điểm của Mác về *chủ quyền tối cao của nhân dân* là một tư tưởng chủ tiến bộ, nhưng rất tiếc không được tiếp tục nghiên cứu và kế thừa dẫn đến tình trạng lạm quyền ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa sau này.

Nếu các nhà duy vật thế kỷ XVIII và Phoiơbac chủ yếu xem xét nguồn gốc tôn giáo ở phương diện nhận thức, do "sự dốt nát đẻ ra thần thánh" (Holbach), hay do "sự tha hóa trong tự ý thức của con người" (Feuerbach), thì trong tác phẩm này, Mác xem xét tôn giáo ở khía cạnh xã hội nhiều hơn, xem xét tôn giáo ở hai mặt: tích cực và tiêu cực của nó. Tuy nhiên, quan điểm mácxít về tôn giáo vẫn chưa phải là quan điểm toàn diện, vẫn chưa thể giải thích hết được

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.580.

nguồn gốc của tôn giáo. Trong điều kiện hiện nay, các nguyên nhân như dốt nát, nghèo đói, bị áp bức, bóc lột ở nhiều dân tộc không còn nữa, nhưng tôn giáo vẫn không suy giảm. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu sau này thường chỉ trích dẫn câu "Tôn giáo là *thuốc phiện* của nhân dân" để mô tả quan điểm mácxít về bản chất của tôn giáo và vì thế đồng nhất chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa vô thần dẫn đến nhiều biểu hiện sai lầm trong quan hệ giữa nhà nước với tôn giáo. Công cuộc đổi mới chủ nghĩa xã hội đã đem lại cách nhìn mới mẻ về nguồn gốc và vai trò của tôn giáo. Tuy nhiên, vấn đề này *còn rất phức tạp*, cần phải được *tiếp tục nghiên cứu bổ sung thêm*.

1.2. TÁC PHẨM BẢN THẢO KINH TẾ - TRIẾT HỌC NĂM 1844

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tác phẩm "*Bản thảo kinh tế triết học năm 1844*"[1] được viết trong khoảng từ tháng 4 đến tháng 8-1844. Trong các tập bản thảo, Mác phân tích những vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa tư bản, như tiền công, lợi nhuận tư bản, sự thống trị của tư bản đối với lao động và động cơ của tư bản, sự tích lũy và cạnh tranh tư bản, địa tô, lao động bị tha hóa, sở hữu tư nhân; đồng thời Mác cũng nói về chủ nghĩa cộng sản, phê phán chủ nghĩa Hêghen. Phần lớn những

[1]. Nguyên bản tiếng Đức: *Ökonomisch-philosophische Manuskripte aus dem Jahre 1844*. Bản tiếng Anh: *Economic & Philosophic Manuscripts of 1844, MECW*, Progress Publishers, vo 3, Moscow, 1975, p.229-348. Bản tiếng Việt in trong C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.42, tr.64-249.

vấn đề này sẽ được Mác nghiên cứu một cách cụ thể và đầy đủ hơn trong những tác phẩm về sau. Ở đây chúng ta chỉ tập trung nghiên cứu *quan điểm của Mác về con người* và những biểu hiện cùng nguyên nhân của *sự tha hóa của lao động* dưới chế độ tư bản.

1.2.2. Một số nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Mác trình bày quan điểm duy vật về con người như là tiền đề để phân tích sự tha hóa của con người trong lao động

Như ta đã biết, Phoiơbac xuất phát từ *ý thức* để xác định bản chất của con người và phân biệt con người với con vật, do đó Phoiơbac xem xét sự tha hóa của con người ở phương diện ý thức, cụ thể là *ý thức tôn giáo*. Trái lại, Mác coi *con người là một thực thể sinh vật - xã hội*, con người phân biệt với con vật ở mặt xã hội.

Trước hết, theo Mác, "con người là một bộ phận của giới tự nhiên", giới tự nhiên là "*thân thể vô cơ* của con người", "vì thứ nhất, giới tự nhiên là tư liệu sinh sống trực tiếp đối với con người, và thứ hai giới tự nhiên là vật liệu, đối tượng và công cụ của hoạt động sinh sống của con người"[1].

Mặt khác, Mác cũng chỉ ra sự khác biệt của con người với tự nhiên, cụ thể là khác với con vật. Từ chỗ chỉ ra rằng sự phân biệt giữa các loài sinh vật được quy định bởi *tính chất của hoạt động sinh sống* của loài đó, Mác đi đến kết luận rằng *tính chất đặc trưng của loài người* là *hoạt động sinh sống có ý thức*: "Tính chất của

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.135.

hoạt động sinh sống bao hàm toàn bộ tính chất của một chủng nhất định, tính loài của nó, và hoạt động tự do, có ý thức chính là tính chất loài của con người"[1].

Hoạt động sinh sống của con vật là hoạt động thuần túy *vật chất, bản năng, vô thức*. "Con vật đồng nhất trực tiếp với hoạt động sinh sống của nó. Nó không tự phân biệt nó với hoạt động sinh sống của nó". Còn "Hoạt động sinh sống của con người là hoạt động sinh sống có ý thức... Hoạt động sinh sống có ý thức phân biệt trực tiếp con người với hoạt động sinh sống của con vật"[2].

Hoạt động sinh sống có ý thức của con người chính là *hoạt động lao động sản xuất*. Bằng hoạt động có ý thức, con người sản xuất ra thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo, phương tiện đi lại, thuốc chữa bệnh, v.v., là những thứ không có sẵn trong tự nhiên. Dĩ nhiên, hoạt động sản xuất vật chất chỉ là những *hoạt động cơ sở, cơ bản*, bên trên còn có nhiều hoạt động cao hơn nữa, như hoạt động chính trị - xã hội, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động nghệ thuật, v.v.. Tuy nhiên, nếu không có hoạt động cơ sở này thì con người không thể có bất kỳ hoạt động văn hóa, văn minh nào khác cả.

Theo Mác, con vật chỉ sản xuất ra cái mà cơ thể nó trực tiếp cần đến. Con người không chỉ sản xuất ra cái mà nó trực tiếp cần, mà còn sản xuất ra những cái mà nó chưa trực tiếp cần. Con người sản xuất ra cái không chỉ để phục vụ cho cá nhân mình, mà còn để

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.136.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.136.

phục vụ cho nhu cầu của của xã hội. Điều đó có nghĩa là, *sản phẩm của lao động sản xuất của con người đã được giải phóng khỏi nhu cầu trực tiếp của cơ thể con người*, con người "đối diện một cách tự do với sản phẩm của mình"[1].

Con vật trong quá trình sinh sống thì phá hoại, khai thác tự nhiên, mà không tái tạo lại tự nhiên, cho nên đến một giai đoạn nào đó, giới tự nhiên đã bị khai thác hết, không còn đủ nuôi sống một giống vật nào đó, nó phải bị tuyệt chủng. Trái lại, con người không chỉ sản xuất cho bản thân mình mà còn "*tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên*", có nghĩa là con người tái tạo, hoàn thiện môi trường tự nhiên cần cho đời sống lâu dài của mình, làm cho môi trường sống của mình ngày càng tốt đẹp hơn.

Ngoài ra, con người còn sản xuất ra những vật phẩm để thỏa mãn *nhu cầu thẩm mỹ* của mình. Mác viết: "Con vật chỉ xây dựng theo kích thước và nhu cầu của loài của nó, còn con người thì ... ở đâu cũng biết vận dụng bản chất cố hữu của mình vào đối tượng; do đó con người cũng xây dựng theo các quy luật của cái đẹp"[2].

- Sự phân tích của Mác về "lao động bị tha hóa" (Die entfremdete Arbeit) trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa

Tính từ tiếng Đức entfremdet (được dịch ra tiếng Anh: *alienated, estranged*, tiếng Việt là *"bị tha hóa"*, các sách triết học xuất bản ở miền Nam trước ngày giải phóng thường dịch là *"vong thân"*), xuất phát từ động từ *"entfremden" (tiếng Đức), alienate*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.42, tr.137.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.42, tr.137.

hoặc *estrange* (tiếng Anh) có nghĩa là *chia tách ra, làm cho trở thành xa lạ*. Khái niệm "bị tha hóa" thường được hiểu là *đánh mất bản chất của mình, trở thành xa lạ với bản chất của mình và với những đối tượng chung quanh mình*. Lao động bị tha hóa có nghĩa là *lao động mất đi cái bản chất tốt đẹp của nó, bị tách ra khỏi người lao động, trở thành xa lạ với người lao động*.

Mác *xuất phát từ quan niệm duy vật lịch sử khi bàn đến sự tha hóa*. Khác với Phoiơbac, Mác xem lao động *là yếu tố cơ bản nhất* ở con người, vì thế, con người bị tha hóa *trước hết là sự tha hóa trong lao động*. Đây chính là mấu chốt để tìm hiểu nguồn gốc sự tha hóa ở những phương diện khác của con người và con đường khắc phục nó.

Sự tha hóa của lao động xuất phát từ chỗ:

Một là, trong nền sản xuất hàng hóa tư bản, sản xuất không chỉ tạo ra hàng hóa, mà nó còn biến người công nhân thành hàng hóa. Mác viết: "Người công nhân càng tạo ra nhiều hàng hóa, anh ta lại trở thành một hàng hóa càng rẻ mạt. Thế giới vật phẩm càng *tăng thêm giá trị* thì thế giới con người càng *mất giá trị*"[1].

Hai là, khi sức lao động đã trở thành hàng hóa, bị bán cho nhà tư bản thì nó không còn là sở hữu của người lao động nữa, nó trở thành *xa lạ* với chính người lao động, thậm chí còn chống lại chính người lao động.

Ba là, những vật phẩm do lao động sản xuất ra không thuộc về người lao động, mà thuộc về nhà tư bản. Mác viết: "Người công

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.128.

nhân quan hệ với *sản phẩm lao động của mình* như với một vật *xa lạ*". Người công nhân càng làm kiệt sức mình trong công việc thì "thế giới vật phẩm do bản thân anh ta tạo ra xa lạ đối với anh ta, chống lại chính anh ta trở nên càng mạnh; bản thân anh ta, thế giới bên trong của anh ta trở nên càng nghèo; của cải thuộc về anh ta càng ít"... "*Sự tha hóa* của công nhân trong sản phẩm của anh ta ... còn có ý nghĩa là lao động của anh ta tồn tại ở *bên ngoài anh ta,* không phụ thuộc vào anh ta, xa lạ với anh ta, và lao động ấy trở thành một lực lượng độc lập đối lập với anh ta, có nghĩa là đời sống mà anh ta truyền cho vật phẩm, chống lại anh ta như một đời sống đối địch và xa lạ"[1].

Theo Mác, sự tha hóa của công nhân *đối với* sản phẩm của mình biểu hiện thành những *nghịch lý* như sau: "Công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta có thể tiêu dùng càng ít; anh ta tạo ra càng nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng bị mất giá trị, càng bị mất phẩm cách; sản phẩm của anh ta tạo dáng càng đẹp thì anh ta càng què quặt; vật do anh ta tạo ra càng văn minh thì bản thân anh ta càng giống với người dã man; lao động càng hùng mạnh thì người công nhân càng ốm yếu; công việc anh ta làm càng phức tạp thì bản thân anh ta càng trống rỗng về trí tuệ và càng bị nô lệ vào giới tự nhiên"[2].

Chính lao động bị tha hóa cũng làm xuất hiện *những sự tương phản* được Mác chỉ ra: "Dĩ nhiên, lao động sản xuất ra những vật

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.129-130.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.131.

phẩm kỳ diệu cho những người giàu, nhưng chính nó lại sản xuất ra sự bần cùng hóa công nhân. Nó tạo ra lâu đài, nhưng cũng tạo ra cả những nhà ổ chuột cho công nhân. Nó sáng tạo ra cái đẹp, nhưng cũng làm què quặt công nhân. Nó thay lao động thủ công bằng máy móc, nhưng nó lại ném một bộ phận công nhân trở về với lao động dã man và biến một bộ phận công nhân khác thành những cái máy. Nó sản xuất ra trí tuệ, nhưng cũng sản xuất ra cả sự đần độn, ngu ngốc cho công nhân"[1].

Theo bản chất của nó, lao động là niềm vui, là hạnh phúc của con người, nhưng trong nền sản xuất tư bản, *lao động trở thành nỗi bất hạnh của người lao động*. Lao động *mất đi tính tự nguyện tự giác*, mà chỉ còn tính bắt buộc, tính cưỡng bức; người lao động không còn có nhu cầu lao động, mà lao động chỉ là phương tiện để thỏa mãn những nhu cầu khác Mác viết: "Cho nên chỉ có ở ngoài lao động, công nhân mới cảm thấy mình là chính mình, còn trong quá trình lao động thì cảm thấy mình bị tách khỏi bản thân mình. Anh ta cảm thấy như ở nhà mình khi anh ta không làm việc, còn khi anh ta làm việc thì anh ta thấy không còn như ở nhà mình nữa. Do đó, lao động của anh ta không phải là tự nguyện mà là bắt buộc; đó là *lao động cưỡng bức*... Tính bị tha hóa của lao động biểu hiện rõ rệt ở chỗ là một khi không còn sự cưỡng bức lao động về thể xác hoặc về mặt khác thì người ta trốn tránh lao động như trốn tránh bệnh dịch hạch vậy"[2].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.131.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.132-133.

Lao động bị tha hóa không chỉ làm cho hoạt động xã hội mất đi tính chủ động, tự do, sáng tạo, mà còn "làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của con người, bản chất *nhân loại* của con người, trở thành xa lạ với con người". Lao động bị tha hóa còn dẫn đến "*sự tha hóa của con người với con người*"[1] .

Mác cũng chỉ ra rằng, chính *chế độ tư hữu vừa là kết quả của lao động bị tha hóa, đồng thời trở thành nguyên nhân của nó*, "mặc dù sở hữu tư nhân biểu hiện ra là cơ sở, là nguyên nhân của lao động bị tha hóa, nhưng thực ra là ngược lại, nó hóa ra là kết quả của lao động bị tha hóa"[2].

Một câu hỏi được đặt ra : Tại sao Mác cho rằng, suy cho cùng, chế độ tư hữu lại là *kết quả* của lao động bị tha hóa? Hiện nay có quan điểm ngược lại cho rằng *chế độ tư hữu ra đời là kết quả của văn minh nhân loại*. Liệu hai cách tiếp cận này có mâu thuẫn với nhau không? Theo chúng tôi, đứng trên quan điểm lịch sử để xem xét thì chế độ tư hữu ra đời là sự phủ định đối với chế độ công hữu và lối làm ăn tập thể của xã hội nguyên thủy, nó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh hơn, như vậy *chế độ tư hữu là một tiến bộ lịch sử*. Tuy nhiên, chế độ tư hữu cũng có mặt trái của nó: Trong điều kiện lực lượng sản xuất còn thấp kém, lao động còn là nỗi cực nhọc của con người, nhiều người coi lao động như là điều bất hạnh, tìm cách thoát ly khỏi lao động và sống bằng lao động của người

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.138.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.42, tr.142.

khác. Họ chiếm hữu tư liệu sản xuất để bóc lột lao động của người khác làm giàu cho bản thân mình. Cho nên, Mác nói : "Giai cấp hữu sản và giai cấp vô sản đều là sự tự tha hoá của con người. Nhưng giai cấp thứ nhất cảm thấy mình được thỏa mãn ... Còn giai cấp thứ hai thì cảm thấy mình bị hủy diệt trong sự tha hoá đó"[1].

Cũng theo lôgíc như vậy, Mác dự kiến rằng khi lực lượng sản xuất phát triển ở trình độ cao, lao động thực sự trở thành nhu cầu, niềm vui của mọi người; mọi người sẽ có đầy đủ điều kiện để sống hạnh phúc bằng lao động của chính mình, không còn tìm cách chiếm hữu tư liệu sản xuất để bóc lột lao động của người khác nữa thì tình trạng lao động bị tha hóa mới có thể khắc phục được hoàn toàn.

1.2.3. Một số nhận xét về tác phẩm

Những tư tưởng kinh tế của Mác trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* mới chỉ là những phôi thai mà sau này được Mác phát triển ở trong bộ *Tư bản*.

Giá trị nổi bật trong tác phẩm này là sự phân tích lao động bị tha hóa trên lập trường nhân bản, lập trường duy vật lịch sử. Tác phẩm biểu hiện lòng nhân đạo sâu sắc của Mác, tuy nhiên, trong tác phẩm này, Mác mới chỉ tiên đoán rằng, chủ nghĩa cộng sản sẽ khắc phục được sự tha hóa của lao động, nhưng chưa vạch ra con đường cụ thể để giải phóng con người, để khắc phục sự tha hóa của con người.

Chủ nghĩa xã hội có nhiệm vụ khắc phục sự tha hóa của con

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr.54.

người, trước hết là sự tha hóa trong lao động sản xuất. Tuy nhiên, mô hình kế hoạch hóa tập trung thời kỳ trước đổi mới chẳng những không khắc phục được tình trạng lao động bị tha hóa mà còn *làm cho nó rơi vào sự tha hóa mới*. Do quản lý yếu kém, sở hữu nhà nước và tập thể trở thành sở hữu *vô chủ*, năng suất lao động trong các doanh nghiệp nhà nước và tập thể ngày càng giảm sút, sở hữu và lao động tập thể trở thành *xa lạ* đối với người lao động dẫn đến tình trạng *khủng hoảng* và sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Thực tế này cho thấy, lao động bị tha hóa không chỉ tồn tại trong điều kiện lao động cực nhọc, năng suất thấp, phân phối không công bằng, người lao động bị áp bức, bóc lột, mà *còn diễn ra trong điều kiện cơ chế quản lý kinh tế - xã hội yếu kém*.

Phân tích "lao động bị tha hóa" trong phương thức sản xuất tư bản được nhiều học giả phương Tây đánh giá là một trong những đóng góp lớn của Mác về lý luận và thực tiễn. Khắc phục hiện tượng lao động bị tha hóa nhằm tạo ra động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội đã được nhiều nhà nước và tập đoàn tư bản trên thế giới quan tâm và đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, theo nhận xét của nhiều nhà nghiên cứu, cho đến nay hiện tượng "tha hóa" nói chung vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn.

Ở nước ta, quá trình đổi mới chủ nghĩa xã hội *đã khắc phục về cơ bản* tình trạng lao động bị tha hóa của thời kỳ bao cấp trước đây, tuy nhiên hiện nay trong *một số* doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, cơ quan công quyền, cơ sở y tế, giáo dục – đào tạo, v.v., tình trạng lao động bị tha hóa vẫn còn tồn tại, thậm chí có một số biểu hiện

không thể chấp nhận được. Như vậy, hiện tượng lao động bị tha hóa còn có nhiều nguyên nhân khác, ngoài nguyên nhân xã hội *còn có nguyên nhân nằm trong bản tính của con người* cần phải được tiếp tục nghiên cứu.

CHƯƠNG 2

CÁC TÁC PHẨM TRIẾT HỌC CỦA MÁC VÀ ĂNGGHEN TRONG THỜI GIAN 1845-1848

2.1. TÁC PHẨM "LUẬN CƯƠNG VỀ PHOIƠBAC"

2.1.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tác phẩm *Luận cương về Phoiơbac*[1] bao gồm những "luận cương" (đúng hơn là "luận đề"), tức những nhận xét ngắn gọn của Mác về Phoiơbac được ông viết tại Brúcxen (Bỉ) vào mùa xuân năm 1845, được Ăngghen công bố lần đầu tiên năm 1888 trong phụ lục của bản in tác phẩm *Lútvích Phoiơbac và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*. Đầu đề *Luận cương về Phoiơbac* là do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin ở Liên Xô đặt ra sau này.

2.1.2. Tư tưởng triết học trong một số luận cương quan trọng

Tác phẩm này gồm có 11 luận đề ngắn về Phoiơbac, trong đó Mác nêu lên những hạn chế, khuyết điểm chủ yếu của Phoiơbac cũng như của chủ nghĩa duy vật trước đó, đồng thời qua đó trình

---

[1]. Tiếng Đức: *Thesen über Feuerbach*. Bản dịch tiếng Anh: *Theses on Feuerbach, MECW,* Progress Publishers, vo 5, Moscow, 1975, p.3-10. Bản tiếng Việt in trong: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.3, tr.9-13.

bày quan điểm triết học của mình. Sau đây là một số luận cương cần lưu ý :

- Luận cương 1

Trong luận cương này, Mác nêu lên "Khuyết điểm chủ yếu của toàn bộ chủ nghĩa duy vật từ trước đến nay - kể cả chủ nghĩa duy vật của Phoi-ơ-bắc" ở ba điểm sau:

Một là, chỉ xem xét sự vật, hiện tượng *ở góc độ "trực quan"*, như là những đối tượng của cảm giác, chứ không xem xét chúng ở góc độ "hoạt động cảm giác", tức *hoạt động vật chất.*

Hai là, vì không xem xét sự vật, hiện tượng về mặt "thực tiễn", nên *chưa thấy được vai trò của tính năng động chủ quan* và trận địa này đã bị chủ nghĩa duy tâm chiếm lĩnh.

Ba là, Phoiơbac chỉ coi hoạt động lý luận mới là "hoạt động đích thực của con người"; còn thực tiễn chỉ là hoạt động của những người lao động tầm thường, thấp kém.

- Luận cương 2:

Luận cương này có hai nội dung quan trọng:

- Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn mà "con người phải chứng minh chân lý, nghĩa là chứng minh tính hiện thực và sức mạnh, tính trần tục của tư duy của mình".

- Chân lý chỉ được chứng minh bằng hoạt động thực tiễn. Còn sự tranh cãi về mặt lý luận tách rời thực tiễn chỉ "là một vấn đề *kinh viện* thuần túy", tức là cách làm của chủ nghĩa kinh viện thời trung cổ, người ta chỉ lấy những giáo điều trong kinh sách làm tiêu chuẩn cho chứng minh hay bác bỏ.

- Luận cương 3:

Trong luận cương này, Mác vạch ra hạn chế của quan điểm duy vật (thế kỷ XVIII ở Pháp) về nhân cách, *coi nhân cách của con người* là "sản phẩm của những hoàn cảnh và của giáo dục" (hoàn cảnh ở đây được hiểu là môi trường xã hội và địa lý).

Mác nêu lên *quan hệ biện chứng* giữa hai mặt: con người vừa là *sản phẩm* của hoàn cảnh, vừa là *chủ thể cải tạo hoàn cảnh, sáng tạo ra hoàn cảnh mới*. Con người là sản phẩm của một nền giáo dục nhất định; nhưng *không nên tuyệt đối hóa giáo dục*. Theo Mác, nếu tuyệt đối hóa giáo dục sẽ dẫn đến việc đặt "một bộ phận đứng lên trên xã hội" (bộ phận những nhà giáo dục) và bộ phận còn lại chỉ là sản phẩm thụ động của một chế độ giáo dục nhất định, mà "bản thân nhà giáo dục cũng phải được giáo dục".

- Luận cương 6:

Trong luận cương này, Mác khẳng định: "Trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là tổng hòa những quan hệ xã hội". Theo Mác, con người khi sinh ra chỉ là một loài động vật cao cấp, chưa có bản chất con người. Bản chất con người mà mỗi cá nhân có được là do giáo dục, rèn luyện trong môi trường văn hóa xã hội, được thể hiện ra trong "tổng hòa" những quan hệ xã hội của cá nhân được hình thành thông qua hoạt động thực tiễn. Khi phê phán Phoiơbac, Mác nhấn mạnh cái mà Phoiơbac chưa thấy và chưa đề cập đến - tức *mặt xã hội*; Mác không hề có ý định đưa ra một định nghĩa hoặc một quan điểm đầy đủ về bản chất con người. Bản chất của con người nói chung và bản chất tốt hay xấu của một cá nhân

là hai vấn đề khác nhau. Bản chất của một cá nhân là do yếu tố bên trong nhân cách của cá nhân đó quyết định và biểu hiện ra thông qua "tổng thể" những quan hệ và nhất là *hoạt động, lối sống xã hội* của cá nhân. Sự hiểu không chính xác luận đề này dẫn đến việc quy bản chất của cá nhân vào thành phần giai cấp và gia đình chỉ là một mặt của quan hệ xã hội mà thôi.

- Luận cương 8:

Trong luận cương này, Mác chỉ ra rằng: "Đời sống xã hội, về thực chất, là *có tính thực tiễn"*, điều này nghĩa là: đời sống xã hội *là kết quả của toàn bộ hoạt động thực tiễn* của con người. Đồng thời, Mác cũng chỉ ra vai trò của thực tiễn như là *tiêu chuẩn của chân lý*. Tất cả những gì *thần bí* mà chủ nghĩa duy tâm và tôn giáo đưa ra tưởng như không thể biết được là đúng hay sai, tưởng như không bao giờ có thể bác bỏ được, nhưng chúng sẽ được làm sáng tỏ trong hoạt động thực tiễn lâu dài của nhân loại.

- Luận cương 11:

Mác viết: "Các nhà triết học đã chỉ *giải thích* thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là *cải tạo* thế giới"[1]. Giải thích thế giới là *chức năng thế giới quan* của triết học. Tuy nhiên, ngoài chức năng thế giới quan, triết học còn có *chức năng phương pháp luận*. Thực chất của "cải tạo thế giới" là *cải biến xã hội* làm cho cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Một số nhà triết học (chẳng hạn, nhà triết học Pháp Jean-François Lyotard) coi việc nhận thức và

---

[1]. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.12.

cải tạo thế giới là những "đại tự sự" (chuyên đại sự) không thể thực hiện được. Một số nhà triết học khác (ví dụ, nhà triết học Áo Karl Popper) thì chống lại cách tiếp cận và khả năng cải biến xã hội toàn phần và chỉ thừa nhận khả năng nhận thức và cải biến từng phần mà thôi.

2.2. TÁC PHẨM "HỆ TƯ TƯỞNG ĐỨC"

2.2.1. Hoàn cảnh ra đời và nội dung chính của tác phẩm

Tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* có tên đầy đủ: "Hệ tư tưởng Đức (Phê phán triết học Đức hiện đại qua các đại biểu của nó là Phoiơbac, B. Bauơ, Stiécnơ và phê phán chủ nghĩa xã hội Đức qua các nhà tiên tri khác nhau của nó)[1] được Mác và Ăngghen viết từ tháng 9-1845 và hoàn thành về cơ bản vào mùa Hè năm 1846, sau đó được bổ sung và hoàn thiện tiếp trong vòng một năm.

Phần lớn các chương của tác phẩm không được xuất bản lúc sinh thời của các ông, chỉ có một số chương được công bố trên các tạp chí. Tác phẩm được *Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin ở*

---

[1]. Nguyên bản tiếng Đức: *Die deutsche Ideologie. Kritik der neuesten deutschen Philosophie in ihren Repräsentanten Feuerbach, B. Bauer und Stirner, und des deutschen Sozialismus in seinen verschiedenen Propheten.* Bản dịch tiếng Anh: *The German Ideology. Critique of Modern German Philosophy According to its representatives Feuerbach, B. Bauer and Stirner, and German Socialism According to its Various Prophets*, MECW, Progress Publishers, vo 5, Moscow, 1975, p.19-584. Bản dịch tiếng Việt được in trong C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.3, tr.15-793.

Mátxcơva công bố lần đầu tiên toàn văn bằng tiếng Đức năm 1932 và bằng tiếng Nga năm 1933.

Tác phẩm gồm hai tập.

Tập I: Phê phán triết học Đức hiện đại qua các đại biểu của nó là Phoiơbac, B. Bauơ và Stiếcnơ. Gồm có:

- Lời nói đầu.

- Chương 1: Phoiơbac: Sự đối lập giữa quan điểm duy vật và quan điểm duy tâm. Nội dung chính của chương này là phê phán Phoiơbac, thông qua đó, Mác và Ăngghen trình bày quan điểm duy vật lịch sử và quan niệm về chủ nghĩa cộng sản của mình.

- Chương 2: Thánh Bruno. Nội dung chính của chương này là phê phán Bruno Bauơ (một đại biểu trong nhóm Hêghen trẻ).

- Chương 3: Thánh Maxơ. Nội dung chính của chương này là phê phán Maxơ Stiếcnơ (trong nhóm Hêghen trẻ).

Tập 2: gồm 5 chương, riêng chương 2 và chương 3 không tìm thấy bản thảo. Nội dung chính của tập này là phê phán "chủ nghĩa xã hội chân chính" thông qua những nhà tiên tri khác nhau của nó.

2.2.2. Nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Sự phê phán của Mác và Ăngghen đối với hệ tư tưởng Đức

+ Phê phán quan điểm của Phoiơbac về người cộng sản

Mác và Ăngghen chỉ ra rằng: Phoiơbac dựa vào định nghĩa "con người xã hội" để tự tuyên bố mình là người cộng sản, biến danh từ "người cộng sản" thành *một phạm trù đơn giản*. Người cộng sản của Phoiơbac chỉ là người cộng sản trên lời nói. Theo

Mác và Ăngghen, người cộng sản chân chính phải là "nhà duy vật thực tiễn"... "tất cả vấn đề là ở chỗ cách mạng hóa thế giới hiện thực, tấn công và làm thay đổi một cách thực tiễn trạng thái sự vật hiện có"[1].

Quan điểm này của Mác và Ăngghen về người cộng sản cũng như tư tưởng về vai trò "cải tạo thế giới" của nhà triết học trong "Luận cương về Phoiơbac"cần phải được hểu và vận dụng *một cách mềm dẻo*, nếu không sẽ rơi vào chủ nghĩa cực đoan.

+ Mác và Ăngghen chỉ ra hạn chế của Phoiơbac trong vấn đề con người

Phoiơbac chỉ nói đến *con người trừu tượng* - tức cá thể con người *"là đối tượng của cảm giác"* (nghĩa là con người vật chất, động vật), mà "không xem xét con người trong mối quan hệ xã hội nhất định của họ, trong những điều kiện sinh hoạt hiện có của họ". Tóm lại, Phoiơbac chỉ nói về con người trừu tượng, mà không phải là "con người lịch sử, hiện thực"[2].

Mác và Ăngghen cũng chỉ ra một hạn chế nữa của Phoiơbac là khi xem xét thế giới: "Quan niệm của Phoiơbac về thế giới cảm giác được chỉ giới hạn một mặt ở sự ngắm nhìn thế giới đó và mặt khác, ở cảm giác đơn thuần"[3]. Phoiơbac chỉ dừng lại ở sự trực quan khoa học, không thấy vai trò của sản xuất vật chất trong việc biến đổi giới tự nhiên và đối với sự tồn tại và phát triển của khoa học

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.61.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.61.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.61.

cũng như đối với bản thân nhà khoa học. Vì vậy, Phoiơbac *là nhà duy vật không triệt để*. "Khi Phoiơbac là nhà duy vật thì ông không bao giờ đề cập đến lịch sử; còn khi ông xem xét đến lịch sử thì ông không phải là nhà duy vật. Ở Phoiơbac, lịch sử và chủ nghĩa duy vật hoàn toàn tách rời nhau"[1].

+ Mác và Ăngghen phê phán phái Hêghen trẻ

Phái Hêghen trẻ cho rằng quan niệm, ý niệm, khái niệm *có một sự tồn tại độc lập và là những xiềng trói buộc con người*. Do vậy họ cho rằng "chỉ cần tiến hành đấu tranh chống lại những ảo tưởng đó của ý thức mà thôi"[2].

Phái Hêghen trẻ nghĩ rằng, bằng cách *phê phán* tư tưởng sai trái ràng buộc con người là có thể giải phóng con người, có thể làm đảo lộn thế giới. Đây là quan điểm duy tâm vì theo Mác và Ăngghen, *nếu chỉ đấu tranh chống lại những câu nói* thì không thể làm thay đổi thế giới hiện thực được[3]. Thật ra đằng sau sự thống trị của một hệ tư tưởng là sự thống trị của những con người mang tư tưởng đó. Cho nên, cuộc đấu tranh chống lại tư tưởng thống trị phải gắn liền với cuộc đấu tranh chống lại sự thống trị của nhóm, tập đoàn sử dụng tư tưởng đó.

- Mác và Ăngghen đề xuất quan điểm duy vật lịch sử

+ Trước hết, Mác và Ăngghen chỉ ra tiền đề xuất phát của chủ nghĩa duy vật lịch sử

---

[1] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.65.
[2] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr. 27.
[3] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr. 28.

Mác và Ăngghen cho rằng: "Những tiền đề xuất phát của chúng tôi... là những tiền đề hiện thực... Đó là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, những điều kiện mà họ thấy có sẵn cũng như những điều kiện do hoạt động của chính họ tạo ra"[1].

Xuất phát từ sự tồn tại của những con người đang sống có nghĩa là *phải nghiên cứu cơ thể của con người (mặt sinh học của con người) và mối quan hệ của cơ thể của con người với tự nhiên.* Mác và Ăngghen chỉ rõ: "Tiền đề đầu tiên của toàn bộ lịch sử nhân loại thì đĩ nhiên là sự tồn tại của những cá nhân con người sống. Vì vậy, điều cụ thể đầu tiên cần phải xác định là tổ chức cơ thể của những cá nhân ấy và mối quan hệ mà tổ chức cơ thể ấy tạo ra giữa họ với phần còn lại của tự nhiên"[2].

Tuy nhiên, mặt xã hội mới chính là mặt cơ bản nhất của con người, phân biệt con người với con vật. Con người khác với con vật trước hết *bằng hoạt động sản xuất của cải vật chất.* Trong khi sản xuất ra tư liệu sinh hoạt cho mình, con người cũng sản xuất ra chính bản thân mình. Mác và Ăngghen viết: "Có thể phân biệt con người với súc vật, bằng ý thức, bằng tôn giáo, nói chung bằng bất cứ cái gì cũng được. Bản thân con người bắt đầu tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu *sản xuất ra* những tư liệu sinh hoạt của mình - đó là một bước tiến do tổ chức của cơ thể con người quy định. Sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình, như thế con người đã gián

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.28-29.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.29.

tiếp sản xuất ra chính đời sống vật chất của mình"[1].

Hoạt động lao động sản xuất vật chất *là hành vi lịch sử đầu tiên* của con người, là hoạt động xã hội *cơ bản nhất* của con người; vì "tiền đề đầu tiên của mọi sự tồn tại của con người, và do đó là tiền đề của mọi lịch sử, đó là: người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể "làm ra lịch sử". Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất ra những tư liệu để thỏa mãn những nhu cầu ấy, việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất"[2].

Từ hoạt động sản xuất, Mác và Ăngghen tiến lên nghiên cứu *phương thức sản xuất*; bởi vì hoạt động sản xuất vật chất của con người trong một giai đoạn lịch sử nhất định bao giờ cũng được tiến hành theo một phương thức nhất định. Theo các ông, *phương thức sản xuất chính là một hình thức nhất định của hoạt động sống của con người, một phương thức sinh sống của con người*. Con người như thế nào phụ thuộc vào điều kiện và cách thức sản xuất của họ.

Cũng theo các ông, phương thức sản xuất không đơn thuần là "sự tái sản xuất ra sự tồn tại thể xác của cá nhân". Mà hơn thế, "nó là một phương thức hoạt động nhất định của những cá nhân ấy, một hình thức nhất định của hoạt động sống của họ, một *phương thức sinh sống* nhất định của họ. Hoạt động sống của họ như thế nào thì họ là như thế ấy. Do đó họ là như thế nào, điều đó ăn khớp

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.29.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.39-40.

với sản xuất của họ, với *cái* mà họ sản xuất ra cũng như với *cách* họ sản xuất"[1].

Phương thức sản xuất quy định "không phải chỉ riêng quan hệ của dân tộc này với các dân tộc khác, mà cả toàn bộ kết cấu trong của bản thân dân tộc đã cùng phụ thuộc vào trình độ của sự phát triển của sản xuất và của sự giao tiếp bên trong và bên ngoài của dân tộc ấy"[2].

Mác và Ăngghen cũng cho rằng, phương thức sản xuất quy định *quan hệ xã hội và chính trị của cá nhân, cơ cấu xã hội và nhà nước*, vì "những cá nhân nhất định, hoạt động sản xuất theo một phương thức nhất định, đều nằm trong những quan hệ xã hội và chính trị nhất định" và vì "cơ cấu xã hội và nhà nước luôn luôn nảy sinh ra từ quá trình sinh sống của những cá nhân nhất định"[3].

+ Mác và Ăngghen phân tích quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

Trong một phương thức sản xuất gồm có lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Trong tác phẩm này, Mác và Ăngghen chưa dùng khái niệm "quan hệ sản xuất", mà chỉ mới nói đến "hình thức giao tiếp" hay "xã hội công dân". Lực lượng sản xuất phát triển đến một giai đoạn nhất định sẽ *mâu thuẫn* với quan hệ sản xuất cũ lỗi thời. Mác và Ăngghen nói: "Trong quá trình phát triển của những lực lượng sản xuất có một giai đoạn mà trong đó xuất hiện những lực lượng sản xuất và những phương tiện giao tiếp chỉ có thể gây tác

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.30.
[2] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.30.
[3] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.36.

hại trong khuôn khổ những quan hệ hiện có, và đã không còn là lực lượng sản xuất nữa mà là những lực lượng phá hoại (máy móc và tiền)"[1]. Mâu thuẫn này đòi hỏi phải thay thế quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới: "Người ta thay thế hình thức giao tiếp cũ đã trở thành một trở ngại bằng một hình thức mới phù hợp với những lực lượng sản xuất đã phát triển hơn, và do đó phù hợp với những phương thức hoạt động tiên tiến hơn của các cá nhân; hình thức mới này đến lượt nó lại trở thành trở ngại và lại được thay thế bằng một hình thức khác"[2].

+ Mác và Ăngghen phân tích mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

Các ông chỉ ra rằng, những tư tưởng xã hội về đạo đức, tôn giáo, triết học đều không có lịch sử độc lập; lịch sử của chúng được quy định bởi lịch sử của sản xuất vật chất và sự giao tiếp vật chất của con người. Không phải ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội mà trái lại, *tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội:* "Chính con người là kẻ sản xuất ra những quan niệm, ý niệm, v.v. của mình, song đây là những con người hiện thực, đang hành động đúng như họ bị quy định bởi một sự phát triển nhất định của những lực lượng sản xuất của họ và bởi sự giao tiếp phù hợp với sự phát triển ấy, kể cả những hình thức rộng rãi nhất của những sự giao tiếp đó. Ý thức (das Bewuβtsein) không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức (das bewußte Sein), và tồn tại của con người là quá

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.99.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.104.

trình đời sống hiện thực của con người"[1].

Theo Mác và Ăngghen, trong các hệ tư tưởng, *thế giới hiện thực bị phản ánh lộn ngược do nguyên nhân từ điều kiện lịch sử mà con người đang sống*: "Nếu như trong toàn bộ hệ tư tưởng, con người và những quan hệ của họ bị đảo ngược như trong một camera obscura thì hiện tượng đó cũng nảy sinh ra từ quá trình đời sống lịch sử của con người, hoàn toàn đúng y như hình ảnh đảo ngược của những vật trên võng mạc là sinh ra từ quá trình đời sống thể chất trực tiếp của con người"[2].

Mác và Ăngghen cũng chỉ ra, ngay cả những *ảo tưởng* trong đầu óc con người cũng là sự phản ánh của đời sống hiện thực, tất nhiên là sự phản ánh hư ảo, xuyên tạc, là sự "thăng hoa" của đời sống hiện thực.

Theo các ông, những tư tưởng thống trị trong mỗi thời đại là tư tưởng của *giai cấp thống trị về kinh tế*: "Trong mọi thời đại, những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị. Điều đó có nghĩa là giai cấp nào là lực lượng *vật chất* thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng *tinh thần* thống trị. Giai cấp nào chi phối những tư liệu sản xuất vật chất thì cũng chi phối luôn cả những tư liệu sản xuất tinh thần, thành thử nói chung tư tưởng của những người không có tư liệu sản xuất tinh thần cũng đồng thời bị giai cấp thống trị đó chi phối. Những tư tưởng thống trị không phải là cái gì khác mà chỉ là sự biểu hiện tinh thần của những quan hệ

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.37.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.37. Camera obscura = hộp tối của máy anh.

vật chất thống trị, chúng là những quan hệ vật chất thống trị được biểu hiện đến hình thức tư tưởng"[1].

Các ông cũng cho rằng, khi xã hội không còn sự thống trị của bất cứ một giai cấp nào, thì xã hội sẽ không còn chịu sự thống trị của bất cứ một hệ tư tưởng nào: "Toàn bộ cái bề ngoài đó, cái bề ngoài tựa hồ như sự thống trị của một giai cấp nhất định chỉ là sự thống trị của những tư tưởng nhất định, tất sẽ tự tiêu tan, một khi sự thống trị của bất cứ giai cấp nào không còn là hình thức của chế độ xã hội nữa, nghĩa là một khi không còn cần phải biểu hiện lợi ích riêng thành lợi ích chung, hoặc biểu hiện "cái phổ biến" thành cái thống trị nữa"[2].

- Quan niệm của Mác và Ăngghen về chủ nghĩa cộng sản[3]

Khác với quan điểm của một số nhà tư tưởng khác, Mác và Ăngghen coi chủ nghĩa cộng sản không phải là một sự kiện ý thức, một lý tưởng do con người đặt ra và khuôn theo, mà là *một phong trào hiện thực được quy định bởi những tiền đề đã có trong hiện thực*: "Đối với chúng ta, chủ nghĩa cộng sản không phải là một *trạng thái* cần sáng tạo ra, không phải là một *lý tưởng* mà hiện thực

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.66-67.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.69-70.

[3]. Thuật ngữ "chủ nghĩa cộng sản" được Mác và Ph. Ăngghen dùng trong tiếng Đức là *Kommunismus* (tiếng Anh: communism, tiếng Pháp: communisme, tiếng Nga: коммунизм). Các thuật ngữ này đều xuất phát từ tính từ tiếng Latinh: *communis,* có nghĩa là *chung, cộng đồng*. Do đó, *Kommunismus* phải dịch chính xác là *chủ nghĩa cộng đồng*. Thuật ngữ "chủ nghĩa cộng sản" là do người Trung Quốc dịch sai và chúng ta đã sử dụng từ trước đến nay mà không để ý đến sự sai sót đó.

phải khuôn theo. Chúng ta gọi chủ nghĩa cộng sản là một phong trào *hiện thực*, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay. Những điều kiện của phong trào ấy là do những tiền đề hiện đang tồn tại đẻ ra"[1].

Mác và Ăngghen cho rằng, mục đích của chủ nghĩa cộng sản là *giải phóng con người* khỏi mọi áp bức, bất công và ràng buộc, trong đó chế độ tư hữu là sự ràng buộc lớn nhất. Tất cả các hình thức tư hữu trước từ trước đến nay đều *có tính chất hạn chế*. Cá nhân bị lệ thuộc vào một sự chiếm hữu hạn chế, vào một công cụ sản xuất hạn chế, vào một sự phân công lao động hạn chế. Trong chủ nghĩa cộng sản dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và vào khả năng xã hội điều tiết toàn bộ nền sản xuất xã hội, *con người sẽ được tự do, không bị bó buộc vào một sự phân công lao động cố định như từ trước đến nay*. Mác và Ăngghen viết: "Thật vậy, một khi bắt đầu có phân công lao động thì mỗi người đều có một phạm vi hoạt động nhất định và độc quyền mà người đó buộc phải nhận lấy và không thể thoát khỏi được: người đó là người đi săn, người đánh cá, hoặc người chăn nuôi, hoặc là nhà phê phán có tính phê phán, và người đó vẫn cứ phải là như thế nếu không muốn mất những tư liệu sinh hoạt của mình; còn trong xã hội cộng sản, trong đó không ai bị hạn chế trong một phạm vi hoạt động độc quyền, mà mỗi người đều có thể tự hoàn thiện mình trong bất kỳ lĩnh vực nào thích, thì xã hội điều tiết toàn bộ nền sản xuất, thành thử tôi có khả năng hôm nay làm việc này, ngày mai làm việc khác, buổi sáng đi săn, quá trưa đi đánh cá, buổi chiều chăn nuôi, sau bữa cơm thì

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.51.

làm việc phê phán, tùy theo sở thích của tôi mà chẳng bao giờ trở thành người đi săn, người đánh cá, người chăn nuôi hoặc nhà phê phán cả"[1].

Trong tác phẩm này, Mác và Ăngghen cũng đã có *sự phân biệt giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng tư liệu sản xuất*. Trong chế độ công hữu, quyền sở hữu thì thuộc về xã hội, thuộc về mọi cá nhân; nhưng việc sử dụng những công cụ sản xuất thì gắn liền với từng cá nhân. Các ông viết: "Trong sự chiếm hữu của những người vô sản, một khối lượng lớn các công cụ sản xuất phải nhất thiết lệ thuộc vào từng cá nhân, còn sở hữu thì phải lệ thuộc vào tất cả mọi cá nhân"[2].

Theo Mác và Ăngghen, việc xóa bỏ tư hữu *không phải là việc làm chủ quan*, bởi vì hình thức sở hữu là do trình độ của lực lượng sản xuất quy định. Trong nền sản xuất nhỏ, sở hữu tư nhân vẫn còn phù hợp; "chỉ với công nghiệp lớn mới có khả năng xóa bỏ được sở hữu tư nhân"[3]. Tuy nhiên, tình hình thực tế trên thế giới cho ta thấy rằng, *chủ nghĩa tư bản hiện nay vẫn còn có khả năng tự điều chỉnh để phát triển* trong khuôn khổ sở hữu tư nhân.

Mác và Ăngghen nói về vai trò của đời sống cộng đồng đối với sự phát triển của cá nhân: "Chỉ có trong cộng đồng cá nhân mới có được những phương tiện để có thể phát triển toàn diện những năng khiếu của mình và do đó, chỉ có trong cộng đồng mới có thể có tự

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.47. "Làm việc phê phán" có nghĩa là *làm triết học*, "nhà phê phán" có nghĩa là *nhà triết học*, theo cách nói của nhóm Hêghen trẻ ở Đức, triết học của họ là "sự phê phán có tính phê phán".

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.98.

[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.94-95.

do cá nhân"[1].

Theo các ông, trong các xã hội trước đây, tự do cá nhân chỉ tồn tại đối với những cá nhân người giàu; cộng đồng chỉ có tính chất hư ảo. Chỉ có trong xã hội tương lai mới có được cộng đồng thật sự, trong đó sự liên hợp của cá nhân là điều kiện để thực hiện tự do của cá nhân. Mác và Ăngghen viết: "Trong điều kiện có cộng đồng thật sự, các cá nhân có được tự do khi họ liên hợp lại và nhờ sự liên hợp ấy"[2].

Đó chính là lý do tại sao Mác và Ăngghen đã chọn "chủ nghĩa cộng đồng" (communism), mà không phải là "chủ nghĩa tự do" (liberalism), là khuynh hướng chính trị tư sản có cơ sở là chủ nghĩa cá nhân (individualism) phủ nhận vai trò của cộng đồng.

2.2. 3. Ý nghĩa của tác phẩm

Tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* là một tác phẩm có giá trị lý luận quan trọng trong thời kỳ chủ nghĩa Mác đang hình thành.

Việc phát minh ra chủ nghĩa duy vật lịch sử - một bước ngoặt lớn nhất trong lịch sử tư tưởng triết học của nhân loại, là một đóng góp có ý nghĩa to lớn của Mác và Ăngghen. Các quan điểm duy vật lịch sử đã được phác thảo trong một số tác phẩm trước đó, nhưng có thể nói, đến tác phẩm này, quan điểm duy vật lịch sử mới được trình bày một cách toàn diện và có hệ thống. Các ông đã phân tích một cách khá sâu sắc về các vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử, như tiền đề xuất phát của chủ nghĩa duy vật lịch sử, vấn đề con

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.108.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.108.

người, vai trò của phương thức sản xuất, mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

Trong tác phẩm này, Mác và Ăngghen đã phân tích một cách khá toàn diện và phác họa những nét cơ bản của xã hội tương lai, trong đó một loạt những đối lập xã hội sẽ bị xóa bỏ và con người được giải phóng khỏi mọi ràng buộc giai cấp, giới tính, dân tộc, phân công lao động, v.v, và sẽ trở thành người làm chủ xã hội một cách có ý thức, được tự do và hưởng thụ tất cả thành quả sản xuất vật chất và tinh thần của nhân loại. Tuy nhiên, đây chỉ là những *ý tưởng tốt đẹp*, nhưng việc áp dụng trong thực tế ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây lại không thành công là *do những biện pháp thực hiện không đúng*. Chế độ tư hữu và hình thức phân công lao động cũ theo Mác là một sự ràng buộc con người, nhưng thay thế chế độ tư hữu bằng sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể, lao động tập thể, người lao động lại *đối mặt với một sự ràng buộc lớn hơn, mất tự do nhiều hơn, bị tha hóa nhiều hơn.* Công cuộc đổi mới chủ nghĩa xã hội đòi hỏi chúng ta phải *kết hợp hài hòa giữa công hữu và tư hữu để phát huy thế mạnh của mỗi mặt.*

2.3. TÁC PHẨM "NHỮNG NGUIYÊN LÝ CỦA CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN"

2.3.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*[1] được Mác và Ăngghen viết vào khoảng từ cuối tháng 10 đến tháng 11-1847, được coi là một bản dự thảo làm cơ sở cho tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* ra đời vào tháng 2-1848.

Tác phẩm được trình bày dưới hình thức *hỏi - đáp*. Một câu hỏi được nêu ra và sau đó là phần trả lời. Có tất cả 25 câu hỏi được nêu ra và được trả lời.

2.3.2. Những nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Chủ nghĩa cộng sản là gì?

Đây là câu hỏi thứ nhất được nêu ra và được trả lời: "Chủ nghĩa cộng sản là học thuyết về những điều kiện giải phóng giai cấp vô sản"[2].

Chủ nghĩa cộng sản có thể được hiểu như là *một học thuyết lý luận*, hoặc như là *một hình thái kinh tế - xã hội*. Là một học thuyết lý luận, chủ nghĩa cộng sản thường có tên là "chủ nghĩa cộng sản khoa học", hay "chủ nghĩa xã hội khoa học" nghiên cứu những điều kiện khách quan chín muồi của việc thay thế hình thái kinh tế

---

[1] Nguyên bản tiếng Đức: "Grundsätze des Kommunismus", Bản dịch tiếng Anh: "The Principles of Communism". Bản dịch tiếng Việt in trong C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.454-480.

[1] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd.* t.4, tr.456.

- xã hội tư bản bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản và những điều kiện chủ quan để bảo đảm sự thành công của cuộc cách mạng giải phóng giai cấp vô sản, xây dựng xã hội mới.

- Giai cấp vô sản là gì? Nó ra đời như thế nào? Nó khác với các giai cấp lao động khác như thế nào?

Vấn đề sự ra đời của giai cấp vô sản được nêu và giải đáp từ câu hỏi thứ hai đến câu hỏi thứ tư. Theo Mác và Ăngghen, giai cấp vô sản có hai đặc trưng sau:

+ Là giai cấp những người lao động hiện đại do cuộc cách mạng công nghiệp sản sinh ra. Điều này nói lên sự khác biệt giữa giai cấp vô sản với các giai cấp lao động trong các xã hội trước.

+ Là giai cấp không có tư liệu sản xuất, không sống bằng bất cứ lợi nhuận tư bản nào, mà sống bằng cách bán sức lao động cho nhà tư bản. Mác và Ăngghen nói: "Giai cấp vô sản là một giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ kiếm sống bằng việc bán lao động của mình, chứ không phải sống bằng lợi nhuận của bất cứ số tư bản nào"[1].

Tuy nhiên, theo tư tưởng của Mác và Ăngghen, *giai cấp vô sản không đồng nhất với công nhân*. Công nhân chỉ là *một bộ phận* của giai cấp vô sản, tất nhiên đó là bộ phận đông đảo nhất. Thuật ngữ Hán - Việt "vô sản" thường gây ra sự hiểu lầm là "không có tài sản", đúng ra phải được hiểu là "không có tư hữu". Thuật ngữ "công nhân" cũng bị hiểu lầm là "người lao động sản xuất trực tiếp trong các nhà máy công nghiệp". Thật ra, lao động sản xuất trực

[1] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd.* t.4, tr.455.

tiếp hay lao động dịch vụ, nếu là làm thuê cho tư bản thì cũng đều là công nhân, đều thuộc về *giai cấp vô sản.*

Vấn đề *hàng hóa sức lao động* và người vô sản bán sức lao động như thế nào? được nêu lên và giải đáp trong câu hỏi thứ năm. Theo Mác và Ăngghen: "Lao động cũng là một thứ hàng hóa giống như mọi thứ hàng hóa khác; giá cả của nó cũng tuân theo những quy luật quyết định giá cả của mọi thứ hàng hóa khác"[1].

Câu hỏi thứ sáu đến câu hỏi 10 nêu lên và giải đáp về sự khác nhau giữa người vô sản với các giai cấp lao động trước giai cấp vô sản như người nô lệ, người nông nô, người thợ thủ công.

- Cách mạng công nghiệp và sự phân chia xã hội thành tư sản và vô sản đã mang lại những hậu quả trước mắt gì?

Trong phần trả lời câu hỏi 11, Mác và Ăngghen nêu ra ba điểm với tính cách là hậu quả tích cực của cách mạng công nghiệp:

Thứ nhất, do lao động máy móc làm giảm giá hàng công nghiệp nên lao động thủ công ở các nước bị phá sản. Những nước lạc hậu phải tách khỏi tình trạng biệt lập của mình, mua hàng hóa của các nước phát triển, tạo ra một *thị trường thế giới thống nhất.* Những gì xảy ra ở các nước văn minh sẽ nhanh chóng ảnh hưởng đến tất cả các nước khác[2].

Thứ hai, cách mạng công nghiệp *làm tăng thêm thế lực của giai cấp tư sản,* làm cho nó trở thành *giai cấp thống trị.*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.459.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.462-463.

Thứ ba, nó *làm cho giai cấp vô sản phát triển theo cùng một tốc độ với giai cấp tư sản*, tập trung họ vào các thành thị, làm cho họ *nhận thức được sức mạnh của mình*. Sự bất mãn của họ ngày càng tăng "chuẩn bị điều kiện cho cuộc cách mạng xã hội mà giai cấp vô sản sẽ tiến hành.[1]

Phần trả lời câu 12 và 13 tiếp tục phân tích những hậu quả của cách mạng công nghiệp, như *khủng hoảng thừa hàng hóa có chu kỳ*, cứ 5 - 7 năm một lần, gây ra tai họa rất lớn trong công nhân, thức tỉnh tinh thần cách mạng ở khắp nơi và gây ra một nguy cơ lớn cho chế độ đương thời. Mác và Ăngghen nêu ra hai kết luận quan trọng:

Thứ nhất, tự do cạnh tranh và nền sản xuất công nghiệp mang tính cá nhân riêng lẻ, vô tổ chức phát triển đến một mức độ nhất định sẽ trở thành *xiềng xích trói buộc* đại công nghiệp. Điều đó đặt ra một yêu cầu tất yếu là phải xây dựng một tổ chức xã hội mới dựa trên sự phát triển có kế hoạch.

Thứ hai, đại công nghiệp và khả năng mở rộng sản xuất một cách vô hạn, "sẽ cho phép xây dựng một chế độ xã hội mới, trong đó tất cả mọi vật phẩm cần thiết cho đời sống sẽ được sản xuất ra nhiều đến nỗi mỗi thành viên trong xã hội đều có thể hoàn toàn tự do phát triển và sử dụng mọi lực lượng và năng lực của mình". Cho nên, "cái tính chất của đại công nghiệp, trong xã hội hiện thời là đẻ ra mọi sự nghèo đói và mọi cuộc khủng hoảng thương nghiệp, thì

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.464-465.

đến một chế độ xã hội khác, chính tính chất ấy lại trở thành tính chất thủ tiêu sự nghèo khổ đó và những sự biến động đem lại tai họa đó"[1].

- Chế độ xã hội mới đó phải như thế nào?

Đây là câu hỏi 14. Trong phần trả lời câu hỏi này, Mác và Ăngghen nêu lên hai đặc điểm quan trọng: *nền sản xuất sẽ do toàn thể xã hội quản lý* vì lợi ích chung với một kế hoạch chung và với sự tham gia của mọi thành viên xã hội. Mác và Ăngghen viết: "Thủ tiêu chế độ tư hữu là một cách nói vắn tắt nhất và tổng quát nhất về việc cải tạo toàn bộ chế độ xã hội... Cho nên, những người cộng sản hoàn toàn đúng khi đề ra việc thủ tiêu chế độ tư hữu thành yêu cầu chủ yếu của mình"[2].

- Điều kiện và phương pháp thủ tiêu chế độ tư hữu:

Trả lời câu hỏi 15, Mác và Ăngghen cho rằng: Việc xóa bỏ tư hữu không phải là việc làm chủ quan tùy tiện. Từ trước đến nay, sự phát triển của lực lượng sản xuất chưa đủ mức làm cho quan hệ sản xuất trở thành xiềng xích trói buộc chúng. Nhưng ngày nay, điều kiện đó đã hình thành nên việc xóa bỏ tư hữu không những là *có thể* thực hiện được mà còn là *cần thiết* nữa[3].

Trả lời câu hỏi 16: Có thể thủ tiêu chế độ tư hữu bằng biện pháp hòa bình được không? Mác và Ăngghen cho rằng, những

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.465-466.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.467.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr. 467-468.

người cộng sản mong muốn sẽ làm được như vậy và sẽ không phản đối biện pháp đó.

Trả lời câu hỏi 17: Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không? Mác và Ăngghen nói: "Không, không thể được, cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên *ngay lập tức* đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu. Cho nên, cuộc cách mạng của giai cấp vô sản đang có tất cả những triệu chứng là sắp nổ ra, sẽ chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu"[1].

- Cách mạng đó sẽ diễn biến như thế nào?

Đây là nội dung câu hỏi 18. Trong phần trả lời câu hỏi này, Mác và Ăngghen cho rằng: Trước hết nó tạo ra *một chế độ dân chủ* và nhờ đó mà trực tiếp hay gián tiếp tạo ra quyền thống trị chính trị của giai cấp vô sản. Sau đó, là 12 biện pháp cụ thể được đưa ra.

Trả lời câu hỏi 19: Cuộc cách mạng đó có thể xảy ra trong riêng một nước nào đó không? Mác và Ăngghen cho rằng: cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa "sẽ đồng thời xảy ra ở trong tất cả các nước văn minh, tức là ít nhất, ở Anh, Mỹ, Pháp và Đức". Nó sẽ "có ảnh hưởng rất lớn đến các nước khác trên thế giới, nó sẽ làm thay đổi hoàn toàn và thúc đẩy cực kỳ nhanh chóng tiến trình phát triển trước kia của các nước đó. Nó là cuộc cách mạng có tính chất

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.469.

toàn thế giới và vì vậy nó sẽ có một vũ đài toàn thế giới"[1].

- Về những kết quả của việc xóa bỏ chế độ tư hữu:

Đây là nội dung của câu hỏi 20. Câu trả lời của Mác và Ăngghen là: "Sự liên hợp chung tất cả mọi thành viên trong xã hội nhằm mục đích cùng nhau khai thác lực lượng sản xuất một cách có kế hoạch; sự phát triển của sản xuất tới mức có thể thỏa mãn nhu cầu của mọi người; sự xóa bỏ tình trạng nhu cầu của số người này được thỏa mãn bằng cách hy sinh nhu cầu của số người khác; sự tiêu diệt hoàn toàn các giai cấp và những sự đối lập giữa các giai cấp đó; sự phát triển toàn diện năng lực của tất cả mọi thành viên trong xã hội bằng cách xóa bỏ lối phân công cũ, tiến hành giáo dục về sản xuất, thay đổi các hình thức hoạt động, làm cho mọi người đều được hưởng những của cải do tất cả mọi người sản xuất ra và cuối cùng bằng cách hòa hợp thành thị với nông thôn - đó là những kết quả chủ yếu nhất của việc thủ tiêu chế độ tư hữu"[2].

Các câu hỏi từ 21 đến 25 nói về vấn đề gia đình và hôn nhân trong chủ nghĩa cộng sản, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về thái độ của người cộng sản với những người xã hội chủ nghĩa và các chính đảng khác. Những vấn đề này sẽ được trả lời một cách đầy đủ hơn trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.472.

[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 475-476.

2.3.3. Ý nghĩa của tác phẩm

Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản được coi là bản phác thảo cho một tác phẩm lớn hơn và có hệ thống hơn - tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Những vấn đề được đặt ra và trả lời trong *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* này được dùng làm cơ sở và được phát triển đầy đủ hơn trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi tư tưởng và lập luận trong *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* đều được đưa vào *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, do vậy việc nghiên cứu *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* là cần thiết để nắm vững tư tưởng của chủ nghĩa Mác về nhiều vấn đề quan trọng, như vấn đề thế nào là chủ nghĩa cộng sản, thế nào là giai cấp vô sản, về những điều kiện và khả năng thực hiện cách mạng vô sản, v.v..

2.4. TÁC PHẨM "TUYÊN NGÔN ĐẢNG CỦA CỘNG SẢN"[1]

2.4.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu của tác phẩm

Tại Đại hội lần thứ II của Liên đoàn những người cộng sản họp từ ngày 29-11 đến 8-12-1847, Mác và Ăngghen đã tích cực bảo vệ những cơ sở khoa học của bản dự thảo cương lĩnh của đảng vô sản *(Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản)* và được giao nhiệm vụ soạn thảo *cương lĩnh chính thức* cho Đại hội dưới hình thức một *tuyên ngôn.*

---

[1]. Nguyên bản tiếng Đức: *Manifest der Kommunistischen Partei,* Bản dịch tiếng Anh: *Manifesto of the Communist Party*, *MECW*, Progress Publishers, vo 6, Moscow, 1976, p.477-519, Bản dịch tiếng Việt in trong C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.591-646.

Tuyên ngôn được công bố lần đầu tiên ở London vào tháng 2-1848 bằng tiếng Đức. Từ tháng 3-1848, tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng, được công bố trên báo chí và xuất bản thành sách. Trong bản tiếng Anh, tác phẩm còn được gọi tắt là *Tuyên ngôn Cộng sản* (Communist Manifesto).

Tác phẩm gồm bốn chương:

- Chương 1: Tư sản và vô sản:

- Chương 2: Những người vô sản và những người cộng sản:

- Chương 3: Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa:

- Chương 4: Thái độ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập:

2.4.2. Những nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Lý luận về giai cấp và đấu tranh giai cấp:

Trước hết, Mác và Ăngghen *khẳng định tính phổ biến của đấu tranh giai cấp* trong xã hội có giai cấp đối kháng: "Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp"[1] (Trong lần xuất bản bằng tiếng Anh năm 1888, Ăngghen giải thích thêm: "Tức là toàn bộ lịch sử thành văn cho đến nay. Năm 1847, người ta vẫn hầu như không biết tổ chức xã hội có trước lịch sử thành văn, tức là tiền sử của xã hội").

Theo Mác và Ăngghen, xã hội loài người, từ khi chế độ cộng đồng nguyên thủy tan rã, luôn luôn chia thành hai phe đối lập nhau và đấu tranh với nhau: "Người tự do và người nô lệ, quý tộc và

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.596.

bình dân, chúa đất và nông nô, thợ cả phường hội và thợ bạn, nói tóm lại, những kẻ áp bức và những người bị áp bức, luôn luôn đối kháng với nhau, đã tiến hành một cuộc đấu tranh không ngừng, lúc công khai, lúc ngấm ngầm, một cuộc đấu tranh bao giờ cũng kết thúc hoặc bằng một cuộc cách mạng cải tạo toàn bộ xã hội, hoặc bằng sự diệt vong của hai giai cấp đấu tranh với nhau"[1].

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản cũng chỉ ra rằng, xã hội tư sản hiện đại không xóa bỏ đối kháng giai cấp: "Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh cũ mà thôi"[2].

Tuy nhiên, xã hội tư sản hiện đại có đặc điểm là *làm đơn giản hóa quan hệ giai cấp*. Nếu trước kia quan hệ giai cấp bị che lấp hoặc bị làm cho lu mờ bởi vô số những quan hệ trung gian, thì giờ đây, "xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản"[3].

- Quá trình ra đời và vai trò lịch sử của giai cấp tư sản:

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản nêu rõ: giai cấp tư sản là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử. Bằng một cách hành văn dí dỏm, mỉa mai, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản vừa chỉ ra những thành tích của giai cấp tư sản cùng mặt trái của chúng:

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.596-597
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.597.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.597.

"Giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử". "Tất cả những mối liên hệ phức tạp và muôn màu muôn vẻ ràng buộc con người phong kiến với những "bề trên tự nhiên" của mình, đều bị giai cấp tư sản thẳng tay phá vỡ, không để lại giữa người và người một mối quan hệ nào khác, ngoài lợi ích trần trụi và lối "tiền trao cháo múc" không tình không nghĩa". Những nghề vốn xưa nay được xã hội trọng vọng và tôn sùng, như bác sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học đều được giai cấp tư sản biến thành "những người làm thuê được trả lương của nó". Giai cấp tư sản đã làm cho những quan hệ tình cảm của gia đình "chỉ còn là những quan hệ tiền nong đơn thuần"[1].

Tuyên ngôn cũng chỉ ra rằng, giai cấp tư sản đã thật sự làm được những việc kỳ diệu. Giai cấp tư sản đã *cách mạng hóa* lực lượng sản xuất quan hệ sản xuất và toàn bộ những quan hệ xã hội. "Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vạn lý trường thành và buộc những người dã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục. Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt; nó buộc tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh, nghĩa là phải trở thành tư sản. Nói tóm lại, nó tạo ra một thế giới theo hình dáng của nó"[2].

Tuyên ngôn nói tiếp: Giai cấp tư sản "xóa bỏ tình trạng phân tán về tư liệu sản xuất". Nó "tập trung các tư liệu sản xuất, và tích

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.599-600.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.602.

tụ tài sản vào trong tay một số ít người. Sự tập trung về kinh tế tất yếu dẫn đến "sự tập trung về chính trị", đó là là sự hình thành các "dân tộc *thống nhất,* có một chính phủ *thống nhất,* một luật pháp *thống nhất,* một lợi ích dân tộc *thống nhất* mang tính giai cấp và một hàng rào thuế quan *thống nhất*"[1].

Tuyên ngôn nhấn mạnh thành quả của sự thống trị của giai cấp tư sản: "Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại"[2].

Tuy nhiên, Tuyên ngôn cũng chỉ ra: giai cấp tư sản không còn đủ sức làm chủ những lực lượng sản xuất do nó tạo nên, "giờ đây, giống như một tay phù thủy không còn đủ sức trị những âm binh mà y đã triệu lên"[3]. Mặc dù, giai cấp tư sản đã tìm cách khắc phục những cuộc khủng hoảng này bằng cách, một mặt, "hủy bỏ một số lớn lực lượng sản xuất", mặt khác, "xâm chiếm những thị trường mới và bóc lột triệt để hơn những thị trường cũ". Tuy nhiên, làm như vậy chẳng những là giảm bớt khả năng ngăn ngừa những cuộc khủng hoảng đang có mà còn dẫn đến những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng hơn[4].

- Quá trình ra đời và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản:

Theo Mác và Ăngghen, giai cấp tư sản đã *tạo ra vũ khí và những người sử dụng vũ khí tiêu diệt nó* - đó là giai cấp vô sản:

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.602-603.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.603.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.604.
[4]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.605.

"Những vũ khí mà giai cấp tư sản đã dùng để đánh đổ chế độ phong kiến thì ngày nay quay lại đập vào chính ngay giai cấp tư sản. Nhưng giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những *người vô sản*"[1].

Lao động của vô sản *trở thành hàng hóa*, "một món hàng đem bán như bất cứ món hàng nào khác", vì thế, "họ phải chịu hết mọi sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường". Do sự phát triển của việc dùng máy móc và phân công nên "lao động của người vô sản mất hết tính độc lập, do đó họ mất hết hứng thú". Người công nhân trở thành một vật phụ thuộc giản đơn của máy móc, "người ta chỉ đòi hỏi người công nhân làm được một công việc đơn giản nhất, đơn điệu nhất, dễ học nhất mà thôi"[2].

Tuyên ngôn khái quát *quá trình đấu tranh của giai cấp vô sản*. Thoạt đầu là những cuộc đấu tranh lẻ tẻ của những người công nhân trong cùng một công xưởng, sau đó trong cùng một ngành công nghiệp, một địa phương chống lại những người tư sản trực tiếp bóc lột họ. Sự phát triển của công nghiệp không những làm tăng số lượng của giai cấp vô sản mà còn tập hợp họ lại thành một khối quần chúng lớn hơn, tập trung những cuộc đấu tranh địa phương thành một cuộc đấu tranh toàn quốc, thành một cuộc đấu tranh giai cấp. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản buộc giai cấp tư sản phải thừa nhận bằng luật pháp một số quyền lợi của công nhân[3].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.605.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.605.

[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.607-609.

Do từng bộ phận của giai cấp tư sản bị đẩy xuống hàng ngũ vô sản nên giai cấp vô sản có được *trí thức*. Do có được đội ngũ trí thức khoa học và lý luận, giai cấp vô sản trở thành *giai cấp cao nhất*, giai cấp đứng ở *vị trí trung tâm của thời đại*. Một bộ phận nhỏ của giai cấp thống trị giác ngộ đi theo giai cấp vô sản. Mác và Ăngghen viết: "Cũng như xưa kia, một bộ phận của quý tộc chạy sang hàng ngũ giai cấp tư sản; ngày nay, một bộ phận giai cấp tư sản cũng chạy sang hàng ngũ của giai cấp vô sản, đó là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã vươn lên nhận thức được, về mặt lý luận, toàn bộ quá trình vận động lịch sử"[1].

Tuyên ngôn chỉ ra: giai cấp vô sản mới là *giai cấp thực sự cách mạng*, nó không suy tàn cùng với đại công nghiệp, vì nó "là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp". Mác và Ăngghen phân biệt giai cấp vô sản với tư cách là *giai cấp lao động hiện đại* với các giai cấp lao động khác như tiểu thủ công nghiệp, tiểu thương, nông dân và tầng lớp "vô sản lưu manh", tức là một bộ phận vô sản không chân chính[2].

Cũng theo Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, các giai cấp trước đây sau khi giành chính quyền thì tìm cách củng cố chế độ tư hữu của họ, trái lại, giai cấp vô sản thì phải phá bỏ tất cả hình thức chiếm hữu đã có từ trước đến nay, tức toàn bộ chế độ tư hữu nói chung. "Những người vô sản chẳng có gì là của mình để bảo vệ cả, họ phải phá hủy hết thảy những cái gì, từ trước đến nay, vẫn bảo đảm và bảo vệ chế độ tư hữu"[3].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.610.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.610.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.611.

Luận điểm này của Mác và Ăngghen đã gặp sự chống đối mãnh liệt từ phía những người theo chủ nghĩa bảo thủ và hiện nay cũng *cần phải được hiểu và vận dụng một cách mềm dẻo hơn.*

Tuyên ngôn cũng phân tích sự khác biệt của phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản với các phong trào trước kia: Tất cả các phong trào trước kia đều mưu cầu lợi ích cho một thiểu số. Còn phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản là "phong trào độc lập của của khối đại đa số, mưu lợi ích cho khối đại đa số"[2].

Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản *mang tính chất quốc tế* mặc dù "lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc" vì "trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã"[3].

Từ toàn bộ những phân tích trên, Mác và Ăngghen đi đến kết luận "Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều tất yếu như nhau"[1].

- Về quan hệ giữa đảng cộng sản với các đảng công nhân khác và với giai cấp vô sản nói chung:

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản chỉ ra rằng, đảng cộng sản là *một bộ phận không tách rời giai cấp vô sản, không có lợi ích nào khác với lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản.*

Người cộng sản "không đặt ra những nguyên tắc riêng biệt nhằm khuôn phong trào vô sản theo những nguyên tắc ấy". Mác và Ăngghen viết: "Những quan điểm lý luận của những người cộng

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.613.

sản tuyệt nhiên không dựa trên những ý niệm, những nguyên lý do một nhà cải cách thế giới nào phát minh hay phát hiện ra. Những nguyên lý ấy chỉ là biểu hiện khái quát của những quan hệ thực tại của một cuộc đấu tranh giai cấp hiện có, của một sự vận động lịch sử đang diễn ra trước mắt chúng ta"[1].

Sự khác nhau giữa đảng cộng sản với các đảng vô sản khác, theo Mác và Ăngghen, trên hai điểm: một là, "họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản"; hai là, "họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào"[2].

- Về mục đích trước mắt và nhiệm vụ cơ bản của cách mạng vô sản:

Mục đích trước mắt của đảng cộng sản là tổ chức đấu tranh lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền về tay giai cấp vô sản. Để xây dựng chủ nghĩa cộng sản cần phải *xóa bỏ chế độ tư hữu*. Đây là nguyên tắc quan trọng của cách mạng vô sản.

Khi nghiên cứu vấn đề xóa bỏ tư hữu, chúng ta cần phải hiểu: *Một là*, thế nào là chế độ tư hữu? *Hai là*, tại sao phải xóa bỏ chế độ tư hữu? *Ba là*, cần xóa bỏ những hình thức tư hữu nào?

+ *Chế độ tư hữu* theo Mác và Ăngghen là *sở hữu tư nhân*, nhưng không phải bất kỳ hình thức sở hữu tư nhân nào, mà là hình thức sở hữu trong đó cá nhân hoặc nhóm cá nhân *sử dụng tư liệu*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr. 615.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr. 614.

sản xuất (dưới hình thức hiện vật hoặc bằng tiền) để *chiếm đoạt* lao động của người khác.

+ Lý do cơ bản của việc xóa bỏ chế độ tư hữu chính là *xóa bỏ điều kiện tồn tại và nảy sinh* của hiện tượng bóc lột, đối kháng và đấu tranh giai cấp.

Do vậy, việc xóa bỏ chế độ tư hữu phải là một nguyên tắc cơ bản nhất, quan trọng nhất của cách mạng vô sản. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản nhấn mạnh: "Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu"[1].

+ Cách mạng vô sản *chỉ xóa bỏ những hình thức sở hữu nào là phương tiện bóc lột lao động làm thuê*. Cách mạng vô sản không xóa bỏ quyền chiếm hữu của cá nhân đối với sản phẩm của xã hội. Mác và Ăngghen viết: "Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái khả năng chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác"[2].

Cũng theo Mác và Ăngghen, "Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản"[3]. Bởi vì, chế độ sở hữu tư sản là *hình thức sở hữu cuối cùng gắn liền với sự bóc lột và đối kháng giai cấp*. Còn các hình thức sở hữu trước kia, như sở hữu phong kiến đã bị cách mạng tư sản xóa bỏ rồi.

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.616.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.618.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.615.

- Phản bác một số luận điệu xuyên tạc xung quanh việc xóa bỏ chế độ tư hữu:

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản phản bác lại luận điệu cho rằng xóa bỏ chế độ tư hữu là xóa bỏ tính độc lập, tự do và cá tính của con người. Thật ra, "Trong xã hội tư sản, tư bản có tính độc lập và cá tính, còn cá nhân người lao động lại mất tính độc lập và cá tính". Do vậy, xóa bỏ chế độ tư hữu tư sản là cần thiết để "xóa bỏ cá tính tư sản, tính độc lập tư sản và tự do tư sản"[1].

Tuyên ngôn cũng phản bác lập luận cho rằng, xóa bỏ tư hữu tư sản thì cá nhân cũng bị thủ tiêu. Thật ra, cái cá nhân mà họ nói đến ở đây chỉ là cá nhân tư sản, là cái cần phải thủ tiêu đi[2].

Còn đối với luận điệu cho rằng, xóa bỏ chế độ tư hữu thì tình trạng lười biếng sẽ ngự trị, Tuyên ngôn đáp lại rằng: Nếu vậy thì xã hội tư sản đã sụp đổ từ lâu rồi do tình trạng lười biếng, "vì trong xã hội ấy, những người lao động thì không được hưởng, mà những kẻ được hưởng thì lại không lao động"[3].

Các nhà tư tưởng tư sản buộc tội chủ nghĩa cộng sản là xóa bỏ văn hóa. Tuyên ngôn khẳng định: *Cái bị thủ tiêu không phải là văn hóa nói chung, mà là văn hóa tư sản, là thứ văn hóa nô dịch con người.*

Giai cấp tư sản buộc tội chủ nghĩa cộng sản là xóa bỏ gia đình. Tuyên ngôn chỉ rõ, *gia đình sẽ không bị xóa bỏ, mà chỉ có hình thức gia đình tư sản cùng với cái bổ sung của nó là nạn mại dâm*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.617.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.618.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.619.

là bị xóa bỏ mà thôi[1].

Giai cấp tư sản lên án những người cộng sản muốn đem giáo dục xã hội thay cho giáo dục gia đình. Tuyên ngôn chỉ ra rằng, ngay trong xã hội tư bản, giáo dục xã hội chẳng phải đang giữ vai trò quyết định đó sao. Những người cộng sản chỉ kéo giáo dục xã hội ra khỏi ảnh hưởng của giai cấp tư sản[2].

Các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản la lối lên rằng, những người cộng sản muốn thực hiện chế độ "cộng thê", Tuyên ngôn khẳng định, chủ nghĩa cộng sản chẳng những *không chủ trương cộng thê* mà còn làm cho "chế độ cộng thê do quan hệ sản xuất ấy đẻ ra, tức là chế độ mãi dâm chính thức và không chính thức sẽ biến mất"[3].

Giai cấp tư sản còn buộc tội những người cộng sản là muốn xóa bỏ tổ quốc, dân tộc. Tuyên ngôn vạch rõ, trong chủ nghĩa tư bản, "công nhân không có tổ quốc". Ở đây, Tuyên ngôn muốn ám chỉ rằng, dưới sự thống trị của giai cấp tư sản, khái niệm dân tộc, tổ quốc chỉ gắn liền với lợi ích của giai cấp tư sản, bị giai cấp tư sản lợi dụng để bảo vệ lợi ích ích kỷ của nó. Giai cấp vô sản chỉ có tổ quốc và dân tộc khi nó đã giành lấy chính quyền về tay mình. Dân tộc theo quan niệm vô sản hoàn toàn khác với cách hiểu của giai cấp tư sản.

- Kết quả của việc xóa bỏ chế độ tư hữu, của việc giai cấp vô sản nắm chính quyền nhà nước và của việc xóa bỏ quan hệ bóc lột:

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.620.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.620.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.623.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản chỉ rõ, khi chế độ tư hữu bị xóa bỏ thì tính chất của lao động cũng thay đổi. Lao động tích lũy không còn là phương tiện để bóc lột, mà là "chỉ là một phương tiện để mở rộng, làm phong phú và làm giảm nhẹ cho quá trình sống của những người lao động"[1].

Sự phát triển của công nghiệp, thương nghiệp trong xã hội tư bản đã làm cho sự cách biệt và đối lập giữa các dân tộc ngày càng giảm đi. Khi giai cấp vô sản nắm quyền thống trị xã hội thì sự cách biệt và đối lập giữa các dân tộc lại càng mất đi nhanh hơn.

Tuyên ngôn cũng có những dự báo thiên tài về quan hệ dân tộc trong xã hội tương lai. *Khi sự đối kháng giai cấp trong nội bộ một dân tộc không còn nữa, thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác và sự thù địch giữa các dân tộc cũng mất theo*: "Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa "giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo"[2].

Trên cơ sở quan điểm duy vật lịch sử, Tuyên ngôn dự báo rằng, cùng với sự thay đổi trong sản xuất thì cũng diễn ra sự thay đổi tương ứng trong lĩnh vực tư tưởng, ý thức xã hội, "rằng những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của con người, tóm lại là ý thức của con người, đều thay đổi cùng với mọi sự thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội [3] Khi những điều kiện sinh hoạt vật chất, quan hệ xã

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.617.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr. 624.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.624.

hội của con người thay đổi thì những tư tưởng xã hội gắn liền với những quan hệ xã hội đó cũng mất theo, vì "Những tư tưởng thống trị trong một thời đại bao giờ cũng chỉ là tư tưởng của giai cấp thống trị"[1].

Vì cách mạng vô sản là một cuộc cách mạng triệt để, nó *đoạn tuyệt với những quan hệ sở hữu đã có từ trước đến nay*, do đó cách mạng vô sản cũng "đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng kế thừa của quá khứ"[2]. Ở đây Tuyên ngôn muốn ám chỉ quan hệ sở hữu bóc lột và tư tưởng ăn bám, bóc lột.

- Về quyền thống trị của giai cấp vô sản (tức chuyên chính vô sản) và nhà nước tiêu vong:

- Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản cũng chỉ rõ, để thực hiện những mục đích của cách mạng vô sản, trước mắt *giai cấp vô sản phải giành lấy quyền thống trị của mình.* C.Mác và Ph. Ăngghen tuy chưa dùng khái niệm chuyên chính vô sản nhưng ở đây tư tưởng về chuyên chính vô sản đã được thể hiện: "Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất"[3].

Tư tưởng này của Mác và Ăngghen lúc đầu được Lênin vận dụng trong thời kỳ "chủ nghĩa cộng sản thời chiến" với sự *tước*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.625.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.626.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.626.

đoạt toàn bộ tư bản và tập trung vào trong tay Nhà nước Xôviết, nhưng sau được Lênin đổi mới bằng việc thừa nhận sự cùng tồn tại của nhiều hình thức sở hữu và kinh doanh trong thời kỳ "chính sách kinh tế mới".

Tuyên ngôn vạch ra triển vọng của một xã hội tương lai. Sau khi giai cấp vô sản trở thành giai cấp thống trị, nó tiêu diệt mọi điều kiện tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp và quyền lực công cộng sẽ *không còn mang tính chất chính trị nữa*: "Khi những đối kháng giai cấp đã mất đi trong tiến trình của sự phát triển và toàn bộ sản xuất đã tập trung trong tay những cá nhân đã liên hợp lại với nhau thì quyền lực công cộng cũng mất tính chất chính trị của nó. Quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác"[1]. Đây là tư tưởng của Mác và Ăngghen về *sự tiêu vong* của lĩnh vực chính trị và nhà nước trong tương lai, khi không còn giai cấp bóc lột và tình trạng đối kháng giai cấp.

Tuy nhiên, sự "tiêu vong" mà các ông nói ở đây cần được hiểu là *sự tiêu vong của chức năng thống trị bạo lực mang tính giai cấp*. Còn chức năng xã hội, cộng đồng của nhà nước thì chẳng những không mất đi mà còn ngày càng được hoàn thiện hơn.

- Về mục đích lâu dài của chủ nghĩa cộng sản:

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản vạch ra mục đích lâu dài mà chủ nghĩa cộng sản phấn đấu đạt được là *một liên hợp* (nghĩa là một hình thức cộng đồng mới được xây dựng trên cơ sở sự hợp tác

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.628.

tự do, tự nguyện và bình đẳng của cá nhân và dân tộc), trong đó *mọi cá nhân đều được phát triển tự do, toàn diện*: "Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"[1].

Cần phân biệt giữa mục đích lâu dài với mục tiêu trước mắt và con đường thực hiện những mục tiêu đó. Việc xỏ chế độ tư hữu, thiết lập chuyên chính vô sản, v.v., chỉ là những biện pháp, con đường thực hiện để đi tới một xã hội tốt đẹp. Chuyên chính vô sản, theo Mác và Ăngghen, cũng "chỉ là bước quá độ tiến tới *thủ tiêu mọi giai cấp* và tiến tới *xã hội không có giai cấp*"[2].

Mục đích lâu dài của chủ nghĩa cộng sản là *sự phát triển tự do và toàn diện của mọi cá nhân* trong một cộng đồng xã hội có lực lượng sản xuất phát triển cao, có quan hệ sản xuất tốt đẹp, không có áp bức, bóc lột; một xã hội thực sự *công bằng, văn minh, hạnh phúc*.

Sự khác biệt giữa mục đích của chủ nghĩa cộng sản với mục đích của các học thuyết chính trị khác, như *chủ nghĩa tự do (liberalism)* là ở chỗ: chủ nghĩa tự do chỉ lấy tự do cá nhân làm mục đích cuối cùng, coi nhẹ vai trò của cộng đồng xã hội. Chủ nghĩa cộng sản (chủ nghĩa cộng đồng) cũng lấy sự phát triển và hạnh phúc của cá nhân làm mục đích lâu dài, nhưng không tuyệt đối hóa tự do cá nhân, mà cho rằng cá nhân chỉ có thể phát triển trong cộng đồng xã hội. Ở đây có một mối quan hệ qua lại khăng

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.628.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.28, tr.662.

khít giữa cá nhân và cộng đồng. Điều này cũng đã được khẳng định trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*[1].

2.4.3. Ý nghĩa của tác phẩm

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản *đánh dấu sự trưởng thành đầy đủ* của chủ nghĩa Mác ở tất cả các bộ phận của nó: triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã *ảnh hưởng sâu rộng* đến phong trào cộng sản và công nhân quốc tế kể từ khi ra đời cho đến nay. Lênin nhận xét: "Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh"[2].

Khi giới thiệu về tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, T. Z. Lavine, tác giả của một cuốn giáo trình triết học Mỹ "*Từ Socrates đến Sartre: Sự đi tìm triết học*" phải thừa nhận "đó là một tác phẩm thiên tài, một sản phẩm của trí tưởng tượng kỳ diệu và năng lực sáng tạo về chính trị của ông". Tác giả viết "Nhà triết học và nghiên cứu lịch sử tư tưởng của Anh quốc, ông Isaiah Berlin đã có nhận xét đúng về *Tuyên ngôn* rằng: "Không có một phong trào hay sự nghiệp chính trị hiện đại nào khác dám nói rằng đã tạo ra được cái gì đó có thể so sánh với Tuyên ngôn về tính hùng biện hay sức mạnh"[3].

---

[1]. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.108.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.2, tr.10.

[3]. T. Z. Lavine: *From Socrates to Sartre: The philosophic Quest*, Bantam

Tuy nhiên, tác phẩm có một số vấn đề cần được xem xét lại, cần được đổi mới, như vấn đề đấu tranh giai cấp, vấn đề xóa bỏ tư hữu và thiết lập chế độ công hữu, vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, v.v..

Ở Quốc tế Cộng sản (Matxcơva, 1924), Hồ Chí Minh đã từng nhận xét với thái độ phê phán đối với lý luận giai cấp và đấu tranh giai cấp của Mác. Người chỉ ra: "Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì ? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại". Do vậy, "không ai có thể cấm chúng ta bổ sung 'cơ sở lịch sử' của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được"[1]. Cũng theo Hồ Chí Minh, ở phương Đông, sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp "không diễn ra giống như ở phương Tây"[2]. Trong cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, không phải đấu tranh giai cấp mà "Chủ nghĩa dân tộc là động lực to lớn của đất nước"[3].

Hiện nay, chúng ta thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu. Sự tồn tại của sở hữu tư nhân có sự quản lý của nhà nước *không mâu thuẫn với nguyên tắc xóa bỏ chế độ tư hữu* mà *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* nêu ra, vì thực chất của việc xóa bỏ tư hữu là xóa bỏ điều kiện trong đó một nhóm người sử dụng tư hữu để bóc lột lao động làm thuê.

Books, New York, 1989, p.302.

[1]. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 1, tr.465.

[2]. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 1, tr.464.

[3]. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 1, tr.466.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng như trong các tác phẩm khác của Mác và Ăngghen, hai ông dùng cả hai khái niệm "vô sản" và "công nhân", nhưng không đồng nhất hai khái niệm này. Hơn nữa, các ông cũng chỉ ra tầm quan trọng của đội ngũ trí thức đứng về phía giai cấp vô sản.

Mác và Ăngghen tuy nói đến *sự thống trị chính trị* của giai cấp vô sản (chuyên chính vô sản), nhưng các ông chưa bao giờ đề cập đến "vai trò lãnh đạo" của giai cấp vô sản hay của giai cấp công nhân. Thật ra, trong lịch sử chỉ có giai cấp thống trị, còn vai trò lãnh đạo chỉ thuộc về *một tập đoàn, một bộ phận nhỏ* trong giai cấp thống trị đó.

Tư tưởng: "đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước" đã dẫn đến *cơ chế tập trung quan liêu* nên đã được các nước xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới thay bằng chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Cuối cùng, khi nghiên cứu *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chúng ta không được quá câu nệ vào câu chữ và những biện pháp cụ thể được nêu ra trong tác phẩm, bởi vì, những biện pháp cụ thể bao giờ cũng chỉ đúng trong một giai đoạn nhất định. Tuy nhiên, những tư tưởng cơ bản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản có tính lý luận rất cao và có giá trị bất hủ.*

CHƯƠNG 3

CÁC TÁC PHẨM CỦA MÁC VÀ ĂNGGHEN THỜI GIAN SAU NĂM 1848

Như đã trình bày ở phần trước, thời gian sau năm 1848 là thời kỳ Mác và Ăngghen cụ thể hóa một số vấn đề đã nghiên cứu ở giai đoạn trước, như vấn đề đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội và đi sâu nghiên cứu một số lĩnh vực cụ thể. Mác đi sâu nghiên cứu lĩnh vực kinh tế chính trị, còn Ăngghen thì đi sâu nghiên cứu về chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng, về vấn đề hôn nhân, gia đình và nhà nước. Sau đây, chúng ta lần lượt phân tích tư tưởng triết học của các ông trong một số tác phẩm tiêu biểu ở thời kỳ này.

3.1. TÁC PHẨM "TƯ BẢN. PHÊ PHÁN KHOA KINH TẾ CHÍNH TRỊ"

Tác phẩm thường được gọi tắt là *"Tư bản" (Das Kapital)*, nhưng tên đầy đủ là: "*Tư bản. Phê phán khoa Kinh tế chính trị*" (tiếng Đức: *"Das Kapital. Kritik der politischen Ökonomie"*; tiếng Anh: *"Capital. Critique of Political Economy"* (đúng ra phải dịch là *"Tư bản. Phê phán Kinh tế chính trị học"*)[1]. Với tiêu đề như

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993-2004, t.23, 24, 25, 26. *Politischen Ökonomie* (tiếng Anh: *Political Economy*) được dịch là "*khoa kinh tế chính trị*" là không chính xác, đúng hơn phải là "*kinh tế chính trị học*", vì đây là tên của một *khoa học*, như triết học, toán học, v.v., không phải là "khoa", một hình thức tổ chức ở các trường đại học (ví

trên, tác phẩm có hai nhiệm vụ: 1) Nghiên cứu quá trình sản xuất và lưu thông tư bản và 2) Phê phán các học thuyết kinh tế chính trị trước Mác.

3.1.1. Quá trình hình thành và kết cấu tác phẩm

Sự hình thành tác phẩm là một quá trình. Một số vấn đề kinh tế chính trị học đã được Mác sơ bộ đề cập trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*. Trong những năm 1857 - 1858, Mác làm việc trên một tập bản thảo đầu tiên và xuất bản thành sách vào năm 1859 có tên *Góp phần phê phán khoa Kinh tế chính trị*. Trong những năm 1861 - 1863, Mác tiếp tục làm việc với một bộ bản thảo thứ hai đồ sộ hơn có tên là *Phê phán khoa Kinh tế chính trị*. Mác tiếp tục hoàn chỉnh bản thảo này và xuất bản được tập đầu tiên có tên *"Tư bản. Phê phán khoa Kinh tế chính trị"* vào năm 1867. Các tập tiếp theo được xuất bản sau khi Mác qua đời.

Như vậy, tác phẩm *Tư bản. Phê phán khoa Kinh tế chính trị* là sự tiếp tục tư tưởng của Mác trong tác phẩm *Góp phần phê phán khoa Kinh tế chính trị*[1] xuất bản năm 1859. Mối liên hệ giữa hai tác phẩm này được Mác chỉ ra: "Tác phẩm mà tôi trình bày với bạn đọc tập thứ nhất này, là phần tiếp theo một quyển sách của tôi xuất bản năm 1859, nhan đề: *Góp phần phê phán khoa Kinh tế chính trị* ... Trong chừng mực mà tình hình sự việc cho phép, nhiều điểm lúc

---

dụ, khoa triết học, khoa kinh tế chính trị, khoa quản trị kinh doanh), hay ở các bệnh viện (ví dụ, khoa tai, mũi, họng).

[1]. Nguyên bản tiếng Đức: *Zur Kritik der Politischen Ökonomie*. Bản dịch tiếng Việt: "*Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*" in trong C. Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.9-225.

đầu chỉ đề ra một cách sơ lược, thì trong quyển này đã được phát triển rộng ra, và ngược lại, có những điểm ở đó được nghiên cứu một cách cặn kẽ, thì ở đây lại chỉ nêu lên một cách vắn tắt mà thôi"[1].

Lý do Mác dành một phần lớn thời gian của cuộc đời để đi sâu nghiên cứu lĩnh vực kinh tế chính trị học được trình bày trong *Lời nói đầu* tác phẩm *Góp phần phê phán khoa Kinh tế chính trị*. Sau khi phê phán và đoạn tuyệt với chủ nghĩa duy tâm của Hêghen, Mác chuyển sang lập trường duy vật về tự nhiên và lịch sử. Quan điểm duy vật lịch sử đòi hỏi người nghiên cứu phải am hiểu tình hình kinh tế - "cơ sở hiện thực" của xã hội để có thể giải thích một cách khoa học các vấn đề chính trị, pháp quyền, nhà nước thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội. Mác viết: "Những công việc nghiên cứu của tôi đã dẫn tôi đến kết quả là: không thể lấy bản thân những quan hệ pháp quyền cũng như những hình thái nhà nước, hay lấy cái gọi là sự phát triển chung của tinh thần của con người, để giải thích những quan hệ và hình thái đó, mà trái lại, phải thấy rằng những quan hệ và hình thái đó bắt nguồn từ những điều kiện sinh hoạt vật chất, mà toàn bộ đã được Hêghen, theo cách gọi của người Anh và người Pháp thế kỷ XVIII, gọi gộp chung lại là "xã hội công dân", và việc giải phẫu xã hội công dân này thì phải tìm ở trong kinh tế chính trị học"[2].

Chính việc nghiên cứu kinh tế chính trị học đã giúp Mác rút ra

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.15.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.14. Trong đoạn trích dẫn này và các đoạn khác, chúng tôi sửa cụm từ "*khoa kinh tế chính trị*" thành "*kinh tế chính trị học*".

được những tổng kết khoa học về chủ nghĩa duy vật lịch sử nói chung và học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội nói riêng. Như vậy để hiểu toàn bộ tư tưởng của Mác trong *Tư bản*, chúng ta không thể không nghiên cứu tác phẩm *Góp phần phê phán khoa Kinh tế chính trị* xuất bản năm 1859, vì trong tác phẩm này có những vấn đề đã được nghiên cứu một cách cặn kẽ, nên Mác chỉ nêu lại một cách vắn tắt trong *Tư bản* mà thôi.

- Về kết cấu của tác phẩm

"Tư bản. Phê phán khoa Kinh tế chính trị" được xuất bản thành bốn tập.

Tập I xuất bản năm 1867, nghiên cứu *quá trình sản xuất tư bản.* Tập II xuất bản năm 1885, nghiên cứu *quá trình lưu thông tư bản.* Tập III (gồm hai phần) xuất bản năm 1894, nghiên cứu *quá trình sản xuất và lưu thông tư bản trong chỉnh thể.* Tập IV có tên là "Lý luận về giá trị thặng dư" dành để phân tích và phê phán các học thuyết kinh tế chính trị trước Mác. Nó được Viện Mác - Lênin thuộc Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô xuất bản thành ba phần: *phần thứ nhất về các học thuyết kinh tế trước Ricácđô (David Ricardo); phần thứ hai về Ricácđô và phần thứ ba về các nhà kinh tế học sau Ricácđô.*

Tư bản. Phê phán khoa Kinh tế chính trị là tác phẩm chủ yếu bàn về những vấn đề kinh tế chính trị học. Tuy nhiên, trong tác phẩm này, có rất nhiều nội dung và phương pháp triết học có giá trị được đề cập và giải quyết trên tinh thần duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Tư tưởng triết học tập trung chủ yếu ở tập I.

3.1.2. Những nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Những vấn đề về phép biện chứng được vận dụng trong tác phẩm Tư bản

+ Về vai trò của phép biện chứng duy vật trong phân tích xã hội tư bản

Khi nghiên cứu và trình bày tác phẩm *Tư bản*, Mác đã sử dụng những thành quả của phép biện chứng duy vật. Mác chỉ ra rằng, phép biện chứng duy vật là kết quả của sự kế thừa và khắc phục tính chất duy tâm của phép biện chứng Hêghen. Trong *Lời tựa* cho lần xuất bản thứ nhất của tập I bộ *Tư bản*, Mác viết: "Tính chất thần bí mà phép biện chứng đã mắc phải ở trong tay Hêghen tuyệt nhiên không ngăn cản Hêghen trở thành người đầu tiên trình bày một cách bao quát và có ý thức những hình thái vận động chung của phép biện chứng ấy. Ở Hêghen, phép biện chứng bị lộn ngược đầu xuống đất. Chỉ cần dựng nó lại là sẽ phát hiện được cái hạt nhân hợp lý của nó ở đằng sau lớp vỏ thần bí"[1].

Trong *Lời tựa* cho lần xuất bản thứ hai của tập I bộ *Tư bản*, Mác làm rõ vai trò cách mạng của phép biện chứng duy vật. Chính phép biện chứng duy vật *đã chỉ ra tính tất yếu của sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự thay thế nó bằng một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn*, vì "trong quan niệm tích cực về cái hiện đang tồn tại, phép biện chứng đồng thời cũng bao hàm cả quan niệm về sự phủ định cái hiện đang tồn tại đó, về sự diệt vong tất yếu của nó"; vì

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.35.

"phép biện chứng không khuất phục trước một cái gì cả, và về thực chất thì nó có tính chất phê phán và cách mạng"[1]. Thật ra, với phép biện chứng, chúng ta chỉ có thể tin rằng xã hội tư bản cũng như bất cứ xã hội nào trước đó đều có quá trình ra đời, phát triển qua các giai đoạn và rốt cục sẽ bị thay thế bằng một xã hội mới cao hơn. Tuy nhiên, với phép biện chứng, chúng ta không thể biết trước được khi nào thì xã hội tư bản sẽ trở thành lỗi thời và bị thay thế bằng một xã hội mới, và xã hội mới đó là xã hội gì.

+ Phương pháp phân tích mâu thuẫn được vận dụng trong Tư bản

Thực chất của phương pháp phân tích mâu thuẫn được Lênin tổng kết trong tác phẩm *Bút ký triết học* bao gồm hai mặt: *a) Phân tích*: phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập; *b) Tổng hợp* các mặt đối lập để nắm bắt sự vật trong chỉnh thể. Phương pháp này được Mác vận dụng trong việc phân tích mâu thuẫn của nền sản xuất tư bản.

Kết cấu bộ *Tư bản* thể hiện việc Mác áp dụng phương pháp này. Nền sản xuất tư bản được phân đôi thành hai quá trình: *quá trình sản xuất tư bản* (được nghiên cứu trong tập I) và *quá trình lưu thông tư bản* (được nghiên cứu trong tập II) và sau đó được *tổng hợp lại để nắm bắt nền sản xuất tư bản trong chỉnh thể toàn vẹn* (được phản ánh trong tập III).

Theo quan điểm biện chứng, bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng là thể thống nhất của các mặt đối lập. Mác bắt đầu phân tích mâu

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.35-36.

thuẫn trong *hàng hóa*, tế bào của nền kinh tế tư bản.

Hàng hóa là thể thống nhất giữa hai mặt đối lập - giá trị sử dụng và *giá trị*. Hàng hóa phải có giá trị sử dụng, nếu không có giá trị sử dụng thì một vật phẩm sản xuất ra không thể trở thành hàng hóa được. Tuy nhiên, người sản xuất hàng hóa không phải sản xuất giá trị sử dụng cho mình, mà cho người khác, cho người tiêu dùng. Thật ra, việc sản xuất của anh ta không phải vì người khác mà vì chính mình. Do đó, *mục đích trước tiên của sản xuất hàng hóa là tạo ra giá trị*. Tuy nhiên, *nếu không có giá trị sử dụng thì hàng hóa không thể thực hiện được giá trị*, và chỉ bằng cách sản xuất ra giá trị sử dụng của hàng hóa, người sản xuất mới có thể tạo ra giá trị để trao đổi với người sản xuất khác. Rõ ràng, *hai mặt đối lập này tồn tại gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau*. Mác viết: "Hàng hóa của anh ta không có giá trị sử dụng trực tiếp nào đối với bản thân anh ta cả. Nếu không thì anh ta đã không đem hàng hóa đó ra thị trường. Hàng hóa đó có giá trị sử dụng đối với những người khác. Đối với anh ta thì tất cả giá trị sử dụng trực tiếp của hàng hóa chỉ là ở chỗ hàng hóa là vật mang giá trị trao đổi, và do đó, là một phương tiện để trao đổi... Vì vậy, các hàng hóa phải được thực hiện với tư cách là những giá trị trước khi chúng có thể được thực hiện với tư cách là những giá trị sử dụng"[1].

Mâu thuẫn giữa giá trị và giá trị sử dụng là *mâu thuẫn bản chất* (được Mác gọi là "sự đối lập nội tại"), nó biểu hiện thông qua một loạt các *mâu thuẫn hiện tượng* (Mác gọi là "sự đối lập bên ngoài"),

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.134.

được Mác phân tích như sau: Sự đối lập giữa giá trị sử dụng và giá trị biểu hiện thành *sự đối lập giữa giá trị sử dụng và giá trị trao đổi*. Trong quá trình trao đổi, sự đối lập này lại biểu hiện thành *sự đối lập giữa hàng hóa và tiền*. Mác viết: "Quá trình trao đổi làm cho hàng hóa phân đôi thành hàng hóa và tiền, đẻ ra sự đối lập ở bên ngoài mà hàng hóa dùng để biểu hiện sự đối lập nội tại của nó giữa giá trị sử dụng và giá trị. Trong sự đối lập đó, với tư cách là những giá trị sử dụng, hàng hóa đứng đối diện với tiền, coi như là giá trị trao đổi"[1].

Sự phân tích mâu thuẫn giữa giá trị sử dụng và giá trị còn giúp Mác phát hiện ra *mâu thuẫn giữa lao động cụ thể và lao động trừu tượng*. Lao động cụ thể thì sản xuất ra giá trị sử dụng, còn lao động trừu tượng thì sản xuất ra giá trị của hàng hóa.

Một khía cạnh khác của phương pháp phân tích mâu thuẫn xã hội của Mác là: *đằng sau quan hệ và mâu thuẫn giữa vật với vật, Mác nhìn thấy quan hệ và mâu thuẫn giữa người với người*, điều mà các nhà kinh tế học trước Mác chưa nhìn thấy được. Trong tác phẩm *Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác*, Lênin viết: "Phàm ở chỗ nào các nhà kinh tế học tư sản nhìn thấy quan hệ giữa vật với vật (hàng hóa này đổi lấy hàng hóa khác), thì ở chỗ đó, Mác đã tìm thấy *quan hệ giữa người với người*"[2].

Theo Mác, mâu thuẫn giữa giá trị và giá trị sử dụng trong hàng hóa là biểu hiện của *mâu thuẫn giữa người sản xuất và người tiêu*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.161.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1981, t.23, tr.54.

dùng. Người tiêu dùng thì quan tâm đến giá trị sử dụng, còn người sản xuất thì chỉ quan tâm đến giá trị. Cũng theo Mác, một mâu thuẫn có khi "được nhân hóa" hay "được vật hóa". Vì vậy, một mâu thuẫn có thể được gọi bằng những tên khác nhau, ví dụ, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản còn được gọi là mâu thuẫn giữa tư bản và lao động.

Ngay trong lao động sản xuất ra hàng hóa cũng chứa đựng *mâu thuẫn giữa lao động cá biệt và lao động xã hội*. Lao động cá biệt của một cơ sở sản xuất có thể tạo ra *giá trị thấp hơn hoặc cao hơn* giá trị trung bình do lao động xã hội sản xuất ra. Đây là một động lực thúc đẩy những cơ sở sản xuất cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để tạo ra *giá trị thặng dư siêu ngạch*. Đồng thời, nó cũng làm cho một số cơ sở sản xuất *bị phá sản*.

Một trong những đóng góp quan trọng khác của Mác là ông đã chỉ ra rằng, trong phương thức sản xuất tư bản, *người lao động trở thành hàng hóa - hàng hóa sức lao động*, một thứ hàng hóa đặc biệt. Cũng như mọi thứ hàng hóa khác, hàng hóa sức lao động cũng có hai mặt - giá trị sử dụng và giá trị. Nhà tư bản là người mua, người lao động là người bán. Nhà tư bản thì quan tâm đến giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động, tức là năng lực chuyên môn, khả năng lao động, v.v., của người lao động; còn người lao động thì quan tâm đến giá trị sức lao động của mình, tức số tiền công nhận được trong một đơn vị thời gian lao động.

Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động không phải là mâu thuẫn thông thường giữa người bán và người mua, mà là *mâu thuẫn giữa*

nhà tư bản và người lao động, giữa giai cấp tư bản và giai cấp người lao động trong phương thức sản xuất tư bản.

Bản chất và nguyên nhân của mâu thuẫn giữa tư bản và lao động được Mác phân tích trong một lý luận có hệ thống, được gọi là *học thuyết giá trị thặng dư*. Học thuyết này được Ăngghen đánh giá là một trong những phát minh khoa học vĩ đại của Mác. Trong tác phẩm Các Mác, Ăngghen viết: "Phát hiện quan trọng thứ hai của Mác là sự giải thích một cách triệt để quan hệ giữa tư bản và lao động, nói một cách khác là vạch rõ việc nhà tư bản thực hiện việc bóc lột công nhân như thế nào trong xã hội hiện nay, trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đang tồn tại"[1].

Mác và Ăngghen coi mâu thuẫn giữa tư bản và lao động chính là *mâu thuẫn cơ bản* của phương thức sản xuất tư bản. Chính mâu thuẫn cơ bản này làm nảy sinh ra các mâu thuẫn khác trong hệ thống mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Chẳng hạn, "mâu thuẫn giữa sự sản xuất xã hội và sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa tái hiện ra thành *sự đối lập giữa tính chất có tổ chức của sản xuất trong mỗi công xưởng riêng biệt với tình trạng vô chính phủ của sản xuất trong toàn thể xã hội*"[2].

Một điểm đáng chú ý là Mác tiếp cận mâu thuẫn với thái độ lạc quan. Mác viết: "Tuy vậy, sự phát triển của những mâu thuẫn của một hình thức sản xuất lịch sử nhất định là con đường lịch sử

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.19, tr.167.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.380

duy nhất để làm cho nó tan rã và hình thành một hình thức mới"[1]. Vận dụng quy luật này vào điều kiện xã hội tư bản, Mác nói: "Cùng với những điều kiện vật chất và sự kết hợp xã hội của quá trình sản xuất, thì nó cũng làm chín muồi những mâu thuẫn và đối kháng của hình thái tư bản chủ nghĩa của sản xuất và do đó nó cũng đồng thời làm chín muồi những yếu tố để thành lập một xã hội mới và những yếu tố để lật đổ xã hội cũ"[2].

Tuy nhiên, nhiều nhà triết học đương đại không tán thành kết luận này của Mác. Họ cho rằng xã hội tư bản hiện vẫn còn có khả năng tự điều chỉnh và tự giải quyết những mâu thuẫn nội tại của nó; *phương thức sản xuất tư bản vẫn còn là phương thức sản xuất có hiệu quả nhất nên không nhất thiết phải bị xóa bỏ và bị thay thế bằng một phương thức sản xuất khác*. Ngoài ra, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa với hai hình thức sở hữu: nhà nước và tập thể đã có thời gian thử nghiệm ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây nhưng *không thành công*. Quá trình đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay gắn liền với việc áp dụng phương thức sản xuất tư bản vào việc phát triển kinh tế của đất nước và đã chứng tỏ được khả năng giải quyết mâu thuẫn giữa tư bản và lao động bằng cách kết hợp hài hòa các lợi ích, không để chúng biến thành mâu thuẫn đối kháng.

+ *Biện chứng giữa chất và lượng:*

Sự phân tích của Mác về hàng hóa không chỉ xét về mặt mâu

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, *Sđd*, t.23, tr.694.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.710-711.

thuẫn của nó, mà còn về mặt *chất và lượng* của nó nữa. Bất cứ hàng hóa nào cũng có chất và lượng, nhưng khi xét về giá trị sử dụng của các hàng hóa thì hàng hóa chỉ biểu hiện sự khác nhau về chất, còn trong quá trình trao đổi thì hàng hóa chỉ biểu hiện sự khác nhau về lượng mà thôi. Như vậy, *giá trị sử dụng là mặt chất của hàng hóa; giá trị trao đổi hay giá trị là mặt lượng của hàng hóa.* Mác viết: "Là những giá trị sử dụng, các hàng hóa khác nhau trước hết về chất; là những giá trị trao đổi, các hàng hóa chỉ có thể khác nhau về lượng mà thôi "[1].

Lượng của hàng hóa (lượng của giá trị) được đo bằng cái gì? Mác trả lời như sau: "Hiển nhiên là đo bằng lượng của cái "thực thể tạo ra giá trị" chứa đựng ở trong đó, bằng lượng lao động. Bản thân số lượng lao động thì đo bằng thời gian lao động, còn thời gian lao động thì lại đo bằng những phần nhất định của thời gian như giờ, ngày, v.v..."[2].

"Như vậy, Mác viết, chỉ có lượng lao động xã hội cần thiết, hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một giá trị sử dụng, mới quyết định đại lượng giá trị của giá trị sử dụng ấy"[3].

Có một điểm rất quan trọng cần lưu ý là *Mác phân biệt giữa lao động đơn giản và lao động phức tạp*; Mác coi *lao động phức tạp là bội số của lao động đơn giản*. Mác nói: "Lao động phức tạp chỉ là lao động giản đơn *được nâng lên lũy thừa*, hay nói cho đúng hơn, là lao động giản đơn được *nhân lên*, thành thử một lượng lao

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.65.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.67.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.68.

động phức tạp nhỏ hơn thì tương đương với một lượng lao động giản đơn lớn hơn"[1].

Từ sự chứng minh lượng của giá trị hàng hóa do lượng của lao động sản xuất ra hàng hóa đó quyết định, Mác đi đến chứng minh rằng, nguồn gốc của *giá trị thặng dư* mà nhà tư bản thu được là do lượng của *lao động thặng dư* của người lao động tạo ra. Mác viết: "Nếu quá trình tạo ra giá trị chỉ kéo dài đến cái điểm ở đó giá trị sức lao động do tư bản trả được hoàn lại bằng một vật ngang giá mới, thì đó chỉ là một quá trình giản đơn tạo ra giá trị. Còn nếu như quá trình tạo ra giá trị vẫn tiếp diễn quá điểm đó, thì nó trở thành một quá trình làm tăng giá trị"[2]. "Giả định rằng ngày lao động gồm 6 giờ lao động cần thiết và 6 giờ lao động thặng dư. Như vậy, trong một tuần lễ người lao động tự do cung cấp cho nhà tư bản 6 x 6, hay 36 giờ lao động thặng dư. Điều đó cũng giống như anh ta lao động 3 ngày trong một tuần cho bản thân mình và 3 ngày không công cho nhà tư bản"[3].

Kết luận này của Mác có mặt đúng của nó rằng giá trị thặng dư là do lao động thặng dư, tức lao động không được trả công tạo ra, tuy nhiên cũng có mặt thiếu sót của nó. Nhiều nhà triết học và kinh tế học đương đại chỉ ra hạn chế trong lý luận về giá trị thặng dư của Mác là *chưa đề cập đến những yếu tố khác ngoài lao động của công nhân* trong việc tạo ra giá trị thặng dư - nguồn gốc của lợi nhuận của doanh nghiệp. Đành rằng giá trị thặng dư là do lao

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.75.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr. 291-292.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr. 349.

động thặng dư của người lao động tạo ra, nhưng người lao động ở đây không nên hiểu đơn giản là người công nhân trực tiếp đứng máy, mà còn có những người lao động khác, như lao động quản lý quá trình sản xuất, lao động của những người thiết lập, điều khiển toàn bộ quy trình công nghệ, v.v...

Quy giá trị thặng dư về lao động thặng dư của công nhân đã gây ra một cách hiểu phiến diện từ trước đến nay là *giá trị thặng dư chỉ do một mình lao động của người công nhân làm thuê tạo ra*; doanh nhân chẳng những không tạo ra mà còn "tước đoạt" toàn bộ giá trị thặng dư của công nhân. Cho nên sau Cách mạng tháng Mười Nga, có một thời kỳ Nhà nước Xôviết thực hiện "tước đoạt lại những kẻ đã tước đoạt" bằng cách tịch thu toàn bộ tài sản của tư bản và biến thành tài sản của nhà nước. Tuy nhiên, sau mấy năm thực hiện "chính sách cộng sản thời chiến" dẫn đến khủng hoảng, Lênin đã thực hiện đổi mới căn bản trong "Chính sách kinh tế mới". Việc xem xét lại vấn đề giá trị thặng dư cùng với việc khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tiên nước ngoài cũng được thực hiện trong quá trình đổi mới chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.

Từ sự phân tích và lập luận như vậy chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng, *việc phát hiện ra giá trị thặng dư của Mác không dẫn đến kết luận về tính tất yếu của việc xóa hình thức sản xuất và kinh doanh có thuê mướn lao động trong xã hội hiện nay*. Vấn đề là ở chỗ, ngoài hình thức phân phối bằng tiền lương, tiền công, cần phải bổ sung thêm một hình thức phân phối khác – *phân phối theo*

phúc lợi, thực chất là *phân phối lại lợi nhuận của doanh nghiệp* trên cơ sở tính toán phần đóng góp của người lao động vào việc tạo ra giá trị thặng dư (lợi nhuận) của doanh nghiệp.

+ *Phủ định của phủ định*

Mác áp dụng quy luật phủ định của phủ định để phân tích quá trình sản xuất và lưu thông tư bản chủ nghĩa.

Công thức: T - H - T và T - H...SX...H' - T' nói lên rằng sản xuất và lưu thông tư bản là quá trình chuyển hóa liên tiếp từ hình thái này sang hình thái khác, là quá trình phủ định lẫn nhau giữa các hình thái. Trong quá trình này, giá trị ứng trước không những được bảo toàn mà còn được tăng lên[1].

Áp dụng quy luật phủ định của phủ định, Mác cho rằng, chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa là kết quả của lần phủ định thứ nhất đối với chế độ tư hữu của cá nhân dựa trên lao động của cá nhân, đồng thời Mác cũng rút ra kết luận về tính tất yếu của sự phủ định lần thứ hai - sự thay thế chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa bằng *sự sở hữu cá nhân dựa trên chế độ chiếm hữu công cộng đối với ruộng đất và những tư liệu sản xuất cơ bản do lao động xã hội tạo ra*. Mác viết: "Phương thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đẻ ra, và do đó cả chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa nữa đều là sự phủ định đầu tiên đối với chế độ tư hữu cá nhân dựa trên lao động của bản thân. Nhưng nền sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu

---

[1]. Xem *Lịch sử phép biện chứng mácxít từ khi xuất hiện chủ nghĩa Mác đến giai đoạn Lênin*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1986, tr.250.

của một quá trình tự nhiên. Đó là sự phủ định cái phủ định. Sự phủ định này không khôi phục lại chế độ tư hữu, mà khôi phục lại chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa: trên cơ sở sự hiệp tác và sự chiếm hữu công cộng đối với ruộng đất và những tư liệu sản xuất do chính lao động làm ra"[1].

Như vậy trong xã hội tương lai, theo Mác và Ăngghen, vẫn còn tồn tại hình thức sở hữu cá nhân, nhưng sở hữu cá nhân không phải là chế độ tư hữu giống như trước đây, vì nó *dựa trên nền tảng của sự chiếm hữu xã hội về ruộng đất và những tư liệu sản xuất cơ bản.* Vấn đề này hiện nay được hiểu như sau: đất đai, sông ngòi, rừng núi, thềm lục địa, tài nguyên thiên nhiên, các cơ sở và công trình công cộng, v.v., do lao động xã hội tạo ra nên thuộc về sở hữu xã hội (chế độ công hữu). Tuy nhiên, cá nhân và tập thể được xã hội trao quyền sử dụng những thứ đó để làm nơi cư trú, nơi canh tác nông nghiệp, xây dựng những công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, du lịch, giải trí, khai thác tài nguyên, năng lượng để phục vụ xã hội, v.v.. Ngoài ra, những tư liệu lao động do cá nhân mua sắm và trực tiếp sử dụng, như máy móc, thiết bị cũng thuộc về sở hữu cá nhân. Điều này cũng đã được Mác và Ăngghen nói tới trong *Hệ tư tưởng Đức*: "Trong sự chiếm hữu của những người vô sản, một khối lượng lớn các công cụ sản xuất phải nhất thiết lệ thuộc vào từng cá nhân, còn sở hữu thì phải lệ thuộc vào tất cả mọi cá nhân"[2].

Sự vận dụng của Mác về quy luật phủ định của phủ định để dự

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.1059-1060.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.98.

báo về *chế độ chiếm hữu trong tương lai vừa có tính công cộng, vừa có tính cá nhân* cũng được Lênin chỉ ra trong tác phẩm *Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao*: "Mác không thể chứng minh được tính tất yếu của cách mạng xã hội, tính tất yếu của việc kiến lập chế độ công hữu về ruộng đất và về tư liệu sản xuất do lao động tạo ra, nếu không dùng đến sự phủ định cái phủ định của Hêghen... Mác đã đi đến kết luận là trong xã hội tương lai sẽ tồn tại một chế độ sở hữu vừa cá nhân, vừa công cộng, với tư cách là sự thống nhất tối cao, kiểu Hêghen, của cái mâu thuẫn đã bị xóa bỏ"[1].

Theo quy luật phủ định của phủ định, cái mới ra đời sau hai lần phủ định là cái hoàn chỉnh hơn do kế thừa được những yếu tố hợp lý trong cả hai giai đoạn trước đó. Chế độ sở hữu tương lai không phải là sở hữu công cộng phủ định hoàn toàn sở hữu tư nhân, mà là sự *kết hợp hài hòa giữa hai hình thức sở hữu đó*, trong đó sở hữu công cộng là *cơ sở* trên đó sở hữu tư nhân tồn tại và phát triển.

Tuy nhiên, theo quan điểm triết học đương đại, tất cả những gì mà con người dựa trên thực trạng và xu thế đã và đang tồn tại để nói về sự phát triển trong tương lai chỉ là những "phỏng đoán", "dự báo" chỉ có tính chất *tương đối* mà thôi.

- Những vấn đề duy vật lịch sử trong Tư bản

Để nghiên cứu một cách có hệ thống quan điểm duy vật lịch sử của Mác trong *Tư bản*, chúng ta cần phải bắt đầu từ tác phẩm

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.204-205.

Góp phần phê phán khoa Kinh tế chính trị (năm 1859).

+ Lý luận về hình thái kinh tế - xã hội

Trong Lời nói đầu của tác phẩm *Góp phần phê phán khoa Kinh tế chính trị*, Mác đã trình bày vắn tắt kết quả nghiên cứu của mình về lý luận hình thái kinh tế - xã hội như sau: "Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ. Toàn bộ những quan hệ sản xuất ấy hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, tức là cái cơ sở hiện thực trên đó dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị và những hình thái ý thức xã hội nhất định tương ứng với cơ sở hiện thực đó"[1].

Trong đoạn văn trên, Mác đã trình bày cấu trúc của một hình thái kinh tế - xã hội, bao gồm: 1) Lực lượng sản xuất với một trình độ phát triển nhất định; 2) Toàn bộ những quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội được coi là cơ sở hiện thực (cơ sở hạ tầng kinh tế) của xã hội; 3) Kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng hình thành và phát triển bên trên cơ sở hạ tầng kinh tế đó.

+ Biện chứng của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

Mác còn phân tích tỉ mỉ cấu trúc và những thành tố của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất bao gồm trước hết là *lao động*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, t.13, tr.14-15.

hay là hoạt động có mục đích của con người. Người lao động trước hết thể hiện ở khả năng chế tạo công cụ lao động, sau đó là khả năng sử dụng chúng một cách có mục đích trong quá trình sản xuất. Mác viết: "Việc sử dụng và sáng tạo ra những tư liệu lao động, tuy đã có mầm mống ở một vài loài động vật nào đó, nhưng vẫn là một nét đặc trưng riêng của quá trình lao động của con người, và vì thế cho nên Phranclin[1] đã định nghĩa con người là: 'a toolmaking animal', một động vật chế tạo dụng cụ"[2].

Như vậy, yếu tố hàng đầu ở người lao động là *chế tạo công cụ*. Từ đây có thể rút ra kết luận rằng, trong thời đại ngày nay *những chuyên gia khoa học công nghệ, những người phát minh, chế tạo máy móc, thiết kế và điều khiển các quy trình công nghệ có vai trò quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất*.

Theo Mác, đối tượng lao động bao gồm *những tài nguyên thiên nhiên* như đất đai, nước, cá tự nhiên, gỗ trong rừng, quặng nằm trong hầm mỏ, đây là loại *đối tượng lao động tự nhiên* chưa qua lao động chế biến. Ngoài ra còn có một loại đối tượng lao động khác là những *nguyên liệu "sau khi đã trải qua một sự biến đổi nào đó do lao động gây ra"*[3].

Mác định nghĩa tư liệu lao động: "Tư liệu lao động là một vật, hay là toàn bộ những vật mà con người đặt ở giữa họ và đối tượng lao động, và được họ dùng làm vật truyền dẫn hoạt động của họ

---

[1]. Phranclin (Benjamin Franklin) (1706 - 1790) là một nhà triết học, nhà khoa học, nhà hoạt động chính trị nổi tiếng của Mỹ. Ông có định nghĩa nổi tiếng về con người: "Man is a tool making animal" (con người là động vật biết chế tạo công cụ).

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.269.

[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.23, tr.268.

vào đối tượng ấy"[1].

Tư liệu lao động là yếu tố phân biệt các thời đại kinh tế khác nhau: Mác viết: "Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào. Các tư liệu lao động không những là cái thước đo sự phát triển sức lao động của con người, mà còn là một chỉ tiêu của những quan hệ xã hội trong đó lao động được tiến hành"[2].

Ngoài những công cụ, tư liệu lao động "còn có tất cả những điều kiện vật chất cần thiết nói chung để cho quá trình lao động có thể diễn ra"[3].

Theo Mác, dù tư liệu lao động có quan trọng đến mấy nhưng nếu không có hoạt động lao động có ý thức, có mục đích của con người thì máy móc cũng vô ích, hư hỏng; gỗ thì mục nát, sắt thép thì hoen rỉ, sợi thì bị hỏng, v.v.. Chính lao động sống mới điều khiển máy móc, sử dụng những đối tượng lao động một cách có mục đích để tạo ra những giá trị sử dụng, những vật phẩm cho tiêu dùng hoặc trở thành những tư liệu sản xuất mới[4].

Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất là hai mặt của một phương thức sản xuất. Chúng nằm trong thể thống nhất: *lực lượng sản xuất quy định quan hệ sản xuất, quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*. Tuy nhiên, sự phù hợp

---

[1] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.268.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.269.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.270.
[4]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.274.

giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất là có điều kiện. Mác viết: "Tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có, hay - đây chỉ là biểu hiện pháp lý của những quan hệ sản xuất đó - mâu thuẫn với những quan hệ sở hữu, trong đó từ trước đến nay các lực lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội"[1].

Lực lượng sản xuất là *yếu tố quyết định suy cho cùng* của một hình thái kinh tế - xã hội, vì lực lượng sản xuất là "điều kiện vật chất" cho sự ra đời và tồn tại của một kiểu quan hệ sản xuất nhất định và một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Mác đã viết những dòng có ý nghĩa rất lớn mà trong một thời gian người ta cố tình không chú ý đến như sau: "Không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển, vẫn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới, cao hơn, cũng không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ. Cho nên, nhân loại bao giờ cũng chỉ đặt ra cho mình những nhiệm vụ mà nó có thể giải quyết được, vì khi xét kỹ hơn, bao giờ người ta cũng thấy rằng bản thân nhiệm vụ ấy chỉ nảy sinh khi những điều kiện vật chất để giải quyết nhiệm vụ đó đã có rồi, hay ít ra cũng đang ở trong quá trình

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr.15.

hình thành"[1].

Theo Mác, lực lượng sản xuất tư bản tạo ra quan hệ sản xuất tư bản *đối kháng* với lực lượng sản xuất ấy, nhưng đồng thời cũng tạo ra điều kiện vật chất để giải quyết đối kháng ấy. Chính từ chỗ này mà Mác đã đi đến kết luận, *xã hội tư bản là xã hội có đối kháng cuối cùng trong lịch sử nhân loại* (tư tưởng này cũng đã được thể hiện trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*). Mác viết: "Các quan hệ sản xuất tư sản là hình thức đối kháng cuối cùng của quá trình sản xuất xã hội, đối kháng không phải với ý nghĩa là đối kháng cá nhân, mà với ý nghĩa là đối kháng nảy sinh từ những điều kiện sinh hoạt xã hội của cá nhân; nhưng những lực lượng sản xuất phát triển trong lòng xã hội tư sản đồng thời cũng tạo ra những điều kiện vật chất để giải quyết đối kháng ấy. Cho nên với hình thái xã hội tư sản, thời tiền sử của xã hội loài người đang kết thúc"[2].

Một câu hỏi được đặt ra: Nếu quan hệ sản xuất tư bản *về bản chất* là đối kháng với lực lượng sản xuất thì làm sao lực lượng sản xuất tư bản có thể phát triển một cách nhanh chóng như Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã nêu ra: "Giai cấp tư sản trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại"[3]. Thật ra, quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất tư bản *đối kháng với nhau về bản chất* hay chỉ *đối kháng*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr.15-16.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr. 16.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.603.

trong những điều kiện nhất định là một vấn đề *cần phải được tiếp tục nghiên cứu.*

+ Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

Theo Mác, cơ sở hạ tầng kinh tế của một hình thái kinh tế - xã hội là *"toàn bộ quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội"*. Cụm từ "toàn bộ những quan hệ sản xuất" ở đây được nhiều người hiểu là *cả ba loại quan hệ sản xuất*: quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất tàn dư và quan hệ sản xuất mầm mống.

Cơ sở hạ tầng kinh tế *quyết định* kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng. Kiến trúc thượng tầng phải *phù hợp* với cơ sở kinh tế. Khi "cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng"[1].

- Biện chứng của tồn tại xã hội và ý thức xã hội

Như ta đã biết, khái niệm tồn tại xã hội của chủ nghĩa duy vật lịch sử được dùng để chỉ tất cả những điều kiện vật chất trong đó xã hội tồn tại và phát triển. Tồn tại xã hội bao gồm trước hết là *phương thức sản xuất* (yếu tố quyết định trong tồn tại xã hội); ngoài ra còn có *những điều kiện địa lý, môi trường tự nhiên và điều kiện dân số* (số lượng và chất lượng dân số). Mác viết: "Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr.15.

định ý thức của họ"[1].

+ Sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử tự nhiên

Trong Lời tựa cho lần xuất bản thứ nhất của tập I bộ *Tư bản*, Mác viết: "Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên"[2].

Cụm từ "quá trình lịch sử - tự nhiên" không được Mác giải thích cặn kẽ nên ít khi được hiểu một cách chính xác. Để hiểu đúng cụm từ này, trước hết ta phải làm rõ rằng: Mác coi *xã hội là một bộ phận của tự nhiên*, nên nó tồn tại, vận động và phát triển theo những quy luật khách quan nhất định không phụ thuộc ý thức cá nhân hay xã hội. Ngoài những quy luật phổ biến của thế giới vật chất, xã hội loài người còn tuân theo những quy luật đặc thù của nó.

Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở điểm này thì cũng chỉ mới giải thích được mặt "tự nhiên" của sự phát triển xã hội, chưa nói lên được mặt "lịch sử" của nó. Có tài liệu giải thích rằng, "lịch sử" có nghĩa là xã hội phát triển theo từng giai đoạn từ thấp đến cao, nhưng cách giải thích như vậy chưa làm cho lịch sử khác biệt với tự nhiên, vì tự nhiên cũng phát triển từ thấp đến cao theo từng giai đoạn. Từ "lịch sử" ở đây phải được hiểu là "xã hội", như cụm từ "chủ nghĩa duy vật lịch sử" được hiểu là chủ nghĩa duy vật về xã hội. Sự phát triển xã hội có đặc trưng riêng phân biệt với sự phát triển của tự nhiên do *xã hội là lĩnh vực hoạt động có ý thức của con người*, con

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.13, tr.15.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.23, tr.21.

người nhận thức và vận dụng quy luật khách quan một cách có ý thức để đề ra mục đích, biện pháp thúc đẩy sự phát triển xã hội, vì vậy quá trình phát triển của xã hội không hoàn toàn diễn ra một cách thuần túy "tự nhiên" và còn bao hàm yếu tố *chủ quan* là *hoạt động có ý thức của xã hội*.

Tóm tại, cụm từ "lịch sử - tự nhiên" nói lên *sự thống nhất giữa hai mặt đối lập, mặt khách quan và mặt chủ quan* trong quá trình phát triển xã hội. Mặt khách quan quy định mặt chủ quan, mặt chủ quan phải phù hợp với mặt khách quan. Mặt chủ quan (ý thức, đường lối, phương pháp hoạt động đúng đắn) có vai trò thúc đẩy nhanh chóng quá trình phát triển của xã hội, tránh được những sai lầm không cần thiết.

3.1.3. Ý nghĩa của tác phẩm về mặt triết học

Tác phẩm "Tư bản. Phê phán khoa Kinh tế chính trị" là kết quả của một nghiên cứu công phu và lâu dài của Mác, với mục đích *bóc trần thực chất bóc lột của tư bản đối với lao động* trong phương thức sản xuất tư bản, đồng thời *chỉ ra những hạn chế trong các học thuyết kinh tế chính trị trước Mác*. Tác phẩm thể hiện tương đối đầy đủ không chỉ về quan điểm kinh tế của chủ nghĩa Mác, mà còn một loạt vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử, phép biện chứng, lý luận nhận thức, lôgíc học, v.v..

Tuy nhiên, trong "Tư bản", ngoài những giá trị lâu dài của nó, còn có những vấn đề chỉ đúng trong điều kiện lịch sử cụ thể ở thời kỳ của Mác, ví dụ một số khía cạnh lý luận trong học thuyết về giá trị, học thuyết vè giá trị thặng dư. Những kết luận được Mác rút ra

về xã hội cộng sản tương lai và con đường thực hiện nó qua các tác phẩm, từ "Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản", "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" cho đến bộ "Tư bản" đồ sộ này chỉ là *những dự báo*, mức độ chính xác cua chúng cần phải được kiểm nghiệm trong thực tiễn lâu dài của nhân loại.

3.2. TÁC PHẨM "CHỐNG ĐUYRINH".

3.2.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu của tác phẩm

Tác phẩm *Chống Đuyrinh* có tên đầy đủ: " Chống Đuyrinh. Ông Đuyrinh đảo lộn khoa học" [1] do Ăngghen viết trong khoảng từ tháng 9-1876 đến tháng 6-1878. Tác phẩm ra đời nhằm chống lại quan điểm của Đuyrinh và trình bày một cách có hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác trên các lĩnh vực: triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.

Năm 1875, Oighen Đuyrinh (1833 - 1921), Phó Giáo sư Trường Đại học Berlin, viết một loạt bài công kích gay gắt chủ nghĩa Mác. Quan điểm của Đuyrinh là sự pha trộn một cách chiết trung chủ nghĩa duy vật tầm thường với chủ nghĩa duy tâm và cả chủ nghĩa thực chứng. Phương pháp của Đuyrinh là phương pháp tư duy siêu hình. Trước tình hình đó, một số người bạn của Ăngghen đề nghị ông tiến hành phê phán học thuyết của Đuyrinh

---

[1]. Nguyên bản tiếng Đức: *Anti-Dühring. Herrn Eugen Dühring's Umwälzung der Wissenschaft.* Bản dịch tiếng Anh: *Anti-Dühring. Herr Eugen Dühring's Revolution in Science,* MECW, Progress Publishers, vo 25, Moscow, 1987, p.05-312. Bản dịch tiếng Việt in trong C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, t.20, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.11 - 450.

trên tờ *Volksstaat*. Ăngghen bắt đầu công việc từ giữa năm 1876. Mác đọc bản thảo và viết chương X của phần II (Kinh tế chính trị). Tác phẩm được công bố bằng hàng loạt các bài báo trên tờ *Vorwärts* (kế tục tờ *Volksstaat*). Năm 1878, tác phẩm được in thành sách ở Leipzig.

Nội dung của tác phẩm gồm *Lời tựa*, *Phần mở đầu* và ba phần chính: *triết học, kinh tế chính trị* và *chủ nghĩa xã hội khoa học*.

3.2.2. Nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Ăngghen giải quyết vấn đề quan hệ giữa tư duy với tồn tại, giữa lý luận và thực tiễn

Ăngghen phê phán quan niệm của Đuyrinh cho rằng, những nguyên lý rút ra từ tư duy, chứ không phải từ thế giới bên ngoài, rằng chúng "phải được ứng dụng vào giới tự nhiên và loài người, do đó, giới tự nhiên và loài người phải phù hợp với chúng"[1].

Ăngghen khẳng định quan điểm ngược lại: các nguyên lý "được trừu tượng hóa từ giới tự nhiên và lịch sử loài người; không phải là giới tự nhiên và loài người phải phù hợp với các nguyên lý, mà trái lại các nguyên lý chỉ đúng trong chừng mực chúng phù hợp với giới tự nhiên và lịch sử"[2].

Trong mối quan hệ giữa tư duy với tồn tại, Ăngghen không chỉ khẳng định tồn tại có trước và quy định tư duy, mà còn chứng minh *mặt thứ hai* của mối quan hệ, tức *sự phù hợp của tư duy với tồn tại*,

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.54.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.54

hay nói cách khác, khả năng phản ánh đúng đắn thế giới khách quan của tư duy con người. Theo Ăngghen, tư duy, ý thức là sản vật của bộ óc con người và bản thân con người, là sản vật của giới tự nhiên. "Vì vậy, lẽ tự nhiên là những sản vật của bộ óc con người, - quy đến cùng, cũng là những sản vật của giới tự nhiên, - không mâu thuẫn mà lại còn phù hợp với mối liên hệ còn lại của giới tự nhiên"[1].

Vận dụng mối quan hệ của tư duy với tồn tại để nghiên cứu lĩnh vực toán học, Ăngghen bác bỏ quan điểm của Đuyrinh về cái gọi là *toán học thuần túy*. Ăngghen cho rằng: "Đối tượng của toán học thuần túy là những hình không gian và những quan hệ số lượng của thế giới hiện thực, tức là một chất liệu rất hiện thực". Nhưng để có thể nghiên cứu những hình thức và quan hệ ấy dưới dạng thuần túy thì người ta phải hoàn toàn tách chúng ra khỏi nội dung của chúng, "làm như vậy, ta có được những điểm không có kích thước, những đường không có chiều dài và chiều rộng, những a và b, x và y, những hằng số và những biến số và chỉ sau cùng người ta mới đi đến những sản vật của sự sáng tạo tự do và những tư tưởng tự do của bản thân lý tính, tức là những số ảo"[2].

- Về tính thống nhất của thế giới, vật chất và vận động, không gian và thời gian

+ Về tính thống nhất của thế giới:

Trong lịch sử triết học có một số cách tiếp cận về tính thống nhất của thế giới. Chủ nghĩa duy tâm khách quan *đi tìm sự thống nhất của thế giới từ một lực lượng siêu tự nhiên ban đầu* sáng tạo

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.55.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.59.

ra toàn bộ thế giới hiện thực (như ý niệm, ý niệm tuyệt đối, tinh thần thế giới, thượng đế, v.v.). Còn chủ nghĩa duy tâm chủ quan thì *suy từ tính thống nhất của tư duy ra tính thống nhất của thế giới khách quan,* đó là trường hợp của ông Đuyrinh.

Theo Đuyrinh, bản chất của tư duy là thống nhất; vì vậy tồn tại duy nhất được bao hàm trong tư duy là tồn tại thống nhất. Đuyrinh nói: "Bản chất của mọi tư duy là ở chỗ hợp nhất những yếu tố của ý thức thành một thể thống nhất nào đó... Chính nhờ khả năng hợp nhất đó của tư duy mà nảy sinh *khái niệm không thể chia cắt được về thế giới*"[1].

Ăngghen chỉ ra rằng: Tư duy không chỉ có chức năng tổng hợp, mà còn có chức năng phân tích nữa. Hơn nữa, tư duy chỉ có thể hợp nhất thành một thể thống nhất những gì đã vốn có sự thống nhất trong hiện thực. Ông nói: "Nếu tôi gộp cái bàn chải giày vào phạm trù thống nhất của loài có vú, thì cũng không phải vì thế mà nó sẽ mọc ra những tuyến vú được"[2].

Ăngghen phản bác phương pháp duy tâm của Đuyrinh: *từ khái niệm về sự tồn tại của thế giới rút ra khái niệm về tính thống nhất của nó*. Theo ông, tất nhiên, thế giới có tồn tại thì mới có thể nói đến sự thống nhất của nó; nhưng từ khái niệm về sự tồn tại của thế giới, về mặt lôgíc chưa thể rút ra khái niệm về sự thống nhất của thế giới, hoặc bất cứ một thuộc tính nào của nó.

Trong lịch sử triết học, bên cạnh các quan điểm duy tâm xem

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.63.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.65.

xét tính thống nhất của thế giới ở một thực thể tinh thần, thì quan điểm duy vật trước Mác lại cố gắng đi tìm sự thống nhất của thế giới ở *một hoặc một số dạng vật chất ban đầu (như nước, lửa, không khí, tứ đại, ngũ hành, v.v...)*, hoặc *một loại hạt vật chất nhỏ nhất* không thể phân chia được nữa (nguyên tử) làm cơ sở tồn tại của toàn bộ vũ trụ. Tất cả những cách tiếp cận đó đều không đứng vững trước sự phát triển của triết học và khoa học tự nhiên. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu của triết học và khoa học tự nhiên, Ăngghen đưa ra cách tiếp cận duy vật biện chứng về tính thống nhất của thế giới: *Thế giới thống nhất ở tính vật chất của nó.* Ông viết: "Tính thống nhất thật sự của thế giới là ở tính vật chất của nó, và tính vật chất này được chứng minh không phải bằng vài ba lời lẽ khéo léo của kẻ làm trò ảo thuật, mà bằng một sự phát triển lâu dài và khó khăn của triết học và khoa học tự nhiên"[1].

Tính thống nhất vật chất của thế giới được triết học và khoa học hiện đại chứng minh như sau:

* Trong vũ trụ, người ta chỉ phát hiện được các dạng tồn tại khác nhau của vật chất. Không có bằng chứng nào về một *thế giới phi vật chất* tồn tại ở đâu đó, có trước hoặc bên ngoài thế giới vật chất.

* Tính thống nhất của thế giới còn thể hiện ở sự *liên hệ phổ biến của sự vật, hiện tượng, ở khả năng chuyển hóa lẫn nhau* của tất cả các dạng tồn tại của vật chất, của các hình thức vận động của vật chất.

* Tính thống nhất của thế giới còn thể hiện ở *sự chi phối của*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.67

những quy luật phổ biến và của *những quy luật đặc thù* đối với từng lĩnh vực cụ thể của thế giới.

Thật ra, "thế giới" mà người ta nói ở đây chỉ là "vũ trụ" mà chúng ta đã biết một phần rất nhỏ. Chúng ta không thể nói gì về thế giới bao la còn nằm bên ngoài phạm vi nhận thức của nhân loại.

+ Về sự vận động của vật chất:

Ăngghen khẳng định: "*Vận động là phương thức tồn tại của vật chất*. Bất kỳ ở đâu và bất cứ lúc nào cũng không có và không thể có vật chất mà không có vận động"[1].

Ăngghen khái quát các hình thức vận động của vật chất: vận động trong không gian vũ trụ, vận động cơ học của những khối nhỏ hơn trên mỗi thiên thể riêng biệt (tức vận động cơ giới), dao động phân tử dưới hình thức nhiệt, hay dưới hình thức dòng điện hoặc dòng từ (vận động vật lý), phân giải hóa học hay hóa hợp hóa học (vận động hóa học), đời sống hữu cơ (vận động sinh vật).

Theo Ăngghen, "Mọi trạng thái đứng im, mọi trạng thái thăng bằng đều chỉ là tương đối, chỉ có ý nghĩa nếu đem so với một hình thức vận động nhất định nào đó"[2], "không có thể tĩnh tuyệt đối, không có sự thăng bằng vô điều kiện. Vận động riêng biệt thì có xu hướng thăng bằng, song vận động toàn thể thì lại loại trừ sự thăng bằng"[3].

Ăngghen khẳng định *vận động không thể tạo ra và không thể*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.89.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.89.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.93.

tiêu diệt được: "Vật chất không có vận động, cũng như vận động không có vật chất, đều là điều không thể hình dung nổi. Vì vậy, vận động cũng không thể tạo ra được và cũng không thể tiêu diệt được như bản thân vật chất"[1].

+ Về không gian và thời gian:

Ăngghen đưa ra tư tưởng cho rằng *không gian và thời gian là những hình thức tồn tại của vật chất*. Vật chất không thể tồn tại ngoài không gian và thời gian: "Vì các hình thức cơ bản của mọi tồn tại là không gian và thời gian; tồn tại ngoài thời gian thì cũng hết sức vô lý như tồn tại ở ngoài không gian"[2].

Ăngghen cũng giải thích *tính vĩnh cửu của thời gian và tính vô tận của không gian*: "Cái vĩnh cữu trong thời gian, cái vô tận trong không gian... là ở chỗ, ở đây không có điểm tận cùng về một phía *nào cả*, cả ở đằng trước lẫn đằng sau, cả ở trên lẫn ở dưới, cả ở bên phải lẫn bên trái"[3].

Ăngghen vạch ra *sự phi lý* của Đuyrinh về *quan niệm thời gian không có vật chất*: "Nếu thế giới đã có lần ở vào trạng thái tuyệt đối không xảy ra một biến đổi nào cả, thì làm thế nào mà nó lại có thể chuyển từ trạng thái đó sang những sự biến đổi được? Như vậy phải có một cái hích đầu tiên từ bên ngoài, từ ngoài thế giới vào, làm cho nó vận động. Nhưng ai cũng biết rằng 'cái hích đầu tiên' chỉ là một cách nói khác để chỉ thượng đế mà thôi"[4].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.89.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.78.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.75.
[4]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.79.

- Ăngghen bàn về sự ra đời và bản chất của sự sống

Ăngghen chỉ ra rằng, sự ra đời của sinh vật là *một bước nhảy từ hình thức vận động hóa học đến vận động của "anbumin"* (Ăngghen dùng thuật ngữ anbumin để chỉ hình thức sinh vật sơ đẳng nhất).

Ăngghen châm biếm điều khẳng định của Đuyrinh rằng tất cả các vật hữu cơ hiện nay đều do một sinh vật nguyên thủy duy nhất sinh ra, giống như quan niệm rằng tổ tiên người Do Thái nguyên thủy là Adam.

Theo Ăngghen, đặc trưng của sự sống không phải ở sự trao đổi chất, vì các chất vô cơ cũng đã có khả năng trao đổi chất với môi trường. Ông định nghĩa: "*Sự sống là phương thức tồn tại của những thể anbumin*, và phương thức tồn tại này, về căn bản, bao hàm ở *sự thường xuyên tự đổi mới của những thành phần hóa học của những thể ấy*"[1].

Theo Ăngghen, đặc trưng của sự sống là khả năng của sinh vật *tự nó thực hiện việc đồng hóa và dị hóa*, làm cho cơ thể sinh vật luôn luôn đổi mới: "Trước hết là ở chỗ anbumin thu hút ở môi trường xung quanh nó những chất khác thích hợp với nó và đồng hóa những chất này, còn những bộ phận khác già cỗi hơn của cơ thể bị phân giải và bị bài tiết ra ngoài..."[2].

Ăngghen cũng đưa ra dự kiến rằng sau này khoa học có thể tổng hợp được anbumin bằng con đường nhân tạo.

Nhiều nhà sinh vật học cho rằng, quan điểm của Ăngghen về

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.119.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.120.

sự sống là "phương thức tồn tại của anbumin", *một dạng sinh vật dưới tế bào* là một dự báo khoa học vượt trước thời đại của ông, vì lúc bấy giờ người ta mới phát hiện tế bào, chưa phát hiện hình thức sinh vật dưới tế bào như hiện nay (ngày nay khoa học phát hiện *virus* chỉ là tập hợp các phân tử hữu cơ, chưa có tế bào).

- Một số vấn đề về phép biện chứng duy vật

+ Ăngghen nói về phương pháp tư duy siêu hình, nguồn gốc và những hạn chế lịch sử của nó.

Trước hết, cần làm rõ thuật ngữ "siêu hình". Trong tiếng Hy Lạp "μετάφυσικά" (metaphisika) có nghĩa là "sau vật lý". Μετάφυσικά (siêu hình học) là tiêu đề một tác phẩm của Arixtôt được học trò xuất bản trên cơ sở tập hợp tất cả những sáng tác của ông về cái mà ông gọi là "triết học thứ nhất". Hêghen là người có công chỉ ra những thiếu sót bất cập của siêu hình học trước ông, và đề xuất phép biện chứng. Tuy nhiên, Hêghen không bác bỏ siêu hình học nói chung vì phép biện chứng cũng được ông coi là siêu hình học, nhưng là *siêu hình học* mới đối lập với siêu hình học truyền thống. Ăngghen thì không chỉ vạch ra những hạn chế, bất cập trong phương pháp của siêu hình học cũ, mà còn *đối lập hoàn toàn phép biện chứng* được ông coi là một khoa học *với toàn bộ siêu hình học*, được ông coi là phương pháp phản khoa học. Do vậy, những khái niệm như "siêu hình học", "phương pháp tư duy siêu hình" được Ăngghen dùng có nội hàm hoàn toàn khác với khái niệm truyền thống mà triết học phương Tây đang dùng.

Theo Ăngghen, đối với phương pháp tư duy siêu hình, sự vật và khái niệm được nghiên cứu trong tình trạng cái này *tách rời* cái kia, *độc lập* với cái kia; trong sự *cố định, vĩnh viễn không biến đổi* của chúng. Đó là phương pháp tư duy *cứng nhắc*: hoặc có hoặc không, hoặc tồn tại hoặc không tồn tại. Những cái đối lập thì bài trừ nhau một cách tuyệt đối: "Đối với nhà siêu hình học thì những sự vật và sự phản ánh của chúng trong tư duy, tức là những khái niệm, đều là những đối tượng nghiên cứu riêng biệt, cố định, cứng đờ, vĩnh viễn, phải được xem xét cái này sau cái kia, cái này độc lập với cái kia. Nhà siêu hình học suy nghĩ bằng những sự tương phản hoàn toàn trực tiếp; họ nói: 'Có là có, không là không; ngoài cái đó ra chỉ là trò xảo quyệt'. Đối với họ thì "sự vật hoặc là tồn tại hoặc là không tồn tại; một sự vật không thể vừa là bản thân nó lại vừa là một sự vật khác. Cái khẳng định và cái phủ định tuyệt đối bài trừ lẫn nhau; nguyên nhân và kết quả cũng đối lập hẳn với nhau"[1].

Theo Ăngghen, phương pháp tư duy siêu hình có nguồn gốc từ *sự phát triển hạn chế của khoa học tự nhiên*. Từ nửa cuối thế kỷ XV trở đi, cùng với sự phát triển của mình, khoa học phân chia giới tự nhiên thành từng bộ phận, từng quá trình, từng loại và nghiên cứu chúng một cách riêng biệt. Việc làm này đã tạo ra những bước tiến bộ khổng lồ cho khoa học, nhưng đồng thời cũng đã đem lại thói quen xem xét sự vật, hiện tượng trong trạng thái cô lập, tĩnh tại. Phương pháp này *chỉ đúng trong phạm vi hẹp*, còn nếu đem áp dụng trong phạm vi rộng lớn thì phương pháp đó sẽ trở

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.36-37.

thành *phiến diện, hạn chế, trừu tượng* và rơi vào *mâu thuẫn* không thể giải quyết được, vì "nó chỉ nhìn thấy những sự vật riêng biệt mà không nhìn thấy mối liên hệ qua lại giữa những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy sự tồn tại của những sự vật ấy mà không nhìn thấy sự phát sinh và tiêu vong của những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy trạng thái tĩnh của những sự vật ấy mà quên mất sự vận động của những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy cây mà không nhìn thấy rừng"[1].

Ăngghen nêu một số ví dụ để chứng minh mọi sự vật hữu cơ *luôn luôn chứa đựng những mặt đối lập* trong bản thân nó, *luôn luôn vận động*, cho nên bất kỳ một vật hữu cơ nào cũng vừa là bản thân nó, vừa không phải là bản thân nó. Trong quá trình vận động, chuyển hóa lẫn nhau, các sự vật *không có ranh giới tuyệt đối*, như "các luật sư hiểu rất rõ điều đó khi phải vò đầu bứt tai để tìm ra một giới hạn hợp lý mà nếu vượt quá thì việc giết một cái thai trong bụng mẹ sẽ bị coi là tội giết người". Ranh giới giữa cái sống và cái chết cũng chỉ có tính tương đối, vì "sinh lý học chứng minh rằng cái chết không phải là một sự kiện đột ngột và trong khoảnh khắc, mà là một quá trình rất dài"[2].

Ăngghen cũng chứng minh rằng, nguyên nhân và kết quả là hai mặt đối lập, nhưng sự phân biệt giữa chúng *chỉ có ý nghĩa tương đối*, vì chúng chỉ có ý nghĩa "khi được áp dụng vào một trường hợp riêng biệt nhất định"; nhưng một khi chúng ta nghiên cứu trường hợp riêng biệt ấy trong mối liên hệ chung thì "nguyên

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.37.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.37.

nhân và kết quả luôn luôn thay đổi vị trí cho nhau; cái ở đây hoặc trong lúc này là nguyên nhân thì ở chỗ khác hoặc ở lúc khác là kết quả, và ngược lại"[1].

+ Ăngghen nói về bản chất của phương pháp tư duy biện chứng và sự phát triển lịch sử của nó:

Theo Ăngghen, phương pháp biện chứng là phương pháp xem xét sự vật, hiện tượng và phản ánh của chúng trong tư duy (khái niệm), *trong mối quan hệ ràng buộc phụ thuộc lẫn nhau của chúng, trong sự vận động, sự phát sinh và tiêu vong của chúng.*

Ăngghen vạch ra rằng, một quan niệm đúng đắn về vũ trụ chỉ có thể có được bằng con đường biện chứng. I. Cantơ đã mở đầu sự nghiệp khoa học của ông bằng việc biến thái dương hệ vĩnh viễn và bất biến của Niutơn, - sau khi đã có cái hích đầu tiên nổi tiếng kia, - thành một quá trình lịch sử: đó là quá trình xuất hiện mặt trời và tất cả mọi hành tinh từ khối tinh vân đang xoay chuyển. Từ đó, "ông rút ra được cái kết luận là sự nảy sinh của thái dương hệ cũng giả định sự tiêu vong tất yếu của nó trong tương lai"[2].

Tuy nhiên, Ăngghen chỉ ra rằng, người đã phát triển phép biện chứng lên đỉnh cao là Hêghen. Hêghen đã nghiên cứu toàn bộ giới tự nhiên và lịch sử loài người như là một quá và vạch ra những mối liên hệ tất yếu và quy luật vận động, phát triển của chúng. Ăngghen viết: "Theo quan điểm ấy, lịch sử loài người đã không còn thể hiện ra là một mớ hỗn độn ghê gớm của những hành vi bạo lực vô

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.38.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.39.

nghĩa..; ngược lại, nó là một quá trình phát triển của bản thân loài người, và nhiệm vụ của tư duy hiện nay là phải theo dõi bước tiến tuần tự của quá trình ấy qua tất cả những khúc quanh co của nó và chứng minh tính quy luật bên trong của nó qua tất cả những cái ngẫu nhiên bề ngoài"[1].

Ăngghen cũng *chỉ ra những hạn chế trong phép biện chứng của Hêghen.* Đó là *phép biện chứng duy tâm*, trong đó tất cả mọi cái đều bị đặt lộn ngược và *chứa đựng mâu thuẫn không thể cứu chữa được.* Đó là mâu thuẫn giữa tư tưởng biện chứng và hệ thống của ông: "Một mặt, tiền đề cơ bản của nó là một quan điểm cho rằng lịch sử nhân loại là một quá trình phát triển... nhưng mặt khác hệ thống ấy lại có kỳ vọng rằng chính nó là cái tận cùng của chân lý tuyệt đối ấy"[2].

Ăngghen khẳng định: "Chỉ có Mác và tôi là những người đã cứu phép biện chứng tự giác thoát khỏi triết học duy tâm Đức và đưa nó vào trong quan niệm duy vật về tự nhiên và về lịch sử"[3].

+ Ăngghen nói về những quy luật của phép biện chứng:

Ăngghen viết: "Nhưng phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy"[4]. Đây là một định nghĩa về phép biện chứng đang được các sách giáo khoa

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.40.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.41.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.22.
[4]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.201.

về triết học Mác sử dụng.

Những quy luật của phép biện chứng lúc đầu là do Hêghen phát hiện ra, nhưng dưới hình thức duy tâm. Mác và Ăngghen là những người đã *tách những quy luật đó ra khỏi cái vỏ thần bí của triết học Hêghen.*

Ăngghen cũng chỉ ra sự khác nhau cơ bản giữa phép biện chứng duy vật với phép biện chứng duy tâm là ở chỗ: "không thể đưa những quy luật biện chứng từ bên ngoài vào giới tự nhiên, mà là phát hiện ra chúng trong giới tự nhiên và rút chúng ra từ giới tự nhiên"[1]. Tuy nhiên, sau khi đã rút ra được những quy luật biện chứng từ bản thân giới tự nhiên, người ta lại *áp dụng chúng một cách tự giác vào việc nghiên cứu, giải thích các sự kiện tự nhiên* sẽ đạt được kết quả dễ dàng hơn là bằng con đường tự phát.

* *Về quy luật mâu thuẫn:*

Đuyrinh cho rằng, mọi mâu thuẫn đều *phi lý*. Ăngghen chứng minh rằng, *mâu thuẫn tồn tại khách quan và phổ biến trong tự nhiên, xã hội và tư duy*. Khi ta xem xét sự vật, hiện tượng trong trạng thái tĩnh, trong sự tách rời giữa chúng thì chúng ta không thấy mâu thuẫn, nhưng "khi chúng ta bắt đầu xem xét các sự vật trong sự vận động, sự biến đổi, sự sống, sự tác động lẫn nhau của chúng. Lúc đó, chúng ta sẽ lập tức gặp phải những mâu thuẫn"[2].

Ăngghen cho rằng, bản thân sự vận động đã là một mâu thuẫn; ngay như sự đi động máy móc, đơn giản sở dĩ có thể thực hiện

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.25.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.172.

được, cũng chỉ là "vì một vật trong cùng một lúc vừa ở nơi này lại vừa ở nơi khác, vừa ở cùng một chỗ lại vừa không ở chỗ đó". Và "sự nảy sinh thường xuyên và việc giải quyết đồng thời mâu thuẫn này - đó cũng chính là sự vận động"[1].

Theo Ăngghen, "sự sống trước hết chính là ở chỗ một sinh vật trong mỗi lúc vừa là nó nhưng lại vừa là một cái khác". Như vậy, "sự sống cũng là một mâu thuẫn tồn tại trong bản thân các sự vật và các quá trình, một mâu thuẫn thường xuyên nảy sinh và tự giải quyết, và khi mâu thuẫn chấm dứt thì sự sống cũng không còn nữa và cái chết xảy đến"[2].

Ăngghen cũng chứng minh *tính phổ biến của mâu thuẫn biện chứng trong tư duy*. Đó là mâu thuẫn giữa tính vô hạn và tính có hạn của năng lực nhận thức và "mâu thuẫn này được giải quyết trong sự nối tiếp của các thế hệ ... và được giải quyết trong sự vận động đi lên vô tận"[3].

** Về biện chứng giữa lượng và chất:*

Ăngghen lấy nhiều ví dụ trong vật lý học (sự chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái rắn và sang trạng thái hơi) và trong đời sống xã hội (trong quá trình phát triển của sản xuất, trong sự hợp tác lao động của nhiều cá nhân) để *chứng minh tính quy luật của sự chuyển hóa những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất.*

Đặc biệt Ăngghen lấy nhiều ví dụ trong hóa học hữu cơ để cho

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.173.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.173-174.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.174.

chúng ta thấy sự thay đổi về chất trong hóa học diễn ra bằng cách cộng thêm một số lượng nhất định các nguyên tố cấu thành hợp chất.

Ăngghen mượn lời của Napôlêông để minh họa cho việc lượng đổi dẫn đến chất đổi: "Hai người lính Mamelúc thì trội hơn hẳn 3 người lính Pháp; 100 người lính Mamelúc và 100 người lính Pháp thì ngang nhau; 300 người lính Pháp thì thường thường trội hơn 300 người lính Mameluke; và 1.000 người lính Pháp thì bao giờ cũng đánh bại được 1.500 người lính Mamelúc"[1].

Tuy nhiên, không phải lúc nào sự tăng thêm về lượng cũng làm thay đổi chất, mà *phải tính đến những điều kiện nhất định*; trong trường hợp trên, điều kiện ở đây là *kết cấu, hệ thống tổ chức*.

* *Về phủ định của phủ định:*

Đuyrinh phê phán quan điểm của Mác về sự phủ định của phủ định. Ăngghen *chứng minh tính phổ biến của quy luật phủ định của phủ định trong sự phát triển của tự nhiên* (ví dụ: hạt đại mạch, loài bướm, trong khoa địa chất học, trong toán học), *trong sự phát triển lịch sử* (của chế độ sở hữu), *trong sự phát triển của triết học* (của chủ nghĩa duy vật).

Theo Ăngghen, trong sự phát triển của nông nghiệp, quy luật phủ định của phủ định tất yếu sẽ dẫn đến *sự thay thế chế độ tư hữu về ruộng đất bằng chế độ công hữu về ruộng đất*. Phủ định của phủ định không phải là lặp lại nguyên xi cái cũ, không phải là sự khôi phục lại chế độ công hữu nguyên thủy, mà là "lập nên một hình

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.184

thức cao hơn và phát triển hơn nhiều của hình thức chiếm hữu chung... giải phóng sản xuất khỏi mọi xiềng xích trói buộc nó, làm cho sản xuất có thể sử dụng được đầy đủ những phát kiến về hoá học và những sáng chế về cơ học hiện đại"[1].

Dự báo này của Mác và Ăngghen hiện nay đã trở thành hiện thực, không chỉ ở các nước xã hội chủ nghĩa mà ở tất cả các nước tiên tiến trên thế giới, ruộng đất và tài nguyên thiên nhiên đã trở thành sở hữu toàn dân.

- Một số vấn đề về lý luận nhận thức

Bác bỏ luận điểm siêu hình của Đuyrinh về chân lý tuyệt đỉnh cuối cùng, về quyền tối cao của tư duy, Ăngghen cho rằng, tư duy con người cũng tuân theo quy luật biện chứng, nghĩa là *tư duy con người vừa tối cao, vừa không tối cao, khả năng nhận thức của con người vừa vô hạn vừa có hạn*. Nếu xét ở phạm vi từng cá nhân, từng thế hệ, thì tư duy con người là không tối cao, nhận thức của con người là có hạn. Còn nếu xét trong sự phát triển vô cùng tận của loài người thì tư duy con người là tối cao, nhận thức của con người là vô hạn. Ăngghen viết: "Theo ý nghĩa đó thì tư duy của con người vừa là tối cao vừa là không tối cao, và khả năng nhận thức của con người vừa là vô hạn vừa là có hạn"[2].

Ăngghen cũng phê phán quan điểm của Đuyrinh về cái gọi là "chân lý vĩnh cửu". Theo Ăngghen, *chân lý vĩnh cửu nếu có cũng*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.196-197.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.127.

chỉ ở những vấn đề đơn giản. Còn *đối với những vấn đề phức tạp thì không thể có chân lý vĩnh cửu*. Ăngghen viết: "Nếu nhân loại đạt tới chỗ chỉ vận dụng toàn những chân lý vĩnh cửu, những kết quả của tư duy có giá trị tối cao và có quyền tuyệt đối về chân lý, thì điều đó có nghĩa là nhân loại đã tới một điểm mà tính vô tận của thế giới tri thức đã cùng kiệt về mặt hiện thực cũng như về mặt tiềm năng, và như thế là đã đạt được cái điều thần kỳ nổi tiếng là đếm được hết con số vô hạn"[1].

Về biện chứng giữa chân lý và sai lầm, Ăngghen cho rằng, chân lý và sai lầm là hai cực đối lập trong quá trình nhận thức chân lý, sự phân biệt giữa chúng chỉ có ý nghĩa tuyệt đối trong một số trường hợp rất hạn chế, ngoài ra ranh giới giữa chúng chỉ có tính chất tương đối. Do vậy, một điều tuy đã được thừa nhận rộng rãi là chân lý nhưng nếu được hiểu và áp dụng nó một cách cứng nhắc, không tính hết những mặt, những điều kiện của nó thì điều chân lý đó có thể sẽ trở thành điều sai lầm.

- Một số vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử

+ Vấn đề bình đẳng xã hội

Theo Ăngghen, quan điểm về bình đẳng xã hội của chúng ta hiện nay là sự kế thừa và phát triển tư tưởng bình đẳng do các nhà tư tưởng của cách mạng tư sản đưa ra, nhất là tư tưởng của các nhà triết học khai sáng Pháp. *Bình đẳng là một khái niệm có tính lịch sử*. Nó là kết quả của một sự phát triển lâu dài trong lịch sử và có

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.127.

quá trình phát triển từ thấp đến cao.

Ăngghen cho rằng, trong chủ nghĩa tư bản đã có bình đẳng ở một số khía cạnh nhất định nhưng còn ở trình độ rất thấp, còn *bình đẳng vô sản cao hơn về chất so với bình đẳng tư sản*. Bình đẳng vô sản (tức bình đẳng trong chủ nghĩa xã hội) không chỉ trong lĩnh vực nhà nước, mà phải là bình đẳng thật sự được áp dụng trong lĩnh vực kinh tế và xã hội nữa. Bình đẳng là một sản phẩm lịch sử nên không thể có bình đẳng hoàn toàn, mà *chỉ có thể thực hiện sự bình đẳng từ thấp đến cao, hết mặt này, khía cạnh này đến mặt khác, khía cạnh khác*. Theo Ăngghen: "Nội dung thật sự của yêu sách bình đẳng vô sản là yêu cầu *xóa bỏ các giai cấp*. Mọi yêu sách bình đẳng vượt ra ngoài phạm vi đó, nhất định sẽ dẫn tới một điều vô lý"[1].

+ *Về mối quan hệ giữa tự do và tất yếu*

Theo Ăngghen, tự do *không phải là độc lập, bất chấp quy luật*, mà là *nhận thức được cái tất yếu*, tức là sự nhận thức được quy luật khách quan của tự nhiên cũng như quy luật của bản thân con người.

Quan điểm của Ăngghen về quan hệ giữa tự do và tất yếu là sự kế thừa quan điểm của các nhà triết học trước đó, như Xpinôda, Hêghen. Hêghen cho rằng, tự do là nhận thức được cái tất yếu. Tuy nhiên, cách tiếp cận mácxít về tự do không dừng lại ở sự nhận thức cái tất yếu, mà vấn đề quan trọng hơn là trên cơ sở nhận thức của cái tất yếu và quy luật khách quan, con người có thể *vận dụng được*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.154.

những quy luật đó một cách có kế hoạch để phục vụ cho cuộc sống con người. Ăngghen viết: "Tự do không phải là sự độc lập tưởng tượng đối với các quy luật của tự nhiên, mà là ở sự nhận thức được những quy luật đó và ở cái khả năng - có được nhờ ở sự nhận thức này - buộc những quy luật đó tác động một cách có kế hoạch nhằm những mục đích nhất định"[1].

Trong lịch sử triết học đã từng tồn tại hai cách tiếp cận đối lập: *thuyết định mệnh* (fatalism) tuyệt đối hóa cái tất yếu và quy luật khách quan, phủ nhận mọi tự do của con người. Ngược lại, *ý chí luận* (voluntarism) tuyệt đối hóa tự do và phủ nhận mối quan hệ của tự do với cái tất yếu và quy luật khách quan. Quan điểm mácxít tuy không phủ nhận vai trò vô cùng to lớn của ý chí và sự tự do ý chí của con người, nhưng luôn luôn *đặt tự do trong mối quan hệ với việc nhận thức và vận dụng tính tất yếu và quy luật khách quan*. Ăngghen viết: "Như vậy, tự do của ý chí không phải là cái gì khác hơn là cái năng lực quyết định một cách hiểu biết công việc. Do đó, sự phán đoán của một người về một vấn đề nhất định, *càng tự do* bao nhiêu thì nội dung của sự phán đoán đó sẽ được quyết định với một *tính tất yếu* càng lớn bấy nhiêu; còn sự không quả quyết, do không hiểu biết mà ra, thì có vẻ là chọn lựa một cách tùy tiện trong nhiều khả năng quyết định khác nhau và trái ngược nhau, song chính do đó mà chứng tỏ rằng nó không có tự do, nó bị chi phối bởi đối tượng mà lẽ ra nó phải chi phối"[2].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.163.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.164.

Theo Ăngghen, *tự do là một sản phẩm lịch sử*. Bởi vì, tự do của con người phụ thuộc vào trình độ nhận thức và vận dụng quy luật khách quan, nên tự do không phải đã có ngay từ đầu. "Những con người vừa mới tách khỏi loài vật thì trong tất cả mọi mặt cơ bản cũng đều không có tự do, chẳng khác gì bản thân loài vật; nhưng mỗi bước tiến lên trên con đường văn hóa lại là một bước tiến tới tự do"[1].

3.2.3. Ý nghĩa của tác phẩm

Tác phẩm *Chống Đuyrinh* trình bày tương đối hoàn chỉnh thế giới quan mácxít gồm triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội.

Về mặt triết học, Ăngghen đã đề cập một cách khá toàn diện và sâu sắc các vấn đề quan trọng của triết học, từ vấn đề cơ sở của triết học đến các vấn đề của chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng, vấn đề lý luận nhận thức, và nhiều vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử, như vấn đề giai cấp, nhà nước và một số vấn đề chung về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, v.v..

Ăngghen đã kế thừa những thành tựu của chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVII-XVIII về vật chất và vận động, hạt nhân hợp lý trong phép biện chứng của Hêghen, đồng thời tiếp thu được những thành tựu mới nhất trong khoa học tự nhiên để khắc phục tính chất siêu hình và duy tâm trong các hệ thống triết học trước đó.

Dưới hình thức bút chiến, tác phẩm *Chống Đuyrinh* đã tích cực tham gia đấu tranh chống các quan điểm sai trái được phổ biến

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.164.

trong phong trào vô sản lúc bấy giờ. Ngày nay, tác phẩm *Chống Đuyrinh* là một trong những tác phẩm kinh điển quan trọng nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin. Những quan điểm cơ bản được trình bày trong tác phẩm đóng vai trò nền tảng thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin nói riêng và chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung.

3.3. TÁC PHẨM "BIỆN CHỨNG CỦA TỰ NHIÊN"

3.3.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu của tác phẩm

Tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*[1] được Ăngghen viết chủ yếu vào những năm 1873 - 1883, phần bổ sung viết vào những năm 1885 - 1886. Tác phẩm ra đời với những lý do sau đây:

Việc nghiên cứu chủ nghĩa duy vật biện chứng đụng chạm đến nhiều vấn đề toán học và khoa học tự nhiên. Một mặt, những nguyên lý và quy luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng đòi hỏi phải có cơ sở vững chắc của chúng là những thành tựu mới nhất của toán học và khoa học tự nhiên. Mặt khác, trong thời kỳ này, một loạt phát minh trong khoa học tự nhiên đòi hỏi phải được đánh giá về mặt triết học.

---

[1]. Nguyên bản tiếng Đức: *Dialektik der natur*. Bản dịch tiếng Anh: *Dialectics of nature*, MECW, Progress Publishers, vo 25, Moscow, 1987, p.313-590. Bản dịch tiếng Việt in trong C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tập 20. "Dialektik" trong tiếng Đức, "dialectic" hoặc "dialectics" trong tiếng Anh có thể hiểu là "biện chứng" hoặc "biện chứng học". Còn "phép biện chứng" là từ dịch thiếu chính xác, vì từ "phép" chỉ nói lên về mặt "phương pháp". Từ "der" (tiếng Đức), "of" (tiếng Anh) ở đây phải được dịch là "về" (không phải là "của. "*Biện chứng học về tự nhiên*" có lẽ là cách dịch hợp lý hơn là "*Biện chứng của tự nhiên*".

Ngoài ra, trong xã hội Đức lúc bấy giờ, những hiện tượng *mê tín dị đoan núp dưới danh nghĩa khoa học tự nhiên* có chiều hướng phát triển. Một số người dùng trò ảo thuật để lừa bịp quần chúng. Tình hình đó đòi hỏi phải đấu tranh vạch mặt những trò bịp bợm nói trên để bảo vệ chủ nghĩa duy vật.

Mặc dù Ăngghen đã chuẩn bị những tư tưởng triết học trong khoa học tự nhiên nhiều năm trước đó, nhưng cho đến những năm 70 của thế kỷ XIX thì tình hình mới chín muồi cho sự ra đời của một tác phẩm triết học như vậy. Tuy nhiên, việc viết tác phẩm nhiều lần bị gián đoạn cho nên phải mất hơn 10 năm mới hoàn thành về cơ bản.

Tác phẩm lần đầu tiên được in toàn văn bằng tiếng Đức và tiếng Nga trong *Tài liệu lưu trữ của Mác và Ăngghen*, quyển II, 1925.

Tác phẩm gồm có bốn phần:

- *Những sơ thảo đề cương,* gồm hai bản sơ thảo được soạn ra sau tháng 6-1878.

- *Các bài viết và các chương.*

- *Bút ký và các đoạn ngắn.*

- *Tên và mục lục các xấp bản thảo.*

3.3.2. Nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Về sự vận động của vật chất, các hình thức vận động cơ bản và sự chuyển hóa của chúng

Ăngghen định nghĩa vận động: "Vận động, hiểu theo nghĩa chung nhất, - tức được hiểu là một phương thức tồn tại của vật chất, là một thuộc tính cố hữu của vật chất, - thì bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị

trí đơn giản cho đến tư duy"[1].

Trong định nghĩa trên cần lưu ý ba nội dung:

+ Vận động là *mọi sự thay đổi (biến đổi) nói chung*, từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến sự thay đổi trong tư duy. Ăngghen cũng viết: "Vận động, đem ứng dụng vào vật chất, thì có nghĩa là *sự biến hóa nói chung*"[2].

+ Vận động là *phương thức tồn tại của vật chất*, nghĩa là: vật chất chỉ có thể *tồn tại bằng cách vận động, thông qua vận động.*

+ Vận động là *thuộc tính cố hữu của vật chất*, nghĩa là: vận động là *cái vốn có của vật chất, không do ai tạo ra và không bao giờ bị tiêu diệt.*

Ăngghen đưa ra tư tưởng về *năm hình thức vận động*: vận động cơ giới, vận động vật lý, vận động hóa học, vận động sinh vật và vận động xã hội. Ông nói: "Nhưng vận động của vật chất không phải chỉ là vận động cơ giới thô sơ, một sự đổi chỗ đơn giản; nó là nhiệt và ánh sáng, là điện và từ áp, là sự hóa hợp và phân giải hóa học, là sự sống và cuối cùng là ý thức"[3].

Theo Ăngghen, bất kỳ sự vận động nào cũng gắn liền với sự thay đổi vị trí. Vận động cơ giới là *hình thức thấp nhất.*

Ăngghen bắt đầu nghiên cứu từ những hình thức đơn giản đến những hình thức phức tạp, từ vận động cơ giới: sức hút và sức đẩy, vận động của các thiên thể, đến hình thức vận động vật lý (nhiệt, điện), vận động hóa học, nguồn gốc sự sống (vận động sinh vật),

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.519.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.742.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.479.

nguồn gốc của loài người (vận động xã hội).

Tư tưởng của Ăngghen coi vận động là phương thức tồn tại của vật chất được ông giải thích cụ thể hơn: "Ở đây, cũng đã thấy rõ rằng không thể tưởng tượng được vật chất mà không có vận động. Và nếu hơn nữa, vật chất đối diện với chúng ta, như một cái gì đã có sẵn, một cái gì không thể sáng tạo ra, cũng không thể tiêu diệt đi được, thì do đó có thể kết luận rằng bản thân sự vận động cũng không thể sáng tạo ra và tiêu diệt được"[1].

Tính bất diệt của vận động, theo Ăngghen, phải được *hiểu cả về mặt lượng và về mặt chất* của vận động. Về mặt lượng, số lượng của vận động khi chuyển từ hình thức vận động này sang hình thức vận động khác thì không thay đổi: "Tính không thể tiêu diệt được của vận động đã được nêu lên trong luận điểm này của *Đêcáctơ: trong vũ trụ động lượng luôn luôn được bảo toàn không đổi*"[2].

Về mặt chất lượng, tính bất diệt của vận động được hiểu là tất cả các hình thức vận động của vật chất đều *không ra đời một cách ngẫu nhiên* và do đó *không thể mất đi một cách vĩnh viễn được*. Ăngghen viết: "Nói rằng vật chất, trong suốt thời gian tồn tại của nó chỉ có một lần duy nhất - và lần đó chỉ là một khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi so với cả cái thời gian tồn tại vĩnh cửu của nó, - là có khả năng phân hóa sự vận động của nó, và do đó triển khai được tất cả sự phong phú của vận động ấy, và nói rằng trước đó và sau đó, nó vĩnh viễn bị giới hạn trong việc giản đơn thay đổi vị trí - thì

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.520.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.739.

như thế có nghĩa là khẳng định rằng vật chất có thể bị diệt vong và sự vận động của vật chất chỉ là nhất thời. Cần phải hiểu tính bất diệt của vận động không chỉ đơn thuần về mặt số lượng mà cần phải hiểu cả về mặt chất lượng nữa"[1].

Ăngghen phê phán *thuyết chết nhiệt* của Claudiút. Theo thuyết này, vận động sẽ biến thành nhiệt và tỏa ra trong không gian vũ trụ. Khi nhiệt độ trong không gian vũ trụ đồng đều nhau thì vận động sẽ chấm dứt. Ăngghen cho rằng: nhiệt tỏa ra trong không gian tất phải có khả năng chuyển hóa bằng cách nào đó, - cách nào thì các nhà khoa học tự nhiên sau này sẽ có nhiệm vụ xác định rõ, - chuyển hóa thành một hình thức vận động khác, trong đó nó lại có thể tập trung lại và hoạt động trở lại được"[2].

Như vậy, vận động của vật chất là *vĩnh viễn, bất diệt*. Mỗi sự vật, hiện tượng đều có quá trình ra đời và diệt vong, nhưng vật chất nói chung và các hình thức vận động của nó thì bất diệt. Nếu *một hình thức vận động nào đó bị tiêu diệt ở nơi này thì sớm muộn nó cũng sẽ được tái tạo ở một nơi khác khi có điều kiện thích hợp*. Ăngghen viết: "Vật chất vận động theo một chu trình bất diệt... một chu trình mà trong đó mỗi hình thức tồn tại hữu hạn của vật chất, - dù đó là mặt trời hay là tinh vân, một con vật riêng lẻ hay là một loài động vật, sự hóa hợp hay là sự phân giải hóa học, - cũng đều có tính chất tạm thời như nhau; chu trình mà trong đó không có gì là vĩnh cửu, trừ cái vật chất đang vĩnh viễn biến đổi, vĩnh viễn vận

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.479.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.481.

động, và các quy luật theo đó vật chất vận động và biến đổi"[1].

Cũng theo Ăngghen, mặc dù mọi dạng cụ thể của vật chất đều có quá trình ra đời và mất đi, nhưng các thuộc tính phổ biến và hình thức vận động cơ bản của vật chất thì tồn tại vĩnh viễn: "Không bao giờ một thuộc tính của nó lại có thể mất đi và vì thế, nếu như một ngày kia nó phải hủy diệt mất đóa hoa rực rỡ nhất của nó ở trên trái đất tức là cái tinh thần đang tư duy, thì nó lại phải - cùng với một tính tất yếu sắt thép như thế - tái sinh ra cái tinh thần ấy ở một nơi nào khác và trong một thời gian nào khác"[2].

Như vậy, vận động sinh vật và tư duy một ngày nào đó có thể bị hủy diệt trên hành tinh của chúng ta, nhưng vận động sinh vật và tư duy nói chung vốn là một hình thức vận động của vật chất, đã không ra đời một cách ngẫu nhiên, do đó không thể mất đi một cách vĩnh viễn được. Tất yếu nó sẽ được tái tạo lại ở một hành tinh khác khi có điều kiện thích hợp như trái đất của chúng ta. Do vậy, khoa học cho rằng, trái đất của chúng ta có thể không phải là một hành tinh duy nhất có sự sống và hy vọng sẽ tìm được sự sống ở một hành tinh khác.

Theo Ăngghen, *vận động không tách rời sự đứng yên, sự cân bằng*. Bất kỳ vận động riêng biệt nào cũng đều có xu hướng khôi phục lại sự đứng yên tương đối, sự cân bằng. Mặc dù sự cân bằng chỉ có *tính chất tương* đối, nhưng có vai trò rất quan trọng, vì "Khả năng đứng yên tương đối của các vật thể, khả năng cân bằng tạm

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.482.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.483.

thời là những điều kiện chủ yếu của sự phân hóa của vật chất, và do đó của sự sống"[1].

Cũng theo Ăngghen, các hình thức và các dạng khác nhau của vật chất chỉ có thể nhận thức được thông qua vận động vì "thuộc tính của vật thể chỉ bộc lộ qua vận động"[2].

- Về sự phát triển của tự nhiên, về nguồn gốc của sự sống, của con người và của ý thức con người

+ Về sự phát triển của tự nhiên

Quan điểm của Ăngghen về sự phát triển của vũ trụ và sự hình thành con người có cơ sở là những phát minh khoa học lúc bấy giờ, như giả thuyết của Cantơ về sự hình thành và phát triển của trái đất và hệ thống mặt trời, thuyết tiến hóa địa chất, thuyết bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, thuyết tiến hóa các giống loài của Đácuyn, học thuyết về cấu tạo tế bào, v.v.. Theo Ăngghen, những phát minh khoa học này đã tạo ra một quan niệm mới về giới tự nhiên và bác bỏ quan niệm siêu hình về tính bất di bất dịch của giới tự nhiên.

Trên cơ sở đó, Ăngghen *phát họa ra bức tranh về sự tiến hóa của giới tự nhiên*: Từ những đám tinh vân đỏ rực quay tít... mà từ đó đã hình thành vô số mặt trời và hệ thống mặt trời của cái hòn đảo vũ trụ của chúng ta. Lúc đầu vận động nhiệt chiếm ưu thế, không thể nói đến sự hóa hợp hóa học của các nguyên tố. Các thiên thể nguội dần. Các thiên thể càng nhỏ thì nguội nhanh hơn, các thiên thể ở

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.740.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.743.

trung tâm thì nguội chậm hơn. Sự giảm nhiệt độ dẫn đến sự xuất hiện hình thức vận động hóa học. Sự hình thành cái vỏ cứng và có nước tích tụ ở bề mặt. Cuối cùng nhiệt độ giảm đến mức mà các *anbumin* (chất sống đầu tiên, sơ đẳng) có thể sống được[1].

Sinh vật phát triển từ đơn bào đến đa bào. Sự sống là "phương thức tồn tại của những thể anbumin, và phương thức tồn tại ấy chủ yếu là ở chỗ các thành phần hóa học của những vật thể ấy luôn luôn đổi mới thông qua dinh dưỡng và bài tiết"[2]. Điều này cũng đã được Ăngghen trình bày trong tác phẩm *Chống Đuyrinh.*

+ *Về sự ra đời của loài người*

Con người xuất hiện trên trái đất không phải do thần thánh sinh ra, mà là *kết quả của quá trình tiến hóa lâu dài của tự nhiên*: "Cả con người cũng xuất hiện nhờ sự phân hóa và không những phân hóa về phương diện cá thể - bằng cách phát triển từ một tế bào trứng duy nhất đến một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được - mà còn phân hóa theo ý nghĩa lịch sử nữa. Sau cuộc đấu tranh kéo dài hàng nghìn năm, cuối cùng bàn tay đã phân biệt với bàn chân và dáng đi thẳng đã được xác lập vững chắc rồi, thì con người tách khỏi con khỉ, và mới có cơ sở cho sự phát triển của tiếng nói có âm tiết và cho sự phát triển mạnh mẽ của bộ óc, sự phát triển đã làm cho cái vực sâu giữa người và khỉ từ đó trở nên không thể vượt qua"[3].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.472-474.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.837.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.475.

+ Vai trò của lao động trong việc chuyển biến con vượn thành con người:

Theo Ăngghen, các nhà kinh tế chính trị khẳng định rằng lao động là nguồn gốc của mọi của cải; thật đúng như vậy. Nhưng lao động còn có vai trò vô cùng lớn lao hơn thế nữa. "Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người"[1].

Vai trò của lao động trong việc hình thành con người theo Ăngghen thể hiện ở những điểm sau:

Lao động tạo ra *dáng đi thẳng*

Lao động *rèn luyện cơ năng và giác quan.* Ăngghen khẳng định, bàn tay của con người "không những là khí quan của lao động, *mà còn là sản phẩm của lao động nữa*"[2].

Nhờ lao động mà con người phát hiện ra những đặc tính mới của tự nhiên. Ăngghen nói: "Dần dần với sự phát triển của bàn tay và với quá trình lao động, con người bắt đầu thống trị tự nhiên và cứ mỗi lần sự thống trị đó tiến lên một bước, là mỗi lần nó mở rộng thêm tầm mắt của con người. Trong các sự vật của giới tự nhiên, con người luôn luôn phát hiện ra được những đặc tính mới mà từ trước tới nay chưa ai biết đến"[3].

Lao động *thắt chặt thêm quan hệ xã hội* "bằng cách tạo ra rất

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.20, tr.641.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.20, tr.643.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.20, tr.644-645.

nhiều trường hợp để cho con người giúp đỡ lẫn nhau, hợp tác với nhau, và làm cho con người càng ngày càng có ý thức rõ rệt hơn về lợi ích của sự hợp tác ấy đối với mỗi thành viên riêng rẽ.

Lao động *tạo ra và phát triển ngôn ngữ*. Theo Ăngghen, ngôn ngữ bắt nguồn từ lao động và phát triển cùng với lao động, "đó là cách giải thích duy nhất đúng về nguồn gốc của ngôn ngữ"[1].

Lao động và ngôn ngữ là *hai yếu tố chủ yếu giúp con vượn phát triển thành con người*: "Trước hết là lao động, sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ; đó là hai sức kích thích chủ yếu đã ảnh hưởng đến bộ óc con vượn, làm cho bộ óc đó dần dần biến chuyển thành bộ óc của con người". Cũng theo Ăngghen, "Sự phát triển của bộ óc, nói chung, bao giờ cũng đi đôi với sự phát triển của tất cả các giác quan, cũng như sự phát triển tuần tự của ngôn ngữ nhất thiết phải đi đôi với một sự cải tiến tương đương của khí quan thính giác"[2].

Sự phát triển của bộ óc, của giác quan và ý thức tác động trở lại sự phát triển của lao động và ngôn ngữ. Sự tác động qua lại giữa các yếu tố tự nhiên và xã hội thúc đẩy quá trình phát triển của con người với tốc độ ngày càng nhanh hơn và còn tiếp tục phát triển trong thời gian hiện nay.

Nhờ có lao động mà con người thống trị được tự nhiên, bắt tự nhiên phục vụ cho mục đích của mình: "Và chính đó là sự khác nhau chủ yếu cuối cùng giữa con người và các loài vật khác, và

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.645.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.646.

một lần nữa, chính cũng là nhờ lao động mà con người mới có được sự khác nhau đó"[1].

- Về phép biện chứng duy vật và vai trò của nó đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên

+ Ăngghen tiếp tục khẳng định phép biện chứng là một khoa học

Ăngghen viết: "Phép biện chứng là khoa học về sự liên hệ phổ biến"[2]. Ở đây, ta cần nhớ lại một phát biểu khác về phép biện chứng trong *Chống Đuyrinh*: "Nhưng phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy"[3]. Hai phát biểu trên có thể gộp lại thành một định nghĩa thống nhất: *Phép biện chứng là khoa học về những mối liên hệ phổ biến và những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy.*

+ Ăngghen phân biệt biện chứng khách quan với biện chứng chủ quan

Biện chứng khách quan là *đặc tính vốn có của tự nhiên và xã hội* (giới tự nhiên và xã hội tồn tại trong sự liên hệ phổ biến, vận động, phát triển theo những quy luật nhất định). Còn biện chứng chủ quan, tức tư duy biện chứng là *phản ánh của biện chứng khách*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.654.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.455.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.201.

quan vào trong đầu óc con người[1].

Biện chứng chủ quan phụ thuộc vào năng lực tư duy lôgíc của mỗi người, do đó tư duy biện chứng ở mỗi người là *khác nhau*. Phép biện chứng và lôgíc học là *thuộc về biện chứng chủ quan*, nó là phương tiện giúp tư duy của con người phản ánh đúng đắn biện chứng khách quan. Tuy nhiên, những quy luật, nguyên tắc của phép biện chứng và lôgíc học chỉ là những cái phản ánh *gần đúng* tính quy luật khách quan mà thôi, do đó không được tuyệt đối hóa chúng.

+ Về các quy luật của phép biện chứng

Theo Ăngghen, *những quy luật của phép biện chứng được rút ra từ tự nhiên và xã hội loài người*. Phép biện chứng gồm *ba* quy luật được Hêghen phát hiện ra dưới hình thức *duy tâm*: quy luật về sự chuyển hóa từ số lượng thành chất lượng và ngược lại, quy luật về sự xâm nhập lẫn nhau của các mặt đối lập, quy luật về sự phủ định của phủ định. Ăngghen viết: "Quy luật đầu nằm trong phần thứ nhất của cuốn 'Lôgíc học', trong học thuyết về tồn tại, quy luật thứ hai chiếm tất cả phần thứ hai là phần quan trọng hơn cả của cuốn 'Lôgíc học' của ông, tức là phần học thuyết về bản chất; và sau cùng, quy luật thứ ba đóng vai trò quy luật cơ bản làm cơ sở cho toàn bộ hệ thống"[2].

Theo Ăngghen, sai lầm của Hêghen là ở chỗ, đáng lẽ phải rút những quy luật ấy ra từ tự nhiên và lịch sử thì ông lại làm ngược lại là *đem những quy luật của tư duy gán cho tự nhiên và lịch sử*.

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.694.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.510.

Nếu chúng ta *đảo ngược* mối quan hệ đó thì mọi việc sẽ trở thành đơn giản, sáng sủa như ban ngày.

+ Ăngghen nói về vai trò của phép biện chứng đối với khoa học tự nhiên

Theo Ăngghen, nhà khoa học tự nhiên không thể không cần đến triết học. Nhiều người tưởng rằng mình có thể không cần đến triết học, nhưng trong thực tế thì họ vẫn bị *chi phối bởi một thứ triết học nào đó, thậm chí là thứ triết học tồi tệ nhất*. "Những ai phỉ báng triết học nhiều nhất lại chính là những kẻ nô lệ của những tàn tích thông tục hóa, tồi tệ nhất của những học thuyết triết học tồi tệ nhất"[1].

Do đó, theo Ăngghen, đối với nhà khoa học tự nhiên, không có vấn đề lẩn tránh triết học, mà phải "được hướng dẫn bởi một hình thức tư duy lý luận dựa trên sự hiểu biết về lịch sử tư tưởng và những thành tựu của nó"[2].

Ăngghen chỉ ra rằng, phương pháp tư duy siêu hình đã trở thành cũ kỹ, lỗi thời; chỉ có phép biện chứng mới là phương pháp tư duy *cao nhất, thích hợp nhất với giai đoạn phát triển hiện nay của khoa học tự nhiên*, vì "phép biện chứng làm cho những sự khác biệt siêu hình, cố định chuyển hóa lẫn nhau, phép biện chứng thừa nhận, trong những trường hợp cần thiết, là bên cạnh cái 'hoặc là... hoặc là' thì có 'cả cái này lẫn cái kia' nữa, và thực hiện sự môi giới giữa các mặt đối lập". Tuy nhiên cũng theo ông, "đối với việc ứng dụng hàng ngày và đối với sự trao đổi nhỏ trong khoa học thì những

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.692-693.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.20, tr.693.

phạm trù siêu hình vẫn còn có tác dụng"[1].

Ăngghen chỉ ra rằng, ngày nay khoa học tự nhiên đã *chuyển sang lĩnh vực lý luận*. Ở đây phương pháp kinh nghiệm đã trở nên bất lực nên đòi hỏi phải có tư duy lý luận. Để có một năng lực tư duy lý luận thì "cho tới nay, không có một cách nào khác hơn là nghiên cứu toàn bộ triết học thời trước"[2].

Theo Ăngghen, "một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận... chỉ có phép biện chứng mới có thể giúp cho khoa học tự nhiên vượt khỏi những khó khăn về lý luận"[3].

3.3.3. Ý nghĩa của tác phẩm

Tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên* là kết quả của một công trình nghiên cứu trong nhiều năm về khoa học tự nhiên và sự khái quát các thành tựu của khoa học tự nhiên về mặt triết học. Đây cũng là một trong những tác phẩm trong hệ thống tư tưởng triết học Mác - Lênin, có vai trò nền tảng cho thế giới quan duy vật biện chứng.

Ăngghen đã phê phán và chỉ ra sai lầm trong phép biện chứng duy tâm của Hêghen, qua đó đã tổng kết toàn bộ những quy luật và phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật.

Những vấn đề khoa học tự nhiên được Ăngghen nêu ra trong tác phẩm chứng tỏ trình độ hiểu biết toàn diện và sâu sắc của ông về các vấn đề khoa học tự nhiên, làm cơ sở cho quan điểm duy vật

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.696.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.487.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.489.

biện chứng, thậm chí trong đó có những dự đoán vượt thời đại. Ví dụ, Ăngghen nói về bản chất của sự sống và dự báo về hình thức sinh vật dưới tế bào (anbumin), mà lúc bấy giờ người ta chỉ biết đến hình thức tế bào (theo học thuyết cấu tạo tế bào).

Ăngghen vận dụng thuyết tiến hóa của Đácuyn để giải thích nguồn gốc của loài người. Nhưng Đácuyn chỉ dừng lại ở sự tiến hóa tự nhiên, Ăngghen đã bổ sung học thuyết đó bằng vai trò của lao động, tức khía cạnh tiến hóa về mặt xã hội.

3.4. TÁC PHẨM "NGUỒN GỐC CỦA GIA ĐÌNH, CỦA CHẾ ĐỘ TƯ HỮU VÀ CỦA NHÀ NƯỚC"[1]

3.4.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu của tác phẩm

Nhân khi sắp xếp các bản thảo của Mác, tình cờ Ăngghen phát hiện *một bản tóm tắt tỉ mỉ* của Mác đối với cuốn sách *Xã hội cổ đại* của nhà bác học Mỹ *Luyxơ H. Moócgan* (Lewis H. Morgan). Ăngghen thấy cuốn sách của Moócgan xác nhận quan điểm duy vật về lịch sử nói chung và về xã hội nguyên thủy nói riêng nên ông thấy cần phải viết một tác phẩm đặc biệt, trong đó ông sử dụng những tài liệu thực tế và những kết luận trong cuốn sách của Moócgan cùng những nhận xét của Mác. Đồng thời, trong khi biên soạn tác phẩm này, Ăngghen sử dụng nhiều tài liệu phong phú do

[1]. Nguyên bản tiếng Đức: *Der Ursprung der Familie, des Privateigenthums und des Staats.* Bản dịch tiếng Anh: *The Origin of the Family, Private Property and the State,* MECW, Progress Publishers, Vo 26, Moscow 1990, p.129-276. Bản dịch tiếng Việt in trong C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.41-265.

ông tự sưu tầm.

Tác phẩm được viết từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 5-1884, được in thành sách đầu tháng 10-1884 ở Zurich và sau đó được tái bản nhiều lần. Tác phẩm gồm có 9 chương: chương I. *Những giai đoạn văn hóa tiền sử*; chương II. *Gia đình*; chương III. *Thị tộc Iroquois (Irôqua)*; chương IV. *Thị tộc Hy Lạp*; chương V. *Sự ra đời của nhà nước Athens*; chương VI. *Thị tộc và Nhà nước ở La Mã*; chương VII. *Thị tộc của người Kentơ và người Giécmanh*; chương VIII. *Sự hình thành nhà nước ở người Giécmanh*; chương IX. *Thời đại dã man và thời đại văn minh.*

3.4.2. Nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Những hình thức của hôn nhân gia đình đã từng tồn tại trong lịch sử

Qua những tài liệu nghiên cứu của Luyxơ H. Moócgan về những bộ lạc Irôqua ở bang New York và những bộ lạc người Indian khác ở Mỹ và tài liệu của một số tác giả khác, Ăngghen khẳng định rằng, hình thức hôn nhân sớm nhất của người nguyên thủy là hình thức *quần hôn,* trong đó những quan niệm về sự loạn luân hay sự ghen tuông là chưa thể có được[1]. Tiếp đó, Ăngghen trình bày kết quả nghiên cứu của Moócgan về sự tiến hóa của gia đình của người nguyên thủy qua bốn hình thức:

+ *Gia đình huyết tộc:* trong đó con người sống với nhau trong

---

[1]. Xem C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.64-65.

một tập thể theo quan hệ huyết thống và lấy nhau theo từng thế hệ.

+ *Gia đình punaluan*: chung chồng chung vợ trong phạm vi một gia đình nhưng cấm anh, chị, em ruột lấy nhau, rồi sau đó sự hạn chế được mở rộng ra giữa những người quá gần huyết thống.

+ *Gia đình cặp đôi:* quan hệ một vợ một chồng nhưng không bền vững.

+ *Gia đình một vợ một chồng:* quan hệ vợ chồng chặt chẽ hơn. Hai bên không thể tùy tiện bỏ nhau.

Theo Ăngghen, chế độ một vợ một chồng ra đời là do ý muốn của người phụ nữ, vì chế độ quần hôn ngày càng "tỏ ra là nhục nhã và nặng nề đối với đàn bà". Bước chuyển đó không thể nào do người đàn ông "vì cho đến tận ngày nay, đàn ông không bao giờ có ý muốn từ bỏ cái thú chế độ quần hôn thật sự cả"[1].

Trong thời kỳ quần hôn thì *chế độ mẫu quyền là tất yếu*. Khi chế độ quần hôn bị thay thế bằng chế độ một vợ một chồng thì chế độ mẫu quyền cũng bị thay thế bằng *chế độ phụ quyền*. Chế độ một vợ một chồng là một bước tiến bộ của xã hội, nhưng đồng thời cũng có mặt tiêu cực của nó: người đàn ông trở thành người thống trị trong gia đình và người phụ nữ chỉ còn là một công cụ. Ăngghen viết: "Chế độ mẫu quyền bị lật đổ là *sự thất bại lịch sử có tính chất toàn thế giới của giới nữ*"[2].

Cũng theo Ăngghen, "gia đình cá thể là *hình ảnh thu nhỏ của xã hội có giai cấp*, vì trong hình thức gia đình này đã chứa đựng

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.87-88.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.93.

mâu thuẫn - mâu thuẫn giữa người đàn ông và người đàn bà. Hôn nhân trong xã hội có giai cấp là "đều dựa trên địa vị giai cấp của đôi bên và vì vậy, hôn nhân luôn luôn là hôn nhân có tính toán"[1]. Chỉ có trong gia đình vô sản thì *tình yêu nam nữ mới thực sự trở thành một quy tắc của hôn nhân.*

- Dự báo về hôn nhân, gia đình trong xã hội tương lai

Theo Ăngghen trong chế độ tư hữu, hôn nhân một vợ một chồng không được thực hiện triệt để, chỉ về phía người vợ, nghĩa là người vợ chỉ có một chồng, còn người chồng thì có nhiều vợ hoặc công khai hoặc bí mật.

Tuy nhiên, một câu hỏi được đặt ra: Chế độ cộng sản có dẫn đến cộng vợ cộng chồng không? Theo Ăngghen, chế độ một vợ một chồng "chẳng những sẽ không biến đi, mà trái lại, chỉ có bắt đầu từ lúc đó, nó mới được thực hiện trọn vẹn. Thật vậy, các tư liệu sản xuất mà được chuyển thành tài sản xã hội thì chế độ lao động làm thuê, giai cấp vô sản cũng sẽ biến mất, và đồng thời cũng sẽ không còn tình trạng một số phụ nữ ... cần thiết phải bán mình vì đồng tiền nữa. Tệ mại dâm sẽ mất đi, và chế độ một vợ một chồng không những không suy tàn, mà cuối cùng lại còn trở thành một hiện thực, - ngay cả đối với đàn ông nữa"[2].

Trong hôn nhân một vợ một chồng, tình yêu là yếu tố quyết định. Ăngghen phân tích sự khác nhau giữa tình yêu và tình dục. Tình dục chỉ là sự thu hút về thể xác, chưa phải là tình yêu. Còn

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.112.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.118.

"Tình yêu nam nữ ngày nay khác về căn bản với tình dục đơn thuần, êrốt của người thời cổ"[1].

Ăngghen lập luận để chứng minh rằng, *hôn nhân chân chính là hôn nhân một vợ một chồng* bằng lý lẽ như sau: *hôn nhân chân chính là hôn nhân dựa trên tình yêu*, chứ không phải bạo lực hay kinh tế. Nhưng tình yêu có đặc điểm là *tính không thể chia sẻ được*, do đó, hôn nhân dựa trên tình yêu là hôn nhân một vợ một chồng. Ông giải thích: "Nhưng vì do bản chất của nó, tình yêu nam nữ là không thể chia sẻ được... cho nên hôn nhân dựa trên tình yêu nam nữ, do ngay bản chất của nó, là hôn nhân một vợ một chồng"[2].

Theo Ăngghen, *điều kiện để giải phóng phụ nữ là sự tham gia của phụ nữ vào lao động xã hội trên quy mô rộng lớn*. Điều kiện này do đại công nghiệp đem lại. Đại công nghiệp có nhu cầu thu nhận lao động nữ trên quy mô lớn. Đại công nghiệp cũng tạo ra nhiều dịch vụ để giảm bớt gánh nặng nội trợ của người phụ nữ. Ông nói: "Chỉ có thể giải phóng được người phụ nữ khi người phụ nữ có thể tham gia sản xuất trên quy mô xã hội rộng lớn và chỉ phải làm công việc trong nhà rất ít. Nhưng chỉ với nền đại công nghiệp hiện đại, là nền công nghiệp không những thu nhận lao động của phụ nữ trên quy mô lớn, mà còn trực tiếp đòi hỏi phải có lao động phụ nữ và ngày càng có xu hướng hòa tan lao động tư nhân của gia đình trong nền sản xuất công cộng, thì mới có thể thực hiện được

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.120.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.127.

điều nói trên"[1].

Tuy nhiên, trong điều kiện ngày nay, ngoài điều kiện nền công nghiệp hiện đại, chúng ta *có thể bổ sung thêm một điều kiện quan trọng khác là phải có "nền kinh tế tri thức"*. Trong nền kinh tế tri thức, lao động chủ yếu là trí tuệ nên ưu thế về sức mạnh cơ bắp của người đàn ông không còn nữa, do vậy *kinh tế tri thức là điều kiện để phụ nữ có thể bình đẳng hoàn toàn với nam giới về mọi mặt*. Ngày nay, trong điều kiện kinh tế tri thức, phụ nữ không chỉ là công nhân mà còn là doanh nhân, nhà khoa học, nhà chính trị, thậm chí còn làm được thủ tướng, tổng thống nữa. Điều kiện này không thể có được trong các xã hội trước dựa trên lao động thủ công hoặc cơ giới.

- Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, các kiểu và hình thức nhà nước; sự tiêu vong tất yếu của nhà nước

+ Về nguồn gốc và bản chất của nhà nước

Sau khi nghiên cứu sự hình thành các nhà nước ở Aten, nhà nước ở La Mã, nhà nước của người Giécmanh, Ăngghen đi đến kết luận: "Vậy nhà nước quyết không phải là một quyền lực từ bên ngoài áp đặt vào xã hội. Nó cũng không phải là cái 'hiện thực của ý niệm đạo đức', là 'hình ảnh và hiện thực của lý tính' như Hêghen khẳng định. Theo Ăngghen, nhà nước là sản phẩm của xã hội có giai cấp đối kháng: "Nhưng muốn cho những mặt đối lập đó, những giai cấp có quyền lợi kinh tế mâu thuẫn nhau đó, không đi đến chỗ

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.241.

tiêu diệt lẫn nhau và tiêu diệt luôn cả xã hội trong một cuộc đấu tranh vô ích, thì cần phải có một lực lượng cần thiết, một lực lượng rõ ràng là đứng trên xã hội, có nhiệm vụ làm dịu bớt sự xung đột và giữ cho sự xung đột đó nằm trong vòng 'trật tự'. Và lực lượng đó, nảy sinh từ xã hội, nhưng lại đứng trên xã hội và ngày càng tách rời khỏi xã hội, chính là nhà nước"[1].

Cũng theo Ăngghen, nhà nước là "của giai cấp có thế lực nhất, của cái giai cấp thống trị về mặt kinh tế và nhờ có nhà nước mà cũng trở thành giai cấp thống trị về mặt chính trị và do đó có thêm được những phương tiện mới để đàn áp và bóc lột giai cấp bị áp bức"[2].

Quan niệm về bản chất của nhà nước của Ăngghen có điểm khác với quan niệm của Platon, Arixtôt ở chỗ: Arixtôt cho rằng nhà nước trước hết là *công cụ của cộng đồng* nhưng do một *cá nhân* (nhà nước quân chủ), *một nhóm người* (nhà nước quý tộc) hay *số đông người* (nhà nước cộng hoà) nắm giữ (cai trị). Ba hình thức trên đều là những hình thức nhà nước đúng đắn, nếu người cai trị đặt lợi ích cộng đồng lên trên hết. Nhưng khi người cai trị chỉ vì lợi ích cá nhân mà phản lại lợi ích cộng đồng thì khi đó nhà nước mới bị "biến dạng" thành những hình thức *đồi bại*.

+ Về đặc trưng của nhà nước

Theo Ăngghen, *nhà nước có ba đặc trưng sau:*

1) sự cai trị theo lãnh thổ, 2) một quyền lực công cộng, 3) một

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.252-253.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.255.

chế độ thuế khóa. Ông chỉ rõ: "So với tổ chức thị tộc trước kia thì đặc trưng thứ nhất của nhà nước là ở chỗ nó phân chia thần dân của nó *theo địa vực*"... "Đặc trưng thứ hai của nhà nước là sự thiết lập một *quyền lực công cộng*, không còn trực tiếp là dân cư tự tổ chức thành lực lượng vũ trang nữa"... "Để duy trì quyền lực công cộng đó, cần phải có sự đóng góp của công dân, đó là *thuế má*. Xã hội thị tộc hoàn toàn không biết đến thuế má"[12].

+ Về các kiểu nhà nước

Theo Ăngghen, đã có ba kiểu nhà nước chính: nhà nước chủ nô, nhà nước quý tộc phong kiến và nhà nước tư sản: "nhà nước của bọn chủ nô dùng để đàn áp nô lệ, cũng như nhà nước phong kiến là cơ quan của bọn quý tộc dùng để đàn áp nông nô và những nông dân bị phụ thuộc, còn nhà nước đại nghị hiện đại là công cụ của tư bản dùng để bóc lột lao động làm thuê. Tuy nhiên, theo Ăngghen, cũng có trường hợp ngoại lệ là "có những thời kỳ trong đó những giai cấp đang đấu tranh lẫn nhau lại gần đạt được một thế bình quân khiến cho chính quyền nhà nước, tựa hồ một kẻ trung gian giữa các bên, lại tạm thời có được một mức độ độc lập nào đó đối với cả hai giai cấp"[2].

+ Về sự tiêu vong tất yếu của nhà nước

Nếu nhà nước ra đời một cách tất yếu do sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng thì "Bây giờ, chúng ta đang bước nhanh

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.253-254.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.255.

đến gần một giai đoạn phát triển sản xuất, trong đó sự tồn tại của những giai cấp nói trên không những không còn là một sự tất yếu nữa, mà còn trở thành một trở ngại trực tiếp cho sản xuất". Cũng theo Ăngghen, khi giai cấp biến mất thì "nhà nước cũng không tránh khỏi tiêu vong theo". Xã hội sẽ tổ chức lại nền sản xuất trên cơ sở liên hợp tự do và bình đẳng giữa những người sản xuất và "sẽ đem toàn thể bộ máy nhà nước xếp vào cái vị trí thật sự của nó lúc bấy giờ; vào viện bảo tàng đồ cổ, bên cạnh cái xa kéo sợi và cái rìu bằng đồng"[1].

Một câu hỏi được đặt ra, khi nhà nước tiêu vong thì ai sẽ đứng ra tổ chức nền sản xuất một cách có kế hoạch? Do đó, chúng ta cần phải hiểu tư tưởng nhà nước tiêu vong của Mác và Ăngghen là *tiêu vong ở bản chất của nó với tư cách cơ quan thống trị giai cấp*, còn chức năng quản lý xã hội thì chẳng những không tiêu vong mà lại càng được hoàn thiện hơn nữa.

3.4.3. Ý nghĩa của tác phẩm

Tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước* phân tích phân tích lôgíc phát triển của quan hệ hôn nhân và gia đình từ chế độ quần hôn đến chế độ một vợ một chồng, từ chế độ mẫu quyền đến chế độ phụ quyền; đồng thời, tác phẩm cũng chỉ ra xu hướng phát triển tất yếu của hôn nhân và gia đình trong xã hội tương lai, trong đó hôn nhân dựa trên cơ sở duy nhất là tình yêu nam nữ sẽ không còn bị cản trở bởi những lý do kinh tế hay

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.257-258.

bạo lực, gia đình một vợ một chồng và quan hệ bình đẳng giữa nam và nữ trong gia đình sẽ được thực hiện một cách đầy đủ.

Tác phẩm cũng chỉ ra mối quan hệ giữa chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước; chế độ tư hữu là cơ sở ra đời của sự phân chia xã hội thành những giai cấp đối kháng nhau và cả hai điều kiện này đến lượt chúng lại là cơ sở của sự hình thành nhà nước - công cụ thống trị về chính trị của giai cấp thống trị trong kinh tế. Trong tác phẩm, Ăngghen còn đưa ra dự báo về "nhà nước tiêu vong" khi cơ sở kinh tế và giai cấp của nhà nước với tư cách là công cụ bạo lực trấn áp của một giai cấp không còn nữa và sự thay thế nhà nước bạo lực đó bằng một kiểu tổ chức xã hội mới dựa trên sự liên hợp bình đẳng giữa các cá nhân.

3.5. TÁC PHẨM "LÚTVÍCH PHOIƠBAC VÀ SỰ CÁO CHUNG CỦA TRIẾT HỌC CỔ ĐIỂN ĐỨC" [1]

3.5.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu của tác phẩm

Tác phẩm được viết vào đầu năm 1886. In thành sách năm 1888.

Tên của tác phẩm có hai từ cần chú ý. Từ *Ausgang* (tiếng Đức) = *end* (tiếng Anh) có nghĩa là *sự kết thúc, chấm dứt, điểm cuối cùng*. Từ *klassischen* (Đức) = *classical* (Anh) được dịch là *cổ điển*,

---

[1]. Nguyên bản tiếng Đức: *Ludwig Feuerbach und der Ausgang der klassischen deutschen Philosophie.* Bản dịch tiếng Anh: *Ludwig Feuerbach and the End of Classical German Philosophy,* MECW, Progress Publishers, Vo 26, Moscow 1990, p.353-598. Bản dịch tiếng Việt in trong: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.21, tr.387-451.

thật ra nghĩa chính của nó là *mẫu mực, điển hình, tiêu biểu.* Triết học Đức cuối thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX với các tác giả: Cantơ (Immanuel Kant), Phíchtơ (Johann Fichte), Senlinh (Friedrich W.J. Schelling), Hêghen (Georg W.F. Hegel), Sôpenhauơ (Arthur Schopenhauer), Phoiơbac (Ludwig Feuerbach) được Mác và Ăngghen coi là *thời kỳ tiêu biểu, điển hình cho nền triết học Đức*, trong đó Phoiơbac là đại biểu sau cùng.

Mục đích viết tác phẩm được Ăngghen đề cập trong Lời tựa là "trình bày vắn tắt và có hệ thống thái độ của chúng tôi đối với triết học Hêghen: chúng tôi đã xuất phát từ triết học của Hêghen như thế nào và đã đoạn tuyệt với nó ra sao. Và cũng như vậy, việc thừa nhận đầy đủ rằng trong thời kỳ bão táp và lấn tới của chúng tôi, Phoiơbac đã ảnh hưởng đến chúng tôi nhiều hơn bất cứ một nhà triết học nào khác sau Hêghen, là một món nợ danh dự mà chúng tôi chưa trả được"[1].

Tác phẩm gồm có Lời tựa và bốn phần.

Phần I đánh giá lại triết học của Hêghen và chỉ ra những hạn chế và mâu thuẫn của nó.

Phần II trình bày vấn đề cơ sở của triết học, khái quát cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm; đồng thời chỉ ra những hạn chế của chủ nghĩa duy vật trước Mác kể cả chủ nghĩa duy vật Phoiơbac.

Phần III tập trung phê phán chủ nghĩa duy tâm của Phoiơbac trong các vấn đề tôn giáo và đạo đức.

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.527.

Phần IV trình bày điều kiện ra đời của triết học Mác và đề cập một số vấn đề quan trọng của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3.5.2. Nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Ăngghen phân tích vấn đề cơ sở của triết học

+ Vấn đề cơ bản hay vấn đề cơ sở của triết học?

Vì từ *Grund* (Đức), *основной* (Nga), *basic* (Anh) đều có nghĩa là *cơ sở, nền tảng, xuất phát điểm*, vì vậy, cụm từ tiếng Đức: "Grundfrage der Philosophie (tiếng Nga: "основной вопрос философии", tiếng Anh: "the basic question of philosophy") nếu dịch chính xác phải là *vấn đề cơ sở của triết học*. Khi nói "vấn đề cơ sở", ta hiểu đây là vấn đề *nền tảng*, là *điểm xuất phát* để tiếp cận các vấn đề khác, để phân chia các trào lưu triết học. Thuật ngữ "vấn đề cơ bản" từ trước đến nay thường gây ra hiểu lầm rằng đây là vấn đề cốt lõi, quan trọng nhất.

+ Nội dung vấn đề cơ sở của triết học

Theo Ăngghen, *vấn đề cơ sở của triết học là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại*. Ông nói: "Vấn đề cơ sở lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện, là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại"[1].

Quan hệ của tư duy với tồn tại cũng được Ăngghen diễn đạt bằng những thuật ngữ khác như quan hệ "giữa tinh thần và tự

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.403. Chúng tôi thay từ "cơ bản" bằng từ "cơ sở".

nhiên". Cách diễn đạt phổ biến trong các tài liệu triết học ở nước ta hiện nay là *quan hệ giữa vật chất và ý thức*. Tuy nhiên, trong mối quan hệ này, Ăngghen để từ "tư duy" trước từ "tồn tại", từ "tinh thần" trước từ "tự nhiên" là có hàm ý sâu sắc của nó, ta không nên tùy tiện đảo ngược trình tự của chúng.

Theo Ăngghen, vấn đề cơ sở của triết học *có hai mặt*. Mặt thứ nhất (còn được gọi là *mặt bản thể luận*) trả lời câu hỏi: Tư duy và tồn tại (ý thức và vật chất, tinh thần và tự nhiên) cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào?

Ăngghen chỉ ra rằng, việc giải quyết mặt này của vấn đề cơ sở của triết học đã chia các nhà triết học trong lịch sử thành hai phe lớn là chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. "Những người quả quyết rằng tinh thần có trước tự nhiên, và, do đó, rút cục lại thừa nhận rằng thế giới được sáng tạo ra bằng cách nào đó, - ở các nhà triết học, chẳng hạn như ở Hêghen, sự sáng tạo đó lại thường rắm rối và vô lý hơn nhiều so với trong đạo Cơ Đốc - những người đó là thuộc phe chủ nghĩa duy tâm. Còn những người cho rằng tự nhiên là cái có trước thì thuộc các học phái khác nhau của chủ nghĩa duy vật"[1].

Theo Ăngghen, vấn đề cơ sở của triết học *còn có mặt thứ hai* (hay còn được gọi là *mặt nhận thức luận*), đó là vấn đề tư duy của chúng ta *có hay không có khả năng nhận thức được thế giới bên ngoài*: "Tư duy của chúng ta có thể nhận thức được thế giới hiện thực không? Trong các quan niệm và các khái niệm của chúng ta

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.404-405.

về thế giới hiện thực, chúng ta có thể phản ánh được một hình ảnh đúng đắn của hiện thực không? Theo ngôn ngữ triết học, vấn đề đó được gọi là vấn đề tính đồng nhất giữa tư duy và tồn tại. Tuyệt đại đa số các nhà triết học trả lời vấn đề đó một cách khẳng định"[1].

Tuy nhiên, có một số ít nhà triết học phủ nhận một phần hay toàn bộ khả năng đó. Quan điểm của những nhà triết học này thuộc *chủ nghĩa hoài nghi* hoặc *thuyết bất khả tri*. Ăngghen viết: "Song còn có một loạt các nhà triết học khác không thừa nhận là có thể nhận thức được thế giới, hay ít nhất cũng không thể nhận thức được thế giới một cách đầy đủ. Trong số các nhà triết học hiện đại, phải kể Hume và Cantơ là những người đã đóng một vai trò rất lớn trong triết học"[2].

Ăngghen đã chỉ ra *cách bác bỏ thuyết bất khả tri một cách đanh thép nhất là thực tiễn*. Một hiện tượng nào đó sẽ không còn là *vật tự nó*, nếu như bằng thực nghiệm chúng ta tạo ra hiện tượng ấy và nhất là bắt hiện tượng ấy phục vụ cho mục đích của chúng ta. Khi đó, vật tự nó sẽ biến thành "vật cho ta", tức là những vật mà chúng ta đã nắm được bản chất và sử dụng được chúng phục vụ cho mục đích của chúng ta[3].

- Đánh giá triết học Hêghen

Ăngghen chỉ ra ý nghĩa thực sự của triết học Hêghen là triết học ấy đã *kết liễu quan niệm về tính tối hậu của nhận thức và hành động*

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.405.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.406.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.406.

của con người, một quan niệm siêu hình đã thống trị trong lịch sử coi những kết quả nhận thức đã đạt được là những chân lý vĩnh cửu, bất biến; coi trạng thái xã hội hiện đang tồn tại là trạng thái hoàn thiện nhất rồi. Theo tinh thần của phép biện chứng Hêghen, tri thức không phải là cái gì có sẵn, tuyệt đối, bất biến, mà nó nằm trong quá trình nhận thức không ngừng tiến lên từ thấp đến cao[1].

Cũng theo tinh thần đó, lịch sử, xã hội, nhà nước không bao giờ có thể đạt tới một trạng thái lý tưởng, hoàn thiện. Mặc dù, "Mỗi giai đoạn đều là tất yếu, và do đó là chính đáng trong thời đại và trong những điều kiện đã sản sinh ra nó; song trong những điều kiện mới, cao hơn, đang dần dần phát triển ở ngay trong lòng của nó, nó sẽ trở nên không vững chắc và không chính đáng. Nó buộc phải nhường chỗ cho giai đoạn cao hơn, giai đoạn này, đến lượt nó cũng sẽ đi đến chỗ suy tàn và tiêu vong"[2].

Từ đó, Ăngghen khẳng định: "Đối với triết học biện chứng đó thì không có gì là tối hậu, là tuyệt đối, là thiêng liêng cả", "không có gì tồn tại ngoài quá trình không ngừng của sự hình thành và sự tiêu vong, của sự tiến triển vô cùng tận từ thấp lên cao"[3].

Tuy nhiên, Ăngghen cũng chỉ ra những hạn chế, mâu thuẫn trong triết học Hêghen, khi Hêghen cho rằng hệ thống triết học của ông là chân lý tuyệt đối, là đỉnh cao nhất của sự phát triển tư tưởng triết học của nhân loại. "Như thế nghĩa là mặt cách mạng của học thuyết Hêghen đã bị đè bẹp bởi sự trưởng thành quá khổ của mặt bảo thủ của nó"[4].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.394.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.394.
[3] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.395.
[4]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.396.

Nhưng dù sao, theo Ăngghen: "tất cả những điều đó không ngăn trở hệ thống Hêghen bao trùm một lĩnh vực hết sức rộng hơn bất cứ hệ thống nào trước kia, và phát triển, trong lĩnh vực đó, một sự phong phú về tư tưởng mà ngày nay người ta vẫn còn ngạc nhiên. Hiện tượng học tinh thần..., lôgíc học, triết học tự nhiên, triết học tinh thần, triết học này lại được nghiên cứu theo các bộ môn lịch sử riêng biệt của nó: triết học lịch sử, triết học pháp quyền, triết học tôn giáo, lịch sử triết học, mỹ học, v.v., - trong từng lĩnh vực lịch sử khác nhau ấy, Hêghen cố gắng phát hiện ra và chỉ rõ sợi chỉ đỏ của sự phát triển xuyên suốt lĩnh vực ấy"[1].

Ăngghen đánh giá: "Hêghen không những chỉ là một thiên tài sáng tạo, mà còn là một nhà bác học có tri thức bách khoa, nên những phát biểu của ông tạo thành thời đại. Hiển nhiên là do những nhu cầu của 'hệ thống', ông thường phải dùng đến những kết cấu gượng gạo, và mãi đến nay bọn thù địch nhỏ mọn của ông vẫn còn la lối om sòm về những kết cấu ấy... Nếu người ta đừng phí công dừng lại ở những kết cấu ấy mà đi sâu hơn nữa vào trong tòa nhà đồ sộ, người ta sẽ thấy trong ấy có vô số những vật quý giá đến nay vẫn còn giữ được toàn bộ giá trị của chúng"[2].

- Đánh giá chủ nghĩa duy vật của Phoiơbac

Ăngghen đánh giá cao chủ nghĩa duy vật của Phoiơbac. Tác phẩm *Bản chất của đạo Cơ Đốc* được Mác và Ăngghen tiếp thu như "một luồng gió mới". Theo Ăngghen, tác phẩm ấy "đã giáng

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.397.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.397-398.

một đòn" vào chủ nghĩa duy tâm và "đưa một cách không úp mở chủ nghĩa duy vật trở lại ngôi vua"[1].

Ăngghen phân tích quá trình Phoiơbac đoạn tuyệt với triết học Hêghen và tiến tới chủ nghĩa duy vật: Phoiơbac đi đến chỗ thừa nhận rằng cái mà Hêghen đã nói tới: sự tồn tại của "ý niệm tuyệt đối", sự "tồn tại từ trước của những phạm trù lôgíc" trước khi có thế giới, "không phải là cái gì khác mà chỉ là tàn dư hư ảo của lòng tin vào một đấng sáng tạo siêu phàm; rằng thế giới vật chất, cảm thấy được bằng giác quan, thế giới mà bản thân chúng ta cũng thuộc vào đấy, là hiện thực duy nhất; rằng ý thức, cũng như tư duy của chúng ta, dù có vẻ siêu cảm giác như thế nào đi chăng nữa, cũng chỉ là sản vật của một khí quan vật chất, nhục thể, tức là bộ óc. Vật chất không phải là sản phẩm của tinh thần, mà chỉ có bản thân tinh thần mới là sản phẩm tối cao của vật chất. Đó dĩ nhiên là chủ nghĩa duy vật thuần túy".[2]

Tuy nhiên, Ăngghen cũng chỉ ra rằng Phoiơbac *không vượt qua được những hạn chế của chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII*. Ông vạch ra hai đặc điểm của chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII: *Một là,* nó có *tính chất máy móc*, vì vào thời kỳ đó chỉ có cơ học là phát triển nhất, nên người ta thường lấy quy luật cơ học để giải thích tất cả, kể cả con người. *Hai là,* nó có *tính chất siêu hình*, chưa thấy được rằng thế giới đang nằm trong quá trình phát triển tiến lên từ thấp đến cao, mà chỉ thấy sự vận động lặp đi lặp lại trong một vòng tròn khép kín[3].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.401.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.408.

[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.410.

Ăngghen cũng chỉ ra nguyên nhân của quan niệm siêu hình ở Phoiơbac. Một là, *do hạn chế của khoa học tự nhiên* lúc bấy giờ và do *điều kiện sinh sống ở nông thôn* sau khi bị cách chức giáo sư đại học nên Phoiơbac ít có điều kiện theo dõi và đánh giá những phát minh khoa học mới. Nguyên nhân và cũng là điểm hạn chế thứ hai là, mặc dù Phoiơbac đã nhìn thấy nhưng *chưa có điều kiện phát triển chủ nghĩa duy vật trong lĩnh vực lịch sử*. Trong lĩnh vực này, ông vẫn còn *chưa thoát khỏi chủ nghĩa duy tâm*[1].

Trong phần III của tác phẩm, Ăngghen tập trung làm rõ *chủ nghĩa duy tâm của Phoiơbac trong quan niệm về tôn giáo và đạo đức*. Phoiơbac đã sai lầm khi cho rằng, *sự khác nhau của các thời đại lịch sử là khác nhau ở các hình thức tôn giáo*. Theo Phoiơbac, "trái tim là bản chất của tôn giáo"[2], nghĩa là, bản chất của tôn giáo là mối quan hệ thương yêu giữa người với người. Đó là cơ sở của cái mà Phoiơbac gọi là "tôn giáo tình yêu".

Chủ nghĩa duy tâm về con người của Phoiơbac, như Ăngghen nhận xét, "là ở chỗ ông xét các mối quan hệ giữa người và người, dựa trên cảm tình đối với nhau, như tình yêu nam nữ, tình bạn, lòng thương xót, tinh thần tự hy sinh, v.v." . Đối với Phoiơbac, điều chủ yếu "là ở chỗ những quan hệ ấy phải được coi là một thứ tôn giáo mới, chân chính... những quan hệ ấy chỉ có giá trị đầy đủ khi người ta đóng vào nó một con dấu tôn giáo"[3].

Ăngghen phân tích sự khác nhau giữa tôn giáo với tình yêu và

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.412-413.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.416.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr. 417.

tình dục. Tình dục và tình yêu đã có từ khi xuất hiện loài người. Tôn giáo xuất hiện muộn hơn. Tôn giáo *nếu không có Thượng đế thì không thể tồn tại được*. Ăngghen nói: "Nếu tôn giáo có thể tồn tại không cần đến Thượng đế của nó thì giả kim thuật cũng không cần đến viên đá triết học của nó"[1].

- Về sự ra đời của phép biện chứng và chủ nghĩa duy vật mácxít

+ Về sự kế thừa và phát triển phép biện chứng của Hêghen:

Ăngghen nói rằng trong số những người nối dõi khác nhau của triết học Hêghen thì chỉ có Phoiơbac là xuất sắc về mặt là nhà triết học, nhưng ông cũng dừng lại ở nửa đường, nửa dưới thì duy vật, nhưng nửa trên thì lại duy tâm; ông chỉ đơn giản vứt bỏ Hêghen, coi là vô dụng. "Nhưng sự tan rã của học phái Hêghen cũng còn làm nảy sinh ra một khuynh hướng khác, khuynh hướng duy nhất thực sự đem lại kết quả, - khuynh hướng này thực sự gắn liền với tên tuổi của Mác"[2].

Ăngghen nói rằng, Mác *không gạt bỏ Hêghen như Phoiơbac mà kế thừa phương pháp biện chứng của Hêghen*. Nhưng dưới hình thức của Hêghen thì phương pháp ấy lại không dùng được. Phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng duy tâm. Ở Hêghen, biện chứng là sự tự phát triển của ý niệm, còn sự vận động,

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr. 418. Viên đá triết học (hay viên đá tạo vàng, tiếng Latinh: *philosophorum*, tiếng Anh: *philosopher's stone*) là một loại hóa chất huyền thoại có thể biến một số kim loại khác thành vàng hay bạc.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.427-428.

phát triển trong tự nhiên và xã hội chỉ là sự sao chép lại sự tự vận động của ý niệm mà thôi.

Theo Ăngghen, sự xuyên tạc có tính chất hệ tư tưởng ấy của Hêghen là cái cần phải gạt bỏ. Ông viết: "Chúng tôi lại trở về với quan điểm duy vật và thấy rằng những ý niệm trong đầu óc của chúng ta là những phản ánh của sự vật hiện thực, chứ không xem những sự vật hiện thực là những phản ánh của giai đoạn này hay giai đoạn khác của ý niệm tuyệt đối"[1].

Ăngghen khẳng định lại: "Do đó, phép biện chứng được quy thành khoa học về các quy luật chung nhất của sự vận động của thế giới bên ngoài cũng như của tư duy con người"[2]. Đồng thời, Ăngghen cũng vạch rõ *sự đồng nhất và khác nhau của hai loại quy luật* - quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội và quy luật của tư duy. Theo ông: "hai loại quy luật đồng nhất về thực chất, nhưng khác nhau về biểu hiện". Quy luật khách quan của tự nhiên và xã hội được thực hiện một cách *vô thức*, dưới hình thức cái tất yếu bên ngoài được mở đường thông qua vô số cái ngẫu nhiên. Còn quy luật của tư duy là *sự phản ánh có ý thức* của quy luật khách quan vào trong đầu óc con người[3].

Theo Ăngghen, với cách làm như vậy, thì phép biện chứng của Hêghen *từ chỗ đứng bằng đầu đã được đặt lại cho đứng bằng chân*, và như thế thì tính cách mạng của triết học Hêghen đã được giải phóng khỏi cái vỏ duy tâm của nó.

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.429.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.429.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.429-430.

+ Về tiền đề khoa học tự nhiên trong sự ra đời của phép biện chứng duy vật

Ăngghen nói phương pháp tư duy siêu hình cũ có căn cứ lịch sử của nó, vì: "Cần phải nghiên cứu các sự vật trước khi có thể bắt tay nghiên cứu các quá trình. Trước hết cần phải biết một sự vật nào đấy là cái gì, rồi mới có thể nghiên cứu những sự biến đổi diễn ra trong sự vật đó. Trong các khoa học tự nhiên, tình hình là như vậy. Siêu hình học cũ - cho rằng các sự vật đã được cấu tạo nhất thành bất biến, - là sản phẩm của một khoa học tự nhiên nghiên cứu những sự vật vô sinh và những vật hữu sinh như là những vật nhất thành bất biến"[1].

Tuy nhiên, Ăngghen cũng chỉ ra lý do sự thay thế phương pháp siêu hình cũ bằng phương pháp biện chứng: "Nhưng khi việc nghiên cứu ấy tiến đến mức có thể có được bước tiến quyết định, nghĩa là bước chuyển sang nghiên cứu có hệ thống những biến đổi mà những vật đó trải qua ở ngay trong tự nhiên thì lúc đó, trong lĩnh vực triết học, giờ cáo chung của siêu hình học cũ đã điểm"[2].

Ăngghen khẳng định, *phép biện chứng ra đời nhờ sự phát triển của khoa học tự nhiên*, trong đó phải kể đến sinh lý học, bào thai học, địa chất học. Tuy nhiên, theo Ăngghen, đặc biệt có *ba phát hiện vĩ đại* đã làm cho kiến thức của chúng ta về mối liên hệ của các quá trình tự nhiên tiến lên những bước khổng lồ. Đó là sự phát hiện ra tế bào, sự phát hiện ra định luật chuyển hóa năng lượng và thuyết tiến hóa của Đácuyn.

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr. 431-432.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.432.

Về vai trò của sự phát hiện ra tế bào, Ăngghen nói: "Sự phát hiện ra tế bào, một đơn vị từ đó toàn bộ cơ thể của thực vật và động vật phát triển lên bằng cách tăng gấp bội và phân hóa, đến mức là người ta đã công nhận rằng không những sự phát triển và sự trưởng thành của tất cả các cơ thể cao cấp đều diễn ra theo một quy luật phổ biến duy nhất, và còn công nhận rằng khả năng biến hóa của tế bào là con đường theo đó các cơ thể có thể biến hóa về chủng loại, và do đó, có thể trải qua một quá trình phát triển không chỉ là cá thể mà thôi"[1].

Sự phát hiện ra sự chuyển hóa của năng lượng, theo Ăngghen, đã "chỉ cho chúng ta thấy rằng tất cả những cái gọi là lực hoạt động trước hết trong tự nhiên vô cơ, - lực cơ giới và cái bổ sung của nó, cái gọi là thế năng, nhiệt, phóng xạ (ánh sáng, resp nhiệt xạ), điện từ, năng lượng hóa học, - là những hình thức biểu hiện khác nhau của một sự vận động phổ biến chuyển từ cái nọ sang cái kia theo những tỷ lệ nhất định về số lượng, thành ra khi một số lượng nào đó của một hình thức biến đi thì có một số lượng nào đó của một hình thức khác xuất hiện, và như vậy toàn bộ sự vận động của tự nhiên quy lại thành một quá trình chuyển hóa không ngừng từ một hình thức này sang một hình thức khác"[2].

Còn thuyết tiến hóa của Đácuyn cho thấy "tất cả các sản phẩm của tự nhiên hiện đang bao quanh ta, kể cả con người, đều là kết quả của một quá trình phát triển lâu dài từ một số nhỏ mầm mống đơn bào

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr. 432.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr. 433

lúc đầu, rằng những mầm mống này thì lại sinh ra từ một chất nguyên sinh hay anbumin được cấu thành bằng con đường hóa học"[1].

Cũng theo Ăngghen, "Nhờ ba phát hiện vĩ đại đó và nhờ những thành tựu lớn lao khác của khoa học tự nhiên mà ngày nay chúng ta có thể chứng minh những nét lớn của mối liên hệ giữa các quá trình của tự nhiên không những trong các lĩnh vực riêng biệt, mà cả mối liên hệ giữa các lĩnh vực riêng biệt ấy nói chung và có thể trình bày một bức tranh bao quát về mối liên hệ trong tự nhiên, dưới một hình thức gần như có hệ thống, bằng các sự kiện do chính khoa học tự nhiên thực nghiệm cung cấp"[2].

+ Về sự hình thành quan niệm duy vật lịch sử:

Ăngghen khẳng định, sự hình thành quan niệm duy vật về lịch sử cũng diễn ra tương tự. Trong đời sống xã hội cũng cần phát hiện ra những mối liên hệ hiện thực, những quy luật vận động, phát triển khách quan chi phối đời sống xã hội. Ông viết: "Cho nên ở đây, cũng hệt như trong lĩnh vực tự nhiên, cần phải loại bỏ những mối liên hệ nhân tạo ấy, bằng cách tìm ra những mối liên hệ hiện thực - một nhiệm vụ mà xét đến cùng, là phải phát hiện ra những quy luật vận động chung, những quy luật chi phối lịch sử của xã hội loài người"[3].

Tiếp đó, Ăngghen trình bày *sự khác nhau giữa sự phát triển của tự nhiên và sự phát triển của xã hội*. Trong tự nhiên, chỉ có những nhân tố vô ý thức, mù quáng, quy luật tự nhiên diễn ra một cách tự phát, không có mục đích, không có mong muốn. "Trái lại,

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr. 433

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr. 433.

[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.21, tr.434-435.

Ăngghen nói, trong lịch sử của xã hội, nhân tố hoạt động hoàn toàn chỉ là những con người có ý thức, hành động có suy nghĩ hay có nhiệt tình và theo đuổi những mục đích nhất định, thì không có gì xảy ra mà lại không có ý định tự giác, không có mục đích mong muốn. Song, sự khác nhau đó, bất luận nó quan trọng như thế nào đối với việc nghiên cứu lịch sử - đặc biệt là đối với việc nghiên cứu những thời đại và những biến cố riêng biệt - vẫn không thể làm thay đổi chút nào một sự thực là tiến trình lịch sử bị những quy luật chung nội tại chi phối"[1].

Cũng theo Ăngghen, mặc dù ngẫu nhiên cũng chi phối các hiện tượng lịch sử: "Nhưng ở đâu mà sự ngẫu nhiên hình như tác động ở ngoài mặt thì ở đấy, tính ngẫu nhiên ấy luôn luôn bị chi phối bởi những quy luật nội tại bị che đậy; và vấn đề là phát hiện ra những quy luật đó"[2].

Tiếp theo đó, Ăngghen bàn đến *những động cơ, động lực của lịch sử*. Theo Ăngghen, mỗi người theo dõi những mục đích riêng, những mong muốn riêng, do đó tác động theo nhiều chiều hướng khác nhau đến sự vận động của lịch sử. Song kết quả cuối cùng của lịch sử thì trong đa số trường hợp lại khác và đối lập với sự mong muốn của họ. Như vậy, những động cơ ấy thường có một ý nghĩa thứ yếu đối với kết quả cuối cùng. Vấn đề là phải tìm hiểu những động lực ẩn núp đằng sau những động cơ ấy.

Theo Ăngghen, chủ nghĩa duy vật cũ không triệt để khi coi

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.435.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.436.

động cơ lý tưởng là những nguyên nhân cuối cùng, chứ không đi sâu nghiên cứu những gì ẩn náu sau những những động cơ đó. Triết học duy tâm về lịch sử, đặc biệt là triết học Hêghen thì không đi tìm những động lực của những động cơ ấy từ bản thân lịch sử, mà lại du nhập chúng từ bên ngoài.

Theo Ăngghen, động lực của lịch sử *không phải là những động cơ có tính chất cá nhân*, do vậy cần "nghiên cứu những động cơ đã lay chuyển những khối quần chúng đông đảo, những dân tộc trọn vẹn; rồi đến những giai cấp trọn vẹn trong mỗi dân tộc; những động cơ đã đẩy họ không phải đến chỗ tiến hành những cuộc nổi dậy, nhất thời theo kiểu lửa rơm chóng tắt, mà đến chỗ tiến hành những hành động lâu dài đưa đến những biến đổi lịch sử vĩ đại"[1].

Ăngghen phân tích *cuộc đấu tranh giai cấp* ở Anh, Pháp giữa giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ quý tộc và sau đó là cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản. Theo Ăngghen: "Động lực của toàn bộ lịch sử hiện đại... chính là cuộc đấu tranh của ba giai cấp lớn đó và những xung đột về lợi ích của họ"[2].

Ăngghen tiến lên phân tích *mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Nếu như trước khi xung đột giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất phong kiến dẫn đến sự thay thế chế độ phong kiến, thì ngày nay "đại công nghiệp cũng lại đã đi đến chỗ xung đột với chế độ sản xuất tư sản là chế độ đã thay thế chế độ sản xuất phong kiến"[3].

---

[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.438.

[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.439.

[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.440.

Theo Ăngghen, "tất cả cuộc đấu tranh chính trị đều là đấu tranh giai cấp" và "bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng đều là đấu tranh chính trị, - xét đến cùng, đều xoay quanh vấn đề giải phóng về *kinh tế* "[1].

Thật ra, tuy không phải mọi cuộc xung đột trong lịch sử đều có thể quy về đấu tranh giai cấp, nhưng suy cho cùng đều do mâu thuẫn về lợi ích, trong đó chủ yếu là lợi ích kinh tế.

Với phương pháp như trên, Ăngghen tiếp tục xem xét *mối quan hệ giữa cơ sở kinh tế với một số yếu tố của kiến trúc thượng tầng* như nhà nước, luật pháp, hệ tư tưởng chính trị, triết học, tôn giáo.

Trước hết về lĩnh vực chính trị, Ăngghen khẳng định: "Ý chí của nhà nước, nói chung, được quyết định bởi những nhu cầu luôn luôn thay đổi của xã hội công dân, bởi ưu thế của giai cấp này hay giai cấp khác, và xét đến cùng bởi sự phát triển của những lực lượng sản xuất và của những quan hệ trao đổi"[2].

Tiếp đến là lĩnh vực pháp quyền, nó cũng do những quan hệ kinh tế quyết định, vì "pháp quyền công dân ...về thực chất, nó chỉ xác nhận những quan hệ kinh tế hiện có và tồn tại bình thường giữa những cá nhân riêng biệt, trong những hoàn cảnh nhất định"[3].

Còn những hệ tư tưởng ở cao hơn, cách xa cơ sở kinh tế hơn, như triết học và tôn giáo, mặc dù bị che lấp bởi những khâu trung gian, nhưng quan hệ giữa chúng với cơ sở kinh tế vẫn tồn tại[4].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.441.
[2]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr. 441.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.442.
[4]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.444.

Riêng vấn đề tôn giáo, Ăngghen cho rằng, mặc dù ở xa đời sống vật chất hơn cả, hình như xa lạ với đời sống vật chất, nhưng tôn giáo cũng như những hình thái ý thức xã hội khác *đều gắn liền với những điều kiện sinh hoạt vật chất của một dân tộc nhất định*. Theo Ăngghen, thần thánh là sản phẩm của trí tưởng tượng của các dân tộc. Ăngghen viết: "Tất cả các vị thần ấy chỉ có thể tiếp tục tồn tại trong trí tưởng tượng chừng nào dân tộc tạo ra các vị thần ấy còn tồn tại; khi dân tộc đó tiêu vong thì các vị thần ấy cũng tiêu vong theo"[1].

Theo Ăngghen *tôn giáo không có sự phát triển độc lập mà phát triển theo chế độ xã hội*. Sức mạnh của một tôn giáo có nguồn gốc từ sức mạnh của giai cấp gắn liền với nó. Ông viết: "Trong thời trung cổ, đạo Cơ Đốc cũng phát triển theo sự phát triển của chế độ phong kiến mà trở thành tôn giáo phù hợp với chế độ ấy, và có một tôn ti phong kiến tương ứng"[2]. Cũng theo Ăngghen, sức mạnh của đạo Tin Lành gắn liền với sức mạnh của giai cấp tư sản; sự phát triển của nó gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống giai cấp quý tộc phong kiến[3].

Ăngghen cũng xác định: tôn giáo chỉ là *công cụ của giai cấp thống trị*, "mỗi giai cấp thống trị đều sử dụng tôn giáo phù hợp với mình", "còn như vấn đề xem bản thân các ngài ấy có tin vào đạo giáo riêng của họ không thì điều đó chẳng có gì quan trọng"[4].

---

[1]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.445-446.
[3]. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.446.
[3] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.447.
[4] C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, *Sđd*, t.21, tr.448-449.

3.5.3. Ý nghĩa của tác phẩm

Tác phẩm *Lútvích Phoiơbac và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức* là một trong những tác phẩm quan trọng của chủ nghĩa Mác thể hiện sự đóng góp to lớn về nhiều mặt và có giá trị của Ăngghen vào sự phát triển của triết học Mác.

Việc phát hiện và phân tích của Ăngghen đối với "vấn đề cơ sở của triết học" là một đóng góp quan trọng. Nó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt việc nghiên cứu lịch sử triết học, giúp ta phân biệt giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm ở những biểu hiện cực đoan của chúng, giữa thuyết khả tri và bất khả tri trong lý luận nhận thức.

Tác phẩm này là cơ sở giúp ta nghiên cứu về lịch sử triết học cổ điển Đức, nhất là triết học Hêghen và triết học Phoiơbac, hiểu được sự đánh giá của Mác và Ăngghen về những cống hiến và phê phán những hạn chế trong phép biện chứng của Hêghen và trong chủ nghĩa duy vật của Phoiơbac. Đồng thời Ăngghen cũng chỉ ra những hạn chế của phương pháp tư duy siêu hình, nguồn gốc và vai trò lịch sử của nó, đồng thời trình bày một cách có hệ thống nguồn gốc và những điều kiện lịch sử ra đời và một số vấn đề của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

PHẦN B

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA V.I. LÊNIN

CHƯƠNG 4

CÁC TÁC PHẨM CỦA V.I. LÊNIN TRƯỚC CÁCH MẠNG 1905-1907

Trong thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười, năm 1917, Lênin viết nhiều tác phẩm lớn nhằm bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác, chứng minh về mặt lý luận và thực tiễn sự chín muồi của một cuộc cách mạng vô sản ở nước Nga. Sau đây, chúng ta lần lượt phân tích tư tưởng triết học trong một số tác phẩm tiêu biểu của Lênin trong thời kỳ này.

4.1. TÁC PHẨM "NHỮNG 'NGƯỜI BẠN DÂN' LÀ THẾ NÀO VÀ HỌ ĐẤU TRANH CHỐNG NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI RA SAO?"[1]

[1]. Nguyên bản tiếng Nga: *Что такое "друзья народа" и как они воюют против социал-демократов*, trong: Ленин В.И., *Полное собрание сочинений (ПСС)*, 5 изд., Политиздат, Москва, 1967, т. 1, с. 125-346. Bản tiếng Việt in trong: V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1978, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.1, tr.149-427.

4.1.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu của tác phẩm

Tác phẩm được Lênin viết vào mùa xuân và mùa hè năm 1894, in lần đầu tiên năm 1894. Tác phẩm nhằm phê phán quan điểm về cách mạng của phái Dân túy[1] ở Nga, bảo vệ và phát triển quan điểm duy vật lịch sử của Mác.

Tác phẩm chia thành ba tập, nhưng chỉ có tập I và tập II được xuất bản. Trong tập I, Lênin phê phán quan điểm sai lầm của phái Dân túy mà đại biểu là Mikhailốpxki về chủ nghĩa Mác để bảo việc chủ nghĩa Mác, đồng thời Lênin phân tích học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Mác và luận điểm của Mác về sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên.

Trong tập II, Lênin tiếp tục phê phán quan điểm kinh tế và xã hội của phái Dân túy, qua đó xác định đặc điểm của nước Nga và con đường phát triển của nó.

4.1.2. Nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Lênin phê phán quan điểm của Mikhailốpxki, bảo vệ và phát triển học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Mác

Theo Lênin, Mikhailốpxki và phái Dân túy tuy hết lời ca ngợi Mác nhưng "hoàn toàn không nắm được nội dung cơ bản của học

---

[1]. Phái *Dân túy* (*Народники*, xuất phát từ *народ - nhân dân*) là một tổ chức chính trị xuất hiện sau khi nước Nga bãi bỏ chế độ nông nô năm 1861. Lập trường của phái Dân túy về sau được Mikhailovsky và một số đại biểu khác khôi phục và cải biến vào cuối thế kỷ XIX. Phái Dân túy trở thành thỏa hiệp với Nga hoàng và chống lại Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga.

thuyết của Mác". Nếu hiểu theo quan điểm của Mikhailốpxki thì trong *Tư bản*, Mác chỉ giới hạn sự nghiên cứu của mình trong lĩnh vực kinh tế nhỏ hẹp, không mở rộng giới hạn đó ra và không đem lại một cái gì mới cả[1].

Lênin chỉ ra rằng, trong bộ *Tư bản*, Mác đã *vượt ra khỏi lĩnh vực kinh tế và có những đóng góp to lớn cho xã hội học*. Trên cơ sở phân tích xã hội tư bản, Mác đưa ra lý luận hình thái kinh tế - xã hội và *coi sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên*.

Theo Lênin, đối với các nhà kinh tế học và xã hội học cũ thì khái niệm hình thái kinh tế - xã hội là *khái niệm hoàn toàn thừa*, vì họ chỉ cần khái niệm *xã hội nói chung* mà thôi. Đứng trên các quan điểm đó thì không thể nào nói đến việc coi sự phát triển của xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên, thậm chí cũng không thể nói đến sự phát triển nữa. Lênin vạch rõ: "Tư tưởng của Mác về quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên của những hình thái kinh tế - xã hội đã phá hủy tận gốc rễ các đạo lý trẻ con muốn tự mệnh danh là xã hội học đó"[2].

Tiếp đến Lênin phân tích *phương pháp luận nghiên cứu* của Mác. Một câu hỏi được đặt ra: Làm thế nào Mác đã có được khái niệm hình thái kinh tế - xã hội? Câu trả lời là: *Bằng phương pháp trừu tượng hóa*, Mác đã *tách lĩnh vực kinh tế ra khỏi các lĩnh vực còn lại và* "làm nổi bật riêng lĩnh vực kinh tế, bằng cách là trong

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.155.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.159.

tất cả mọi quan hệ xã hội ông đã làm nổi bật riêng *những quan hệ sản xuất*, coi đó là những quan hệ cơ bản, ban đầu và quyết định tất cả mọi quan hệ khác"[1].

Bằng cách coi những quan hệ sản xuất với tư cách là những quan hệ vật chất là những yếu tố cơ bản hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội, chủ nghĩa duy vật lịch sử "đã cung cấp một tiêu chuẩn hoàn toàn khách quan" để "thấy ngay được tính lặp lại và tính hợp quy luật", nhờ đó đem chế độ của các nước khác nhau khái quát lại thành một hình thái kinh tế - xã hội[2].

Một câu hỏi khác cũng được đặt ra: Làm thế nào mà Mác rút ra được kết luận: sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên? Lênin chỉ ra: "Chỉ có đem quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất, và đem quy những quan hệ sản xuất vào trình độ của những lực lượng sản xuất thì người ta mới có được những cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên"[3].

Theo Lênin, *học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Mác có một ý nghĩa cực kỳ to lớn*. Một là, nó *đã đánh đổ được quan niệm duy tâm, siêu hình* "cho rằng xã hội là một tổ hợp có tính chất máy móc gồm những cá nhân, một tổ hợp mà nhà cầm quyền... có thể tùy ý biến đổi theo đủ mọi kiểu, một tổ hợp sinh ra và biến hóa một cách ngẫu nhiên". Hai là, khi vạch ra quy luật vận động, phát triển

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.159.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.162.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.163.

của xã hội, "Mác cũng là người đầu tiên làm cho xã hội học có một cơ sở khoa học"[1].

- Về mối quan hệ giữa tính tất yếu lịch sử và hoạt động tự do của cá nhân

Lênin phê phán Mikhailốpxki là đã bịa ra "sự xung đột giữa ý niệm tính tất yếu lịch sử và ý nghĩa của hoạt động cá nhân", cho rằng quan niệm về tính tất yếu lịch sử đã coi cá nhân là "những con rối do những quy luật nội tại và thần bí của tính tất yếu lịch sử làm cho cử động". Thật ra, Theo Lênin nói: "Ý niệm tính tất yếu lịch sử ... không hề làm tổn hại gì đến vai trò của cá nhân trong lịch sử: toàn bộ lịch sử, chính là do những hành động của cá nhân cấu thành, và những cá nhân này chắc chắn đều là những lực lượng tác động"[2].

Lênin phản bác lời buộc tội của phái Dân túy đối với học thuyết của Mác và Ăngghen là "chủ nghĩa duy vật kinh tế" dựa trên "tam đoạn thức của Hêghen". Theo Lênin, "đối với Mác thì tiêu chuẩn duy nhất của lý luận là phải trung thành với hiện thực. Và nếu đôi khi sự phát triển của một hiện tượng xã hội nào đó trùng hợp với công thức của Hêghen: khẳng định - phủ định - phủ định cái phủ định, thì cũng không có gì đáng lấy làm lạ cả, vì nói chung, hiện tượng đó không phải là hiếm có trong tự nhiên"[3].

Cũng theo Lênin, chính nhờ vận dụng quy luật phủ định của phủ định (của Hêghen), Mác đã chứng minh tính tất yếu của cách

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.165-166.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.190.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.196.

mạng xã hội, của sự phát triển của chế độ sở hữu về ruộng đất và dự báo rằng "trong xã hội tương lai sẽ tồn tại một chế độ sở hữu vừa cá nhân, vừa công cộng, với tư cách là sự thống nhất tối cao, kiểu Hêghen, của cái mâu thuẫn đã bị xóa bỏ"[1].

4.1.3. Một số nhận xét về tác phẩm

Tác phẩm *Những "người bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?* của Lênin là một mẫu mực trong việc nghiên cứu, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác.

Trong tác phẩm này, Lênin không chỉ đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái xuyên tạc chủ nghĩa Mác, mà còn làm sáng tỏ nhiều khía cạnh triết học của chủ nghĩa Mác, nhất là trong bộ *Tư bản* mà nếu không đọc tác phẩm này của Lênin chúng ta có thể không chú ý đến một cách đầy đủ. Ví dụ, lý luận hình thái kinh tế - xã hội của Mác, luận điểm của Mác coi sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. Không chỉ trình bày vấn đề, mà Lênin còn làm rõ *phương pháp luận* của Mác trong việc nghiên cứu để đạt được những kết luận về cấu trúc và tính quy luật của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội.

Lênin chỉ ra thực chất của chủ nghĩa duy tâm trong việc nghiên cứu lịch sử từ trước đến nay và làm rõ tính khoa học của phương pháp duy vật lịch sử.

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.1, tr.205.

4.2. TÁC PHẨM "LÀM GÌ?" (NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH TRONG PHONG TRÀO CỦA CHÚNG TA)[1]

4.2.1. Hoàn cảnh ra đời và cấu trúc của tác phẩm

Tác phẩm *Làm gì? Những vấn đề cấp bách trong phong trào của chúng ta* (Tên tác phẩm được gọi tắt là *Làm gì*) được Lênin dự định viết ngay từ mùa xuân năm 1901 nhưng mãi đến mùa thu năm 1901 mới bắt đầu. Cuốn sách viết xong vào tháng Giêng, xuất bản vào tháng Ba năm 1902.

Mục đích Lênin viết tác phẩm *Làm gì* nhằm đấu tranh thành lập một đảng cách mạng mácxít đủ năng lực lãnh đạo phong trào cách mạng của giai cấp công nhân Nga. Trong *Làm gì*, Lênin đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào vô sản. Nó sùng bái tính tự phát, hạ thấp vai trò của lý luận. Lênin vạch rõ vai trò của lý luận cách mạng, của tính tự giác. Những luận điểm cơ bản của tác phẩm *Làm gì* về sau được đưa vào Dự thảo Cương lĩnh của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Tác phẩm gồm có 5 chương (ngoài Lời tựa, Kết luận, Phụ lục và Điểm sửa đổi cho cuốn sách).

4.2. 2. Nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

a) V. I. Lênin vạch ra thực chất quan điểm của Bécxtanh[2] là

---

[1]. Nguyên bản tiếng Nga: *"Что делать? Наболевшие вопросы нашего движения"* trong: Ленин В.И., ПСС, 5 изд., Политиздат, Москва, 1963, т. 6, с. 01-183. Bản dịch tiếng Việt in trong V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến Bộ, Mátxcơva, 1978, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.6, tr.1-245.

[2]. Bécxtanh (Eduard Bernstein) (1850 - 1932), nhà hoạt động nổi tiếng

chủ nghĩa cơ hội, cải lương

Lênin chỉ ra rằng Bécxtanh đã "phủ nhận... cơ sở khoa học và khả năng chứng minh rằng chủ nghĩa xã hội là tính tất yếu"; phủ nhận quan niệm về mục đích cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản và "kiên quyết bác bỏ tư tưởng chuyên chính vô sản", "phủ nhận về nguyên tắc sự đối lập giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa xã hội". Bécstanh phủ nhận đấu tranh giai cấp vì "cho là không thể áp dụng được lý luận đó vào một xã hội thật sự dân chủ, được quản lý theo ý chí của đa số, v.v.."[1].

Những vấn đề mà Bécxtanh phủ nhận cũng là đối tượng phủ nhận của trào lưu "chủ nghĩa Mác mới" và các đảng xã hội chủ nghĩa dân chủ hiện nay ở các nước phương Tây.

b) Lênin chống lại khuynh hướng sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân và nêu cao vai trò của lý luận cách mạng

Lênin vạch rõ vai trò của lý luận đối với phong trào cách mạng, đối với Đảng: "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng"[2], và "*chỉ có đảng nào được một lý luận tiền phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiền phong*"[3].

Lênin phân tích quan hệ giữa yếu tố tự phát và tự giác trong

---

trong phong trào dân chủ - xã hội Đức, nhà tư tưởng xét lại chủ nghĩa Mác. Bécstanh phủ nhận phương pháp tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa bằng bạo lực và đưa ra quan điểm về "*chủ nghĩa xã hội tiến hóa*".

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.8-9.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.30.

[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.32.

phong trào cách mạng. Lênin khẳng định rằng, phong trào tự phát của công nhân mà cụ thể là những cuộc bãi công là một cuộc đấu tranh "công liên chủ nghĩa", chứ không phải là một cuộc đấu tranh có tính chất dân chủ - xã hội (tức xã hội chủ nghĩa).

Theo Lênin, công nhân *tự họ không thể có ý thức xã hội chủ nghĩa*. Ý thức xã hội chủ nghĩa *phải từ bên ngoài đưa vào*. Lênin viết: "Còn học thuyết xã hội chủ nghĩa thì phát sinh ra từ các lý luận triết học, lịch sử, kinh tế, do những người có học thức trong các giai cấp hữu sản, những trí thức, xây dựng nên" (tức Mác và Ăngghen). "Ở nước Nga cũng thế, học thuyết lý luận của đảng dân chủ - xã hội xuất hiện một cách hoàn toàn độc lập đối với sự phát triển tự phát của phong trào công nhân; nó là kết quả tự nhiên, không tránh được, của sự phát triển tư tưởng trong số những nhà trí thức cách mạng xã hội chủ nghĩa"[1].

Lênin cho rằng, *sự phát triển tự phát của phong trào công nhân lại dẫn phong trào ấy đến chính cái chỗ lệ thuộc vào hệ tư tưởng tư sản*, vì phong trào công nhân tự phát là chủ nghĩa công liên, và chủ nghĩa công liên lại chính là việc giai cấp tư sản nô dịch công nhân về mặt tư tưởng. Lênin nói: "Cho nên nhiệm vụ của chúng ta, nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội là phải *đấu tranh chống tính tự phát*; là phải *kéo* phong trào công nhân ra *khỏi* cái khuynh hướng tự phát ấy của chủ nghĩa công liên... và phải đưa phong trào công nhân về với đảng dân chủ - xã hội cách mạng"[2].

Lênin phân tích hình thức tổ chức, cách thức, phương pháp

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.38-39.

thành lập đảng cách mạng của giai cấp vô sản. Theo Lênin, đảng cần phải có *một tổ chức vững mạnh* và *một kế hoạch hoạt động có hệ thống*. Lênin đã phát triển những nguyên lý của học thuyết về đảng kiểu mới, đảng cách mạng vô sản. Người khẳng định: "Nếu không có một tổ chức vững mạnh, thành thục đấu tranh chính trị trong bất cứ hoàn cảnh nào, thời kỳ nào thì không thể nói đến một kế hoạch hoạt động có hệ thống, được soi sáng bằng những nguyên tắc vững chắc và được thực hiện triệt để, và chỉ có một kế hoạch hoạt động như thế mới đáng được gọi là 'sách lược'"[1].

4.2.3. Ý nghĩa của tác phẩm

Tác phẩm *Làm gì* đóng vai trò rất lớn trong việc chuẩn bị tiến tới Đại hội II của Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga, trong việc thành lập đảng mácxít cách mạng ở Nga (đảng kiểu mới), chống khuynh hướng cơ hội trong phong trào công nhân. Bản Báo cáo của tổ chức "Tia lửa" tại Đại hội II Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga nêu rõ: Cuốn *Làm gì* đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nhà hoạt động Nga, nhiều người đã thừa nhận rằng, sở dĩ họ trở thành những người ủng hộ báo *Tia lửa* chính là nhờ ảnh hưởng của cuốn sách đó.

Lênin đã vạch rõ vai trò vô cùng to lớn của lý luận đối với phong trào công nhân, đối với toàn bộ hoạt động của đảng mácxít cách mạng. Bản thân giai cấp công nhân do điều kiện lao động, sinh sống và nhận thức của họ *không thể có một hệ tư tưởng độc*

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.59-60.

lập được. Hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa là kết quả lao động trí óc của những nhà triết học vốn xuất thân từ các tầng lớp hữu sản tự nguyện đứng vào hàng ngũ của giai cấp vô sản, trở thành những người lãnh đạo giai cấp vô sản.

CHƯƠNG 5

CÁC TÁC PHẨM CỦA V.I LÊNIN TRONG THỜI GIAN 1907-1917

5.1. TÁC PHẨM "CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM PHÊ PHÁN"[1]

5.1.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu của tác phẩm

Tác phẩm được Lênin viết trong khoảng từ tháng 2 đến tháng 10-1908 và được in thành sách lần đầu tiên ở Nga vào tháng 5-1909.

Tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh:

- Nước Nga sau thất bại của cuộc cách mạng dân chủ tư sản 1905-1907, chính quyền chuyên chế của Nga hoàng thiết lập chế độ khủng bố tàn bạo, gây tư tưởng hoang mang trong xã hội. Khuynh hướng duy tâm, thần bí và mê tín dị đoan có chiều hướng gia tăng.

- Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, một khuynh hướng triết học lan tràn ở châu Âu với cái tên "chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán"

---

[1]. Nguyên bản tiếng Nga: "*Материализм и эмпириокритицизм*", В. И. Ленин, ПСС, 5 изд., Политиздат, Москва, 1976, т. 18. Bản tiếng Việt in trong V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva,1980, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tập 18.

(empirio-criticism)[1]; nó lợi dụng những thành tựu của khoa học tự nhiên để chống lại chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, một loạt phát minh trong khoa học tự nhiên, nhất là trong vật lý học đã bác bỏ nhiều quan niệm cũ của khoa học tự nhiên và triết học duy vật trước Mác về vật chất và vận động. Nhiều nhà khoa học tự nhiên do không nắm vững phép biện chứng nên hoang mang, dao động, rơi vào chủ nghĩa duy tâm.

Tình hình xã hội nêu trên đòi hỏi Lênin phải viết tác phẩm này nhằm chỉ ra những sai lầm của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, bảo vệ phát triển chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Kết cấu của tác phẩm bao gồm: Ngoài phần *Lời tựa*, *Thay lời mở đầu* và *Kết luận*, tác phẩm có 6 chương với 39 mục.

Trong phần *Thay lời mở đầu*, Lênin vạch rõ *nguồn gốc tư tưởng* của "chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán". Trong các chương I, II, III, Lênin phê phán lý luận nhận thức của "chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" và trình bày lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương IV vạch ra mối liên hệ giữa chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán với một số trào lưu triết học duy tâm và bất khả tri. Chương V phân tích thực chất của cuộc khủng hoảng về thế giới quan trong khoa học tự nhiên. Trong chương cuối, Lênin phê phán triết học xã hội của một số nhà kinh nghiệm phê phán,

---

[1]. Từ *"empirio criticism"* (tiếng Anh) và *"эмпириокритицизм"* (tiếng Nga) nếu dịch chính xác ra tiếng Việt là *"chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm"*.

trình bày quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, bảo vệ quan điểm mácxít về tính đảng trong triết học.

5.1.2. Nội dung triết học quan trọng trong tác phẩm

- Lênin đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm chủ quan và phát triển chủ nghĩa duy vật biện chứng trong việc giải quyết vấn đề cơ sở của triết học

+ Về nguồn gốc, bản chất, đặc điểm chủ nghĩa Mach

Chủ nghĩa Mach xuất hiện vào những năm 70 của thế kỷ XIX. Đại biểu của nó là nhà vật lý học và triết học Áo *Mach* và nhà triết học Đức *Arênariút*[1]. Chủ nghĩa Mach là chủ nghĩa duy tâm chủ quan có nguồn gốc từ Berkeley và Hume[2].

Nét chung của chủ nghĩa duy tâm chủ quan là *phủ nhận sự tồn tại khách quan của thế giới*; coi cảm giác của con người là cái tồn tại duy nhất; từ đó suy ra rằng *mọi sự vật, hiện tượng đều là "tổ hợp", "phức hợp" của những cảm giác.*

---

[1]. Enxtơ Makhơ (Ernst Mach) (1838 - 1916), nhà vật lý học và triết học người Áo, sinh ở Áo, tốt nghiệp tiến sĩ vật lý học và giảng dạy ở Trường Đại học Viên. Tác phẩm triết học chủ yếu của ông: "Phân tích các cảm giác và mối liên hệ giữa cái vật lý và cái tâm lý" (*The Analysis of Sensations and the Relation of the Physical to the Psychical*, The Open Court Publishing Co., Chicago and London, 1914).

R. Arênariút (Richard Avenarius) (1843 - 1896), nhà triết học Đức, sinh ở Pari, tốt nghiệp tiến sĩ ở Đại học Leipzig (Đức) và trở thành giáo sư ở Trường Đại học Zurich (Thụy Sĩ). Ông là người đã đặt tên "chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" cho lập trường triết học của mình.

[2]. Béccơli (George Berkeley) (1685 - 1753), nhà triết học và giám mục gốc Ireland (Vương quốc Anh hiện nay). Đavít Hium (David Hume) (1711 - 1776), nhà triết học và sử học Scotland (Vương quốc Anh hiện nay).

Năm 1883, trong quyển *Cơ học*, Mach cho rằng: "Cảm giác không phải là 'những tượng trưng của vật'. Ngược lại, 'vật' là một tượng trưng tư tưởng của một phức hợp cảm giác có một tính ổn định tương đối"[1]. Trong tác phẩm *Tự luận về phê phán kinh nghiệm thuần túy* (năm 1876), Avênariút cũng nói rằng: "*chỉ có cảm giác mới có thể được quan niệm là đang tồn tại thôi*"[2].

Từ quan niệm coi sự vật, hiện tượng là phức hợp cảm giác, Mach coi *nhiệm vụ của khoa học chỉ là nghiên cứu những mối liên hệ của cảm giác.*

Trong tác phẩm *Nguyên lý bảo tồn công, lịch sử và nguồn gốc của nguyên lý đó* (năm 1872), Mach viết: "Nhiệm vụ của khoa học, chỉ có thể là: 1. Nghiên cứu những quy luật về mối liên hệ giữa các biểu tượng (tâm lý học), 2. Tìm ra những quy luật về mối liên hệ giữa các cảm giác (vật lý học), 3. Giải thích những quy luật về mối liên hệ giữa cảm giác và biểu tượng (tâm lý vật lý học)"[3].

Trong tác phẩm *Cơ học* (năm 1883), khi hoan nghênh quan niệm của Arênariút rất gần gũi với mình, Mach viết: "Tất cả các khoa học tự nhiên chỉ có thể miêu tả (nachbilden und vorbilden) những phức hợp của *những yếu tố* mà chúng ta thường gọi là những cảm giác"[4].

Lênin khẳng định học thuyết Mach (Makhơ) coi vật là "phức hợp cảm giác" là chủ nghĩa duy tâm chủ quan và chỉ là sự nhai lại

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.36-37.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.47.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.36.
[4]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.53.

lý luận của Berkeley. Nếu Berkeley coi sự vật, hiện tượng là "*những tổ hợp cảm giác*" hay "*những tập hợp ý niệm*" thì Mach gọi là "*những phức hợp cảm giác*".

Theo Lênin, nếu cho rằng sự vật là "phức hợp cảm giác" thì cũng có nghĩa là khẳng định tất cả những gì tồn tại đều là phức hợp cảm giác của tôi, tất cả những người khác cũng chỉ là phức hợp cảm giác của tôi. Như vậy, chỉ có một mình tôi là tồn tại thực sự mà thôi. Đó là một thứ *chủ nghĩa duy ngã*. Lênin nói: "Xuất phát từ tiền đề ấy thì ngoài bản thân mình ra, không thể thừa nhận sự tồn tại của những người khác: đó là chủ nghĩa duy ngã thuần túy"[1].

Theo Lênin, sự phát triển của Mach, Avenarius so với Berkeley là: họ gọi cảm giác là "yếu tố" và coi sự vật là "phức hợp các yếu tố". Avenarius nói: "Các *yếu tố* chân chính của thế giới không phải là vật (vật thể), mà là màu sắc, âm thanh, sức ép, không gian, thời gian (những cái mà thông thường chúng ta gọi là cảm giác)"[2].

Lênin nêu ra 6 đặc trưng trong chủ nghĩa duy tâm chủ quan của Mach, Avenarius, trong đó có *ba điểm cần chú ý*: "1) Coi tất cả mọi cái tồn tại đều là cảm giác; 2) Gọi cảm giác là yếu tố; 3) Chia các yếu tố thành yếu tố vật lý và yếu tố tâm lý, - yếu tố sau phụ thuộc vào thần kinh của con người và, nói chung, phụ thuộc vào cơ thể con người; còn yếu tố trước thì không phụ thuộc vào những cái đó"[3].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.39.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.37.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.54.

Lênin vạch ra *mâu thuẫn lôgíc* trong lập luận chủ nghĩa Mach: Nếu coi yếu tố vật lý là cảm giác thì chúng không thể tồn tại bên ngoài, không phụ thuộc vào thần kinh. Còn nếu cho rằng yếu tố vật lý có thể tồn tại mà không phụ thuộc vào thần kinh thì chẳng khác nào thừa nhận yếu tố vật lý là *vật chất*; như vậy là "anh đã rời bỏ một cách nhục nhã chủ nghĩa duy tâm 'phiến diện' của anh, để chuyển sang một thứ chủ nghĩa duy vật 'phiến diện!'"[1].

+ Lênin khẳng định lập trường của chủ nghĩa duy vật trong việc giải quyết vấn đề cơ sở của triết học.

V.I. Lênin chứng minh vật chất là cái có trước, cảm giác, tư duy là cái có sau.

Trước hết, Lênin khẳng định sự khác nhau giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm của Mach: "Chủ nghĩa duy vật, hoàn toàn nhất trí với khoa học tự nhiên, coi vật chất là cái có trước, coi ý thức, tư duy, cảm giác là cái có sau, vì cảm giác, trong hình thái rõ rệt của nó, chỉ gắn liền với những hình thái cao của vật chất (vật chất hữu cơ)"[2].

Ngoài ra, một lý do nữa để khẳng định cảm giác là cái có sau vì theo Lênin, *cảm giác là kết quả sự tác động của thế giới bên ngoài*, "của sự chuyển hóa của năng lượng của những kích thích bên ngoài". Như vậy, nếu không có thế giới bên ngoài, không có những năng lượng bên ngoài kích thích lên giác quan thì không thể

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.55.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.43.

có cảm giác được[1].

Lênin nói về mối liên hệ giữa cảm giác, tư duy với bộ óc:

Trong tác phẩm *Khái niệm của con người về thế giới*, Arênariút bác bỏ mọi quan niệm về mối liên hệ giữa tư duy và bộ óc: "Óc của chúng ta không phải là nơi ở, là trụ sở của tư duy, là kẻ sáng tạo ra tư duy, cũng không phải là công cụ hoặc khí quan của tư duy, là kẻ chứa đựng tư duy hoặc là cơ chất, v.v., của tư duy" và "tư duy không phải là người cư trú trong óc hay là chủ nhân của óc, nó không phải là một nửa hay một mặt của óc, v.v.; nó cũng không phải là một sản phẩm của óc và thậm chí cũng không phải là một chức năng sinh lý, hoặc ngay cả một trạng thái nói chung của óc"[2].

Từ sự phê phán cách nhìn nhận sai trái trên, Lênin khẳng định quan điểm duy vật biện chứng: *ý thức, tư duy là sản phẩm của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ óc người*. Lênin trích dẫn một số câu nói của Ăngghen để khẳng định điều đó: "Tư duy và ý thức là những sản phẩm của óc con người"; "ý thức và tư duy của chúng ta, xem ra tựa hồ như là siêu cảm giác, đều chỉ là sản phẩm (Erzeugnis) của một khí quan vật chất, của một khí quan nhục thể là bộ óc mà thôi"[3].

- Lênin đã đưa ra một nội dung và phương pháp định nghĩa hoàn toàn mới về phạm trù vật chất

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.50-51.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*. t.18, tr.97.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*. t.18, tr.97.

Một trong những đóng góp quan trọng của Lênin trong việc phát triển chủ nghĩa duy vật lên một bước mới là *đã đưa ra được một định nghĩa kinh điển về phạm trù vật chất.* Lênin viết: "Nếu ta cảm thấy được thực tại khách quan, thì phải đặt cho nó một khái niệm triết học; và khái niệm này đã được xác định từ lâu, lâu lắm rồi, đó chính là khái niệm: *vật chất*. Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác"[1].

Để hiểu được một cách sâu sắc định nghĩa vật chất của Lênin, chúng ta cần phân tích những nội dung chính trong nội hàm của định nghĩa đó.

+ Vật chất là một *phạm trù triết học*. Ở đây, Lênin đòi hỏi phải xem xét vật chất với tư cách là phạm trù triết học, tức là phạm trù rộng nhất, khái quát nhất, khác với khái niệm vật chất được dùng trong một số ngành khoa học cụ thể với nghĩa hẹp hơn.

+ Vật chất là *thực tại khách quan*, nghĩa là, *vật chất là tất cả những gì tồn tại thật sự, độc lập, không lệ thuộc cảm giác, ý thức.*

+ Vật chất *được đem lại cho con người trong cảm giác*, nghĩa là, vật chất không phải là cái gì huyền bí; nó tồn tại dưới những dạng cụ thể nhất định và khi tác động vào giác quan thì gây ra cảm giác; con người có thể phản ánh được sự tồn tại của các đối tượng

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.151. Định nghĩa này trong nguyên bản tiếng Nga: "Материя есть философская категория для обозначения объективной реальности, которая дана человеку в ощущениях его, которая копируется, фотографируется, отображается нашими ощущениями, существуя независимо от них".

vật chất bằng cảm giác của mình.

Sự tồn tại của vật chất có hai mặt: *tồn tại khách quan* và *tồn tại cảm tính*. Một mặt, định nghĩa khẳng định *vật chất tồn tại khách quan không phụ thuộc cảm giác, ý thức*. Mặt khác, định nghĩa cũng chỉ ra bằng chứng của sự tồn tại khách quan đó là: *vật chất được cảm giác phản ánh*. Tuy nhiên, có những dạng tồn tại khách quan của vật chất mà trong một thời kỳ lịch sử nhất định, cảm giác con người chưa phản ánh được. Nếu tuyệt đối hóa một mặt, phủ nhận mặt kia sẽ rơi vào chủ nghĩa duy tâm khách quan hoặc chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

Định nghĩa vật chất của Lênin có ý nghĩa khoa học rất lớn: Định nghĩa đã giải quyết đúng đắn vấn đề cơ sở của triết học trên lập trường duy vật, có tác dụng chống lại chủ nghĩa duy tâm chủ quan và khách quan. Định nghĩa cũng khắc phục được những hạn chế của quan điểm duy vật siêu hình trước Mác quy vật chất về một số dạng cụ thể hoặc về những hạt nhỏ nhất nào đó không thể phân chia được nữa. Quan niệm mới này của Lênin về vật chất chẳng những không cản trở mà còn có tác dụng định hướng cho khoa học đi sâu nghiên cứu kết cấu phức tạp của vật chất đến vô cùng vô tận. Lênin viết: "Điện tử cũng *vô cùng tận* như nguyên tử; tự nhiên là vô tận". "Giới tự nhiên là vô tận cũng như những hạt nhỏ nhất của nó (kể cả điện tử) đều là vô tận"[1].

Đối lập vật chất với ý thức để định nghĩa phạm trù vật chất, nhưng Lênin cũng chỉ ra rằng, sự đối lập giữa vật chất và ý thức *chỉ*

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.323, 386.

có ý nghĩa tuyệt đối trong phạm vi nhận thức luận. "Ngoài giới hạn đó, thì không còn nghi ngờ gì nữa rằng sự đối lập đó là tương đối"[1].

- Lênin phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng

+ Lênin đưa ra lý luận phản ánh làm nền tảng cho việc xác định bản chất của ý thức và hoạt động nhận thức của con người.

Trong lịch sử, nhiều nhà triết học đã mắc phải sai lầm khi cho rằng mọi dạng vật chất đều có năng lực cảm giác và tư duy. Lênin khắc phục tính chất sai lầm của quan niệm đó bằng cách vạch ra rằng mọi vật chất đều có một năng lực phổ biến gần giống như cảm giác nhưng không phải là cảm giác. Năng lực đó được Lênin gọi là *"phản ánh"*. Theo Lênin, "người ta chỉ có thể giả định là 'trên nền móng của bản thân lâu đài vật chất' có sự tồn tại của một năng lực giống như cảm giác"[2].

Lênin đồng ý với Piécxơn (Karl Pearson) rằng "khẳng định rằng hết thảy mọi vật chất đều có ý thức là không hợp với lôgíc". Nhưng Lênin lại nói tiếp: "nhưng giả định rằng hết thảy mọi vật chất đều có một đặc tính về bản chất gần giống như cảm giác, đặc tính phản ánh, thì như vậy lại hợp với lôgíc"[3].

Năng lực phản ánh đã tồn tại ở giới vô cơ với hình thức phản ánh vật lý, hóa học. Một hệ thống vật chất vô cơ có khả năng *ghi lại* những tác động của một hệ thống vật chất khác (thông qua sự biến dạng tương ứng với những tác động đó, nhờ đó người ta có

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.173.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd.* t.18, tr.43.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd.* t.18, tr.104.

thể tái hiện lại những tác động đó). Ứng dụng đặc tính phản ánh vô cơ, người ta đã chế tạo ra những phương tiện kỹ thuật có thể ghi lại hình ảnh, màu sắc, âm thanh. Ngày nay, người ta phát hiện ra khả năng lưu giữ thông tin ở các chất bán dẫn phi tinh thể để chế tạo ra các bộ nhớ. Công nghệ máy tính và thông tin là bằng chứng của việc ứng dụng đặc tính phản ánh của vật chất vô sinh.

Giới sinh vật có hình thức phản ánh sinh vật là hình thức phản ánh cao hơn phản ánh vô cơ, chẳng hạn như hoa hướng dương luôn luôn hướng về phía mặt trời. Thực vật có khả năng "phát hiện" và phản ứng kịp thời sự thay đổi của khí hậu, thời tiết... Động vật thực hiện chức năng phản ánh nhờ vào các cơ quan cảm giác và hệ thần kinh.

Ý thức là *hình thức phản ánh cao nhất* của vật chất chỉ có ở con người. Nhờ có bộ óc, một dạng vật chất có tổ chức cao mà con người có được hình thức phản ánh ý thức.

Lênin phân biệt *cái phản ánh* và *cái bị phản ánh*. Cảm giác, tư duy, ý thức của chúng ta là cái phản ánh; còn thế giới khách quan là cái bị phản ánh. Cái bị phản ánh tồn tại độc lập với cái phản ánh. Lênin nói: "Cảm giác của chúng ta, ý thức của chúng ta chỉ là *hình ảnh* của thế giới bên ngoài; và dĩ nhiên là nếu không có cái bị phản ánh thì không thể có cái phản ánh, nhưng cái bị phản ánh tồn tại một cách độc lập đối với cái phản ánh"[1].

+ *Lênin đưa ra ba kết luận quan trọng của nhận thức luận duy vật biện chứng*. Đó là: 1) Thừa nhận khách thể nhận thức tồn

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.74.

tại độc lập với chủ thể, 2) Không có vật tự nó vĩnh viễn không thể nhận thức được, 3) Nhận thức không phải có sẵn, bất di bất dịch, mà là một quá trình biện chứng.

Kết luận thứ nhất mà Lênin nêu ra cũng là tiền đề cơ bản đầu tiên của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Đó là *thừa nhận sự tồn tại của đối tượng nhận thức ở bên ngoài, độc lập với cảm giác, ý thức của chúng ta và cảm giác của chúng ta chỉ là hình ảnh, là cái phản ánh của những đối tượng khách quan đó*. Kết luận này được "chủ nghĩa duy vật lấy làm cơ sở cho nhận thức luận của mình một cách tự giác"[1].

Theo Lênin, sự khác nhau căn bản giữa tiền đề xuất phát của lý luận nhận thức duy vật biện chứng so với chủ nghĩa duy tâm là: "Đối với người duy vật, thì 'cái đang tồn tại trên thực tế' là thế giới bên ngoài mà cảm giác của chúng ta là hình ảnh của thế giới đó. Đối với người duy tâm thì cảm giác là 'cái đang tồn tại trên thực tế', còn thế giới bên ngoài thì được gọi là 'phức hợp cảm giác'"[2].

+ Lênin làm sáng tỏ vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

Lênin khẳng định thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, là cơ sở để bác bỏ thuyết bất khả tri.

Lênin viết: "Chúng ta đã thấy rằng Mác, vào năm 1845, và Ăngghen, vào những năm 1888 và 1892 đã đưa tiêu chuẩn thực tiễn vào làm cơ sở cho lý luận duy vật về nhận thức". Lênin nhắc lại tư tưởng của Mác: "Đứng ngoài thực tiễn mà đặt vấn đề xem

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.118.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.128.

xét 'chân lý vật thể' (tức chân lý khách quan) 'có nhất trí với tư duy con người hay không' thì như thế là triết học kinh viện". Lênin cũng trích lời của Ăngghen: "Thành công của hành động của chúng ta chứng minh sự nhất trí (phù hợp ...) của các tri giác của chúng ta với bản tính vật thể' (khách quan) 'của những vật được tri giác"[1].

Lênin khẳng định quan điểm thực tiễn là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. Lênin viết: "Quan điểm về đời sống, về thực tiễn, phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức"[2].

Lênin chỉ ra rằng tiêu chuẩn thực tiễn vừa có tính xác định (tính tuyệt đối), vừa không có tính xác định (tính tương đối): "Dĩ nhiên không nên quên rằng tiêu chuẩn thực tiễn, xét về thực chất, không bao giờ có thể xác nhận hoặc bác bỏ *một cách hoàn toàn* một biểu tượng nào đó của con người, dù biểu tượng ấy là thế nào chăng nữa. Tiêu chuẩn đó cũng khá 'không xác định' để không cho phép các hiểu biết của con người trở thành một cái 'tuyệt đối'; đồng thời cũng khá xác định để có thể tiến hành đấu tranh quyết liệt chống tất cả các thứ chủ nghĩa duy tâm và bất khả tri"[3].

+ Lênin trình bày quan điểm nhận thức luận duy vật biện chứng về vấn đề chân lý:

Lênin khẳng định tính khách quan của chân lý.

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.161.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.167.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.167-168.

Lênin vạch ra rằng, *thuyết bất khả tri không thừa nhận chân lý khách quan*. Theo họ thì chân lý chỉ là *một hình thức tổ chức của kinh nghiệm*. Lênin viết: "Khoa học tự nhiên không cho phép người ta nghi ngờ rằng khẳng định của khoa học đó về sự tồn tại của quả đất trước khi có loài người là một chân lý" và "nếu chân lý là một hình thức tổ chức của kinh nghiệm con người thì lời khẳng định rằng quả đất tồn tại *ở ngoài* mọi kinh nghiệm của con người không thể là một lời khẳng định đúng được"[1].

Như vậy, sự khác nhau giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm chủ quan về chân lý là: *đối với chủ nghĩa duy tâm chủ quan và thuyết bất khả tri thì không có chân lý khách quan*, còn *chủ nghĩa duy vật thì thừa nhận chân lý khách quan*. Lênin nói: "Coi cảm giác của ta là hình ảnh của thế giới bên ngoài - thừa nhận chân lý khách quan - đứng trên quan điểm lý luận duy vật về nhận thức, thì cũng như nhau thôi"[2].

Lênin giải quyết mối quan hệ giữa chân lý khách quan, chân lý tuyệt đối và chân lý tương đối.

Mối quan hệ giữa việc thừa nhận chân lý khách quan và việc thừa nhận chân lý tuyệt đối được Lênin giải thích như sau: "Thừa nhận chân lý khách quan, tức là chân lý không phụ thuộc vào con người và loài người, như thế có nghĩa là thừa nhận bằng cách này hay cách khác chân lý tuyệt đối"[3].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.143.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.152.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.18, tr.155.

Lênin phân tích mối quan hệ giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối: *Chân lý tuyệt đối là tổng số những chân lý tương đối. Chân lý tương đối là những hạt của chân lý tuyệt đối.* Theo Lênin, "Mỗi giai đoạn phát triển của khoa học lại đem thêm những hạt mới vào cái tổng số ấy của chân lý tuyệt đối"[1]. (158)

Mối quan hệ giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối phải được hiểu như sau:

Đó là là *hai mặt* của chân lý chứ không phải là hai loại chân lý khác nhau. Mỗi chân lý là chân lý tương đối, nhưng *đồng thời cũng có tính tuyệt đối*, vì nó đã chứa đựng những yếu tố (những hạt) "tuyệt đối", tức là những cái không bao giờ có thể bị bác bỏ được. Ví dụ, định lý Talét, định lý Pytago có tính tuyệt đối, không ai có thể bác bỏ được mặc dù đã có lịch sử hơn 2000 năm. Nhưng chúng nằm trong khuôn khổ của hình học phẳng về sau được Ơclít phát triển thành hệ thống (hình học Ơclít), việc áp dụng chúng cũng có giới hạn nhất định, vì vậy chúng có tính tương đối so với các loại hình học phi Ơclít, như hình học của Lobachevsky, Riemann. Tất cả những đóng góp của các nhà hình học từ Talét, Pytago, Ơclit và mãi mãi về sau này nữa sẽ cho ta tri thức ngày càng đầy đủ hơn về hình học.

Quá trình phát triển của nhận thức khoa học không phải là lý thuyết này bác bỏ hoàn toàn, thay thế hoàn toàn lý thuyết trước đó, mà là kế thừa những yếu tố đúng đắn, hợp lý ở lý thuyết cũ, bổ sung, phát triển thêm vào những yếu tố (hạt) chân lý mới. Kết quả

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.158.

của tri thức nhân loại trong quá trình tiến lên vô cùng tận không phải là *con số cộng đơn giản* tất cả những lý thuyết đã có, cũng không phải là *sự phủ định sạch trơn* của những lý thuyết mới đối với những lý thuyết cũ, mà là *sự tích lũy dần dần cùng với những bước nhảy* đưa tri thức nhân loại tiệm cận ngày một gần đến tri thức tuyệt đối về thế giới nhưng không bao giờ có thể đạt được một cách hoàn toàn.

- Lênin phân tích cuộc cách mạng mới nhất trong khoa học tự nhiên, đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm trong việc giải thích những thành tựu của khoa học

Cuối thế kỷ XIX, một loạt phát minh mới trong vật lý học ra đời đã gây ra một cuộc khủng hoảng về thế giới quan trong vật lý học. Đó là phát hiện ra tia X (năm 1895) của Roentgen; phát hiện hiện tượng phóng xạ (năm 1896) của các nhà bác học Pháp là Becquerel, Pierre Curie và Marie Curie; phát hiện ra điện tử (năm 1897) của Thomson; phát hiện ra mối quan hệ giữa khối lượng của điện tử với vận tốc của nó (năm 1898) của Kaufmann; phát minh ra thuyết tương đối (năm 1905) của Albert Einstein. Một số nhà khoa học đâm ra hoài nghi về giá trị của những định luật khoa học trước đây. Nhà toán học và vật lý học Pháp Henri Poincaré nói rằng có "những triệu chứng của một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng" trong vật lý học và đã dành riêng một chương để viết về cuộc khủng hoảng ấy. Cuộc khủng hoảng ấy không chỉ có nghĩa là "radium, nhà cách mạng vĩ đại ấy", đã lật đổ nguyên lý bảo tồn năng lượng, mà "tất cả các nguyên lý khác cũng đều lâm nguy". Ví dụ như

nguyên lý của Lavoisier, tức là nguyên lý bảo tồn khối lượng, "cũng bị thuyết điện tử của vật chất đánh đổ". Poincaré nói, chúng ta đang đứng trước những "sự sụp đổ" của những nguyên lý cũ của vật lý học, trước "sự phá sản phổ biến của các nguyên lý"[1].

Một số nhà khoa học đã ngã về phía chủ nghĩa duy tâm. Poincaré phủ nhận tính thực tại khách quan của không gian, thời gian. Theo Poincaré, "không phải giới tự nhiên đem lại cho chúng ta (hay ép buộc chúng ta phải nhận) những khái niệm về không gian và thời gian, mà chính chúng ta đã đem những khái niệm ấy cho giới tự nhiên"; "phàm cái gì không phải là tư tưởng đều hư vô thuần túy". Lênin nói "Đó là những kết luận duy tâm"[2].

Theo Abel Rey, một nhà vật lý học Pháp: "Khoa học, theo quan điểm này, chỉ còn là một công thức tượng trưng, những phương pháp đánh dấu (đặt tên, réparage, đặt ký hiệu, ghi dấu, tượng trưng)"; "Khoa học, với tính cách là thủ đoạn hoàn toàn nhân tạo để tác động vào giới tự nhiên, là kỹ thuật vị lợi chủ nghĩa đơn thuần, thì không có quyền tự xưng là khoa học". Hơn nữa, một số nhà vật lý học còn phủ nhận cả khoa học. Họ nói "khoa học cũng đã phá sản rồi", "khoa học là không thể có được", vật lý học đã "trở thành giả trá và nguy hiểm"[3].

Trước những phát hiện mới của vật lý học, một số nhà vật lý học hoang mang cho rằng *vật chất đang tiêu tan.* Houllevigue trong quyển *Sự tiến hóa của các khoa học* (L'évolution des sciences) đã

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.311.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.312.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.314-315.

đặt nhan đề cho một chương: "Vật chất có tồn tại hay không?". Ông viết: "Nguyên tử phi vật chất hóa, vật chất đang tiêu tan"[1].

Những người theo phái Mach ở Nga đã rút ra từ đó những kết luận về mặt triết học. Valentinov nói: "Lời tuyên bố cho rằng 'chỉ có chủ nghĩa duy vật' mới đem lại một cơ sở chắc chắn cho sự giải thích thế giới một cách khoa học, là một điều bịa đặt, hơn nữa, là một điều bịa đặt vô lý"[2].

Lênin *phê phán* quan niệm về "vật chất đang tiêu tan" và chỉ ra rằng: "'Vật chất đang tiêu tan', điều đó có nghĩa là giới hạn hiểu biết vật chất cho đến nay của chúng ta đang tiêu tan, tri thức của chúng ta trở nên sâu sắc hơn; những đặc tính của vật chất, trước đây được coi là tuyệt đối, bất biến, đầu tiên (tính không thể thâm nhập được, quán tính, khối lượng, v.v.) đang tiêu tan và bây giờ đây tỏ ra là tương đối và chỉ là đặc tính vốn có của một số trạng thái nào đó của vật chất"[3].

Đứng vững trên quan điểm duy vật biện chứng, Lênin giải thích rằng những phát minh khoa học mới về tính tương đối của những cấu trúc và đặc tính của vật chất, về sự vận động, chuyển hóa giữa các dạng vật chất khác nhau, về những điều bí ẩn "kỳ quái" trong thế giới vi mô, về những hạn chế của quy luật cơ giới, về những loại quy luật mới sâu kín hơn của hiện tượng điện từ, v.v., chẳng những không bác bỏ, mà "chỉ *xác nhận* thêm một lần

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.318.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.318.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.321.

nữa chủ nghĩa duy vật biện chứng mà thôi"[1].

Lênin chỉ ra nguyên nhân sai lầm của các nhà vật lý học rơi vào chủ nghĩa duy tâm là vì các nhà vật lý học không hiểu được phép biện chứng. "Họ đã đấu tranh chống chủ nghĩa duy vật siêu hình (...), chống 'tính chất máy móc' phiến diện của nó và đã hắt luôn đứa trẻ cùng với nước trong chậu tắm. Trong khi phủ nhận tính bất biến của những nguyên tố và của những đặc tính của vật chất đã được biết cho đến nay, họ đã rơi vào chỗ phủ nhận vật chất, nghĩa là phủ nhận tính thực tại khách quan của thế giới vật lý. Trong khi phủ nhận tính chất tuyệt đối của những quy luật quan trọng nhất và cơ bản, họ rơi vào chỗ phủ nhận mọi quy luật khách quan trong tự nhiên; rơi vào chỗ tuyên bố rằng mọi quy luật của giới tự nhiên là ước lệ đơn thuần... Nhấn mạnh tính chất gần đúng và tương đối của những tri thức của chúng ta, họ đã rơi vào chỗ phủ nhận khách thể độc lập với nhận thức, được nhận thức ấy phản ánh một cách chân thực, tương đối đúng"[2].

Dựa trên cách tiếp cận biện chứng về thế giới, Lênin có một phỏng đoán thiên tài: "Điện tử cũng vô cùng tận như nguyên tử; tự nhiên là vô tận"[3]. Tiên đoán này đã được khoa học xác nhận với việc phát hiện ra cấu trúc phức tạp của hạt nhân nguyên tử. Việc phát hiện ra hàng trăm hạt cơ bản và các cộng hưởng của chúng; đặc biệt là việc phát hiện hạt "quark" (là hạt tạo nên các hạt cơ bản như proton, electron, neutron) làm tiêu tan ảo tưởng của một số nhà

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.322.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.322-323.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.18, tr.323.

khoa học cho rằng các hạt cơ bản này là những "hạt nhỏ nhất không thể phân chia được nữa" và càng cung cấp thêm bằng chứng về tính vô cùng vô tận của giới tự nhiên, như Lênin đã tiên đoán.

5.1.3. Ý nghĩa của tác phẩm

Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán là tác phẩm triết học chủ yếu của Lênin, một tác phẩm kinh điển quan trọng của giai đoạn Lênin trong sự phát triển của triết học Mác.

Lênin đã tiến hành đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa duy tâm trong triết học, bảo vệ và tiếp tục phát triển triết học Mác trước hoàn cảnh khó khăn của phong trào cách mạng vô sản trên thế giới và nhất là ở nước Nga.

Trong tác phẩm này, Lênin đã giải đáp hàng loạt các vấn đề quan trọng của triết học, phát triển chủ nghĩa duy vật và lý luận nhận thức duy vật biện chứng lên một bước mới, phát triển những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* đã góp phần khắc phục được cuộc khủng hoảng về thế giới quan trong vật lý học trước những phát minh mới của khoa học tự nhiên vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Hơn nữa, thông qua việc phân tích thực chất cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên, V. I. Lênin đã chỉ ra những hạn chế của quan điểm duy vật siêu hình và chứng minh cho tính đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đem lại cho chủ nghĩa duy vật biện chứng một "hình dạng mới" khi trong khoa học tự nhiên đã có những "phát minh vạch thời đại".

5.2. TÁC PHẨM "CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC – GIAI ĐOẠN CAO NHẤT CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN" (KHÁI LUẬN PHỔ THÔNG)[1]

5.2.1. Hoàn cảnh ra đời và kết cấu của tác phẩm

Nhiều năm trước khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bắt đầu, trong nhiều tác phẩm của mình, Lênin đã chú ý đến những đặc điểm mới của chủ nghĩa tư bản. Từ khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ (năm 1914), Lênin bắt tay nghiên cứu một cách toàn diện hơn giai đoạn độc quyền của chủ nghĩa tư bản. Lênin dựa trên một số tài liệu xuất bản ở Pháp, Anh và Nga viết về chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là cuốn sách *Chủ nghĩa đế quốc* của J.A. Hobbson[2].

Tác phẩm được Lênin viết từ tháng 1 đến tháng 6-1916 tại Zurich, Thụy Sỹ. Trong lần xuất bản đầu tiên vào giữa năm 1917 ở Pêtơrôgrát, cuốn sách mang tên *Империализм, как новейший этап капитализма* (*Chủ nghĩa đế quốc - Giai đoạn mới nhất của chủ nghĩa tư bản*).

---

1. Nguyên bản tiếng Nga: "Империализм, как высшая стадия капитализма (популярный очерк)", Ленин В.И., ПСС, 5 изд., Политиздат, Москва, 1969, т. 27, с. 299-426. Bản tiếng Việt in trong V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến Bộ, Mátxcơva, 1980, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.27, tr.383-541.

Tên tác phẩm này nếu dịch chính xác phải là: "Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn cao nhất của chủ nghĩa tư bản", không phải là "giai đoạn tột cùng". Trong bản dịch ra tiếng Anh (Imperialism - the Highest Stage of Capitalism) và bản tiếng Pháp (L'Impérialisme, stade suprême du capitalisme), cụm từ "the highest stage" cũng như "stade suprême" đều có nghĩa là là "giai đoạn cao nhất" hay "giai đoạn tối cao".

2. John A. Hobson (1858 - 1940), nhà kinh tế học Anh, tác giả cuốn sách *Imperialism (Chủ nghĩa đế quốc)*, xuất bản năm 1902.

Ngoài *Lời tựa* viết cho lần xuất bản đầu tiên bằng tiếng Nga, tháng Tư, 1917 và *Lời tựa* viết cho các bản tiếng Pháp và tiếng Đức đề ngày 6-7-1920, những nội dung chính của cuốn sách được chia thành 10 mục:

I. Sự tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền.

II. Các ngân hàng và vai trò mới của chúng.

III. Tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính.

IV. Xuất khẩu tư bản.

V. Việc phân chia thế giới của các liên minh của bọn tư bản.

VI. Việc phân chia thế giới của các đại cường quốc.

VII. Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn đặc biệt của chủ nghĩa tư bản.

VIII. Tính ăn bám và sự thối nát của chủ nghĩa tư bản.

IX. Phê phán chủ nghĩa đế quốc.

X. Vị trí của chủ nghĩa đế quốc.

5.2.2. Nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Sự phân tích của Lênin về nguồn gốc và những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc với tính cách là giai đoạn cao nhất của chủ nghĩa tư bản

- Khái niệm "chủ nghĩa đế quốc" và vai trò của việc nghiên cứu về chủ nghĩa đế quốc

Trước hết, ta cần hiểu rằng nội hàm của khái niệm "chủ nghĩa đế quốc" mà Lênin dùng trong tác phẩm này có một số điểm khác với cách hiểu thông thường trước đó. Thông thường, nói đến "chủ

nghĩa đế quốc" người ta nghĩ ngay đến *một số đặc trưng chính trị* của nó, như việc xâm chiếm, mở rộng lãnh thổ, sự áp bức, nô dịch của một dân tộc này đối với các dân tộc khác, ví dụ, đế quốc La Mã, đế quốc Mông cổ. Với cách dùng này thì chủ nghĩa đế quốc đã có từ thời cổ đại, phong kiến. Khái niệm "chủ nghĩa đế quốc" được Lênin dùng trong tác phẩm này để chỉ *một giai đoạn* trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, giai đoạn phát triển cao nhất của nó. Như vậy, *chủ nghĩa đế quốc là một giai đoạn nằm trong hình thái kinh tế - xã hội tư bản.*

Cơ sở phương pháp luận của việc nghiên cứu chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa duy vật lịch sử, cụ thể hơn là *học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của Mác*. Theo học thuyết này thì suy cho cùng, lực lượng sản xuất giữ vai trò quyết định đối với một hình thái kinh tế - xã hội, cũng như đối với một giai đoạn phát triển cụ thể của nó.

Giải phẫu hình thái kinh tế - xã hội tư bản từ sản xuất, lưu thông đến chính trị - xã hội là công lao của Mác. Tuy nhiên, trong thời Mác, chủ nghĩa tư bản tuy đã rơi vào khủng hoảng, nhưng *vẫn còn nằm trong khuôn khổ "tự do cạnh tranh"*, do đó những đặc điểm xấu xa của nó vẫn chưa bộc lộ hết. Với những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản ở trình độ phát triển đó, Mác và Ăngghen tuy đã đi đến kết luận về tính tất yếu của việc thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản, nhưng đó là công việc của tương lai, hai ông chưa nêu ra tính cấp thiết của cách mạng vô sản ở bất cứ một quốc gia cụ thể nào trong thời gian này.

Đến thời Lênin, vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, *chủ nghĩa*

tư bản bước sang một giai đoạn mới - chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Ở giai đoạn này, *chủ nghĩa tư bản có những đặc điểm mới cần phải được nghiên cứu để rút ra những kết luận mới cho cách mạng vô sản*. Thành quả nghiên cứu của Lênin trong tác phẩm này cùng với một số tác phẩm khác, như *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga* đóng vai trò vạch ra cơ sở kinh tế và chính trị của cách mạng vô sản ở nước Nga và trên thế giới.

- Quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa đế quốc

Với việc vận dụng tài tình quan hệ nhân quả trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, Lênin chứng minh tính tất yếu của việc phát triển của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thành chủ nghĩa tư bản độc quyền và sự ra đời của chủ nghĩa đế quốc. Dây chuyền của quan hệ nhân quả đó là:

Cạnh tranh dẫn đến sự tập trung sản xuất vào một số doanh nghiệp lớn. Các doanh nghiệp lớn mạnh nắm vai trò độc quyền trong sản xuất và kinh doanh hình thành các tổ chức độc quyền.

Lênin viết: "Trước đây nửa thế kỷ, khi Mác viết bộ *Tư bản*, thì đối với đại đa số các nhà kinh tế học, tự do cạnh tranh là: 'một quy luật của tự nhiên'". Tuy nhiên, thông qua sự phân tích chủ nghĩa tư bản về mặt lý luận và lịch sử, Mác đã chứng minh rằng "tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định, lại dẫn tới độc quyền. Giờ đây, độc

quyền đã trở thành một sự thật"[1].

Lênin đưa ra nhiều dẫn chứng về sự tập trung sản xuất tư bản thể hiện ở việc phát triển nhanh quy mô của các xí nghiệp tư bản về vốn, kỹ thuật, số lượng công nhân làm cho lực lượng sản xuất càng mang tính xã hội hóa cao. Lênin viết: "Trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chủ nghĩa tư bản tiến sát tới chỗ xã hội hóa việc sản xuất một cách toàn diện nhất, có thể nói là chủ nghĩa tư bản, bất chấp ý chí và ý thức của bọn tư bản, đã đưa chúng vào một trật tự xã hội mới nào đó, trật tự này là bước quá độ từ chỗ hoàn toàn tự do cạnh tranh đến chỗ hoàn toàn xã hội hóa"[2].

Theo Lênin, *chính quá trình xã hội hóa sản xuất, tập trung sản xuất là nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các tổ chức tư bản độc quyền*: "Điểm cơ bản về kinh tế của quá trình này là sự thay thế cạnh tranh tự do tư bản chủ nghĩa bằng độc quyền tư bản chủ nghĩa" và đã "tạo ra một nền sản xuất lớn, loại bỏ nền sản xuất nhỏ, thay thế nền sản xuất lớn bằng nền sản xuất lớn hơn nữa, đưa sự tập trung sản xuất và sự tập trung tư bản đến một mức độ mà sự tập trung này đã và đang làm cho các tổ chức độc quyền xuất hiện: cácten, xanhđica, tơrớt và, hòa vào các tổ chức này là tư bản của một chục ngân hàng thao túng hàng tỉ đồng"[3].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.401-402.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.409.

[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.488. Trong đoạn trích dẫn trên, chúng tôi có tham khảo nguyên bản tiếng Nga (т. 27, с.385-386) để chỉnh lại câu, từ cho chính xác hơn. Các từ: cácten, xanhđica, tơrớt được phiên âm từ nguyên bản tiếng Nga: *картели, синдикаты, тресты* (tiếng Anh: *cartel, syndicat, trust*) là những hình thức liên hiệp các xí nghiệp, công ty tư bản nhằm nắm vai trò độc

Sự lớn mạnh của các ngân hàng; sự hợp nhất giữa tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng; các tổ chức độc quyền trong hệ thống ngân hàng nắm vai trò thống trị trong nền kinh tế.

Lênin viết: "Kết quả, một mặt là có sự hợp nhất ngày càng chặt chẽ giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, hoặc như N. I. Bukharin đã nói một cách rất đạt, là có sự hòa vào nhau giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp, và mặt khác là có sự phát triển của các ngân hàng thành những cơ quan thật sự có 'tính chất vạn năng'"[1]. Như vậy, thế kỷ XX "đánh dấu một bước ngoặt từ chủ nghĩa tư bản cũ sang chủ nghĩa tư bản mới, từ sự thống trị của tư bản nói chung sang sự thống trị của tư bản tài chính"[2].

Khi vạch ra thiếu sót và sai lầm trong định nghĩa của Kausky về chủ nghĩa đế quốc, Lênin kết luận: "Điểm tiêu biểu của chủ nghĩa đế quốc chính lại *không phải là* tư bản công nghiệp, *mà là* tư bản tài chính"[3].

Các tổ chức độc quyền xuất khẩu tư bản sang các nước lạc hậu.

Theo Lênin: "Điểm điển hình của chủ nghĩa tư bản cũ, trong đó sự cạnh tranh tự do còn hoàn toàn thống trị, là việc xuất khẩu *hàng hoá*. Điểm điển hình của chủ nghĩa tư bản mới nhất, trong đó các tổ chức độc quyền thống trị, là việc xuất khẩu *tư bản*"[4].

---

quyền trong tiêu thụ hàng hóa.

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.433.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.436

[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.492.

[4]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.455.

Theo Lênin, sở dĩ cần phải xuất khẩu tư bản là do sự phát triển không đồng đều giữa các nước tư bản dẫn đến tình trạng *thừa tư bản* ở một số nước tiên tiến và đầu tư ở các nước này không còn có lợi nữa. Trong khi đó, ở các nước lạc hậu, "lợi nhuận thường cao, vì tư bản hãy còn ít, giá đất đai tương đối thấp, tiền công hạ, nguyên liệu rẻ"[1].

Sự hình thành liên minh về kinh tế và chính trị giữa các tổ chức độc quyền trong nước và trên thế giới, giữa các nhà nước tư bản nhằm phân chia thế giới, tranh giành thuộc địa.

Lênin viết: "Thời đại chủ nghĩa tư bản hiện đại chỉ cho ta thấy rằng giữa các liên minh của bọn tư bản, những quan hệ nhất định đã được xác lập *trên cơ sở* phân chia thế giới về kinh tế; song song với tình hình đó và gắn liền với tình hình đó, thì giữa các liên minh chính trị, giữa các nước, những quan hệ nhất định cũng được xác lập trên cơ sở phân chia thế giới về lãnh thổ, tranh giành thuộc địa, 'tranh giành lãnh thổ kinh tế'"[2].

Theo Lênin: "Lợi ích của việc xuất khẩu tư bản cũng thúc đẩy sự xâm chiếm thuộc địa, vì trên thị trường thuộc địa mới dễ dàng (và đôi khi chỉ có trên thị trường đó mới có thể) loại trừ được kẻ cạnh tranh bằng những thủ đoạn độc quyền, mới dễ dàng nắm được việc cung cấp hàng hóa, củng cố những 'mối liên hệ' thích đáng, v.v.."[3].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.456.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.472-473.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.484.

Chiến tranh giữa các liên minh tư bản lớn để phân chia lại thị trường thế giới và nắm độc quyền về thị trường.

Theo Lênin, trong giai đoạn trước đây, vì thị trường còn nhiều nên các nước tư bản tự do xâm chiếm thị trường, chúng không phải tranh giành nhau. Bây giờ thị trường thế giới đã được chia xong rồi và không còn nhiều nữa, do đó chúng phải đấu tranh gay gắt với nhau để "chia lại" thị trường thế giới và nắm độc quyền về thị trường.

Lênin nói: "Khi các thuộc địa của các cường quốc châu Âu mới chỉ là một phần mười châu Phi, như tình hình năm 1876, thì chính sách thực dân có thể phát triển một cách không có tính chất độc quyền, mà theo kiểu có thể nói là 'tự do chiếm lĩnh' đất đai. Nhưng khi 9/10 châu Phi đã bị chiếm (đến năm 1900) và khi toàn thế giới đã bị phân chia, thì tất nhiên kỷ nguyên độc quyền chiếm thuộc địa đã đến và do đó, cũng bắt đầu kỷ nguyên đấu tranh đặc biệt gay gắt để chia và chia lại thế giới"[1].

Cách giải thích và dự báo của Lênin là *hoàn toàn chính xác*, bằng chứng là Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) và Chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945), trong đó các cường quốc công nghiệp mới nổi lên, vốn trước đây do yếu thế nên chưa có thị trường, chúng liên minh lại với nhau và dựa trên sức mạnh bạo lực quân sự để "phân chia lại" thế giới.

+ Lênin đưa ra định nghĩa vắn tắt và nêu tóm tắt năm đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.535.

Theo Lênin, nếu cần định nghĩa chủ nghĩa đế quốc cho thật hết sức vắt tắt thì phải nói rằng chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn độc quyền của chủ nghĩa tư bản. Định nghĩa này có thể bao gồm được cái chủ yếu nhất. Song, như Lênin nói thêm, những định nghĩa vắn tắt quá, mặc dù có tiện lợi vì tóm tắt được cái chủ yếu nhất, nhưng vẫn không đầy đủ. Do đó, "phải đưa ra một định nghĩa bao gồm năm dấu hiệu cơ bản của chủ nghĩa đế quốc: 1) Sự tập trung sản xuất và tư bản đạt tới một mức độ phát triển cao khiến nó tạo ra những tổ chức độc quyền có một vai trò quyết định trong sinh hoạt kinh tế; 2) Sự hợp nhất tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp, và trên cơ sở 'tư bản tài chính' đó, xuất hiện một bọn đầu sỏ tài chính; 3) Việc xuất khẩu tư bản, khác với việc xuất khẩu hàng hóa, đã có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt; 4) Sự hình thành những liên minh độc quyền quốc tế của bọn tư bản chia nhau thế giới; 5) Việc các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã chia nhau xong đất đai thế giới"[1].

- Lênin phân tích những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc

+ Độc quyền *không xóa bỏ được những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, mà trái lại càng làm cho những mâu thuẫn đó sâu sắc, gay gắt hơn.* Mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản là *mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với sự chiếm hữu tư bản chủ nghĩa vẫn tồn tại,* mâu thuẫn giữa *tư bản và lao động,* giữa *một thiểu số giai cấp tư sản độc quyền và đại đa số nhân dân lao động*

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.489-490.

càng trở nên nặng nề hơn. Lênin viết: " Sản xuất trở nên có tính chất xã hội, nhưng chiếm hữu vẫn mang tính chất tư nhân. Các tư liệu sản xuất xã hội vẫn là sở hữu tư nhân của một số ít người. Khuôn khổ chung của cạnh tranh tự do, mà về danh nghĩa còn được thừa nhận, thì vẫn tồn tại, và ách áp bức của một nhóm người độc quyền đối với số dân cư còn lại đã trở thành nặng nề, rõ rệt, không thể chịu nổi, hơn trước gấp trăm lần"[1].

+ Độc quyền *không xóa bỏ được cạnh tranh mà trái lại tạo ra sự cạnh tranh gay gắt, kịch liệt hơn.* Lênin viết: "Đồng thời, độc quyền không thủ tiêu cạnh tranh tự do là cái đã sinh ra chúng; chúng tồn tại bên trên sự cạnh tranh tự do và cùng với sự cạnh tranh tự do, do đó mà gây ra một số mâu thuẫn, va chạm và xung đột đặc biệt gay gắt và kịch liệt"[2].

+ *Cảnh thống trị, áp bức, bóc lột của tư bản độc quyền đối với các dân tộc thuộc địa làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa một thiểu số nước tư bản phát triển với số đông các dân tộc nhỏ yếu.* Lênin chỉ rõ: "Tổ chức độc quyền, bọn đầu sỏ tài chính, xu hướng đi đến thống trị, chứ không phải đi đến tự do, việc một nhúm nhỏ những dân tộc giàu có nhất hoặc hùng mạnh nhất đi bóc lột một số ngày càng đông những dân tộc nhỏ bé hay yếu - tất cả những cái đó đã tạo ra những đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc buộc người ta phải gọi chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản ăn bám và thối nát"[3].

+ *Trong thời đại độc quyền, chủ nghĩa tư bản sẽ phát triển*

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.409.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.488-489.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.27, tr.535-536.

nhanh chóng hơn nhưng không đồng đều giữa các nước tư bản. Lênin nói: "Nhưng nếu cho rằng xu hướng đi đến thối nát đó loại trừ sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản, thì như thế là sai lầm". "Xét toàn bộ, chủ nghĩa tư bản phát triển vô cùng nhanh hơn trước, nhưng nói chung thì sự phát triển đó không những trở thành không đồng đều hơn trước, mà sự phát triển không đồng đều này nói riêng biểu hiện cả ở sự thối nát của các nước có nhiều tư bản nhất"[1].

- Mâu thuẫn giữa các liên minh độc quyền, giữa các nước đế quốc. Theo Lênin, chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn độc quyền này tuy đã phân chia xong thế giới, nhưng chúng không thỏa mãn với trật tự thế giới hiện có, mà theo Lênin dự báo, nó đang "bắt đầu kỷ nguyên đấu tranh đặc biệt gay gắt để chia và chia lại thế giới"[2]. Chính hai cuộc chiến tranh thế giới là biểu hiện của mâu thuẫn này và chứng minh cho dự báo trên của Lênin.

- Những dự báo về cách mạng xã hội chủ nghĩa được Lênin rút ra từ việc nghiên cứu chủ nghĩa đế quốc

Từ sự phân tích những đặc điểm và mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn độc quyền, giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, Lênin đi đến kết luận chủ nghĩa đế quốc là *chủ nghĩa tư bản ăn bám, thối nát*; giai cấp tư sản trở thành "những kẻ thực lợi, nghĩa là những kẻ sống bằng lối 'cắt phiếu', những kẻ hoàn toàn không tham gia một doanh nghiệp nào cả, những kẻ chuyên nghề ăn

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.536.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.535.

không ngồi rồi"[1].

Theo Lênin, trong giai đoạn phát triển cao độ của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc *đã bộc lộ tính tất yếu và những đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn*. Lênin nói: "Nhưng chủ nghĩa tư bản chỉ trở thành chủ nghĩa đế quốc tư bản chủ nghĩa, khi nó đã đạt tới một trình độ phát triển nhất định, rất cao, khi một số đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản đã bắt đầu biến thành điều trái ngược với những đặc tính đó, khi những đặc điểm của một thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang một chế độ kinh tế - xã hội cao hơn, đã hình thành và bộc lộ ra hoàn toàn"[2].

Lênin cũng chỉ ra rằng: "Độc quyền là bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên một chế độ cao hơn"[3]... "Chủ nghĩa đế quốc là đêm trước của cuộc cách mạng xã hội của giai cấp vô sản"[4].

Lênin rút ra kết luận *chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản đang suy vong* và nhất định phải được thay thế bằng một chế độ xã hội mới cao hơn. Lênin viết: "Qua tất cả những điều đã nói ở trên về bản chất kinh tế của chủ nghĩa đế quốc, ta thấy rằng phải coi chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa tư bản quá độ, hay nói cho đúng hơn, chủ nghĩa tư bản đang suy vong"[5].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.504.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.488

[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.489.

[4]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.394.

[5]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.27, tr.538. Cụm từ "умирающий капитализм" được Lênin dùng ở nhiều chỗ. Trong Toàn tập Lênin (tiếng Việt), nó được dịch là *chủ nghĩa tư bản hấp hối* (ở tập 27), *chủ nghĩa tư bản giãy chết* (ở tập 39). Ở đây, chúng tôi xin dịch là "chủ nghĩa tư bản đang suy vong".

5.2.3. Một số nhận xét chung về tác phẩm

Tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn cao nhất của chủ nghĩa tư bản* là sự tiếp tục nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn mới của nó - giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, là kế tục và phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới. Việc phát hiện ra giai đoạn phát triển mới của chủ nghĩa tư bản, tức chủ nghĩa đế quốc là một đóng góp của Lênin đã được thừa nhận rộng rãi trên thế giới, kể cả trong số các nhà triết học "hậu mácxít".

Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử đã được Lênin vận dụng một cách tài tình trong việc nghiên cứu của tác phẩm. Ông đã xuất phát từ sự phân tích những đặc điểm của lực lượng sản xuất tư bản trong giai đoạn này (sự tập trung sản xuất cao) đi đến tìm ra những đặc điểm của cơ sở hạ tầng kinh tế của nó (sự hình thành các tổ chức độc quyền, sự thống trị của tư bản tài chính) và những hệ quả tất yếu về chính trị - xã hội trong kiến trúc thượng tầng (giai cấp tư sản độc quyền, nhất là độc quyền tài chính nắm nhà nước, sự hình thành các liên minh về chính trị giữa các tổ chức độc quyền, giữa nhà nước tư bản nhằm chia lại thị trường thế giới, nắm độc quyền về thuộc địa và điều này tất yếu dẫn đến chiến tranh thế giới khốc liệt).

Trên cơ sở sự phân tích chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, Lênin rút ra kết luận về sự chín muồi của chủ nghĩa tư bản để chuyển sang một hình thái kinh tế - xã hội mới cao hơn. Qua việc nghiên cứu sự phát triển không đồng đều giữa các nước tư bản và những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc, Lênin đưa ra dự báo rằng

"chủ nghĩa xã hội có thể thắng trước hết là trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa hoặc thậm chí chỉ trong một nước tư bản chủ nghĩa, tách riêng ra mà nói"[1].

Tuy nhiên, kết luận của Lênin về chủ nghĩa đế quốc như là giai đoạn cao nhất của chủ nghĩa tư bản và về tính tất yếu của sự thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội đã gây ra tranh luận gay gắt trong phong trào xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ. Các nhà "Mácxít mới" và "hậu Mácxít" hiện nay tuy thừa nhận chủ nghĩa đế quốc là một giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhưng lại cho rằng nó không phải là giai đoạn cao nhất, mà trái lại chủ nghĩa tư bản hiện đang ở giai đoạn thứ ba, một giai đoạn cao hơn – chủ nghĩa tư bản toàn cầu. Theo Fredric Jameson, chủ nghĩa tư bản giai đoạn sau này là "một sự bành trướng mới, mạnh mẽ hơn, có tính toàn cầu của chủ nghĩa tư bản"[2].

5.3. TÁC PHẨM "BÚT KÝ TRIẾT HỌC"[3]

5.3.1. Hoàn cảnh ra đời và nội dung của tác phẩm

Tác phẩm được viết chủ yếu trong những năm 1914 -1916 trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất. Đây cũng là sự tiếp tục

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.26, tr.447.

[2]. Fredric Jameson, *Lời tựa* (Preface) cho bản dịch tiếng Anh tác phẩm của nhà triết học hậu hiện đại Pháp Jean-Francois Lyotard: *"The Postmodern Condition – A report on Knowledge"* (*Điều kiện hậu hiện đại – Báo cáo về nhận thức*), University of Minnesota Press, 1984, p. xiv-xv.

[3]. Nguyên bản tiếng Nga: *Философские тетради*, Ленин В.И., *ПСС*, 5 изд., Политиздат, М., 1969, т. 29. Bản tiếng Việt in trong V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.29, Nxb. Tiến Bộ, Mátxcơva, 1981; Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

phát triển tư tưởng triết học trong tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*. Tuy nhiên, mỗi tác phẩm nhấn mạnh một khía cạnh khác nhau. Nếu trong tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán,* Lênin chú ý đến chủ nghĩa duy vật và lý luận nhận thức thì trong tác phẩm *Bút ký triết học*, những khía cạnh của phép biện chứng được phân tích một cách cụ thể, chi tiết.

Bút ký triết học không phải là một tác phẩm hoàn chỉnh. Lênin chỉ tóm tắt các sách của các tác giả khác nhau; ghi chú, nhận xét trong khi đọc các sách, các bài báo; bình luận, giải thích các vấn đề cho bản thân mình, không có ý định đưa những công trình này ra xuất bản thành sách. Do đó, nhiều ý kiến được đưa ra còn ở dưới dạng những nhận xét ban đầu về từng khía cạnh, từng vấn đề riêng biệt, chưa được phát triển, chưa được khái quát, tổng kết lại để đi đến một kết luận chung. Nhiều chỗ, Lênin sử dụng lại thuật ngữ, câu văn của các tác giả, có chỉnh lại đôi chút cho dễ hiểu, cho phù hợp với tinh thần duy vật. Tuy nhiên, đây cũng là một tác phẩm *có tính lý luận rất cao*.

Tác phẩm *Bút ký triết học* gồm có ba phần chính:

Phần I (từ tr.1 đến tr.397) được viết từ năm 1895 đến năm 1915, gồm 9 bản tóm tắt và các đoạn trích các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Phoiơbac, Hêghen, Latxan (Lassale), Arixtôt (gồm tác phẩm *Gia đình thần thánh* của Mác và Ăngghen; hai tác phẩm của Phoiơbac: *Những bài giảng về bản chất của tôn giáo* và *Trình bày, phân tích và phê phán triết học của Leibniz*; ba tác phẩm của G.

Hêghen: *Khoa học lôgíc*, *Những bài giảng về lịch sử triết học* và *Những bài giảng về triết học lịch sử*; tác phẩm của G. Noël: *Lôgíc học của Hêghen*; tác phẩm của F. Lassale *Triết học của Heraclitus bí ẩn ở Ephesus*; tác phẩm *Siêu hình học* của Arixtôt và hai đoạn sơ thảo quan trọng: *Dàn mục của phép biện chứng (lôgíc) của Hêghen* và *Về vấn đề phép biện chứng*.

Phần II (từ tr.401 đến tr.434) gồm những ghi chú về các sách, các bài báo và các bài phê bình viết từ 1903 đến 1916.

Phần III (ừ tr.437 đến 749) gồm những ý kiến và bút tích ghi trong các sách từ năm 1908 đến năm 1911.

5.3.2. Nội dung triết học cơ bản của tác phẩm

- Tư tưởng của Lênin về phép biện chứng với tính cách là khoa học về sự phát triển

Phép biện chứng của Hêghen chủ yếu được trình bày trong tác phẩm "Khoa học lôgic" của ông. Mặc dù nằm trong khuôn khổ của *chủ nghĩa duy tâm khách quan*, nhưng nó đã chứa đựng những mầm mống thiên tài của phép biện chứng duy vật. Lênin đọc và nghiên cứu rất kỹ tác phẩm này, trích dẫn cụ thể và đưa ra những nhận xét xác đáng và những tổng kết rất có giá trị.

- Về quan hệ giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan.

Trong thời Hy Lạp cổ đại, một số nhà triết học như Xôcrat (Socrates), Platon sử dụng phép biện chứng như là *nghệ thuật tranh luận để tìm ra chân lý*. Lênin tán thành ý kiến của Hêghen: "Người ta thường xem phép biện chứng như là một *nghệ thuật*, làm như

thể nó dựa vào một *tài năng* chủ quan nào đó, chứ không thuộc về tính khách quan của khái niệm", và Lênin đưa ra nhận xét của mình như sau: "tính khách quan của phép biện chứng", và phê phán: "người ta hiểu phép biện chứng như là một trò ảo thuật"[1].

Trong phép biện chứng duy tâm của Hêghen, biện chứng của ý niệm sinh ra biện chứng của sự vật. Đây là phép biện chứng *ngược đầu* vì nó đặt ngược mối liên hệ hiện thực. Phép biện chứng duy vật, trái lại, *xuất phát từ đặc tính biện chứng vốn có của bản thân sự vật* và *phản ánh* đặc tính đó của sự vật, chứ không *sản sinh* ra sự vật. Lênin viết những câu sau đây: "Biện chứng *của sự vật* sản sinh ra biện chứng của *ý niệm,* chứ không phải ngược lại"[2] ; "Phép biện chứng của bản thân các sự vật, của bản thân giới tự nhiên, của bản thân tiến trình các sự kiện"[3].

- *Về nội dung của phép biện chứng, Lênin nêu ra 16 yếu tố:*

1) *tính khách quan* của sự xem xét.

2) tổng hòa *những quan hệ* muôn màu muôn vẻ của sự vật ấy với những sự vật khác.

3) *sự phát triển* của sự vật ấy (respective của hiện tượng), sự vận động của chính nó, đời sống của chính nó.

4) *những khuynh hướng* (và những mặt) mâu thuẫn bên trong của sự vật ấy.

5) sự vật (hiện tượng etc.) coi là tổng số và *sự thống nhất của*

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.241-243.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.209.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.119.

các mặt đối lập.

6) *sự đấu tranh* respective sự triển khai của các mặt đối lập ấy, của những khuynh hướng mâu thuẫn etc.

7) sự kết hợp phân tích và tổng hợp,- sự phân tích những bộ phận riêng biệt và tổng hòa, tổng của những bộ phận ấy.

8) những quan hệ của mỗi sự vật (hiện tượng etc) không những là muôn màu muôn vẻ, mà còn là phổ biến, toàn diện. Mỗi sự vật (hiện tượng, quá trình etc.) đều liên hệ với *mỗi* sự vật khác.

9) không phải chỉ là sự thống nhất của các mặt đối lập, mà còn là *những chuyển hóa* của mỗi tính quy định, chất, đặc trưng, mặt, thuộc tính sang *mỗi* cái khác (sang cái đối lập với nó?).

10) quá trình vô hạn của việc tìm ra những mặt *mới*, những quan hệ *mới* etc.

11) quá trình vô hạn của sự đi sâu của nhận thức của con người về các sự vật, hiện tượng, quá trình v.v., nhận thức đi từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất ít sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn.

12) từ sự cùng tồn tại đến tính nhân quả và từ một hình thức liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau này đến một hình thức khác, sâu sắc hơn, chung hơn.

13) sự lặp lại, ở giai đoạn cao, của một số đặc trưng, đặc tính etc. của giai đoạn thấp và

14) sự quay lại dường như với cái cũ (phủ định của phủ định)

15) đấu tranh của nội dung với hình thức và ngược lại. Vứt bỏ hình thức, cải tạo nội dung.

16) sự chuyển hóa lượng thành chất và *vice versa* (*15 và 16 là*

những thí dụ của 9)[1].

Qua những bút ký nêu trên ta có thể thấy rằng, trong tác phẩm này, Lênin đi rất sâu vào những nội dung phong phú của phép biện chứng với tính cách là *lý luận, là học thuyết về sự phát triển của sự vật, hiện tượng khách quan*. Đó là những những tư tưởng cơ bản làm cơ sở cho những nguyên lý, những cặp phạm trù, những quy luật cơ bản, những nguyên tắc phương pháp luận của phép biện chứng duy vật.

+ Lênin phân biệt hai quan điểm về sự phát triển - quan điểm siêu hình và quan điểm biện chứng

Theo Lênin, quan điểm siêu hình xem phát triển chỉ là sự tăng giảm về lượng, sự lặp lại. Trái lại, quan điểm biện chứng xem xét sự phát triển là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, là "sự phân đôi cái thống nhất thành những mặt đối lập bài trừ lẫn nhau và mối quan hệ lẫn nhau giữa các mặt đối lập ấy". Đối với quan điểm siêu hình thì động lực của sự vận động "nằm trong bóng tối" hoặc bị đem "đặt ra bên ngoài". Chỉ có quan điểm biện chứng mới chỉ ra được nguồn gốc, động lực của sự tự vận động, tự phát triển. "Quan niệm thứ nhất là chết cứng, nghèo nàn, khô khan. Quan điểm thứ hai là sinh động. *Chỉ có* quan điểm thứ hai mới cho ta chìa khóa của sự "tự vận động"" của tất thảy mọi cái đang tồn tại; chỉ có nó mới cho ta chìa khóa của những "bước nhảy vọt", của sự "gián đoạn của tính tiệm tiến", của sự "chuyển hóa thành mặt

---

[1]. Xem V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.29, tr.239-240.

đối lập", của sự tiêu diệt cái cũ và sự nảy sinh cái mới"[1].

+ Lênin chỉ ra một số đặc trưng cơ bản của các quy luật của phép biện chứng:

Quy luật có tính khách quan

Theo quan điểm duy tâm và tôn giáo, quy luật là *sự tiền định, sự an bài* của một lực lượng siêu tự nhiên. Chẳng hạn, trong triết học Hêghen, những quy luật lôgíc đã có sẵn trong *ý niệm tuyệt đối* - thực thể tinh thần có trước giới tự nhiên, tha hóa ra giới tự nhiên. Trái lại, đối với quan điểm duy vật biện chứng, quy luật là mối liên hệ bản chất, tất yếu trong hiện thực khách quan được nhận thức của con người phản ánh. Quy luật lôgíc là phản ánh quy luật khách quan, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Lênin viết: "Những quy luật của lôgíc là phản ánh của cái khách quan vào trong ý thức chủ quan của con người"[2].

Quy luật là mối liên hệ, phụ thuộc lẫn nhau của sự vật hiện tượng. Lênin chỉ ra điểm hợp lý trong tư tưởng Hêghen: "Khái niệm *quy luật* là một trong những giai đoạn của sự nhận thức của con người về *tính thống nhất* và về *liên hệ*, về sự phụ thuộc lẫn nhau và tính chỉnh thể của quá trình thế giới"[3].

Quy luật có tính ổn định. "Quy luật là cái gì vững bền (cái được bảo tồn) trong hiện tượng". "Quy luật = phản ánh yên tĩnh

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.29, tr.379.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.29, tr.194..
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.29, tr.159-160.

của những hiện tượng". "Quy luật nắm lấy cái gì là yên tĩnh - mà chính vì vậy mà quy luật, mọi quy luật đều chật hẹp, không đầy đủ, gần đúng"[1].

Quy luật là mối liên hệ bản chất.

Khi đọc Hêghen, Lênin viết những những nhận xét như sau: "Ergo, *quy luật* và *bản chất* là những khái niệm cùng một loại (cùng một bậc), hay nói đúng hơn, là cùng một trình độ, những khái niệm này biểu hiện con người nhận thức ngày càng sâu sắc các hiện tượng, thế giới etc" ; "Quy luật là hiện tượng có tính bản chất" ; "Quy luật là phản ánh của bản chất trong sự vận động của vũ trụ" ; "Hiện tượng là cái chỉnh thể, tổng thể (quy luật = một bộ phận)" ; "Hiện tượng *phong phú hơn* quy luật"[2] ; "Như vậy quy luật là một quan hệ bản chất (do Hêghen nhấn mạnh)"; "Quy luật là *quan hệ*... Mối quan hệ của những *bản chất* hay giữa những bản chất"[3]...

+ Lênin đi sâu phân tích một số nội dung trong các quy luật của phép biện chứng

Về quy luật mâu thuẫn

Trong các quy luật cơ bản của phép biện chứng, *Lênin nhấn mạnh quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập*. Lênin coi quy luật này là *"hạt nhân"* của phép biện chứng. Lênin viết: "Có thể định nghĩa vắn tắt phép biện chứng là học thuyết về sự thống nhất của các mặt đối lập. Như thế là nắm được hạt nhân của

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.160.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.161.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.163.

phép biện chứng, nhưng điều đó đòi hỏi phải có những sự giải thích và một sự phát triển thêm"[1].

Trong mối quan hệ của các mặt đối lập, Lênin chú ý nhiều đến *sự thống nhất, đồng nhất* của các mặt đối lập. Lênin viết: Cái biện chứng = "nắm được những mặt đối lập trong sự thống nhất của chúng"[2]; "*Phép biện chứng* là học thuyết vạch ra rằng những *mặt đối lập* làm thế nào mà có thể và thường là (trở thành) *đồng nhất*, - trong những điều kiện nào chúng là đồng nhất, bằng cách chuyển hóa lẫn nhau,- tại sao lý trí con người không nên xem những mặt đối lập ấy là chết, cứng đờ, mà là sinh động, có điều kiện, năng động, chuyển hóa lẫn nhau"[3].

Cũng theo Lênin, "tuy ở đây sự phân biệt giữa các từ đồng nhất và thống nhất không quan trọng lắm. Theo một nghĩa nào đó, cả hai đều đúng", nhưng chúng có vai trò rất quan trọng, vì "Điều kiện của một sự nhận thức về tất cả các quá trình của thế giới trong "*sự tự vận động*" của chúng, trong sự phát triển của chúng, trong đời sống sinh động của chúng là sự nhận thức chúng với tính cách là sự thống nhất của các mặt đối lập"[4].

Người ta thường phân biệt hai từ "thống nhất" và đồng nhất" của các mặt đối lập. "Thống nhất" nói lên *sự cùng tồn tại gắn bó*

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.240.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.107.

[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.116-117.

[4]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.379. Trong nguyên bản tiếng Nga, Lênin dùng các từ "тождество противоположностей" (sự đồng nhất của các mặt đối lập) và "единство противоположностей" (sự thống nhất của các mặt đối lập) (Ленин В.И., *Философские тетради*, ПСС, 5 изд., Политиздат, М., 1969, т. 29, стр. 316-317).

không tách rời nhau, mặt này làm tiền đề cho sự tồn tại của mặt kia, chúng xâm nhập lẫn nhau, quy định lẫn nhau, phù hợp lẫn nhau, chuyển hóa lẫn nhau. "Đồng nhất" nói lên rằng hai mặt tuy đối lập nhau nhưng không phải hoàn toàn khác nhau, mà chúng *có chung một bản chất*, một bản chất được phân ra thành hai mặt đối lập, hai mặt đối lập của *cùng một bản chất*. Như vậy "đồng nhất" là một biểu hiện của sự "thống nhất" của hai mặt đối lập. Vì các mặt đối lập thống nhất, đồng nhất với nhau nên chúng có thể *chuyển hóa lẫn nhau* trong những điều kiện nhất định.

Sự đấu tranh của các mặt đối lập cũng được Lênin coi là một trong những yếu tố của phép biện chứng: "*Sự đấu tranh* respective sự triển khai của các mặt đối lập ấy, của những khuynh hướng mâu thuẫn etc"[1].

Lênin cũng nói đến *sự chuyển hóa của các mặt đối lập:* "Không phải chỉ là sự thống nhất của các mặt đối lập, mà còn là *những chuyển hóa* của mỗi quy định, chất, đặc trưng, mặt, thuộc tính sang *mỗi* cái khác (sang cái đối lập với nó?)"[2].

Lênin nêu lên quan hệ giữa thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập: *thống nhất của các mặt đối lập là tương đối, đấu tranh của các mặt đối lập là tuyệt đối*. Lênin viết: "Sự thống nhất (phù hợp, đồng nhất, tác dụng ngang nhau) của các mặt đối lập là có điều kiện, tạm thời, thoáng qua, tương đối. Sự đấu tranh của các mặt đối lập bài trừ lẫn nhau là tuyệt đối, cũng như sự phát triển, sự

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.239.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.239-240.

vận động là tuyệt đối"[1].

Theo Lênin, chỉ khi lên đến chóp đỉnh, tức là *khi mâu thuẫn phát triển đến trình độ chín muồi thì mới diễn ra bước nhảy*, tức là sự giải quyết triệt để, hoàn toàn của mâu thuẫn. Lênin chỉ rõ: "Chỉ khi nâng lên đến chóp đỉnh của mâu thuẫn thì những cái nhiều hình nhiều vẻ mới trở nên động (regsam) và sống đối với nhau,- và mới chứa đựng một tính phủ định, tức là *sự phốc động bên trong của tự vận động và của sức sống*"[2].

Nghiên cứu biện chứng của các mặt đối lập, Lênin rút ra hai vấn đề có tính chất *nguyên tắc phương pháp luận* quan trọng: 1) *Phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập* và 2) *Thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập.*

Sự phân đôi cái thống nhất và nhận thức các mặt đối lập được Lênin coi là *thực chất, bản chất* của phép biện chứng: "Sự phân đôi của cái thống nhất và sự nhận thức các bộ phận mâu thuẫn của nó (...), đó là *thực chất* (một trong những "bản chất", một trong những đặc trưng hay đặc điểm cơ bản, nếu không phải là đặc trưng hay đặc điểm cơ bản nhất) của phép biện chứng"[3].

Thuật ngữ "sự phân đôi cái thống nhất" được các nhà kinh điển Mác - Lênin đôi khi dùng ở khía cạnh bản thể luận, đôi khi dùng ở khía cạnh nhận thức luận. Trong trường hợp này, khái niệm "phân

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.29, tr.379-380.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.29, tr.152.

[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.29, tr.378. Tiếng Nga: "Раздвоение единого и познание противоречивых частей его (...) есть *с у т ь* (одна из 'сущностей', одна из основных, если не основная, особенностей или черт) диалектики". (Ленин В.И., *Философские тетради*, ПСС, т. 29, с. 316).

đôi" được Lênin dùng *ở khía cạnh nhận thức luận.*

Mỗi sự vật, hiện tượng, quá trình trong tự nhiên, xã hội, tư duy là một thể thống nhất của các mặt đối lập, vừa liên hệ, ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau, vừa bài trừ, chống đối, phủ định lẫn nhau. Chính vì thế, sự nhận thức sâu sắc, toàn diện về sự vật, hiện tượng không thể nào có được nếu không phân chia thể thống nhất thành các mặt đối lập và nghiên cứu chúng một cách tỉ mỉ; mỗi mặt được nghiên cứu một cách sâu sắc, hết mặt nọ đến mặt kia, mặt này được tạm thời trừu tượng hóa khỏi mặt kia. Đó là điều kiện đầu tiên để tư duy thâm nhập vào bên trong kết cấu của mâu thuẫn.

Thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập cũng được Lênin coi là một nguyên tắc của phương pháp nhận thức biện chứng là *nắm, phản ánh, nhận thức sự vật trong chỉnh thể, trong mối liên hệ ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau của các mặt đối lập tạo nên sự vật đó.*

Chúng ta đều biết rằng, mỗi mặt trong hai mặt đối lập là một bộ phận của cái toàn thể, do đó, nếu chỉ nghiên cứu một mặt thì chưa có được tri thức về cái toàn thể. Hơn nữa, các mặt đối lập không tồn tại một cách riêng lẻ; bởi vậy, việc nghiên cứu mỗi mặt dưới dạng thuần túy, trong sự tách rời với mặt kia chưa đem lại tri thức sâu sắc, đúng đắn về chính mặt đó. Do đó, phân đôi cái thống nhất và nhận thức từng mặt riêng lẻ chỉ là điều kiện ban đầu để tư duy có thể thâm nhập vào kết cấu bên trong của sự vật, hiện tượng. Nhưng đó chỉ là bước tạm thời, vì sự chia cắt sự vật thành các mặt vốn trong thực tế không tách rời nhau đã làm mất đi tính liên tục, tính quy định lẫn nhau của các mặt đó. Đây chính là một trong

những khiếm khuyết của tư duy siêu hình. Do đó, sau khi đã hiểu từng mặt trong sự tách rời với mặt kia, tư duy cần phải tiến hành bước tiếp theo là nghiên cứu, nắm các mặt đối lập trong mối quan hệ ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau của chúng.

Lênin nói: "Chúng ta không thể biểu hiện, thể hiện, đo lường, hình dung sự vận động mà không cắt đứt tính liên tục, không đơn giản hóa, không làm thô lỗ, không tách rời, không làm chết cứng cái đang sống. Việc tư duy (không những tư duy mà cả cảm giác) hình dung sự vận động (không những sự vận động mà tất cả các khái niệm) bao giờ cũng làm thô lỗ, làm chết cứng. Đấy chính là *bản chất* của phép biện chứng. *Chính bản chất ấy* đã được thể hiện trong công thức: thống nhất, đồng nhất của các mặt đối lập"[1].

Về quy luật lượng chất và quy luật phủ định của phủ định

Lênin cũng nói đến một số khía cạnh của *quy luật chuyển hóa những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất và ngược lại*, nhất là nhấn mạnh *bước nhảy*:

"Sự chuyển hóa lượng thành chất và vice versa"[2]; "Đường nút của những quan hệ về độ" (...) - những bước chuyển lượng thành chất... Tính tiệm tiến và *những bước nhảy vọt*". "Và lại... tính tiệm tiến mà không có bước nhảy vọt, thì không giải thích được gì cả"[3].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.275. Câu này trong nguyên bản tiếng Nga: "И в этом *суть* диалектики. *Эту-то суть* и выражает формула: единство, тождество противоположностей." (Ленин В.И., *Философские тетради*, ПСС, 5 изд., Политиздат, М., 1969, т. 29, с. 232)

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.29, tr.240.

[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.29, tr.133.

Khi nói về *sự phủ định của phủ định*, Lênin lưu ý đến đặc điểm của phủ định biện chứng: phủ định biện chứng *không phải là sự phủ định sạch trơn*; nó là vòng khâu của sự liên hệ giữa cái cũ với cái mới, vòng khâu của sự phát triển.

Lênin viết: "Không phải sự phủ định sạch trơn, không phải sự phủ định không suy nghĩ, *không phải* sự phủ định *hoài nghi*, không phải sự do dự, cũng không phải sự nghi ngờ là cái đặc trưng và cái bản chất trong phép biện chứng ... mà là sự phủ định coi như là vòng khâu của sự liên hệ, vòng khâu của sự phát triển, với sự duy trì cái khẳng định, tức là không có một sự do dự nào, không có một sự chiết trung nào"[1].

+ Lênin nói về các khái niệm, phạm trù của phép biện chứng.

Theo Lênin, các phạm trù có vai trò rất quan trọng trong quá trình nhận thức. Phạm trù là những "điểm nút" của màng lưới tự nhiên. Nắm được phạm trù sẽ giúp con người nắm được cả các màng lưới đó, thâu tóm được nó trong một cái nhìn bao quát. Lênin viết: "Trước con người, có *màng lưới* những hiện tượng tự nhiên. Con người bản năng, người man rợ, không tự tách khỏi giới tự nhiên. Người có ý thức tự tách khỏi giới tự nhiên, những phạm trù là những giai đoạn của sự tách khỏi đó, tức là của sự nhận thức thế giới, chúng là những điểm nút của màng lưới, giúp ta nhận thức và nắm vững được màng lưới"[2].

Khác với Hêghen coi khái niệm, phạm trù có trước và sản sinh

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.29, tr.245.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.102.

ra thế giới, Lênin cho rằng khái niệm, phạm trù của con người là *hình ảnh*, là *phản ánh* sự vật và những mối liên hệ khách quan. Khái niệm là *chủ quan ở hình thức của nó* và là *khách quan ở nội dung phản ánh của nó*. Lênin phân tích: "Các khái niệm lôgíc đều là chủ quan, chừng nào chúng còn là "trừu tượng", còn ở dưới hình thức trừu tượng của chúng, nhưng đồng thời chúng cũng biểu hiện những vật tự nó. Giới tự nhiên thì *vừa là* cụ thể *vừa là* trừu tượng, *vừa là* hiện tượng *vừa là* bản chất, *vừa là* khoảnh khắc *vừa là* quan hệ. Những khái niệm của con người là chủ quan trong tính trừu tượng của chúng, trong sự tách rời của chúng, nhưng là khách quan trong chỉnh thể, trong quá trình, trong kết cuộc, trong khuynh hướng, trong nguồn gốc"[1].

Theo Lênin, "những khái niệm của con người không bất động, mà luôn luôn vận động, chuyển hóa từ cái nọ sang cái kia, tràn từ cái nọ sang cái kia; không như vậy, chúng không phản ánh đời sống sinh động[2].

Lênin nhấn mạnh tư tưởng của Hêghen về sự *chuyển hóa* lẫn nhau giữa các khái niệm và sự *đồng nhất* của các khái niệm đối lập: "Không phải chỉ là (1) *mối liên hệ,* và mối liên hệ khăng khít của tất cả mọi khái niệm và phán đoán, mà là (2) *chuyển hóa* từ cái này sang cái kia, và không những là chuyển hóa mà là (3) *đồng nhất của các mặt đối lập* - đó là điều chủ yếu đối với Hêgen"[3].

Nghiên cứu quan điểm của Hêghen về khái niệm, Lênin tổng kết lại mấy điểm: "sự phụ thuộc lẫn nhau của *tất thảy* mọi khái

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.223-224.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.267.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.186.

niệm, "sự chuyển hóa của những khái niệm từ cái này sang cái kia", "tính tương đối của sự đối lập giữa các khái niệm", "tính đồng nhất của sự đối lập giữa các khái niệm"; "Mỗi một khái niệm nằm trong *một mối quan hệ* nào đó, trong một mối liên hệ nào đó với *tất cả* các khái niệm khác"[1].

Lênin nêu ví dụ để chứng minh rằng cái riêng luôn luôn có liên hệ với cái chung: "Bắt đầu bằng cái đơn giản nhất, cái quen thuộc nhất, cái phổ cập nhất etc. bằng bất cứ *mệnh đề* nào: lá cây đều xanh; Ivan là một người; Giutxơca là một con chó, v.v.. Ngay ở đây (như Hêghen đã nhận xét một cách thiên tài) đã có *phép biện chứng* rồi: cái riêng là *chung*"[2].

Lênin đã *giải quyết một cách tài tình mối liên hệ giữa cái riêng và cái chung:* "Như vậy, các mặt đối lập (cái riêng đối lập với cái chung) là đồng nhất: cái riêng chỉ tồn tại trong mối liên hệ đưa đến cái chung. Cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng. Bất cứ cái riêng (nào cũng) là cái chung. Bất cứ cái chung nào cũng là (một bộ phận, một khía cạnh, hay một bản chất) của cái riêng. Bất cứ cái chung nào cũng chỉ bao quát một cách đại khái tất cả mọi vật riêng lẻ. Bất cứ cái riêng nào cũng không gia nhập đầy đủ vào cái chung, v.v.. Bất cứ cái riêng nào cũng thông qua hàng nghìn sự chuyển hóa mà liên hệ với những cái riêng thuộc *loại* khác (sự vật, hiện tượng, quá trình)"[3].

Khi đề cập đến *mối quan hệ biện chứng của bản chất và hiện*

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.210.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.380-381.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.381.

tượng, Lênin cho rằng bản chất *bền vững hơn hiện tượng*, còn hiện tượng là cái không bản chất, cái bề ngoài, cái trên mặt, *thường biến mất*, không bám "chắc", không "ngồi vững" bằng bản chất. Ông lấy ví dụ, trong sự vận động của một dòng sông, bọt ở bên trên và luồng nước sâu ở phía dưới[1].

Lênin cũng chỉ ra rằng: hiện tượng là một *mặt*, một *khía cạnh* của bản chất, là *biểu hiện*, là *phản ánh* của bản chất. Ông viết: "Cái hiện ra ngoài là bản chất trong *một* quy định của nó, trong một mặt của những mặt của nó, trong một vòng khâu của những vòng khâu của nó... Bề ngoài là hiện ra (Schenen) của bản thân bản chất ở trong bản thân nó. Bề ngoài (cái hiện ra ngoài) là *phản ánh* của bản chất trong bản thân bản chất"[2].

Lênin chỉ ra rằng nhận thức của con người là một quá trình vô hạn - "quá trình vô hạn của sự đi sâu của nhận thức của con người về các sự vật, hiện tượng, quá trình, v.v. nhận thức đi từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất ít sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn"[3].

Khi nói về *quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả*, Lênin cho rằng, *quan hệ nhân quả* "chỉ là những vòng khâu của sự phụ thuộc lẫn nhau phổ biến, của liên hệ (phổ biến), của sự liên kết lẫn nhau của những sự biến, chỉ là những mắt khâu trong sợi dây chuyền phát triển của vật chất"[4], "chỉ là một bộ phận nhỏ của mối liên hệ phổ biến, nhưng... không phải của mối liên hệ chủ quan, mà là của mối liên hệ thực tại khách quan"[5].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.137.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.141.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.240.
[4]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.168.
[5]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.170.

Về quan hệ giữa nội dung và hình thức, Lênin nói: "đấu tranh của nội dung với hình thức và ngược lại. Vứt bỏ hình thức, cải tạo nội dung"[1].

Điều này có nghĩa là, nội dung và hình thức là hai mặt đối lập. Chúng phù hợp với nhau, trong đó nội dung quy định hình thức, hình thức tác động trở lại sự phát triển của nội dung. Trong quá trình phát triển, nội dung là yếu tố động, còn hình thức là yếu tố bảo thủ; đến một giai đoạn nhất định, nội dung mới sẽ mâu thuẫn với hình thức cũ lỗi thời đòi hỏi phải thay thế hình thức cũ bằng hình thức mới cho phù hợp với nội dung mới.

Về mối quan hệ giữa tự do và tất yếu, Lênin nói về sự chuyển hóa của tất yếu thành tự do, "tính tất yếu không biến đi khi trở thành tính tự do"[2].

- Lênin phát triển lý luận nhận thức duy vật biện chứng

- Lênin xác định bản chất, đối tượng của nhận thức.

Lênin khẳng định: "Nhận thức là sự phản ánh giới tự nhiên bởi con người"[3]. Câu nói này có nghĩa là: nhận thức là hoạt động của con người *phản ánh thế giới bên ngoài*. Thế giới đó tồn tại độc lập với con người.

Theo Lênin hoạt động nhận thức phải có ba yếu tố: 1) *giới tự nhiên* (là khách thể của nhận thức), 2) *con người* với bộ óc của

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.240.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.172.

[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.192. Tiếng Nga: "Познание есть отражение человеком природы" (Ленин В.И., ПСС, т. 29, с.163).

mình (là chủ thể của nhận thức) và 3) *những khái niệm, phạm trù, quy luật...* vừa là sản phẩm của nhận thức, vừa là hình thức, là công cụ của nhận thức[1].

Tuy nhiên, nhận thức không phải là sự phản ánh trực tiếp, đơn giản mà là một hoạt động *trừu tượng, phức tạp*, phải thông qua việc tạo ra và sử dụng những khái niệm, quy luật. Lênin giải thích: "Con người không thể nắm được = phản ánh = miêu tả *toàn bộ* giới tự nhiên một cách đầy đủ, 'tính chỉnh thể trực tiếp của nó', con người chỉ có thể đi gần *mãi* đến đó, bằng cách tạo ra những trừu tượng, những khái niệm, những quy luật, một bức tranh khoa học về thế giới, v.v. và v.v.."[2].

Theo Lênin, nhận thức là một *quá trình biện chứng*, là quá trình vận động của tư duy tiến gần đến khách thể nhưng không bao giờ có thể phản ánh đầy đủ, hoàn toàn khách thể. Để đạt được chân lý khách quan, nhận thức phải trải qua một quá trình đi từ biết ít đến biết nhiều, từ hiện tượng đến bản chất, từ bản chất chưa sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn. Ông viết: "Sự phù hợp giữa tư tưởng và khách thể là một **quá trình**: tư tưởng (=con người) không nên hình dung chân lý dưới dạng một sự đứng im chết cứng, một bức tranh (hình ảnh) đơn giản, nhợt nhạt (lờ mờ), không khuynh hướng, không vận động, y như một thần linh, một số, một tư tưởng trừu tượng"[3].

Quá trình nhận thức cũng *chứa đầy mâu thuẫn*. Mâu thuẫn

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.193.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.193.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.207.

trong nhận thức phản ánh mâu thuẫn trong hiện thực. Chính mâu thuẫn trong đời sống và thực tiễn đòi hỏi con người phải nhận thức để giải quyết. Nhưng khi mâu thuẫn cũ được giải quyết thì mâu thuẫn mới lại xuất hiện. Do đó, quá trình nhận thức là quá trình không ngừng nảy sinh mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn. Lênin viết: "Nhận thức là sự tiến gần mãi mãi và vô tận của tư duy đến khách thể. *Phản ánh* của giới tự nhiên trong tư tưởng con người phải được hiểu không phải một cách 'chết cứng', 'trừu tượng' *không phải không vận động*, không mâu thuẫn, mà là một quá trình vĩnh viễn của vận động, của sự nảy sinh mâu thuẫn và sự giải quyết những mâu thuẫn đó"[1].

Mâu thuẫn trong quá trình nhận thức còn thể hiện ở *sự đấu tranh giữa những quan điểm, hệ thống, trường phái, hệ tư tưởng khác nhau*. Vì thế giới hiện thực là một chỉnh thể bao gồm những yếu tố, những mặt khác nhau, đối lập nhau; mỗi chủ thể nhận thức (cá nhân, trường phái, v.v..) riêng lẻ không thể một lúc phản ánh đầy đủ được cái chỉnh thể toàn vẹn ấy, mà chỉ có thể phản ánh được một số khía cạnh, một số mặt nào đó nên kết quả nhận thức của chủ thể này không tránh khỏi mâu thuẫn với kết quả nhận thức của chủ thể khác. Quá trình đấu tranh và giải quyết mâu thuẫn sẽ giúp khắc phục được *tính phiến diện, một chiều* đó của nhận thức và làm cho nhận thức của loài người ngày càng tiến gần đến chân lý khách quan.

+ Lênin khái quát con đường biện chứng của sự nhận thức

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.207-208.

chân lý, đó là từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, rồi từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn.

Lênin viết: "Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, *và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn* - đó là con đường biện chứng của sự nhận thức *chân lý*, của sự nhận thức thực tại khách quan"[1].

Việc xác định hai giai đoạn của nhận thức: *nhận thức cảm tính* (trực quan sinh động) và *nhận thức lý tính* (tư duy trừu tượng) và mối quan hệ tác động lẫn nhau của chúng vốn là thành tựu của chủ nghĩa duy vật trước Mác. Tuy nhiên, điều mới mẻ mà triết học Mác - Lênin đã làm là *đưa thực tiễn vào lý luận nhận thức, coi thực tiễn là một khâu không thể thiếu được trong quá trình nhận thức*. Con đường đi của quá trình nhận thức trước hết là *từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng* (từ nhận thức cảm tính phát triển lên nhận thức lý tính), nhưng không dừng ở đó mà còn phải *tiếp tục đi đến thực tiễn* để một mặt phục vụ thực tiễn, mặt khác thông qua thực tiễn mà kiểm tra những kết luận được rút ra từ tư duy trừu tượng. Chỉ có những kết luận nào đã được thực tiễn xác nhận thì mới được coi là chân lý.

Nhờ có hoạt động thực tiễn mà ý thức con người mới mang *tính sáng tạo*. Phản ánh ý thức là một hình thức phản ánh cao hơn về chất so với phản ánh sinh vật. Con người không chỉ phản ánh thế giới khách quan mà còn *cải tạo thế giới*. Lênin viết: "Ý thức con người không phải chỉ phản ánh thế giới khách quan, mà còn tạo ra thế giới khách quan", "nghĩa là thế giới không thỏa mãn con

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.179.

người, và con người quyết định biến đổi thế giới bằng hành động của mình"[1].

+ Lênin khẳng định thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý.

Ta biết rằng, trong lý luận nhận thức có một vấn đề vô cùng quan trọng là làm thế nào để biết được một khái niệm, một tư tưởng của con người là đúng hay không đúng. Lần đầu tiên trong lịch sử, triết học Mác *đưa khái niệm thực tiễn* (với tư cách là hoạt động vật chất khách quan của con người trong cải tạo tự nhiên và xã hội) *vào lý luận nhận thức*, nhất là *xem thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý*. Lênin viết: "Hêghen đạt đến 'ý niệm' với tư cách là sự nhất trí giữa khái niệm và khách thể, đạt đến ý niệm với tư cách là *chân lý, thông qua* sự hoạt động thực tiễn có mục đích của con người. Điều này rất gần với tư tưởng cho rằng con người chứng minh bằng *thực tiễn* của mình sự đúng đắn khách quan của những ý niệm, khái niệm, tri thức của mình, của khoa học của mình"[2].

Lênin cũng chỉ ra rằng, thực tiễn với tư cách là tiêu chuẩn của chân lý không phải là hoạt động chủ quan, nhất thời nào đó của một số người, mà là *thực tiễn của con người, của loài người*, nghĩa là thực tiễn trong *phạm vi rộng lớn và lịch sử lâu dài*. Điều này phân biệt quan niệm thực tiễn của triết học Mác - Lênin và quan niệm thực tiễn của chủ nghĩa thực dụng. Lênin chỉ ra rằng: "Thực tiễn của con người và của loài người là sự kiểm nghiệm, là tiêu chuẩn của tính khách quan của nhận thức"[3].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.228.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.203.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.227.

Những công thức, quy tắc lôgíc không phải là sản phẩm chủ quan của con người, mà được con người rút ra từ thực tiễn. Những tiền đề xuất phát của các lý thuyết khoa học (một số khoa học gọi chúng là *tiên đề)* được mọi người công nhận như là *sự thật hiển nhiên* (chẳng hạn những tiên đề của hình học, số học, v.v.) không có nghĩa là điểm xuất phát "tùy tiện" hoặc là cái "không thể chứng minh được", mà đó là những điều đã được xác nhận bằng "thực tiễn lặp đi lặp lại hàng nghìn triệu lần" và sở dĩ được người ta coi là sự thật hiển nhiên *vì chưa ai phát hiện ra một biểu hiện thực tiễn nào trái với điều khẳng định ấy*. Lênin viết: "Thực tiễn của con người lặp đi lặp lại hàng nghìn triệu lần được in vào ý thức của con người bằng những hình tượng lôgíc. Những hình tượng này có tính vững chắc của một thiên kiến, có một tính chất công lý, chính vì (và chỉ vì) sự lặp đi lặp lại hàng nghìn triệu lần ấy"[1].

Theo Lênin, thực tiễn cao hơn lý luận không chỉ ở tính phổ biến và tính hiện thực trực tiếp. Lênin viết: "Thực tiễn cao hơn nhận thức (lý luận), vì nó có ưu điểm không những của tính phổ biến, mà cả của tính hiện thực trực tiếp"[2].

Tư tưởng trên của Lênin có nghĩa là: lý luận là sản phẩm của tư duy, là cái được rút ra từ những suy lý gián tiếp, do đó có khả năng mang *tính cá nhân, chủ quan*, chưa chắc đã phù hợp với thực tế khách quan. Còn thực tiễn của nhân loại là cái lặp đi lặp lại hàng nghìn triệu lần ở mọi dân tộc, mọi thời đại nên có *tính phổ biến*. Hơn nữa, thực tiễn là *hoạt động trực tiếp* làm biến đổi sự vật, hiện

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.234.

tượng, còn lý luận là kết quả của *sự suy lý gián tiếp*, cho nên xét ở khía cạnh này thì thực tiễn có ưu điểm hơn lý luận. Tuy nhiên, điều khẳng định của Lênin hoàn toàn không có nghĩa là lý luận không quan trọng bằng thực tiễn; bởi vì, theo Lênin, thực tiễn mà không có lý luận thì thành "thực tiễn mù quáng".

+ Lênin đưa ra quan niệm về sự thống nhất, đồng nhất giữa phép biện chứng, lôgíc học và lý luận nhận thức:

Lênin viết: "Marx không để lại cho chúng ta '*Lôgíc học*' (với chữ viết hoa), nhưng để lại cho chúng ta *lôgíc* của 'Tư bản', và cần phải tận dụng đầy đủ nhất lôgíc đó để giải quyết vấn đề mà chúng ta đang nghiên cứu. Trong 'Tư bản', Mác áp dụng lôgíc, phép biện chứng và lý luận nhận thức (không cần ba từ: đó cùng là một cái duy nhất) của chủ nghĩa duy vật vào một khoa học duy nhất; mà chủ nghĩa duy vật thì đã lấy ở Hêghen tất cả những gì có giá trị và phát triển thêm lên"[1].

Căn cứ vào câu nói trên đây, một số tác giả triết học ở Liên Xô trước đây đã cho rằng Lênin đồng nhất phép biện chứng với lôgíc học và lý luận nhận thức; một số tác giả khác cho rằng ba khoa học đó là "những vòng tròn đồng tâm", một số tác giả còn lại quan niệm chúng là "những vòng tròn giao nhau".

Thật ra, Lênin không hề có ý định đồng nhất lôgíc học với phép biện chứng và lý luận nhận thức, mà chỉ muốn nhấn mạnh rằng

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.29, tr.359-360. Trong một số tiếng nước ngoài, từ logic (Anh), логика (Nga), v.v., nếu viết hoa thì có nghĩa là là "Logic học", không giống như trong tiếng Việt có hai từ khác nhau: "lôgic" và "lôgic học".

trong *Tư bản*, Mác đã vận dụng một cách nhuần nhuyễn ba khoa học đó thành một khoa học duy nhất, không thể phân biệt chỗ này là áp dụng phép biện chứng, chỗ kia là áp dụng lôgíc học, chỗ khác là áp dụng lý luận nhận thức.

5.3.3. Ý nghĩa của tác phẩm

Bên cạnh tác phẩm *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, tác phẩm *Bút ký triết học* là một tài sản tư tưởng triết học vô giá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển triết học Mác của Lênin.

Bút ký triết học là tác phẩm đi vào nhiều khía cạnh sâu sắc của phép biện chứng, những quy luật và phạm trù của phép biện chứng trên tinh thần của chủ nghĩa duy vật.

Những kết quả nghiên cứu của Lênin trong tác phẩm *Bút ký triết học* còn có ý nghĩa rất lớn đối với chúng ta hiện nay trong việc nghiên cứu phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức duy vật biện chứng và lôgíc học biện chứng, cũng như vận dụng những quan điểm biện chứng đó vào trong công cuộc đổi mới chủ nghĩa xã hội hiện nay.

Qua nghiên cứu tác phẩm *Bút ký triết học*, chúng ta thấy được tính cần mẫn và khoa học nghiêm túc của Lênin trong học tập và nghiên cứu. Mặc dù bận rộn với công việc cách mạng, Lênin vẫn dành được một thời gian rất lớn vào việc đọc và bút ký một cách tỉ mỉ nhiều công trình của các tác giả triết học trước đó, đặc biệt là những tác phẩm của Hêghen thường rất khó đọc và khó hiểu. Tuy nhiên, Lênin vẫn cố gắng đọc từng đoạn, từng câu, trích dẫn cẩn

thận, giải thích theo cách hiểu của Người và nhất là có những nhận xét về giá trị của từng tư tưởng đó. Có thể nói rằng, ngày nay chúng ta hiểu được giá trị của những tư tưởng thiên tài của Hêghen đằng sau cái vỏ duy tâm thần bí của nó phần lớn là nhờ vào sự phân tích của Lênin. Nếu tất cả chúng ta ai cũng đọc và phân tích các tác phẩm kinh điển theo tinh thần và phương pháp của Lênin thì kết quả nghiên cứu sẽ cao hơn rất nhiều.

Tóm lại, qua việc đọc tác phẩm *Bút ký triết học* chúng ta học được ở Lênin không chỉ tư tưởng duy vật biện chứng, mà còn ở thái độ và phương pháp làm việc của Người.

CHƯƠNG 6

CÁC TÁC PHẨM CỦA LÊNIN SAU CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI 1917

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười năm 1917, nước Nga trở thành nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Nhà nước cách mạng được thành lập, hình thức của nó là Nhà nước Xôviết, bản chất của nó được Lênin xác định là *chuyên chính vô sản*. Đảng Công nhân dân chủ - xã hội Nga[1] đến năm 1918 được đổi tên là Đảng Cộng sản (Bônsêvích) Nga và sau này là Đảng Cộng sản Liên Xô.

Sau Cách mạng Tháng Mười, các lực lượng ủng hộ Nga hoàng (được gọi là Bạch vệ) nổi dậy chống lại Nhà nước Xôviết. Nội chiến kéo dài từ năm 1917 đến đầu năm 1921. Cuối năm 1918 quân đội 14 nước đế quốc cấu kết với các lực lượng phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công nhằm tiêu diệt nước Nga Xôviết. Trong điều kiện nội chiến và chống xâm lược, Lênin phải thực hiện chính sách "cộng sản thời chiến".

Sau khi nội chiến kết thúc, tháng 3-1921, Đại hội X của Đảng Cộng sản Liên Xô tuyên bố chấm dứt "chính sách cộng sản thời

[1]. Tiếng Nga: Российская социал-демократическая рабочая партия. Đảng được thành lập tháng 3-1898. Tại Đại hội VII (1918), theo đề nghị của Lênin, Đảng mang tên Đảng Cộng sản (Bônsêvích) Nga.

chiến" và bắt đầu áp dụng "chính sách kinh tế mới".

Do bận rộn công việc cách mạng và nhằm phục vụ trực tiếp cho việc giải quyết những vấn đề cách mạng được đặt ra nên trong thời kỳ này, Lênin ít có điều kiện thời gian để thực hiện các tác phẩm lớn. Vì vậy, các tác phẩm của Lênin sau Cách mạng Tháng Mười phần lớn là những bài báo, bài phát biểu, bài giảng xoay quanh một số vấn đề thời sự cấp bách.

Tuy nhiên, với tư cách là nhà lý luận, Lênin đã đưa ra nhiều tư tưởng có tính triết học, tức *những tư tưởng có giá trị phổ biến và lâu dài* và việc nghiên cứu những tư tưởng này còn có *ý nghĩa* đối với thời đại ngày nay. Đối với Lênin, những vấn đề triết học là những vấn đề lý luận chung cần phải được giải quyết trước khi đi vào giải quyết những vấn đề cụ thể. Lênin nói: "Người nào bắt tay vào những vấn đề riêng trước khi giải quyết các vấn đề chung, thì kẻ đó, trên mỗi bước đi, sẽ không sao tránh khỏi 'vấp phải' những vấn đề chung đó một cách không tự giác. Mà mù quáng vấp phải những vấn đề đó trong từng trường hợp riêng, thì có nghĩa là đưa chính sách của mình đến chỗ có những sự dao động tồi tệ nhất và mất hẳn tính nguyên tắc"[1].

Những vấn đề triết học được Lênin đề cập trong thời gian này chủ yếu là các vấn đề triết học chính trị, như vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ, vấn đề nhà nước, chuyên chính vô sản, đặc điểm kinh tế của thời kỳ quá độ và những hình thức quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ. Một số vấn đề khác

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.437.

cũng được đề cập, như thái độ của Đảng Cộng sản đối với vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhiệm vụ của công đoàn và đoàn thanh niên, v.v..

Lênin kiên quyết đấu tranh chống các khuynh hướng tư tưởng hữu khuynh và tả khuynh. Tuy nhiên, do phải đặt vấn đề đoàn kết, thống nhất trong Đảng và Nhà nước Xôviết lên trên hết, nên đối với các quan điểm cực đoan, như của Bukharin và Trostky, v.v., Lênin chỉ phân tích và đấu tranh trên phạm vi lý luận và tư tưởng, không áp dụng những biện pháp thanh trừng bằng bạo lực như Stalin sau này.

Trong thời gian này, Lênin có một số tác phẩm quan trọng như: *Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xôviết*; *Về bệnh ấu trĩ tả khuynh và tính tiểu tư sản; Cách mạng vô sản và tên phản bội Cauxky*; *Sáng kiến vĩ đại*; *Kinh tế và chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản*; *Bệnh ấu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản*; *Những luận cương để trình bày tại Đại hội II Quốc tế Cộng sản*; *Những nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên*; *Bàn về thuế lương thực*. Sau đây, chúng ta sẽ đi sâu vào ba trong một số những tác phẩm ấy.

6.1. TÁC PHẨM "VỀ BỆNH ẤU TRĨ TẢ KHUYNH VÀ TÍNH TIỂU TƯ SẢN"

6.1.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tác phẩm "Về bệnh ấu trĩ tả khuynh và tính tiểu tư sản"[1] là

---

[1]. *О 'левом' ребячестве и мелкобуржуазности*, Ленин В.И., ПСС, 5 изд., т.36, Политиздат, Москва, 1969, с.283-314. Bản tiếng Việt in trong V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, 1977; Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.36, tr.347-387.

một bài viết được đăng trên báo *Sự thật* các số 88, 89, 90 ngày 9, 10, 11-5-1918. Lênin viết tác phẩm này nhằm phê phán nhóm nhỏ "Những người cộng sản cánh tả". Họ xuất bản tạp chí *Người cộng sản* và đưa ra "những luận cương về tình hình hiện tại". Họ phê phán nhiều chính sách của Đảng Cộng sản như việc ký Hòa ước Bret, phê phán Đảng là "tránh chiến đấu, lùi bước trước sự tấn công của tư bản quốc tế". Họ phản đối việc phát triển tư bản nhà nước vì cho rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước là thỏa hiệp với giai cấp tư sản. Lênin phê phán những sai lầm của quan niệm ấy và vạch ra tính chất quá độ của nền kinh tế nước Nga với *năm thành phần kinh tế* và vai trò của *chủ nghĩa tư bản nhà nước* trong việc đưa nền kinh tế nước Nga tiến lên chủ nghĩa xã hội.

6.1.2. Một số nội dung cần chú ý trong tác phẩm

- Lênin chỉ ra sai lầm của nhóm "Những người cộng sản cánh tả" khi phê phán việc Nhà nước xôviết ký hòa ước Brét.

Sau Cách mạng tháng Mười, nước Nga xôviết chủ trương rút khỏi Chiến tranh thế giới. Chính quyền Xôviết thông qua sắc lệnh hòa bình do Lênin soạn thảo đề nghị tất cả các nước đang tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất hãy chấm dứt chiến tranh.. Tuy nhiên hiệp ước tạm đình chiến ký ngày 2-12-1917 chỉ có giá trị 28 ngày, sau đó các đế quốc Đức, Áo – Hung tập trung tấn công trở lại nhằm tiêu diệt nước Nga. Lúc đầu quân Nga gặp thất bại liên tiếp nhưng cuối cùng rồi cũng ngăn chặn được quân Đức không cho tiến tới Petrograt. Ngày 3 tháng 3 năm 1918, tại Brest-Litovsk, hòa ước Đức-Nga được ký kết (gọi tắt là Hòa ước Bret).

Lênin cho rằng "những người cộng sản cánh tả này" có thái độ cực đoan và thiếu hiểu biết khi phản đối hòa ước Brét. Họ không thấy rằng trong lúc này mà "nghênh chiến" với chủ nghĩa đế quốc là không có lợi cho cách mạng vì lực lượng cách mạng còn non yếu. Mặt khác, hòa hoãn với các nước đế quốc chỉ là sách lược để đợi thời cơ mà thôi. Lênin nói: "Bởi vì chừng nào cách mạng xã hội chủ nghĩa quốc tế chưa nổ ra trong một số nước, và sức mạnh của nó chưa đủ chiến thắng được chủ nghĩa đế quốc quốc tế, thì nghĩa vụ trực tiếp của những người xã hội chủ nghĩa đã giành được thắng lợi trong một nước (nhất là trong một nước lạc hậu) là không được nghênh chiến với những nước đế quốc khổng lồ, mà phải cố tránh nghênh chiến để đợi cho cuộc vật lộn lẫn nhau giữa bọn đế quốc làm cho lực lượng của chúng yếu thêm nữa và làm cho cách mạng ở các nước khác nhích đến gần hơn nữa"[1].

- Lênin xác định những đặc điểm của nền kinh tế nước Nga trong thời kỳ quá độ

Trước hết, Lênin xác định nền kinh tế nước Nga sau Cách mạng tháng Mười chưa phải là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, mà chỉ là một nền kinh tế quá độ. Lênin nói:

"Có lẽ, không một người nào khi nghiên cứu vấn đề kinh tế của nước Nga lại phủ nhận tính chất quá độ của nền kinh tế ấy. Có lẽ cũng không có người cộng sản nào lại phủ nhận điều sau đây: danh từ nước Cộng hòa xôviết xã hội chủ nghĩa có nghĩa là Chính

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.351.

quyền xôviết quyết tâm thực hiện bước chuyển lên chủ nghĩa xã hội, chứ hoàn toàn không có nghĩa là đã thừa nhận chế độ kinh tế mới là chế độ xã hội chủ nghĩa"[1].

Theo Lênin, trong thời kỳ quá độ, nền kinh tế vẫn còn những yếu tố đan xen giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Lênin nói: "Vậy thì danh từ quá độ có nghĩa là gì? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội"[2].

Lênin nêu lên các thành phần kinh tế quá độ gồm:

1) kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, nghĩa là một phần lớn có tính chất tự nhiên;
2) sản xuất hàng hóa nhỏ (trong đó bao gồm đại đa số nông dân bán lúa mì);
3) chủ nghĩa tư bản tư nhân;
4) chủ nghĩa tư bản nhà nước;
5) chủ nghĩa xã hội.[3]

- Lênin luận chứng cho vai trò của "chủ nghĩa tư bản nhà nước" với tư cách là một hình thức kinh tế quá độ

Theo Lênin, chủ nghĩa tư bản nhà nước là *một hình thức kinh tế quá độ*. Mặc dù Lênin nêu chủ nghĩa tư bản nhà nước như là một trong năm thành phần kinh tế (thành phần thứ 4), nhưng thực ra, nếu đọc toàn bộ tác phẩm này và một số tác phẩm khác, chúng ta

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.362.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.362.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.363.

sẽ thấy rằng "chủ nghĩa tư bản nhà nước" *không phải là một thành phần kinh tế*, mà là "hình thức kinh tế quá độ". Hình thức kinh tế quá độ này tồn tại trong nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân... Bởi vì những thành phần kinh tế này mặc dù kinh doanh theo kiểu tư bản, tức bỏ vốn ra kinh doanh và thu lợi nhuận (thực hiện giá trị thặng dư), nhưng *tất cả đều đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước xôviết.*

Nhà nước Xôviết một mặt cho phép sự tồn tại của các hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp, thương nghiệp, hợp tác xã, v.v., mặt khác thực hiện việc kiểm kê và kiểm soát nhằm ngăn chặn tính tự phát của kinh tế tư bản tư nhân. Kinh tế tư bản tư nhân đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước, đó là cái mà Lênin gọi là "chủ nghĩa tư bản nhà nước". Lênin giải thích: "Thế nào là chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới Chính quyền xôviết? Hiện nay, thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước có nghĩa là thực hiện chế độ kiểm kê và kiểm soát mà trước đây các giai cấp tư bản đã thực hiện"[1].

Theo Lênin, "chủ nghĩa tư bản nhà nước sẽ la một bước tiến so với tình hình hiện nay trong nước Cộng hòa xôviết của chúng ta. Nếu chẳng hạn trong khoảng nửa năm nữa, mà ở nước ta đã thiết lập được chủ nghĩa tư bản nhà nước thì đó sẽ là thắng lợi to lớn và là điều bảo đảm chắc chắn nhất rằng qua một năm sau chủ nghĩa xã hội nước ta sẽ được củng cố hoàn toàn và trở nên vô địch"[2].

Trái lại, đối với thái độ cực đoan của "những người cộng sản

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.311.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.361.

cánh tả" thì chủ nghĩa tư bản nhà nước là "phản lại chủ nghĩa xã hội". Lênin chỉ ra rằng, chủ nghĩa tư bản nhà nước vừa là một trình độ kinh tế cao hơn nền kinh tế sản xuất nhỏ tự phát ở nước Nga lúc bấy giờ, đồng thời chủ nghĩa tư bản nhà nước là không có gì đáng sợ: Lênin nói: "Chủ nghĩa tư bản nhà nước về kinh tế cao hơn rất nhiều so với nền kinh tế hiện nay của nước ta, đó là điều thứ nhất. Thứ hai, chủ nghĩa tư bản nhà nước không có gì là đáng sợ đối với Chính quyền xô-viết, vì nước xô-viết là một nước mà trong đó chính quyền của công nhân và nông dân nghèo đã được bảo đảm" [1].

Ở Việt Nam, sau khi thực hiện đổi mới, trong các đại hội (cho đến Đại hội X) chủ nghĩa tư bản nhà nước được nêu lên thành một thành phần kinh tế, nhưng đến Đại hội XI thì kinh tế tư bản nhà nước không còn tìm thấy nữa trong các thành phần kinh tế. Nhiều người thắc mắc không hiểu lý do vì sao? Câu trả lời rất đơn giản, bởi vì kinh tế tư bản nhà nước không phải là một thành phần kinh tế, mà chỉ là hình thức quá độ nằm trong tất cả các thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân.

- Lênin nói về việc sử dụng chuyên gia tư sản, chủ trương phát triển các doanh nghiệp tư bản quy mô lớn dưới hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước

Một điểm nữa cần chú ý khi nghiên cứu tác phẩm này là tư tưởng của Lênin về việc sử dụng kỹ thuật tư bản, chuyên gia tư sản, trả lương cao cho chuyên gia tư sản.

Lênin tán thành ý kiến của Bukharin về việc "chuộc lại ruộng

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr. 367.

đất, công xưởng, nhà máy và các tư liệu sản xuất khác trong tay giai cấp tư sản" và trả lương cao cho chuyên gia tư sản". Lênin nói:

"Bu-kha-rin là một nhà kinh tế học mác-xít có trình độ học vấn cao. Vì vậy Bu-kha-rin mới nhớ rằng Mác đã đúng vô cùng khi Người dạy cho công nhân biết sự quan trọng phải giữ gìn tổ chức sản xuất quy mô hết sức to lớn, chính là để làm cho sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội được dễ dàng, vì khi Người dạy là hoàn toàn có thể cho phép nghĩ đến việc trả cho bọn tư bản một giá cao, việc chuộc lại của chúng, nếu hoàn cảnh buộc bọn tư bản chịu khuất phục một cách hòa bình và chuyển lên chủ nghĩa xã hội một cách văn minh, có tổ chức, theo kiểu chuộc lại."[1]

Sử dụng chuyên gia tư sản không chỉ ở việc sử dụng kỹ thuật của họ mà còn sử dụng họ vào việc tổ chức các "tơ-rớt", tức những tập đoàn tư bản lớn. Theo Lênin, muốn đi lên chủ nghĩa xã hội thì trong nền kinh tế phải có những tổ chức sản xuất quy mô lớn; Tuy nhiên, trong đội ngũ cách mạng, không ai có khả năng tổ chức được những cơ sở kinh tế đó.. Lênin giải thích: "Đảng vô sản chúng ta sẽ không lấy được ở đâu ra cái năng lực tổ chức nền sản xuất cực kỳ lớn theo kiểu tơ-rớt và như tơ-rớt, nếu không lấy năng lực đó ở các chuyên gia hạng nhất của chủ nghĩa tư bản"[2].

Những người cộng sản cánh tả phê phán Nhà nước xôviết thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước bằng cách cho dựng lên các công ty tư bản, cho giai cấp tư sản được quyền lãnh đạo các công ty này, thi

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.375.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.382.

hành kỷ luật lao động đối với công nhân, như vậy "sẽ hạ thấp tính chủ động giai cấp, tính tích cực và tính tổ chức của giai cấp vô sản". Phản bác lại luận điểm trên, Lênin cho rằng công nhân không sợ chủ nghĩa tư bản nhà nước quy mô cực kỳ lớn, trái lại, "coi đó là công cụ vô sản của họ"[1], bởi vì, "chính là phải thông qua sự lãnh đạo theo kiểu tư bản chủ nghĩa đối với các tơ-rớt, thông qua nền sản xuất cơ khí hết sức lớn, thông qua những xí nghiệp mỗi năm chu chuyển hàng mấy triệu, — chỉ có thông qua nền sản xuất và những xí nghiệp như thế, mới có thể đi đến chủ nghĩa xã hội"[2]. Theo Lênin, "Chỉ có những người nào hiểu rằng không học tập những kẻ tổ chức ra tơ-rớt thì không thể tạo ra hoặc thực hiện chủ nghĩa xã hội, chỉ những người đó mới đáng gọi là người cộng sản"[3].

Lênin đòi hỏi cán bộ lãnh đạo kinh tế ở trung ương phải học tập, bàn bạc với các chuyên gia tư sản để cùng nhau tổ chức ra các tơ-rớt: "Những công nhân ấy trong các cơ quan lãnh đạo ở trung ương như 'Tổng cục công nghiệp da', hay 'Ủy ban trung ương công nghiệp dệt' ngồi cùng với các nhà tư bản, học tập họ, tổ chức các tơ-rớt, thực hiện 'chủ nghĩa tư bản nhà nước', mà chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới Chính quyền xôviết là ngưỡng cửa của chủ nghĩa xã hội, là điều kiện cho thắng lợi chắc chắn của chủ nghĩa xã hội"[4].

Tư tưởng về sử dụng chuyên gia tư sản được Lênin tiếp tục trình bày trong một số tác phẩm khác nữa. Trong tác phẩm *Những thành*

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.381.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.tr.381.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.382.
[4]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.36, tr.383

tựu và khó khăn của Chính quyền xôviết, Lênin cũng nói đến *tính tất yếu của việc sử dụng chuyên gia tư sản*: "Chúng ta muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội... bằng những vật liệu mà chủ nghĩa tư bản để lại cho ta từ hôm qua... Chúng ta có chuyên gia tư sản, chứ không có gì hơn nữa". Lênin cũng chỉ ra: đó là "những chuyên gia khoa học kỹ thuật", "những nhà nông học, kỹ sư, thầy giáo", "còn có cả những chuyên gia quân sự nữa", họ đều đều xuất thân từ giai cấp hữu sản cả. Chúng ta không có cách nào khác là phải "dùng những chuyên gia tư sản để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa"[1].

Trong *Dự thảo Cương lĩnh của Đảng Cộng sản (b) Nga* (năm 1919), Lênin yêu cầu *cần phải trả lương cao cho các chuyên gia tư sản*, không những không kém hơn mà còn phải cao hơn trước kia, để họ yên tâm làm việc với chúng ta. Lênin nói: "Vì vậy, cần phải duy trì trong một thời gian nhất định việc trả lương cao hơn cho các chuyên gia để họ có thể làm việc không phải là kém trước, mà hơn trước". Ngoài ra, cần phải duy trì *chế độ tiền thưởng* nữa[2].

6.1.3. Một số nhận xét về tác phẩm

Tác phẩm này tuy viết vào năm 1918, nhưng tư tưởng về chính sách kinh tế mới cũng đã thể hiện ở đây rồi. Rất tiếc ở Việt Nam, sau khi hoàn toàn thống nhất đất nước năm 1975 nếu tư tưởng này của Lênin được nghiên cứu và áp dụng thì đã không có việc "đánh tư sản", cải tạo xóa bỏ thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay, những tư tưởng

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.38, tr.65-66.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.38, tr.121.

của Lênin về nên kinh tế nhiều thành phần, về chủ nghĩa tư bản nhà nước, về việc sử dụng chuyên gia tư sản, việc áp dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước như là một hình thức kinh tế quá độ, việc tổ chức các tập đoàn kinh tế tư bản nhà nước lớn cần phải được nghiên cứu và vận dụng sáng tạo để thúc đẩy nên kinh tế nước ta phát triển và hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

6.2. TÁC PHẨM "NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN"

6.2.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

"Những nhiệm vụ của Đoàn thanh niên"[1] là một bài diễn văn đọc tại Đại hội III toàn Nga của Đoàn Thanh niên Cộng sản Nga ngày 2-10-1920. Trong bài diễn văn này, Lênin chỉ ra *nhiệm vụ chủ yếu của thanh niên trong giai đoạn hiện nay là học tập*. Lênin nêu lên nhiều tư tưởng có giá trị về vấn đề học tập của thanh niên, về văn hóa vô sản, về đạo đức của người cách mạng.

6.2.2. Những nội dung quan trọng trong tác phẩm

Trong tác phẩm, chủ yếu Lênin nói về nhiệm vụ trọng tâm của Đoàn Thanh niên là *giáo dục và học tập*, trong đó có giáo dục chủ nghĩa cộng sản, đạo đức cộng sản. Phương pháp giáo dục và học tập là một mặt kế thừa những giá trị trong nền văn hóa truyền thống, trong nền giáo dục cũ, nhưng mặt khác phải tiếp thu những

---

[1]. ЗАДАЧИ СОЮЗОВ МОЛОДЕЖИ (Речь на III Всероссийском съезде Российского Коммунистического Союза Молодежи 2 октября 1920 года), Ленин В.И. *Полное собрание сочинений* Том 41. Bản dịch tiếng Việt trong Lênin, Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, 2005, tập 41, tr.355-378.

giá trị cũ với tinh thần phê phán.

- Lênin về vai trò của giáo dục, học tập

Lênin chỉ cho chúng ta thấy và giúp chúng ta khắc phục một cách hiểu phiến diện từ trước đến nay về những phẩm chất căn bản của người cộng sản. Có tinh thần anh dũng, hy sinh trong chiến đấu thì không đủ trong điều kiện hoà bình xây dựng xã hội mới. Chỉ có qua giáo dục và học tập, người cộng sản mới có được những tri thức mới, phẩm chất mới, đáp ứng được việc thực hiện những nhiệm vụ mới. Kiến thức mà người cộng sản phải học tập không chỉ bó hẹp trong các sách lý luận về chủ nghĩa cộng sản, mà phải là tri thức *toàn diện và sâu rộng*, trên cơ sở kế thừa kho tàng tri thức của nhân loại. Lênin nêu ra một tư tưởng rất quan trọng đã trở thành kinh điển: "Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra"[1].

Lênin xác định *nhiệm vụ* của giáo dục, học tập trước hết là *kế thừa* tất cả những giá trị nhiều mặt mà loài người đã tạo ra qua quá trình mấy nghìn năm lịch sử. Đó là những tri thức khoa học, kỹ thuật và công nghệ; những tri thức về chính trị, xã hội, nhân văn; những tri thức về văn chương, nghệ thuật, đạo đức, lối sống, v.v.. Những tri thức này không phải là một cá nhân, một thế hệ làm ra, cho nên một mặt để xây dựng xã hội mới, chúng ta *phải kế thừa những thành tựu về văn hóa, giáo dục của xã hội cũ*. Lênin căn

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.357.

dặn: "Việc dạy dỗ, giáo dục và rèn luyện thanh niên phải xuất phát từ những vật liệu mà xã hội cũ để lại cho chúng ta. Chúng ta chỉ có thể xây dựng chủ nghĩa cộng sản từ tổng số những kiến thức, các tổ chức và thiết chế bằng cái số dự trữ nhân lực và vật lực mà xã hội cũ đã để lại cho chúng ta"[1]. Tuy nhiên, Lênin cũng căn dặn: nền giáo dục cũ đã cung cấp cho con người nhiều nội dung và phương pháp giáo dục đến nay đã lạc hậu, lỗi thời, do đó chúng ta phải "cải tổ triệt để" nền giáo dục cũ. Lênin nhấn mạnh: "Chỉ có cải tổ triệt để việc dạy dỗ, việc tổ chức và giáo dục thanh niên, thì chúng ta mới có thể, bằng những cố gắng của thế hệ trẻ đạt được kết quả là xây dựng nên một xã hội không giống xã hội cũ, tức là xã hội cộng sản"[2].

Việc kế thừa đường lối giáo dục của hệ thống nhà trường cũ bao giờ cũng có hai mặt: học tập cái hay, cái hợp lý của nó, đồng thời *phải có đầu óc phê phán* đối với những nội dung và phương pháp cũ đã lỗi thời. Theo Lênin, "Nhà trường cũ là một nhà trường dạy lối sách vở, nó bắt buộc người ta phải nắm một mớ kiến thức không cần thiết, thừa và không sinh động. Những kiến thức đó nhồi đầy đầu óc thế hệ trẻ và biến họ thành những tên quan lại được đúc cùng một khuôn"[3]. Tuy nhiên Lênin cũng phê phán tư tưởng phủ định hoàn toàn, sạch trơn những giá trị trong nền giáo dục và văn hóa cũ, coi chủ nghĩa cộng sản chỉ là một sáng tạo hoàn toàn mới. Lênin nói: "Nhưng các bạn sẽ phạm một sai lầm nghiêm trọng nếu

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.357.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.357.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr. 360.

từ đó muốn rút ra một kết luận cho rằng có thể trở thành người cộng sản mà không cần thấm nhuần những kiến thức của loài người đã tích lũy được. Thật là sai lầm khi nghĩ rằng chỉ cần thấm nhuần những khẩu hiệu cộng sản, những kết luận của khoa học cộng sản, chứ không cần phải thấm nhuần tổng số những kiến thức mỡ chính bản thân chủ nghĩa cộng sản cũng là kết quả"[1].

Lênin chỉ ra *tính hai mặt* trong việc kế thừa và phủ định phương pháp giáo dục của nhà trường cũ. Lênin nói: "Chúng ta phải lấy của nhà trường cũ những cái hay của nó. Chúng ta không nên lấy ở nhà trường cũ cái phương pháp nhồi nhét đầy vào đầu óc của thanh niên quá nhiều kiến thức mà chín phần mười là vô ích và một phần mười còn lại là sai lệch"[2]. Lênin cũng căn dặn, chúng ta "không nên hấp thụ một cách giản đơn", mà "phải hấp thụ có phê phán, để cho đầu óc các đồng chí không phải chất đầy một mớ hỗ lốn vô ích, mà là để làm giàu trí óc bằng sự am hiểu mọi sự việc thực tế"[3].

Từ "phê phán" được Lênin dùng nhiều lần cũng như đã được Mác và Ăngghen dùng trước đây có ý nghĩa rất lớn đối với giáo dục và học tập. Không chỉ có "phê phán" những quan điểm, tư tưởng ngoài mácxít, phương pháp tư duy phê phán cũng được Lênin vận dụng đối với học thuyết của Mác và Ăngghen. Lênin đã từng căn dặn: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr. 360.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr. 362.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr. 362.

rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống"[1].

Lênin phê phán phương pháp học tập về chủ nghĩa cộng sản như là "nắm vững tổng số những kiến thức đã trình bày trong các sách giáo khoa và trước tác về chủ nghĩa cộng sản". Theo Lênin, "Những định nghĩa như trên việc học chủ nghĩa cộng sản thật là quá thô thiển và thiếu sót". Bởi vì, "Nếu học chủ nghĩa cộng sản chỉ là nắm được những cái đã trình bày trong các tác phẩm và sách vở nói về chủ nghĩa cộng sản thì chúng ta rất dễ tạo ra những tên mọt sách hay những kẻ khoác lác về chủ nghĩa cộng sản và như thế thì thường là nguy hại và tổn thất cho chú

ng ta; vì rằng những người đó, tuy học nhiều và đọc nhiều những điều đã trình bày trong sách vở về chủ nghĩa cộng sản, nhưng lại không có khả năng kết hợp được tất cả những kiến thức đó lại và không có khả năng hành động đúng như chủ nghĩa cộng sản mong muốn"[2].

Kiến thức sách vở chưa phải là chân lý chừng nào chúng chưa được vận dụng vào thực tiễn để khẳng định những yếu tố đúng đắn và loại bỏ những yếu tố ảo tưởng, sai lầm. Không có thực tiễn thì những kiến thức về chủ nghĩa cộng sản học được từ sách vở chưa khẳng định được giá trị của chúng. Lênin nói: "Không có công tác, không có đấu tranh, thì kiến thức sách vở về chủ nghĩa cộng sản

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.232.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.358.

rút ra từ các sách và tác phẩm về chủ nghĩa cộng sản, sẽ không có một chút giá trị nào cả, vì rằng kiến thức đó cũng chỉ là tiếp tục tình trạng tách rời trước kia giữa lý luận và thực tiễn, tình trạng đó là đặc trưng ghê tởm nhất của xã hội tư sản cũ"[1].

- Lênin nói về vấn đề xã hội nền văn hóa mới và mối quan hệ giữa nền văn hóa mới với văn hóa truyền thống

Trong tác phẩm, Lênin chỉ ra rằng: để xây dựng nền văn hóa mới, chúng ta trước hết phải hiểu biết đầy đủ và chính xác về nền văn hóa đã từng tồn tại trong toàn bộ quá trình phát triển lịch sử của nhân loại và chúng ta phải biết kế thừa tất cả những tinh hoa của nền văn hóa đó, cải tạo nền văn hóa đó thành nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Lênin nói: "Nếu không hiểu rằng chỉ có sự hiểu biết chính xác về nền văn hóa được sáng tạo ra trong toàn bộ quá trình phát triển của loài người và việc cải tạo nền văn hóa đó mới có thể xây dựng được nền văn hóa vô sản thì chúng ta không thể giải quyết được vấn đề"[2].

Lênin kịch liệt phê phán tư tưởng của phái "Văn hóa vô sản" do A. Bogdanov, A. Lunacharsky đứng đầu, vì phái này chủ trương xây dựng một nền văn hóa vô sản hoàn toàn mới, độc lập, tách khỏi sự chỉ đạo và kiểm soát của Đảng và Nhà nước. Theo Lênin: "Văn hóa vô sản không phải bỗng nhiên mà có, nó không phải do những người tự cho mình là chuyên gia về văn hóa vô sản, phát minh ra. Đó hoàn toàn là điều ngu ngốc. Văn hóa vô sản phải là sự phát triển

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.358-359.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.361.

hợp quy luật của tổng số những kiến thức mà loài người đã tích lũy được dưới ách thống trị của xã hội tư bản, xã hội của bọn địa chủ và xã hội của bọn quan liêu"[1].

Trong *Sơ thảo nghị quyết về văn hóa vô sản* viết tháng 10-1920, Lênin khẳng định: "Không thể là *nghĩ ra* một thứ văn hóa vô sản mới, mà là *phát triển* những kiểu mẫu ưu tú, những truyền thống ưu tú, những kết quả tốt nhất của nền văn hóa *hiện tồn, xét theo quan điểm* thế giới quan của chủ nghĩa Mác và những điều kiện của đời sống và của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản trong thời đại chuyên chính vô sản"[2].

- Lênin nói về đạo đức cộng sản

Trước hết, Lênin xác định: "Nhưng có đạo đức cộng sản hay không? Có luân lý cộng sản hay không? Tất nhiên là có"[3]. Lênin bác bỏ quan niệm duy tâm cho rằng đạo đức có nguồn gốc thần thánh. Lênin nói:"Tất cả những thứ đạo đức, xuất phát từ những quan niệm ở ngoài nhân loại, ở ngoài các giai cấp, chúng ta đều bác bỏ. Chúng ta nói rằng đấy chỉ là lừa bịp, dối trá, nhồi sọ công nhân và nông dân để mưu lợi ích riêng cho bọn địa chủ và bọn tư bản. Chúng ta nói rằng đạo đức của chúng ta hoàn toàn phục tùng lợi ích đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Đạo đức của chúng ta là từ những lợi ích của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.361.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.548.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.366.

sản mà ra"[1]. Lênin cũng nói rõ là: Chúng ta không tin vào đạo đức vĩnh viễn và chúng ta bóc trần tất cả những sự dối trá của các câu chuyện hoang đường về đạo đức. Đạo đức giúp xã hội loài người tiến lên cao hơn, thoát khỏi ách bóc lột lao động[2].

Lênin xác định bản chất của đạo đức cộng sản là những chuẩn mực, nguyên tắc lối sống với mục đích xóa bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, bất công của xã hội cũng và đấu tranh xây dựng xã hội mới:

"Đạo đức cộng sản là đạo đức phục vụ cuộc đấu tranh ấy, là đạo đức nhằm đoàn kết những người lao động chống mọi sự bóc lột, chống mọi chế độ tư hữu nhỏ, vì chế độ tư hữu nhỏ trao cho một cá nhân thành quả lao động do toàn thể xã hội sáng tạo ra. Ruộng đất đối với chúng ta là tài sản chung"[3].

Lênin vạch ra những hạn chế trong đạo đức cũ: "Xã hội cũ xây dựng trên nguyên tắc sau đây: anh cướp đoạt của người khác hoặc là người khác cướp đoạt của anh; anh làm cho người khác hưởng hoặc là người khác làm cho anh hưởng; anh làm chủ nô hoặc là anh làm nô lệ"[4]. Như vậy, trong đạo đức cũ, mỗi người chỉ lo cho mình; còn trong đạo đức mới, mỗi người không chỉ lo cho mình mà còn vì lợi ích chung của xã hội; lợi ích cá nhân không được đối lập với lợi ích xã hội. Lênin khẳng định đạo đức của người cộng sản là đạo đức dựa trên lợi ích chung của xã hội. Lênin nói:

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.367.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.371.
[3]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.369.
[4]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.370.

"Để làm cho các đồng chí thấu triệt được điểm này hơn nữa, tôi sẽ kể một thí dụ. Chúng ta tự xưng là người cộng sản. Người cộng sản là thế nào? Danh từ cộng sản gốc ở tiếng La-tinh: Commu-ni-xơ nghĩa là của chung. Xã hội cộng sản, đó là một xã hội trong đó tất cả là của chung: ruộng đất, nhà máy, lao động chung của mọi người. Chủ nghĩa cộng sản là như thế đó"[1]. (Chú ý: Câu dịch này có hai chỗ sai: từ *общий* (=chung) thì dịch thành "của chung")

Cách hiểu 'communis' (common = общий = chung) thành "của chung" (common property) tuy cũng có nguồn gốc từ Mác, Lênin, nhưng chủ yếu là do cách dịch sai trong các văn bản tiếng Việt đã gây ra sự hiểu lầm đáng tiếc: biến "'communism" (common + ism), tức "chủ nghĩa cộng đồng) thành "chủ nghĩa cộng sản" (common property + ism). Trong câu tiếng Nga, Lênin dịch từ *communis* (Latinh) thành *общий* (tiếng Nga); *общий* giống như communis (Latinh) common (Anh), commun (Phaáp) đều có nghĩa là "chung", không phải là "của chung" như cách dịch trong Toàn tập tiếng Viêt[2].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.41, tr.373.

[2]. Ta hãy đối chiếu với đoạn văn nguyên bản tiếng Nga: "Что такое коммунист? Коммунист — слово латинское. Коммунис значит — общий". (Ленин В.И. *Полное собрание сочинений* Том 41, с.314). Nếu dịch chính xác là: "Người cộng sản là gì" Từ 'người cộng sản' (Коммунист) có gốc ở từ Latinh 'Communis' có nghĩa là 'chung". Từ 'communism" (chủ nghĩa cộng sản) xuất phát từ tính từ Latinh 'communis' (chung) chỉ có thể được hiểu là "chủ nghĩa cộng đồng", từ đây không thể suy ra xã hội cộng sản là xã hội trong đó"tất cả là của chung"được.

6.2.3. Một số nhận xét về tác phẩm

Trong tác phẩm "Những nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên", ngoài những vấn đề được Lênin nêu ra có tính chất lịch sử phù hợp với điều kiện lúc bấy giờ, còn có nhiều tư tưởng có tính chất triết học cho đến nay vẫn còn có giá trị của nó,. Đó là: Lênin nhấn mạnh vai trò to lớn của giáo dục và học tập đối với với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không chỉ đối với chủ nghĩa xã hội, mà qua kinh nghiệm cho thấy tất cả các nước phát triển đi lên, thoát ra khỏi tình trạng lạc hậu là nhờ giáo dục, ví dụ như Nhật Bản. Hàn Quốc, Singapore, v.v..

Lênin phê phán phương pháp học tập giáo điều, sách vở, nhồi nhét. Lênin căn dặn cần phải có *tinh thần phê phán* trong việc tiếp thu kiến thức sách vở. Lênin phê phán sự tách rời giữa giáo dục với thực tiễn. Đây cũng là những tư tưởng có giá trị đối với với nền giáo dục chúng ta hiện nay.

Đặc biệt Lênin nói về tính kế thừa trong sự phát triển văn hóa và phê phán tư tưởng cực đoan về văn hóa vô sản như là một nền văn hóa hoàn toàn mới do những chuyên gia văn hóa sáng tạo ra. Điều này được vận dụng trong việc xây dựng nền văn hóa mới tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta hiện nay. Lênin nhấn mạnh đạo đức của người cộng sản là phục vụ cho cuộc đấu tranh xóa bỏ áp bức, bất công, Người cộng sản là người luôn luôn đặt lợi ích chung của xã hội lên trên hết. Điều này vẫn còn nguyên giá trị trong điều kiện hiện nay, khi xã hội phải đối mặt với nạn tham nhũng ngày càng gia tăng, làm giảm sút uy tín của Đảng và của người

cộng sản. Tuy nhiên, chúng ta cần khắc phục cách hiểu sai: xã hội cộng sản là xã hội trong đó "tất cả là của chung".

6.3. TÁC PHẨM "BÀN VỀ THUẾ LƯƠNG THỰC"

6.3.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Sau Cách mạng tháng Mười, Nhà nước xôviết tiến hành "tước đoạt lại những kẻ đã tước đoạt" bằng cách tịch thu vốn và tư liệu sản xuất của các nhà tư bản và tập trung trong tay nhà nước. Việc làm này gây ra tình trạng khan hiếm hàng công nghiệp một cách nghiêm trọng. Từ cuối năm 1918, Lênin đã nghĩ đến việc sử dụng kinh tế tư bản để phục vụ chủ nghĩa xã hội, như thuê các chuyên gia tư sản, trả lương cao cho họ, chuộc lại tư liệu sản xuất của họ để cùng với cán bộ nhà nước thành lập các tập đoàn sản xuất lớn (các tơ-rớt) và quản lý theo kiêu "chủ nghĩa tư bản nhà nước". Tư tưởng này tuy chưa được thực hiện, nhưng là mầm mống của việc đề ra và thực hiện Chính sách kinh tế mới sau này.

Ngoài ra, trong thời gian thực hiện "chủ nghĩa cộng sản thời chiến" (*Военный коммунизм),* Nhà nước xôviết áp dụng chính sách trưng thu lượng lương thực thừa của nông dân để để phục vụ cho tiền tuyến và toàn xã hội trong điều kiện chiến tranh. Việc này làm giảm sút sự quan tâm của nông dân trong sản xuất nông nghiệp và gây ra tình trạng thiếu lương thực nghiêm trọng. Về chính trị, việc trưng thu lương thực còn gây ra sự bất bình lớn trong nông dân. Tình trạng bạo loạn xảy ra ở nhiều nơi. Tình hình khó khăn này buộc Lênin phải thay thế chính sách trưng thu lương thực bằng

chính sách thuế lương thực.

Tác phẩm của Lênin có tên đầy đủ là *"Bàn về thuế lương thực (Ý nghĩa của những chính sách mới và những điều kiện của chính sách ấy)"*[1]. Tác phẩm được Lênin viết vào tháng 4-1921, được xuất bản thành sách vào tháng 5-1921.

6.3.2. Một số nội dung chủ yếu của tác phẩm

Trong tác phẩm này (nhất là ở phần đầu), Lênin nhắc lại đặc điểm kinh tế của thời kỳ quá độ với sự tồn tại của năm thành phần kinh tế, vai trò quan trọng của chủ nghĩa tư bản nhà nước; vấn đề kiểm kê, kiểm soát trong quản lý kinh tế , v.v.. Những vấn đề này đã được phân tích trong tác phẩm "Về bệnh ấu trĩ tả khuynh và tính tiểu tư sản" (1918) rồi. Trong tác phẩm "Bàn về thuế lương thực", Lênin nói rõ về vai trò không thể thiếu được của kinh tế tư bản trong điều kiện nước Nga còn ở trong tình trạng sản xuất nhỏ và sự cần thiết phải hương kinh tế tư bản vào con đường "kinh tế tư bản nhà nước". Điều đó có nghĩa là chủ nghĩa tư bản được phát triển nhưng phải đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước. Lênin nói:

"Chủ nghĩa tư bản là xấu so với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản là tốt so với thời trung cổ, với nền tiểu sản xuất, với chủ nghĩa quan liêu do tình trạng phân tán của những người tiểu sản xuất tạo nên. Vì chúng ta chưa có điều kiện để chuyển trực tiếp từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội, bởi vậy, trong một mức độ

---

[1]. *О продовольственном налоге. (Значение новой политики и ее условия)*, Ленин В.И., ПСС, 5 изд., Политиздат, Москва, 1970, т. 43, с. 203-245. Bản tiếng Việt in trong V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcơva, t.43, 1978; Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.244-296.

nào đó, chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi, nó là sản vật tự nhiên của nền tiểu sản xuất và trao đổi; bởi vậy, chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên".

Như vậy, Lênin không coi kinh tế tư bản là hoàn toàn xấu, mà trái lại là "không thể tránh khỏi" đối với những nền kinh tế lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội. Kinh tế tư bản theo Lênin là những hình thức làm ăn trong đó cá nhân, tập thể, tập đoàn bỏ vốn ra kinh doanh nhằm thu lợi nhuận (giá trị thặng dư).

Trong tác phẩm này, Lênin cũng nói rõ hơn hơn về *các hình thức* của kinh tế tư bản nhà nước gồm: tư bản tư nhân, tư bản hợp tác xã, tư bản thương nghiệp và tư bản đầu tư nước ngoài (tô nhượng). Tất cả những thành phần kinh tế này nếu được đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước được thì gọi là "chủ nghĩa tư bản nhà nước".

Hợp tác xã được Lênin coi như là một hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước. Tuy nhiên dưới chính quyền xô-viết - Lênin nói - "chủ nghĩa tư bản 'hợp tác xã' khác với chủ nghĩa tư bản tư nhân, nó là một hình thái của chủ nghĩa tư bản nhà nước, và như thế thì hiện nay, nó có lợi và có ích cho chúng ta, dĩ nhiên là có lợi và có ích trong một mức độ nào đó"[1].

Lênnin cũng nói về tư bản thương nghiệp: "Nhà nước lôi cuốn nhà tư bản với tư cách một nhà buôn, trả cho họ một số tiền hoa

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, sđd. t.43, tr.272.

hồng để họ bán sản phẩm của nhà nước và mua sản phẩm của người sản xuất nhỏ"[1].

Ngoài những nội dung trên (với tư cách là làm rõ hơn những vấn đề đã được nêu ra trước đó), trong tác phẩm *Bàn về thuế lương thực*, Lênin tập trung phân tích hai nội dung quan trọng của "Chính sách kinh tế mới" đã được Đại hội X của Đảng Cộng sản (b) Nga thông qua.

- Thế nào là Chính sách kinh tế mới?

Chính sách kinh tế mới (tiếng Nga: *Новая Экономическая Политика*, viết tắt là НЭП (hoặc NEP, tiếng Anh: *New Economic Policy*) là sáng kiến của Lênin được Đảng Cộng sản (b) Nga thông qua tại Đại hội X, tháng 3-1921. NEP bao gồm hai nội dung quan trọng: (1) Thay thế việc *trưng thu lương lực thừa* (продовольственная развёрстка) của nông dân bằng *thuế lương thực* (продовольственный налог) và (2) Thực hiện *chính sách tô nhượng* (концессионная политика) đối với tư bản nước ngoài.

- Về chính sách thuế lương thực

Trong thời gian thực hiện "chủ nghĩa cộng sản thời chiến" (*Военный коммунизм),* Nhà nước Xôviết áp dụng chính sách trưng thu lượng lương thực thừa của nông dân để để phục vụ cho tiền tuyến và toàn xã hội trong điều kiện chiến tranh. Ngoài ra, do điều kiện nội chiến, mất mùa, "tình trạng kinh tế bị tàn phá của đất nước trở nên trầm trọng ghê gớm, đã kìm hãm việc phục hồi các

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.43, tr.274.

lực lượng sản xuất, đã làm cho chính giai cấp vô sản hao tổn sức lực nhiều nhất". Chính tình hình đó đã bắt buộc nhà nước xôviết "phải dùng những biện pháp cấp tốc, cương quyết nhất, cấp thiết nhất để cải thiện đời sống của nông dân và nâng cao lực lượng sản xuất của họ" [1].

Sau khi chiến tranh kết thúc, đầu năm 1921, Nhà nước Xôviết quyết định bãi bỏ việc trưng thu lương thực và thay vào đó bằng chính sách thuế lương thực để bảo đảm lợi ích cho nông dân, khuyến khích nông dân hăng hái sản xuất.

Trong Báo cáo về việc thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực, ngày 15-3-1921 tại Đại hội X Đảng Cộng sản (b) Nga, Lênin nói: "Chính sự trao đổi đó là một sự khuyến khích, kích thích, thúc đẩy đối với nông dân. Người dân cày có thể và phải cố gắng vì lợi ích của chính mình, vì chúng ta sẽ không trưng thu tất cả số lương thực thừa của anh ta mà chỉ thu một số thuế, và phải cố gắng ấn định trước số thuế đó. Điểm chủ yếu là phải đem lại cho người tiểu nông một số khuyến khích, kích thích, một sự thúc đẩy trong hoạt động kinh doanh của anh ta"[2].

Trong *Báo cáo về thuế lương thực* tại Hội nghị các bí thư và các đồng chí phụ trách các chi bộ Đảng cộng sản (b) Nga ở thành phố và tỉnh Mátxcơva ngày 9-4-1921, Lênin giải thích: "trong thuế có một phần của chế độ trưng thu cũ và một phần của chế độ duy nhất

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t.43, tr.262.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.43, tr.85.

đúng đắn, tức là chế độ trao đổi sản phẩm của các nhà máy lớn xã hội chủ nghĩa lấy nông sản, thông qua các cơ quan lương thực của chính quyền nhà nước thuộc giai cấp công nhân và nông dân"[1].

Trong tác phẩm này, Lênin giải thích: "Thuế lương thực là một trong những hình thức quá độ từ 'chế độ cộng sản thời chiến', một chế độ cộng sản đặc biệt do tình trạng cùng khốn cực độ, tình trạng hoang tàn và chiến tranh buộc chúng ta phải thi hành, sang chế độ trao đổi sản phẩm xã hội chủ nghĩa bình thường"[2].

Việc thực hiện chính sách thuế lương thực đã trở thành đòn bẩy kích thích sản xuất nông nghiệp, đưa sản lượng lương thực nước Nga tăng lên 40% sau một năm thực hiện chính sách này. Đến năm 1828, sản lượng lương thực của nước Nga đạt được mức trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tức đã khôi phục lại tình trạng bình thường.

***- Về chính tô nhượng (концессионная* политика)**

Tô nhượng là gì?

Danh từ *концессия* (tiếng nga), *concession* (tiếng Anh) có nghĩa là sự *nhân nhượng, nhượng bộ*. Ở đây, chính sách "tô nhượng" có nghĩa là Nhà nước xôviết chấp nhận *nhượng lại* một phần lợi ích kinh tế của mình cho tư bản nước ngoài để họ đầu tư sản xuất ở nước Nga, với nghĩa "hai bên cùng có lợi".

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.43, tr.177.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.43, tr.264.

Trong Báo cáo kết luận tại Đại hội X Đảng cộng sản (b) Nga, ngày 15-3-1921, Lênin nói về thực chất của chính sách tô nhượng: "Phải hiểu thật rõ bản chất của các tô nhượng. Đó là một sự liên kết, một sự liên minh, một hợp đồng kinh tế với tư bản tài chính tiên tiến ở các nước tiên tiến"[1].

Trong tác phẩm *Bàn về thuế lương thực*, Lênin giải thích rõ thêm: "So với những hình thức khác của chủ nghĩa tư bản nhà nước trong lòng chế độ xôviết, thì chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới hình thức tô nhượng có lẽ là hình thức đơn giản nhất, rành mạch nhất, sáng tỏ nhất, có hình thù rõ rệt nhất. Ở đây chúng ta có một hợp đồng trực tiếp, chính thức viết trên giấy tờ, với chủ nghĩa tư bản Tây Âu, là chủ nghĩa tư bản văn minh nhất, tiên tiến nhất"[2].

Mục đích của chính sách tô nhượng

Như được phân tích trong tác phẩm *Về bệnh ấu trĩ tả khuynh và tính tiểu tư sản*, để thực hiện được bước quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, nước Nga cần phải có một nền kinh tế với những tập đoàn sản xuất công nghiệp lớn (các tơ-rớt, như từ Lênin dùng). Tuy nhiên, giai cấp vô sản sau khi giành chính quyền không có được trình độ tổ chức như vậy. Do đó, Nhà nước xôviết phải nhờ các chuyên gia tư sản nước ngoài. Tư tưởng thuê chuyên gia tư sản nước ngoài để phối hợp với Nhà nước xôviết thành lập các doanh nghiệp sản xuất lớn đến đây được phát triển thành việc kêu gọi tư bản tài chính nước ngoài đầu tư sản xuất ở nước Nga và Nhà nước

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.43, tr.99.
[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.43, tr.270.

xô viết nhượng lại cho họ một phần lợi nhuận để họ được hưởng. Theo chính sách "tô nhượng", Nhà nước xôviết ký hợp đồng sản xuất với tư bản nước ngoài, cho thuê các cơ sở sản xuất, cung cấp nguyên vật liệu. Nhà tư bản tiến hành sản xuất, thu được lợi nhuận sản xuất kể cả "lợi nhuận siêu ngạch" và nộp cho Nhà nước Xôviết một phần sản phẩm.

Lênin nói về lợi ích của chính sách tô nhượng:

"Chính quyền xô-viết tăng cường được nền đại sản xuất đối lập với nền tiểu sản xuất, nền sản xuất tiên tiến đối lập với nền sản xuất lạc hậu, nền sản xuất cơ khí hóa đối lập với nền sản xuất thủ công, nó tăng thêm số sản phẩm mà nó thu được của đại công nghiệp (phần chia cho nó), nó củng cố được những quan hệ kinh tế do nhà nước điều chỉnh đối lập với những quan hệ tiểu tư tư sản vô chính phủ"[1].

Cũng theo Lênin, với chính sách tô nhượng, những doanh nghiệp tuy được các nhà tư bản lớn nước ngoài đầu tư xây dựng ở nước Nga sẽ có trình độ tiên tiến ngang hàng với các doanh nghiệp tiên tiến nhất trên thế giới. Những doanh nghiệp này sau mấy chục năm hoạt động chúng sẽ trở thành doanh nghiệp của nước Nga. Lênin nói: "Chính sách tô nhượng, một khi thắng lợi, sẽ đưa lại cho chúng ta một số ít xí nghiệp lớn kiểu mẫu - kiểu mẫu so với những xí nghiệp của chúng ta ngang trình độ của chủ nghĩa tư bản tiên tiến hiện đại; mấy chục năm nữa, những xí nghiệp ấy sẽ hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của chúng ta"[2].

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.43, tr.270.

[2]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.43, tr.273.

Chính sách thuế lương thực và chính sách khuyến khích kinh tế tư nhân đã đem lại sự tăng trưởng kinh tế cho nước Nga sau chiến tranh. Tuy nhiên, mặt trái của kinh tế thị trường là không thể tránh khỏi. Nó tạo ra tình trạng đầu cơ lương thực và làm xuất hiện một tầng lớp mới - tầng lớp doanh nhân, theo ngôn từ hiện nay. Do đó, NEP đã gây ra sự chống đối của các phần tử tả khuynh, trong đó có Leon Trotsky và Joseph Stalin. Rất tiếc, Lênin qua đời sớm khi những tư tưởng tiến bộ của ông mới chỉ được thực hiện một phần. Năm 1928 là năm cuối cùng thực hiện Chính sách kinh tế mới của Lênin và sau đó nó được Stalin thay thế bằng chính sách tập thể hóa nông nghiệp và kế hoạch hóa tập trung trong công nghiệp và thương nghiệp. Còn tư tưởng của Lênin về chính sách tô nhượng đối với tư bản nước ngoài thì hầu như chưa được thực hiện.

6.3.3. Một số nhận xét về tác phẩm

Lênin là một nhà lý luận và một nhà lãnh đạo có đầu óc phê phán và tinh thần thường xuyên đổi mới. Đặc biệt Lênin đấu tranh chống lại khuynh hướng bảo thủ, tả khuynh trong Đảng Cộng sản (b) Nga. Khi nhiệm vụ giành chính quyền và trấn áp các lực lượng phản cách mạng đã hoàn thành và bước vào giai đoạn mới của cách mạng, Lênin đã có những tư tưởng đổi mới từ cuối năm 1918. Sau này, trong tác phẩm "Bàn về chế độ hợp tác xã", Lênin nói, "chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản"[1]. Và Lênin giải thích lý do

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.45, tr.428.

của sự thay đổi căn bản đó:

"Sự thay đổi căn bản đó là ở chỗ: trước đây chúng ta đã đặt và không thể không đặt trọng tâm công tác của chúng ta và đấu tranh chính trị, vào cách mạng, vào việc giành lấy chính quyền, v.v.. Ngày nay, trọng tâm ấy đã chuyển sang công tác hòa bình tổ chức "văn hoá". Tôi dám quả quyết rằng trọng tâm của chúng ta đã chuyển sang hoạt động giáo dục"[1].

Với tác phẩm "Bàn về thuế lương thực", Lênin tiếp tục khẳng định vai trò của chủ nghĩa tư bản nhà nước, về sự kết hợp hài hòa giữa lợi cá nhân và lợi ích xã hội, giữa lợi ích của nhà tư bản với lợi ích của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Lênin rất đúng khi cho rằng để đi lên chủ nghĩa xã hội, nước Nga cần phải có những doanh nghiệp công nghiệp lớn mà những người cộng sản với trình độ và kinh nghiệm của họ thì không thể tự mình xây dựng được, cho nên cần phải có chính sách khuyến khích đầu tư tư bản nước ngoài thông qua việc thực hiện chính sách tô nhượng với hai bên cùng có lợi nhằm khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư xây dựng những doanh nghiệp lớn, tiên tiến ở nước Nga.

Rất tiếc vì Lênin qua đời sớm nên những tư tương tiến bộ của ông mới chi được thực hiện một phần rất nhỏ. Nếu như Lênin còn tiếp tục lãnh đạo nước Nga vài chục năm nữa thì chủ nghĩa xã hội nước Nga và trên thế giới có thể sẽ có một bộ mặt khác và tránh được mô hình kế hoạch hóa tập trung của Stalin sau này với việc thủ tiêu toàn bộ kinh tế thị trường và kinh tế tư nhân đã dẫn đến

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.45, tr.428.

tình trạng khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở cuối thập kỷ 80 đầu 90 của thế kỷ XX.

KẾT LUẬN

Tư tưởng triết học của Mác, Ăngghen là sự kế thừa và phát triển lên một *đỉnh cao mới* toàn bộ tư tưởng triết học của nhân loại. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, phép biện chứng, lý luận về nhận thức, lý luận về chính trị - xã hội, về con người của các ông chứa đựng những đóng góp to lớn có tính *bước ngoặt cách mạng* trong sự phát triển tư tưởng triết học của nhân loại. Tư tưởng triết học của các ông thể hiện tính nhất quán và có quá trình phát triển từ thấp lên cao từ thời Mác trẻ đến giai đoạn Mác trưởng thành và được Lênin phát triển trong điều kiện lịch sử mới và vận dụng vào điều kiện cụ thể của nước Nga, đưa học thuyết của Mác từ lý luận trở thành hiện thực.

Lý luận triết học Mác - Lênin là một trong những hệ thống triết học *lớn nhất* trong lịch sử. Nó ra đời và phát triển trên cơ sở kế thừa có chọn lọc và đấu tranh khắc phục những sai lầm, thiếu sót của các hệ thống khác. Do đó, để nghiên cứu, vận dụng lý luận triết học Mác - Lênin một cách có hiệu quả chúng ta cần phải đặt nó trong mối quan hệ với các hệ thống triết học khác, một mặt để xác định đúng vị trí của những tư tưởng triết học Mác - Lênin trong toàn bộ tri thức triết học của nhân loại; mặt khác để khỏi rơi vào tình trạng phiến diện, một chiều khi vận dụng một tư tưởng nào đó

của triết học Mác - Lênin.

Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử là một *thành tựu triết học vĩ đại*; đó là điều không thể chối cãi được. Tuy nhiên, lý luận của Mác, Ăngghen, Lênin về chủ nghĩa xã hội đang là đối tượng của sự phê phán, chống đối từ nhiều phía. Sau khi mô hình kế hoạch hóa tập trung của chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng rồi sụp đổ ở Liên Xô và các nước Đông Âu, cùng với tiến trình đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, nhiều nhà lý luận chống chủ nghĩa Mác đã lớn tiếng phủ định giá trị của học thuyết này. Nhưng họ không thấy rằng việc thay đổi mô hình và con đường thực hiện để làm cho lý luận chủ nghĩa xã hội được hoàn thiện hơn, thành quả của chủ nghĩa xã hội càng thu được nhiều hơn hoàn toàn không phải là biểu hiện sự lỗi thời của một hệ thống lý luận. Những thành tựu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam, Trung Quốc đã chứng tỏ điều đó. Nước Nga và nhiều nước cộng hòa ở Liên Xô cũ sở dĩ đứng vững được trước tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu chắc chắn không phải vì họ hoàn toàn đi theo con đường tư bản chủ nghĩa; các đảng *tự do* hay đảng *bảo thủ* (đại biểu cho hai khuynh hướng chính trị lớn đối lập với chủ nghĩa Mác - Lênin) ở các nước khác trên thế giới cũng lấy *lợi ích cộng đồng* làm mục tiêu tranh cử và phát triển xã hội của mình, điều đó chứng tỏ sức sống mãnh liệt của *chủ nghĩa xã hội* và *chủ nghĩa cộng đồng* mà Mác là người đại diện xuất sắc nhất.

Mọi tư tưởng, lý luận, học thuyết đều có *tính tương đối* và phạm vi áp dụng của nó. Trong điều kiện thế giới ngày nay, tư

tưởng triết học của Mác, Ăngghen và Lênin, nhất là những quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội cần phải được nhận thức lại, phát triển và vận dụng sáng tạo để tránh rơi vào chủ nghĩa giáo điều, máy móc, như Lênin đã từng căn dặn: "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống"[1].

Việc thừa nhận *sự thay đổi căn bản* "toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội" cùng với việc đề ra và thực hiện *chính sách kinh tế mới* của Lênin chứng tỏ Người không hề xem chủ nghĩa Mác như là một chân lý tuyệt đối, bất khả xâm phạm.

Hồ Chí Minh cũng nhiều lần nhắc nhở các đảng cộng sản ở các nước phải biết vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Người nhấn mạnh rằng: "Lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động. Những người cộng sản ở các nước phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc từng nơi"[2].

Thành công của Cách mạng tháng Tám và hai cuộc kháng

---

[1]. V.I. Lênin: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.232.
[2]. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.496.

chiến giành độc lập dân tộc là bằng chứng rực rỡ của sự am hiểu và vận dụng sáng tạo triết học Mác-Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta trong việc giải quyết các mối quan hệ phức tạp, như quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, giữa dân tộc và quốc tế, giữa dân chủ và chuyên chính, giữa sự lãnh đạo của Đảng và sự tham gia rộng rãi, bình đẳng của mọi tầng lớp nhân dân vào sự nghiệp cách mạng của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I- CÁC SÁCH KINH ĐIỂN

- Tiếng Việt:

1. Mác và Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994-2004. Các tập được xuất bản và tái bản nhiều lần trong những năm khác nhau này có nội dung và định dạng không thay đổi.
2. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva 1978-1982, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005-2006. Nội dung và định dạng của các tập ở các lần xuất bản này cũng không thay đổi.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, xuất bản năm 2000 (gồm 12 tập) và năm 2011 (gồm 15 tập).

Ngoài các sách in, bạn đọc còn có thể truy cập một số "ebook" (file pdf) được chế bản từ *Toàn tập Mác-Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh* được công bố trên trang web *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* và nhiều trang web khác. Lưu ý: nhiều ebook có hiện tượng lệch trang so với sách in nên cần phải đối chiếu lại. Riêng Toàn tập Hồ Chí Minh xuất bản năm 2000 đã được chế bản thành một CD rất tiện cho việc tra cứu.

- Tiếng Đức

1. Karl Marx: *Zur Kritik der Hegelschen Rechtsphilosophie,* http://www.mlwerke.de/me/me01/me01_203.htm.
2. Karl Marx: *Zur Kritik der Hegelschen Rechtsphilosophie. Einleitung*, http://www.mlwerke.de/me/me01/me01_378.htm

3. Karl Marx: *Ökonomisch-philosophische Manuskripte aus dem Jahre 1844,* http://www.mlwerke.de/me/me40/me40_465.htm
4. Karl Marx: *Thesen über Feuerbach,* http://www.mlwerke.de/me/me03/me03_005.htm.
5. Karl Marx/Friedrich Engels: *Die heilige Familie oder Kritik der kritischen Kritik Gegen Bruno Bauer & Consorten,* http://www.mlwerke.de/me/me02/me02_003.htm.
6. Karl Marx/Friedrich Engels: *Die deutsche Ideologie. Kritik der neuesten deutschen Philosophie in ihren Repräsentanten Feuerbach, B. Bauer und Stirner, und des deutschen Sozialismus in seinen verschiedenen Propheten,* http://www.mlwerke.de/me/me03/me03_009.htm.
7. Karl Marx/Friedrich Engels: *Manifest der kommunistischen Partei,* http://www.mlwerke.de/me/me04/me04_459.htm.
8. Karl Marx: *Einleitung (zur Kritik der politischen Ökonomie)* http://www.mlwerke.de/me/me13/me13_615.htm.
9. Karl Marx: *Zur Kritik der Politischen Ökonomie,* http://www. mlwerke.de/me/me13/me13_003.htm.
10. Karl Marx: *Das Kapita Kritik der politischen Ökonomie,* http:// www.zeno.org/Philosophie/M/Engels,+Friedrich
11. Karl Marx: *Das Kapital*, Band 1, http://www.mlwerke.de/me/me23/me23_000.htm.
12. Karl Marx: *Das Kapital*, Band 2, http://www.mlwerke.de/me/me24/me24_000.htm.
13. Karl Marx: *Das Kapital*, Band 3, http://www.mlwerke.de/me/me25/me25_000.htm.
14. Friedrich Engels: *Anti-Dühring (Herrn Eugen Dührings Umwälzung der Wissenschaft),*

http://www.mlwerke.de/me/me20/me20_001.htm.

15. Friedrich Engels: *Die Entwicklung des Sozialismus von der Utopie zur Wissenschaft,* http://www.mlwerke.de/me/me19/me19_177.htm.
16. Friedrich Engels: *Dialektik der Natur*, http://www.mlwerke.de/me/me20/me20_305.htm
17. Friedrich Engels: *Ludwig Feuerbach und der Ausgang der klassischen deutschen Philosophie*, http://www.mlwerke.de/me/me21/me21_259.htm.
18. Friedrich Engels: *Der Ursprung der Familie, des Privateigenthums und des Staats,* http://www.mlwerke.de/me/me21/me21_025.htm.

- Tiếng Anh

Toàn tập Marx và Engels (*Marx/Engels Collected Works*, viết tắt *MECW*) do Nxb Tiến bộ (Progress Publishers, Moscow) phối hợp với Nxb Lawrence & Wishart (London) và Nxb International Publishers (New York) xuất bản bằng tiếng Anh thành 50 tập. Công trình bắt đầu từ năm 1975 và hoàn thành năm 2005. Đây là bộ sưu tập đầy đủ nhất về Mác và Ăngghen từ trước đến nay. Toàn tập này đã được Lawrence & Wishart (London) chế bản thành các ebook năm 2010 và hiện đang được công bố trên mạng internet.

Ngoài ra bạn đọc có thể đọc và truy cập các tác phẩm riêng lẻ của Mác, Ăngghen trên mạng internet (với trình duyệt Google, gõ tên tác phẩm):

1. K. Marx: *Reflections of a Young Man on The Choice of a Profession.*
2. K. Marx: *The Difference Between the Democritean and Epicurean Philosophy of Nature.*
3. K. Marx: *A Contribution to the Critique of Hegel's Philosophy of Right.*

4. K. Marx: *Economic & Philosophic Manuscripts of 1844.*
5. F. Engels: *The Condition of the Working Class in England.*
6. K. Marx: *Theses on Feuerbach.*
7. K. Marx and F. Engels: *The Holy Family or Critique of Critical Criticism. Against Bruno Bauer and Company.*
8. K. Marx and F. Engels: *The German Ideology. Critique of Modern German Philosophy According to its representatives Feuerbach, B, Bauer and Stirner, and German Socialism According to its Various Prophets.*
9. K. Marx*: The Poverty of Philosophy. Answer to the Philosophy of Poverty by M.Proudhon.*
10. K. Marx and F. Engels: *Manifesto of the Communist Party.*
11. K. Marx: *A Contribution to the Critique of Political Economy.*
12. K. Marx: *Capital, Book I.*
13. K. Marx and F. Engels: *Critique of the Gotha Programme.*
14. F. Engels: *Socialism: Utopian and Scientific.*
15. Karl Marx: *Funerals (F. Engels' Speech at the Graveside of K. Marx).*
16. F. Engels: *Anti-Dühring.*
17. F. Engels: *Dialectics of Nature.*
18. F. Engel: *The Origin of the Family, Private Property and the State.*
19. F. Engels*: Ludwig Feuerbach and the End of Classical German Philosophy.*

- Tiếng Nga

Các tác phẩm sau đây in trong *Toàn tập Lênin* tiếng Nga (Полное собрание сочинений, viết tắt: ПСС), Nxb Chính trị quốc gia Matxcơva (Политиздат, Москва) xuất bản lần thứ 5 trong những thập kỷ 1960-

1970 đang được công bố ở địa chỉ:

- http://lenin-ulijanov.narod.ru/sobran_0.html
- https://www.marxists.org/archive/marx/works/index.htm

1. *Что такое "друзья народа" и как они воюют против социал-демократов*, Ленин В.И., ПСС, т. 1, с. 125-346.
2. *Развитие капитализма в России*, Ленин В.И., ПСС, т. 13.
3. *Что делать? Наболевшие вопросы нашего движения*, Ленин В.И., ПСС, т. 6, с. 01-183.
4. *Социализм и религия*, Ленин В.И., ПСС, т. 12, с. 142-147.
5. *Материализм и эмпириокритицизм*, В. И. Ленин, ПСС, т.18.
6. *Три источника и три составных части марксизма*, В. И. Ленин, ПСС, т. 23, с. 40-48
7. *Карл Маркс*, В. И. Ленин, ПСС, т. 26, с. 43-93.
8. *Социализма и война*, В. И. Ленин, ПСС, т. 26, с. 307-350.
9. *Империализм, как высшая стадия капитализма (популяр-ный очерк)*, Ленин В.И., ПСС, т. 27, с. 299-426.
10. *Философские тетради*, Ленин В.И., ПСС, т. 29.
11. *Государство и революция. Учение марксизма о государстве и задачи пролетариата в революции*, Ленин В.И., ПСС, т. 33.
12. Очередные задачи Советской власти, Ленин В.И., ПСС, т. 36, с. 165-208.
13. *О "левом" ребячестве и мелкобуржуазности*, Ленин В.И., ПСС, т. 36, с. 283-314.
14. *Пролетарская революция и ренегат Каутский*, Ленин В.И., ПСС, т. 37, с. 235-338.
15. *Великий почин* (О героизме рабочих *в* тылу. *По* поводу 'коммунистических субботников'*)*, Ленин В.И., ПСС, т. 39, с. 01-29.

16. *Экономика и политика в эпоху диктатуры пролета-риата*, Ленин В.И., ПСС, т. 39, с. 271-282.
17. *Детская болезнь «левизны» в коммунизме*, Ленин В.И., ПСС, т. 41, с. 01-104.
18. *Тезисы ко II конгрессу Коммунистического Интер-национала*, Ленин В.И., ПСС, т. 41, с. 159-201.
19. *Задачи сою зов молодёжи (Речь на III Всероссийском съезде Российского Коммунистического Союза Моло-дежи 2 октября 1920 г.)*, Ленин В.И., ПСС, т. 41, с. 298-318.
20. *О продовольственном налоге. (Значение новой поли-тики и ее условия)*, Ленин В.И., ПСС, т. 43, с. 203-245.

II- CÁC SÁCH NGHIÊN CỨU THAM KHẢO

- Tiếng Việt

1. Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Viện Triết học: *Lịch sử phép biện chứng* (gồm 6 tập), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập IV và V.
2. *Từ điển bách khoa toàn thư Việt Nam* (gồm 4 tập), Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 1996 – 2005.
3. Nguyễn Duy Quý (Chủ biên): *150 năm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
4. Nguyễn Trọng Chuẩn, PTS. Đặng Hữu Toàn (Đồng chủ biên): *Sức sống của một tác phẩm triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
5. Doãn Chính, Đinh Ngọc Thạch (Chủ biên): *Vấn đề triết học trong tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
6. Nguyễn Bằng Tường: *Giới thiệu tác phẩm Bút ký triết học của*

Lênin, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

7. Nguyễn Bằng Tường: *Giới thiệu tác phẩm Chống Đuyrinh của Ăngghen*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
8. Nguyễn Bằng Tường: *Giới thiệu tác phẩm Biện chứng của tự nhiên của Ăngghen*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
9. Nguyễn Xuân Phong (Chủ biên): *Giới thiệu một số tác phẩm của Mác, Ăngghen và Lênin về chính trị*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
10. G.W.F. Hegel, *Bách khoa thư các khoa học triết học I: Khoa học lôgíc* (Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải), Nxb Tri thức, 2008.
11. G.W.F. Hegel, *Hiện tượng học tinh thần* (Bùi Văn Nam Sơn dịch), Nxb Tri thức, 2008.

- Tiếng nước ngoài

1. Shlomo Avineri, *The Social and Political Thought of Karl Marx*, Cambridge University Press, 1970.
2. Richard Schmitt, *Intruduction to Marx and Engels: A Critical Reconstruction,* Westview Press, Baulden and London, 1987.
3. T.Z. Lavine: *From Socrates to Sartre: A Philosophic Quest*, Bantam Books, New York, 1989.
4. Jacques Derrida: *Spectres de Marx*, Galilée, Paris, 1993 (Bản dịch tiếng Việt: *Những bóng ma của Mác*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
5. Richard Norman and Sean Sayers: *Hegel, Marx and Dialectic: A Debate*, Gregg Revivals, Hampshire, England, 1994.
6. Douglas J. Soccio: *Archetypes of Wisdom: An Introduction to Philosophy*, Wadsworth Publishing, USA, 2006-2013.
7. Jean-Francois Lyotard, *The Postmodern Condition: A Report on Knowledge" (Lời tựa của* Fredric Jameson) Fredric Jameson,

University of Minnesota Press, USA, 1984.

8. *Диалектическое противоречие*, Политиздат, Москва, 1979.
9. *Большая советская энциклопедия*, http://bse.sci-lib.com.
10. Л.Ф. Ильичев, П.Н. Федосеев, С.М. Ковалев, В.Г. Панов, *Философский энциклопедический словарь*, Москва, 1983.
11. *Новая Философская Энциклопедия*, Москва, Институт философии Российской академии наук, Мысль, 2000.

GIÁO TRÌNH CÁC TÁC PHẨM KINH ĐIỂN TRIẾT HỌC CỦA C. MÁC, PH. ĂNGGHEN VÀ V.I. LÊNIN

PGS. TS. NGUYỄN TẤN HÙNG – NGƯT. PGS. TS. LÊ HỮU ÁI

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Lô 103 - Đường 30 Tháng 4 - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 Fax: 0236 3797875
www.nxbdanang.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: TRƯƠNG CÔNG BÁO
Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập: NGUYỄN KIM HUY

Biên tập: Nguyễn Đức Thảo Vy
Trình bày:
Bìa: Lê Anh Tuấn
Sửa bản in: Lê Anh Tuấn

Liên kết xuất bản: NGƯT. PGS. TS. LÊ HỮU ÁI
ĐC: 71 Ngũ Hành Sơn, Bắc Mỹ An, Ngũ Hành Sơn, ĐN

In 600 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty TNHH MTV In Siêu Tốc
Địa chỉ: 82, Lê Duẩn, quận Hải Châu, Đà Nẵng
Số ĐKXB số: 372-2019/CXBIPH/02-11/ĐaN
Số QĐXB số: 107/QĐ-NXBĐaN do Nhà xuất bản Đà Nẵng
cấp ngày: 31 tháng 01 năm 2019
Mã ISBN: 978-604-84-3852-4
In xong nộp lưu chiểu quý: Quý I/2019